EXIMBANK

2024 | BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



ĐỔI MỚI HÔM NAY DẪN ĐẦU NGÀY MAI

CÁC THUẬT NGỮ VIẾT TẮT

STT	THUẬT NGỮ	ĐỊNH NGHĨA
01	APE (Annual Premium Equivalent)	Chi phí Bảo hiểm nhân thọ tính theo năm
02	BCTC	Báo cáo tài chính
03	BCTN	Báo cáo thường niên
04	BĐH	Ban điều hành
05	BKS	Ban kiểm soát
06	CAR	Tỷ lệ an toàn vốn
07	CBNV	Cán bộ nhân viên
08	CBQL	Cán bộ quản lý
09	CBTT	Công bố thông tin
10	CNTT	Công nghệ thông tin
11	CMCN	Cách mạng công nghệ
12	CPPT	Cổ phần phổ thông
13	CPƯĐ	Cổ phần ưu đãi
14	CSKH	Chăm sóc khách hàng
15	CSPT	Chính sách phát triển
16	DPRR	Dự phòng rủi ro
17	DWH-MIS	Hệ thống báo cáo thông tin quản lý
18	ĐH	Đại học
19	ĐHĐCĐ	Đại hội đồng Cổ đông
20	ĐKKD	Đăng ký kinh doanh
21	ĐVT	Đơn vị tính
22	EBIT	Thu nhập trước Lãi vay và Thuế
23	EBITDA	Thu nhập trước Lãi vay, Thuế và Khấu hao
24	EIB	Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam
25	EPS	Tỷ suất thu nhập trên cổ phần
26	ESG	Môi trường, Xã hội và Quản trị Công ty
27	ESOP	Phát hành cổ phần theo chương trình lựa chọn cho người lao động
28	Eximbank	Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất Nhập khẩu Việt Nam
29	FDI (Foreign Direct Investment)	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
30	GDCK	Giao dịch chứng khoán
31	GRI	Tổ chức Sáng kiến Báo cáo toàn cầu
32	JCB (Japan Credit Bureau)	Loại thẻ thanh toán quốc tế có nguồn gốc Nhật Bản, được liên kết với các ngân hàng trên thế giới
33	KYC/eKYC	Định danh khách hàng
34	HĐQT	Hội đồng Quản trị
35	HĐV	Huy động vốn
36	HOSE/HSX	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
37	KHCN	Khách hàng cá nhân
38	KHDN	Khách hàng doanh nghiệp
39	KSNB	Kiểm soát nội bộ
40	KTNB	Kiểm toán nội bộ
41	KQKD	Kết quả kinh doanh
42	LNTT	Lợi nhuận trước thuế
43	LSCV	Lãi suất cho vay
44	LOS-BPM	Hệ thống quản lý khoản vay và số hóa quy trình
45	M&A	Mua bán và sáp nhập
46	MTTQVN	Mặt trận Tổ quốc Việt Nam
47	MT-XH	Môi trường - Xã hội
48	MXH	Mạng xã hội
49	NCC	Nhà cung cấp
50	NĐT	Nhà đầu tư
51	NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
52	NHTM	Ngân hàng thương mại
53	PTBV	Phát triển bền vững
54	QLRR	Quản lý rủi ro
55	QTGĐ	Quyền Tổng Giám đốc
56	ROA	Khả năng sinh lời trên Tổng tài sản
57	ROE	Khả năng sinh lời trên Vốn chủ sở hữu
58	RRHĐ	Rủi ro hoạt động
59	RRTD	Rủi ro tín dụng
60	SME	Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ
61	SPDV	Sản phẩm, dịch vụ
62	SGDCK	Sở giao dịch chứng khoán
63	SWIFT	Tổ chức Viễn thông Tài chính liên Ngân hàng Toàn cầu
64	TCKT	Tổ chức kinh tế
65	TCTD	Tổ chức tín dụng
66	TGĐ	Tổng Giám đốc
67	TKTT	Tài khoản thanh toán
68	TMCP	Thương mại cổ phần
69	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
70	TP	Thành phố
71	TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
72	TPDN	Trái phiếu doanh nghiệp
73	TSBĐ	Tài sản bảo đảm
74	TSC	Tài sản có
75	TSN	Tài sản nợ
76	TTCK	Thị trường chứng khoán
77	TTS	Thực tập sinh
78	UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
79	UBKT	Uỷ ban Kiểm toán
80	UBND	Ủy ban nhân dân
81	USD	Đô la Mỹ
82	VAT	Thuế giá trị gia tăng
83	VCSH	Vốn chủ sở hữu
84	VĐL	Vốn điều lệ
85	VHDN	Văn hóa doanh nghiệp
86	VND	Việt Nam đồng

MỤC LỤC

THÔNG ĐIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC 004

01. TỔNG QUAN VỀ EXIMBANK 006

- Giới thiệu về Eximbank
- Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý kinh doanh
- Lịch sử hình thành và phát triển
- Các giải thưởng đạt được trong năm 2024
- Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- Nhân sự chủ chốt
- Lĩnh vực kinh doanh và địa bàn hoạt động
- Những con số ấn tượng chặng đường 5 năm
- Định hướng phát triển
- Quản trị rủi ro

02. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 034

- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Đầu tư dự án
- Công ty con, công ty liên kết
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

03. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH 054

- Kết quả công tác điều hành năm 2024
- Công tác hoạt động
- Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025

04. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY 070

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng chính của Hội đồng quản trị trong năm 2025

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hoạt động của HĐQT năm 2024
- Hoạt động của BKS năm 2024
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

05. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 085

- Thông điệp của BLĐ về phát riển bền vững
- Chiến lược phát triển bền vững
- Hoạt động hướng đến môi trường xã hội
- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường trách nhiệm với môi trường
- Báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh

06. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 099

- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- Báo cáo Kiểm toán độc lập
- Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Bản thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất

PHỤ LỤC 164



NGUYỄN HOÀNG HẢI
Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

THÔNG ĐIỆP CỦA Q. TỔNG GIÁM ĐỐC

KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG, ĐỐI TÁC VÀ KHÁCH HÀNG

Năm 2024 đánh dấu hành trình 35 năm hình thành và phát triển của Eximbank. Đây là cột mốc ý nghĩa để chúng tôi nhìn lại chặng đường đã qua với niềm tự hào và quan trọng hơn là hướng đến tương lai với tâm thế sẵn sàng **đổi mới**, **thích ứng** và **bứt phá**.

Kinh tế toàn cầu vẫn còn nhiều biến động, đặc biệt là lạm phát kéo dài, xung đột địa chính trị và sự bất định trong chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn. Trong nước, thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp vẫn ghi nhận những rủi ro mang tính nhất thời xuất phát từ chu kỳ điều chỉnh và quá trình hoàn thiện khung pháp lý, giá vàng tăng mạnh ảnh hưởng đến tâm lý người tiêu dùng. Các yếu tố này tạo sức ép lớn lên dòng vốn, thanh khoản và niềm tin thị trường.

Trước bối cảnh đó, Eximbank đã chủ động đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi: tinh gọn bộ máy vận hành, nâng cao chất lượng tín dụng, tái cơ cấu danh mục tài sản, củng cố nền tảng công nghệ và tăng cường trải nghiệm khách hàng trong hệ sinh thái số. Nhờ đó, ngân hàng đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu trọng yếu của kế hoạch năm 2024. Cụ thể: tổng tài sản tăng 19%; huy động vốn tăng 12,6%; dư nợ tín dụng tăng 19,7% – mức tăng cao nhất trong 5 năm gần đây; CASA bình quân tăng 24,8% so với năm 2023. **Lợi nhuận trước thuế đạt 4.188 tỷ đồng, tăng 54% so với năm 2023, đây cũng là mức lợi nhuận kỷ lục trong 35 năm phát triển của ngân hàng**. Các chỉ số an toàn hoạt động tiếp tục được kiểm soát chặt chẽ trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước. Uy tín và thương hiệu của Eximbank ngày càng được củng cố trên thị trường trong và ngoài nước.

Bước sang năm 2025, Eximbank xác định **"tập trung củng cố nền tảng, thúc đẩy chuyển đổi toàn diện, tạo đà tăng trưởng bền vững"** là kim chỉ nam và động lực cho mọi hoạt động, trên tinh thần đó, ngân hàng sẽ tập trung vào các nhiệm vụ trọng tâm:

- **1. Phát triển nền tảng khách hàng**, định vị theo phân khúc mục tiêu, nâng cao hiệu quả và gia tăng năng lực cạnh tranh.
- **2. Đẩy nhanh chuyển đổi số toàn diện**, ứng dụng công nghệ lõi, hoàn thiện hệ sinh thái số, nâng cao trải nghiệm khách hàng và hiệu suất hoạt động.
- **3. Tái cấu trúc tài chính và danh mục tài sản**, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, phát huy mô hình xử lý nợ tập trung.
- **4. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn**, cải thiện các chỉ số sinh lời, tăng cường năng lực tài chính và khả năng ứng phó rủi ro.
- **5. Cấu trúc lại nguồn lực và phát triển văn hóa tổ chức**, phát triển đội ngũ nhân sự có tư duy đổi mới, tinh thần học hỏi nhanh, sẵn sàng đồng hành cùng chiến lược phát triển của ngân hàng.
- **6. Đẩy mạnh công tác marketing và truyền thông**, định vị thương hiệu khác biệt, truyền thông có chiều sâu, khơi dậy nội lực và niềm tự hào thương hiệu, nâng cao nhận diện trên thị trường trong và ngoài nước, góp phần đưa Eximbank trở lại nhóm ngân hàng dẫn đầu.

Với sự cẩn trọng trong hành động, nhanh mà không vội, cùng sự tinh tế, thấu hiểu trong phục vụ và khát vọng vươn lên trong chiến lược, chúng tôi tin rằng Eximbank sẽ tiếp tục khẳng định vị thế là một ngân hàng minh bạch, chuyên nghiệp, an toàn và hiệu quả.

Người Eximbank nhận thức hành trình phát triển bền vững là một quá trình liên tục và đòi hỏi sự nỗ lực không ngừng nghỉ. Trên cơ sở kiên định với nền tảng là sự chính trực, tận tụy và sự tử tế, cùng phương châm hành động "Tận tâm, tận lực, tận cùng", chúng tôi cam kết tăng cường năng suất hoạt động, tối ưu hóa hiệu quả quản trị và không ngừng đổi mới để mang lại giá trị vượt trội cho khách hàng. Đồng thời, chúng tôi mong muốn sự hợp tác, hỗ trợ, đồng hành cùng Quý cổ đông, đối tác, khách hàng và cộng đồng để cùng kiến tạo tương lai thịnh vượng, bền vững.

Một lần nữa, chúng tôi xin gửi lời tri ân sâu sắc đến Quý cổ đông, đối tác, khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên – những người đã luôn tin tưởng, đồng hành và góp phần tạo nên hành trình phát triển bền vững của Eximbank.

Chúng tôi cũng đặc biệt cảm ơn gia đình của các cán bộ nhân viên – những hậu phương thầm lặng đã luôn chia sẻ, cảm thông và tiếp thêm nguồn động lực quý giá cho Anh Chị Em chúng tôi, để mỗi bước tiến của Eximbank hôm nay đều mang dấu ấn của sự đồng lòng và gắn kết.

Kính chúc Quý vị sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN HOÀNG HẢI

01.

TỔNG QUAN VỀ EXIMBANK

- Giới thiệu về Eximbank
- Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý kinh doanh
- Lịch sử hình thành và phát triển
- Các giải thưởng đạt được trong năm 2024
- Mô hình quản trị và cơ cấu tổ chức
- Nhân sự chủ chốt
- Lĩnh vực kinh doanh và địa bàn hoạt động
- Những con số ấn tượng chặng đường 5 năm
- Định hướng phát triển
- Quản trị Rủi ro



EXIMBANK 30 BỨT PHÁ KHÔNG GIỚI HẠN

GIỚI THIỆU:

Tên Đăng ký Tiếng Việt	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam
Tên Đăng ký Tiếng Anh	Vietnam Export Import Commercial Joint stock Bank (Vietnam Eximbank)
Địa chỉ trụ sở chính	Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11 + 16, Tòa nhà VINCOM CENTER Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại	(84-28) 38.210.056
Fax	(84-28) 38.216.913
Website	http://www.eximbank.com.vn
Giấy Phép hoạt động	Số 0011
Ngày cấp	06/04/1992
Đơn vị cấp	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
Sàn giao dịch chứng khoán	Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh
Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank)
Mã cổ phiếu	EIB
Vốn điều lệ	**18.688.106.070.000** đồng
Tổ chức xếp hạng tín nhiệm	S&P Global Ratings



Eximbank tận dụng các cơ hội thị trường để duy trì tốc độ tăng trưởng bền vững, củng cố và mở rộng nền tảng khách hàng, nâng tầm vị thế và xây dựng Eximbank trở thành ngân hàng thương mại cổ phần hiện đại, là nơi các cổ đông, nhà đầu tư, khách hàng và các đối tác luôn yên tâm về hiệu quả đầu tư và an toàn vốn, là ngân hàng cung cấp đa dạng các sản phẩm, dịch vụ tài chính ngân hàng chất lượng cao, là một thương hiệu có uy tín trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và có nhiều đóng góp cho cộng đồng, cho xã hội.

EXIMBANK

TẦM NHÌN

Trở thành Ngân hàng thương mại cổ phần chất lượng hàng đầu tại Việt Nam dẫn dắt bởi tính chuyên nghiệp và liêm chính.

SỨ MỆNH

Trở thành điểm đến đáng tin cậy, đáp ứng kỳ vọng khách hàng bằng việc cung cấp các dịch vụ và giải pháp tài chính toàn diện, vượt trội với mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm.

Tạo dựng môi trường làm việc lý tưởng mà ở đó các nhân viên đều được tôn trọng, phát huy hết khả năng bằng việc khuyến khích và khen thưởng cho những nhân viên có năng lực và nhiệt huyết.

Tối ưu hóa giá trị cho các bên liên quan bao gồm khách hàng, cổ đông, nhân viên và cộng đồng thông qua sự tăng trưởng ổn định trong hoạt động kinh doanh.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

KHÁCH HÀNG TRÊN HẾT VÀ DỊCH VỤ TIN CẬY
Tại Eximbank, chúng tôi luôn đặt những nhu cầu dù nhỏ nhất của khách hàng là mục tiêu phát triển các sản phẩm, dịch vụ an toàn, hiệu quả đáng tin cậy. Những sản phẩm, dịch vụ của Eximbank đều hướng tới sự phát triển bền vững trong mối tương quan với khách hàng.

ĐẠO ĐỨC KINH DOANH VÀ MINH BẠCH
Xuất phát từ TÂM – toàn bộ nhân sự tại Eximbank đặt cao những giá trị đạo đức cơ bản, bảo vệ quyền lợi cho khách hàng, hướng đến sự minh bạch trong các hoạt động kinh doanh và tối đa hóa giá trị mang lại cho khách hàng.

SÁNG TẠO VÀ CẢI TIẾN
Đem lại giá trị dài hạn bằng các chiến lược kinh doanh sáng tạo, mang tính cải tiến đi liền với sự phát triển của thời đại.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

NGÀY THÀNH LẬP

Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam là một trong những ngân hàng thương mại cổ phần đầu tiên được thành lập tại Việt Nam vào ngày 24/05/1989 theo Quyết định số 140/CT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng với tên gọi ban đầu là Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Ngân hàng Xuất Nhập Khẩu Việt Nam chính thức đi vào hoạt động từ ngày 17/01/1990 và nhận được Giấy phép hoạt động số 11/NH-GP ký ngày 06/04/1992 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với số vốn điều lệ đăng ký là 50 tỷ đồng (tương đương 12,5 triệu đô la Mỹ tại thời điểm thành lập ngân hàng) đồng thời có tên mới là Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (gọi tắt là "Eximbank").

1991 – 1995 KHỞI ĐẦU

Năm 1991: Được Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính tín nhiệm giao thực hiện một phần chương trình tài trợ không hoàn lại của Thụy Điển dành cho các doanh nghiệp Việt Nam có nhu cầu nhập khẩu hàng hóa từ Thụy Điển.

Năm 1993: Tham gia hệ thống thanh toán điện tử của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tham gia tổ chức Swift (Tổ Chức Viễn Thông Tài Chính Liên Ngân Hàng Toàn Cầu).

Được chọn là 1 trong 6 ngân hàng Việt Nam tham gia Dự án hiện đại hóa ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổ chức với sự tài trợ của Ngân hàng thế giới – World Bank.

1997 – 2003

Năm 1997: Trở thành thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế Mastercard.

Năm 1998: Trở thành thành viên chính thức của tổ chức thẻ quốc tế Visa.

Năm 2003: Triển khai hệ thống thanh toán nội hàng trực tuyến toàn hệ thống

Năm 2005: Là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành thẻ ghi nợ quốc tế Visa Debit

2007 CHUYỂN MÌNH TĂNG TỐC 2008 - 2011

Ký kết hợp tác chiến lược với 17 đối tác trong nước và các đối tác đầu tư nước ngoài, đặc biệt là ký kết thỏa thuận hợp tác chiến lược với ngân hàng Sumitomo Mitsui Banking Corporation (SMBC) của Nhật Bản.

Sumitomo Corporation

Năm 2008: Tăng vốn điều lệ lên 7.220 tỷ đồng.

Năm 2009: Tăng vốn điều lệ lên 8.800 tỷ đồng, chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh.

Năm 2010: Tăng vốn điều lệ lên 10.560 tỷ đồng.

Năm 2011: Tăng vốn điều lệ lên 12.355 tỷ đồng;

2012 – 2015 BỀN VỮNG PHÁT TRIỂN – 2016

Ra mắt bộ nhận diện thương hiệu mới năm 2012, đánh dấu biểu tượng của Eximbank trong mắt khách hàng và đối tác.
Eximbank là một trong những ngân hàng đầu tiên gia nhập thành viên phát hành thẻ quốc tế mang thương hiệu JCB tại Việt Nam.
Được Tạp chí Asian Banker trao giải thưởng "Ngân hàng được quản lý tốt nhất tại Việt Nam năm 2013".
Tạp chí EuroMoney trao giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2013 - 2014.
Eximbank vinh dự nhiều năm liên tiếp đứng trong bảng xếp hạng Top 1000 ngân hàng lớn nhất thế giới do tạp chí The Banker xếp hạng.
Tạp chí EuroMoney trao giải thưởng "Ngân hàng tốt nhất Việt Nam năm 2014".

Được tạp chí Asian Banker trao giải thưởng Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất năm 2015 (Best Trade Finance Bank); được Tạp chí Asiamoney – Hong Kong trao tặng danh hiệu "Best Local Cash Management Bank in Vietnam 2015" (tạm dịch là "Ngân hàng Quản lý Tiền mặt Nội địa Tốt nhất Việt Nam năm 2015") do các doanh nghiệp quy mô nhỏ có doanh số hàng năm dưới 100 triệu USD bình chọn.

Eximbank và Infosys ký kết triển khai giải pháp phần mềm Infosys Finacle Core Banking, tạo bước đột phá trong việc khai thác và phát triển thêm nhiều sản phẩm và dịch vụ ngân hàng hiện đại.

Năm 2016: Eximbank vinh dự nhận giải thưởng "Chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc năm 2016" do Ngân hàng JPMorgan (Mỹ) trao tặng.

Năm 2017: Mercedes-Benz và FUSO chính thức ra mắt Dịch vụ Tài chính Daimler cùng ngân hàng Eximbank tại Việt Nam.
Eximbank chính thức ra mắt thẻ tín dụng quốc tế Eximbank – JCB Platinum Travel Cash Back.

Năm 2018: Ra mắt hàng loạt các thẻ: Visa Platinum cash back, JCB Young và triển khai hệ thống bảo hiểm nhà/ căn hộ online (Hệ thống Merimen), đánh dấu sự thành công của hàng loạt sản phẩm, dịch vụ hướng đến các thế hệ khách hàng mới.

2019 – 2020 BỀN VỮNG PHÁT TRIỂN – 2021

Tháng 1/2019: Ký kết với Tranglo cùng phát triển kênh thanh toán trực tuyến cho khách hàng nhận kiều hối.

Tháng 11/2019: Chi nhánh Eximbank HCM hoạt động tại trụ sở mới - 4B Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1.

Ký kết Biên bản Ghi nhớ hợp tác với Doreming nhằm cung cấp dịch vụ thanh toán tiền lương thông qua ứng dụng cho các khách hàng của ngân hàng.

Tháng 4/2020: Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) cấp hạn mức tài trợ thương mại và hạn mức tín dụng tuần hoàn cho Eximbank với tổng giá trị lên tới 31 triệu USD (tương đương 725 tỷ đồng).

Tháng 9/2020: Hãng đánh giá tín nhiệm quốc tế Standard & Poor's Global Ratings công bố mức tín nhiệm đối tác dài hạn của Eximbank được giữ nguyên B+ với triển vọng "ổn định".

Tháng 01/2021 : Giải thưởng "Chất lượng Thanh toán Quốc tế xuất sắc" của JP Morgan.
Tháng 02/2021: giải thưởng "Ngân hàng năng động nhất thị trường ngoại hối Việt Nam 2020" và "Nhà tạo lập thị trường ngoại hối tốt nhất Việt Nam 2020" từ Refinitiv (thuộc Sở Giao dịch chứng khoán London - London Stock Exchange Group).
Tháng 12/2021 : giải thưởng "Ngân hàng dẫn đầu tăng trưởng doanh số chấp nhận thanh toán qua thẻ năm 2020" và "Ngân hàng dẫn đầu số lượng thẻ ghi nợ JCB đang lưu hành năm 2020" từ Tổ chức thẻ Quốc tế JCB của Nhật Bản.

2022 BỀN VỮNG PHÁT TRIỂN – 2023

Tháng 01/2022: "Ngân hàng dẫn đầu tăng trưởng doanh số chấp nhận thanh toán qua thẻ năm 2020" và "Ngân hàng dẫn đầu số lượng thẻ ghi nợ JCB đang lưu hành năm 2020".
Tháng 06/2022: Ngân hàng JP Morgan - Một trong những ngân hàng quốc tế hàng đầu đã trao giải thưởng Chất lượng Thanh Toán Quốc Tế Xuất Sắc (2021 Elite Quality Recognition Award by JP Morgan) cho Eximbank.
Tháng 07/2022: Eximbank nhận danh hiệu "Top 20 nhãn hiệu hàng đầu, sản phẩm Vàng Việt Nam năm 2022" với ứng dụng Eximbank Mobile Banking.
Tháng 12/2022: Eximbank được vinh danh tại Lễ trao chứng nhận Nhãn hiệu nổi tiếng - Nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam năm 2022 do Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam tổ chức.
Eximbank được vinh danh dạt danh hiệu TOP 10 Ngân hàng Việt Nam Xuất sắc 2022 do Hiệp Hội Công nghiệp Hỗ trợ Việt Nam chứng nhận.
Eximbank nhận bằng khen từ UBND TPHCM vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác chỉ đạo, quản lý thu và nộp Ngân sách Nhà nước trên địa bàn Thành phố năm 2022.

Tổng mức vốn điều lệ được nâng lên 17,4 nghìn tỷ đồng thông qua các đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông.

Tiếp tục khẳng định vị thế của Eximbank trước thị trường trong nước và liên tục được ghi nhận bằng những giải thưởng, bình chọn từ các tổ chức nước ngoài uy tín.

2024 BỀN VỮNG PHÁT TRIỂN

Tổng mức vốn điều lệ được nâng lên 18,7 nghìn tỷ đồng thông qua các đợt phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông.

Tiếp tục khẳng định vị thế của Eximbank trước thị trường trong nước và liên tục được ghi nhận bằng những giải thưởng, bình chọn từ các tổ chức nước ngoài uy tín.

NIÊM YẾT

Eximbank được Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh chấp thuận cho niêm yết cổ phiếu kể từ ngày 20/10/2009 theo Quyết định số 128/QĐ-SGDHCM.

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu
- Tổng số lượng niêm yết: 1.868.810.607 cổ phiếu
- Tổng giá trị niêm yết theo mệnh giá: 18.688.106.070.000 đồng

CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2024

Tháng 01/2024

Eximbank STP award 2023 do BNY Mellon trao tặng.



Tháng 01/2024

Eximbank nhận Chứng nhận Nhãn hiệu TOP 10 Hàng đầu VN SP vàng, DV vàng VN 2023 do Hội Sở hữu trí tuệ VN trao tặng.



Tháng 03/2024

Ngân hàng có Khối lượng giao dịch ngoại hối lớn nhất Việt Nam 2023 - Most Volume Traded" và "Ngân hàng Năng động nhất thị trường ngoại hối Việt Nam 2023 - Most Active Bank" do Sở Giao dịch chứng khoán London (London Stock Exchange Group - LSEG) trao tặng.



Tháng 04/2024

Giải thưởng Sao Khuê 2024 - về lĩnh vực ngân hàng số do Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA) bình chọn.



Tháng 06/2024

Sản phẩm Công nghệ và Chuyển đổi số tiêu biểu 2024" do Báo Đầu tư và Cộng đồng Cố vấn Tài chính Việt Nam trao tặng.



Tháng 09/2024

Top 10 Doanh nghiệp tiên phong triển khai Công nghệ số xuất sắc Việt Nam 2024 do Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA) bình chọn.



CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2024 (tiếp theo)



EXIMBANK 35 BỨT PHÁ VƯỢT GIỚI HẠN

Tháng 09/2024

Chất lượng Thanh toán Quốc tế xuất sắc - STP Award" do các ngân hàng đối tác hàng đầu thế giới trao tặng gồm: Bank of New York Mellon, Wells Fargo, JP Morgan và City bank.





Tháng 09/2024

Top 10 "The Best of Viet Nam" năm 2024 do Liên hiệp Khoa học Doanh nhân Việt Nam và tạp chí Sở Hữu Trí Tuệ & Sáng Tạo bình chọn.



Tháng 10/2024

Giải thưởng Doanh nghiệp Châu Á suất sắc - Asia Pacific Enterprise Awards (APEA) 2024 do Tổ chức Enterprise Asia (EA) trao tặng.



Tháng 10/2024

Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam 2024, hạng mục Phát triển bền vững, do Tạp chí Kinh tế Việt Nam – VnEconomy – Vietnam Economic Times tổ chức.



Tháng 10/2024

Top Công nghiệp 4.0 Việt Nam do Viện Sáng tạo và chuyển đổi số bình chọn.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

- Cơ cấu tổ chức quản lý của Eximbank bao gồm Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Luật Doanh nghiệp hiện hành.
- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Ngân hàng.
- Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị cao nhất với các thành viên được bầu theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- Ban kiểm soát là cơ quan giám sát các hoạt động của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc với các thành viên được bầu theo quyết định của ĐHĐCĐ.

EXIMBANK

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

BAN KIỂM SOÁT

BAN KIỂM TOÁN NỘI BỘ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

VP HĐQT

CÁC HỘI ĐỒNG, ỦY BAN

TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁC HỘI ĐỒNG, ỦY BAN

CÁC PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

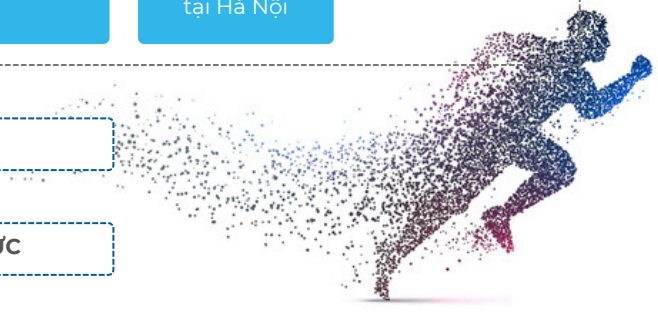
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Khối Khách hàng doanh nghiệp	Khối Ngân hàng bán lẻ	Khối Kinh doanh tiền tệ	Khối Quản lý rủi ro	Khối Tín dụng	Khối Công nghệ thông tin
Khối Vận hành	Khối Nguồn nhân lực	Khối Kế hoạch và tài chính	Khối Văn phòng và dịch vụ nội bộ	Trung tâm Marketing & truyền thông	Trung tâm Thẩm định giá tài sản
Trung tâm Mua sắm Tập trung	Phòng Pháp chế & Tuân thủ	Ban An ninh chính trị nội bộ	Phòng Xử lý nợ	VP Đại diện Eximbank tại Hà Nội	

KHU VỰC

VĂN PHÒNG KHU VỰC

ĐƠN VỊ KINH DOANH





EXIMBANK 35 NĂM BỨT PHÁ KHÔNG GIỚI HẠN

NHÂN SỰ CHỦ CHỐT - HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Nguyễn Cảnh Anh
Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT Eximbank từ tháng 09/2023 và giữ chức danh Chủ tịch HĐQT Eximbank từ tháng 04/2024 đến nay.

Ông từng công tác tại Công ty TNHH Price Waterhouse Coopers Việt Nam; Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam); Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam; Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội; Công ty CP Đầu tư Quốc tế Viettel; Công ty TNHH Giải pháp và Dịch vụ Công nghệ VinConnect; Công ty Cổ phần Hàng không Vinpearl Air; Công ty Cổ phần Tập đoàn Vingroup; Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực;

Ông tốt nghiệp Thạc sĩ - Đại học Aix - Marseille 3; Cử nhân - Đại học Aix - Marseille 2.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bà Đỗ Hà Phương
Phó Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT Eximbank từ tháng 02/2022; giữ chức danh Chủ tịch HĐQT từ tháng 06/2023 đến tháng 04/2024; giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT từ tháng 04/2024 đến nay.

Từng công tác tại Ernst&Young USA & Việt Nam; Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam; Công ty TNHH Tài chính Lotus; Công ty TNHH VNInvest Partners.

Tốt nghiệp Thạc sỹ Tài chính quốc tế trường Đại học Westminster Anh Quốc và Cử nhân Kế toán trường Đại học George Mason Hoa Kỳ.



Ông Trần Tấn Lộc
Phó Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT Eximbank từ tháng 09/2023; giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT Eximbank từ tháng 01/2024 đến nay. Công tác tại Eximbank từ năm 1994 và đã trải qua các vị trí/chức danh: Phó phòng kế toán giao dịch, Trưởng phòng phụ trách thẻ tín dụng, Trợ lý TGĐ kiêm Phó ban Dự án phát triển, Thư ký HĐQT kiêm Phó Chánh VP HĐQT, Quyền Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc thường trực, Tổng Giám Đốc. Ông cũng từng làm việc tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Tốt nghiệp Tiến sĩ Trường Đại học Kinh tế TPHCM; Thạc sĩ Trường Đại học Kinh tế TPHCM và Cử nhân Trường Đại học Kinh tế TPHCM.

Ông Phạm Quang Dũng
Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT Eximbank từ tháng 02/2023 đến nay.

Từng công tác tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam; Ngân hàng TMCP Đông Nam Á; Công ty CP Đầu tư BĐS Filmore; Công ty TNHH Đầu tư BĐS Phú Mỹ.

Tốt nghiệp Cử nhân Ngân Hàng - Tài Chính - Đại học Kinh tế Quốc Dân.



Ông Trần Anh Thắng
Thành viên HĐQT độc lập

Thành viên HĐQT độc lập Eximbank từ tháng 02/2023 đến nay.

Từng công tác tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS); Công ty Cổ phần Chứng khoán Everest (EVS); Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt; Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Amber.

Hiện Ông đang là Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng Khoán Nhất Việt.

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Trường Đại học LaTrobe - Úc; Cử nhân Tài Chính Trường Đại học LaTrobe – Úc.

BAN KIỂM SOÁT





Bà Phạm Thị Mai Phương - Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Mai Phương sinh năm 1982 tại Nha Trang. Bà đã tốt nghiệp Cử nhân kế toán, Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, chứng chỉ Bồi dưỡng Kế toán trưởng, chứng chỉ Giám đốc Kinh doanh, chứng chỉ Giám đốc Tài chính.

Bà đã từng làm nhân viên kế toán tổng hợp Công ty XNK Thủy sản Thái Bình Dương; Chuyên viên kế toán tổng hợp, chuyên viên Corebanking, Giám đốc Trung tâm dịch vụ khách hàng, Giám đốc PGD Bến Thành, Chuyên viên văn phòng Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ khách hàng – Đặc phái viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.



Bà Doãn Hồ Lan – Thành viên Ban Kiểm soát (*)

Bà Doãn Hồ Lan sinh năm 1981 tại Hà Nội. Bà đã tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Quản trị điều hành cao cấp (EMBA) - Đại học Kinh tế quốc dân.

Bà đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau tại các doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán cũng như công ty quản lý nợ của các tổ chức tín dụng; Bà đã đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao tại Công ty quản lý quỹ cũng như các doanh nghiệp niêm yết tại thị trường Việt Nam.
Bà được ĐHĐCĐ bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát Eximbank nhiệm kỳ VII (2020 – 2025).
(*) *Bà Doãn Hồ Lan được bầu làm Trưởng BKS từ ngày 05/03/2025*

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Nguyễn Hoàng Hải - Quyền Tổng giám đốc

Ông Hải tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Đối ngoại – Trường Đại học Ngoại thương, Cử nhân chuyên ngành Marketing – Trường Saxion Hogeschool IJselland (Hà Lan), Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh Quốc Tế - Trường Đại học Radboud Nijmegen (Hà Lan).

Ông từng công tác tại những vị trí chủ chốt của các Tổ chức tài chính, cụ thể: Thành viên HĐ Đầu tư; Phó TGĐ Công ty TNHH MTV Quản lý nợ & Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP An Bình; Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực.



Ông Đào Hồng Châu - Phó Tổng giám đốc

Ông Châu tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế Ngoại thương và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trường Đại học Kinh tế TPHCM.

Ông đảm nhận vị trí Phó Tổng giám đốc của Eximbank từ năm 2004 đến nay, hiện phụ trách mảng Kinh doanh Tiền tệ, Pháp chế và Tuân thủ và tham gia các Hội đồng, Ủy ban, sáng kiến chiến lược của Eximbank.



Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ - Phó Tổng giám đốc kiêm Giám đốc tài chính

Ông Vũ tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Ngân hàng và Thạc sỹ Kinh tế tại Trường Đại học Ngân hàng TPHCM.

Ông đảm nhận vị trí Phó Tổng giám đốc của Eximbank từ năm 2013 đến nay. Ông Vũ hiện phụ trách các mảng Kế hoạch và Tài chính, Văn phòng và dịch vụ nội bộ, Xử lý nợ và tham gia các Hội đồng, Ủy ban, sáng kiến chiến lược của Eximbank.

BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Nguyễn Hướng Minh - Phó Tổng giám đốc

Ông Minh tốt nghiệp Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Trường Đại học Thăng Long, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

Ông từng công tác tại những vị trí quản lý cấp cao, chủ chốt tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

Ông Minh đảm nhận vị trí Phó Tổng giám đốc của Eximbank từ năm 2018 đến nay. Ông Minh hiện phụ trách Khối Công nghệ Thông tin, Khối Vận hành và tham gia các Hội đồng, Ủy ban, sáng kiến chiến lược của Eximbank.



Ông Lã Quang Trung - Kế toán trưởng

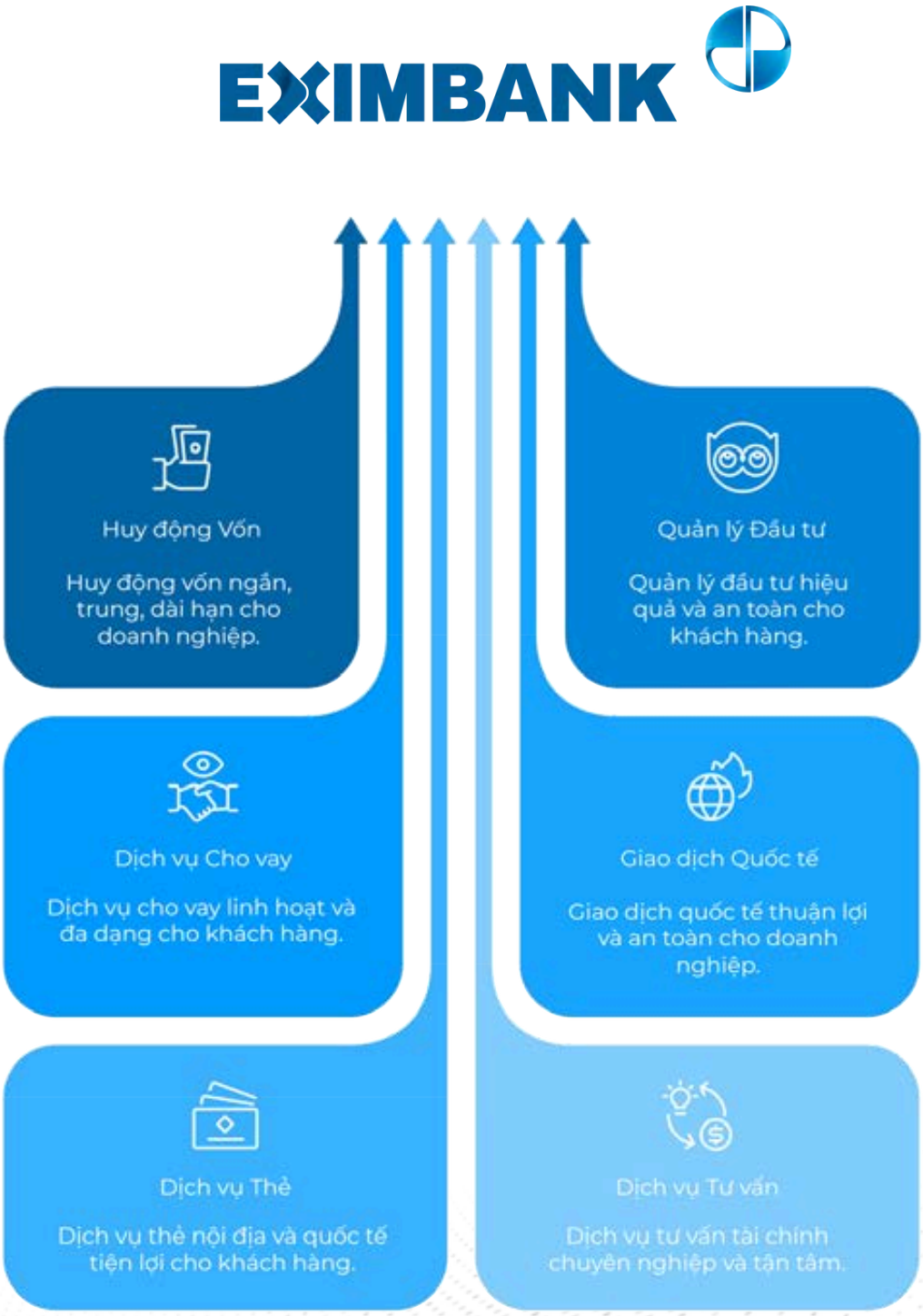
Ông Trung tốt nghiệp Cử nhân ngành Tin học – Trường Đại học Ngoại Ngữ Tin học TPHCM, Cử nhân Tài chính Ngân hàng – Trường Đại học Ngân hàng TPHCM, Thạc sỹ Kế toán – Trường Đại học Công nghệ TPHCM.

Ông có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính – Ngân hàng và 10 năm đảm nhận vai trò Kế toán trưởng tại các tổ chức tài chính. Ông Trung đảm nhận vị trí Kế Toán trưởng tại Eximbank từ tháng 05/2020 đến nay.



LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Các hoạt động kinh doanh của Eximbank bao gồm các lĩnh vực chủ yếu



ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Eximbank có trụ sở chính đặt tại Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16, tòa nhà Vincom Center, số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngân hàng có một (1) hội sở chính, bốn mươi tám (48) chi nhánh, một trăm sáu mươi bảy (167) phòng giao dịch và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội.

Tính đến ngày 31/12/2024, Eximbank có 215 điểm giao dịch hiện diện tại 26 tỉnh thành trên toàn quốc, bao gồm: Hà Nội, Hải Phòng, Nghệ An, Bình Định, Bắc Ninh, Bắc Giang Quảng Ninh, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Đà Nẵng, Huế, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đắc Lắc, Bình Phước, Bình Dương, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, TP.Hồ Chí Minh, Long An, An Giang, Tiền Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Bạc Liêu và Kiên Giang.

01
HỘI SỞ CHÍNH

48
CHI NHÁNH

167
PHÒNG GIAO DỊCH

01
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN TẠI HÀ NỘI



DANH SÁCH ĐVKD EXIMBANK ĐẾN NGÀY 20/02/2025

Tên ĐVKD	Địa chỉ
MIỀN BẮC	
Chi nhánh Hà Nội	19 Trần Hưng Đạo, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội
Chi nhánh Ba Đình	(Tầng 1 + 3) Tòa nhà NHS Center, số 214 Hào Nam, P. Cát Linh, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội
Chi nhánh Long Biên	558 Nguyễn Văn Cừ, P. Gia Thụy, Q. Long Biên, Tp. Hà Nội
Chi nhánh Thủ Đô	(Tầng 1 + 5) Tòa nhà số 257 Giải Phóng, P. Phương Mai, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội
Chi nhánh Cầu Giấy	(Tầng 1+3) số 24 Hoàng Quốc Việt, Tổ 46, P. Nghĩa Đô, Q. Cầu Giấy, Tp. Hà Nội
Chi nhánh Đống Đa	(Tầng 1 + 2) Tòa nhà số 292 Tây Sơn, P. Trung Liệt, Q. Đống Đa, Tp. Hà Nội
Chi nhánh Bắc Giang	Lô số 71-72-73 (L6), đường Nguyễn Thị Lưu 2, P. Ngô Quyền, Tp. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Chi nhánh Bắc Ninh	34 Lý Thái Tổ, P. Tiền Ninh Vệ, Tp. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Chi nhánh Hải Phòng	(Tầng 1 + 2) Tòa nhà số 01 Lô 3A, KĐT mới Ngã 5 Sân bay Cát Bi, P. Đông Khê, Q. Ngô Quyền, Tp. Hải Phòng
Chi nhánh Vinh	Tầng trệt Tòa nhà CT21 – Trung Đô Tower, số 42 Đại lộ Lê Nin, Khu đô thị mới Nam Nguyễn Sỹ Sách, P. Hưng Dũng, Tp. Vinh, tỉnh Nghệ An
Chi nhánh Quảng Ninh	14 -16 Trần Hưng Đạo, P. Trần Hưng Đạo, Tp. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
MIỀN TRUNG VÀ TÂY NGUYÊN	
Chi nhánh Quảng Ngãi	20-22 Phan Chu Trinh, P. Nguyễn Nghiêm, Tp. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
Chi nhánh Đà Nẵng	48 Trần Phú, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Chi nhánh Nam Đà Nẵng	181-183 Nguyễn Phước Lan, P. Hòa Xuân, Q. Cẩm Lệ, Tp. Đà Nẵng
Chi nhánh Huế	6A Lý Thường Kiệt, P. Vĩnh Ninh, Tp. Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế
Chi nhánh Quảng Nam	226 - 228 Phan Chu Trinh, Tp. Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
Chi nhánh Khánh Hòa	63 Yersin, P. Phương Sài, Tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
Chi nhánh Đắk Lắk	310 Nguyễn Tất Thành, P. Tân Lập, Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăklăk
Chi nhánh Lâm Đồng	18-20 Khu Hòa Bình, P.1, Tp. Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
Chi nhánh Bình Định	Một phần (Tầng 1+2) TTTM An Phú Thịnh, số 52A Tăng Bạt Hổ, P. Thị Nại, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
MIỀN ĐÔNG NAM BỘ	
Chi nhánh Đồng Nai	223 Hà Huy Giáp, Kp4, P. Trung Dũng, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Chi nhánh Bình Dương	244 Đại lộ Bình Dương, P. Phú Hòa, Tp. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu	43 Trần Hưng Đạo, P. 1, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu
Chi nhánh Bình Phước	(Tầng trệt + 1 + 2) Trung tâm Thương mại ITC Đồng Xoài, số 1029 Phú Riềng Đỏ, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
TP.HCM	
Chi nhánh Tp. HCM	116-124 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1
Chi nhánh Chợ Lớn	141 Nguyễn Chí Thanh, P. 9, Q. 5, Tp. HCM
Chi nhánh Hòa Bình	78 Nguyễn Trãi, P. 3, Q. 5, Tp.HCM
Chi nhánh Tân Định	78 Trần Quang Khải, P.Tân Định, Q. 1, Tp. HCM
Chi nhánh Sài Gòn	(Tầng trệt + lửng) Tòa nhà số 87A-89/9-89/11-89/13-89/15 Hàm Nghi, P. Nguyễn Thái Bình, Q. 1, Tp. HCM
Chi nhánh Thủ Đức	147A Võ Văn Ngân, P. Linh Chiểu, Tp. Thủ Đức, Tp. HCM
Chi nhánh Cộng Hòa	(Tầng trệt + lửng) số 141 Cộng Hòa, P.12, Q. Tân Bình, Tp. HCM
Chi nhánh Tân Sơn Nhất	Số 307 Nguyễn Văn Trỗi, P. 1, Q. Tân Bình, Tp. HCM
Chi nhánh Bình Phú	110-112-114 Chợ Lớn, P. 11, Q. 6, Tp. HCM
Chi nhánh Bình Tân	10 Kinh Dương Vương, P. 13, Q. 6, Tp. HCM
Chi nhánh Phú Mỹ Hưng	(Một phần tầng trệt + Một phần tầng lửng) Vinamilk Tower - số 10 Tân Trào, P. Tân Phú, Q. 7, Tp. HCM
Chi nhánh Quận 3	(Tầng 1 - Tầng 3) Tòa nhà số 21 Kỳ Đồng, P. 9, Q. 3, Tp. HCM
Chi nhánh Quận 4	Cao ốc H2 Đường Hoàng Diệu, P. 8, Q. 4, Tp. HCM
Chi nhánh Nam Sài Gòn	849 Huỳnh Tấn Phát, P. Phú Thuận, Q. 7, Tp. HCM
Chi nhánh Quận 10	65-65A & 63/6 Đường 3/2, P. 11, Q. 10, Tp. HCM
Chi nhánh Quận 11	31-33-27/1 Âu Cơ, P. 14, Q. 11, Tp. HCM
MIỀN TÂY NAM BỘ	
Chi nhánh Cần Thơ	08 Phan Đình Phùng, P. Tân An, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Chi nhánh Tây Đô	53-55 Trần Văn Khéo, P. Cái Khế, Q. Ninh Kiều, Tp. Cần Thơ
Chi nhánh Long An	42 Trà Quý Bình, P. 1, Tp. Tân An, tỉnh Long An
Chi nhánh Đồng Tháp	103-105-107 Hùng Vương, P. 2, Tp. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh An Giang	38 Hai Bà Trưng, P. Mỹ Long, Tp. Long Xuyên, tỉnh An Giang
Chi nhánh Tiền Giang	01A Hùng Vương, P. 1, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang
Chi nhánh Bạc Liêu	477 Trần Phú, P. 7, Tp. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Chi nhánh Kiên Giang	02-04 Phạm Hồng Thái, P. Vĩnh Thanh Vân, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT

EXIMBANK AMC

Tên giao dịch: Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank AMC)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: số 0310280974 do Sở Kế hoạch và đầu tư Tp.Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24/08/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 14/02/2025

Địa chỉ trụ sở chính: 24B Trương Định, phường Võ Thị Sáu, quận 3, Tp.Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ (các lần thay đổi vốn điều lệ): 300 tỷ đồng

Thông tin về chủ sở hữu: Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam sở hữu 100% vốn

24B Trương Định, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ:
300 tỷ đồng

Quá trình hình thành

Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 157/2010/EIB/QĐ-HĐQT ngày 21/04/2010 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam; Quyết định số 754/QĐ-NHNN ngày 01/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.



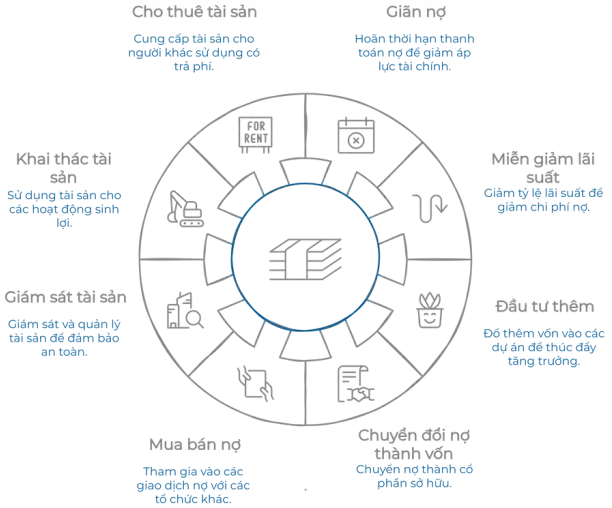
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH



Hoạt động trung gian tiền tệ khác

Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam bao gồm: (Nợ có tài sản bảo đảm và nợ không có tài sản bảo đảm) và tài sản bảo đảm nợ vay (tài sản thế chấp, cầm cố; tài sản gán nợ; Tài sản Tòa án giao ngân hàng) liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn nhanh nhất.

Chủ động bán các tài sản bảo đảm nợ vay thuộc quyền định đoạt của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam theo giá thị trường (giá bán tài sản có thể cao hoặc thấp hơn giá trị nợ tồn đọng) theo hình thức sau: Tự bán công khai trên thị trường; Bán qua Trung tâm dịch vụ mua bán đấu giá tài sản; Bán cho Công ty mua bán nợ của Nhà nước (khi được thành lập).



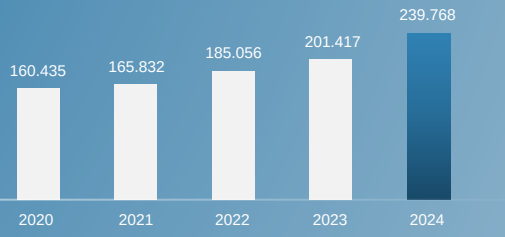


Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp:

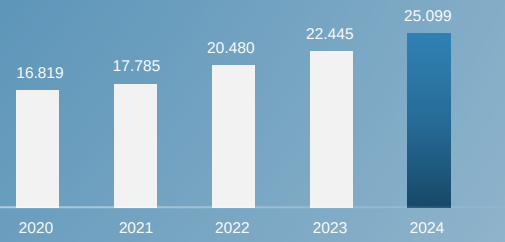
- Giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi nợ thành vốn góp. Mua, bán nợ tồn đọng của các tổ chức tín dụng khác, của các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của Ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện các hoạt động khác theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam theo quy định của pháp luật, chi tiết: kiểm tra, tư vấn, giám sát tài sản trong hệ thống Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.
- Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay bằng các biện pháp thích hợp: cải tạo, sửa chữa, nâng cấp tài sản để bán, cho thuê, khai thác kinh doanh, góp vốn, liên doanh bằng tài sản để thu hồi nợ, chi tiết: Cho thuê văn phòng, cho thuê tài sản đảm bảo trong hệ thống Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam.

Những con số ấn tượng chặng đường 5 năm

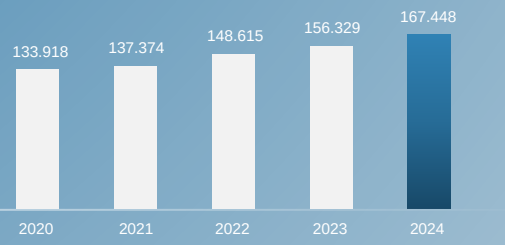
TỔNG TÀI SẢN / TỶ VND
239.768



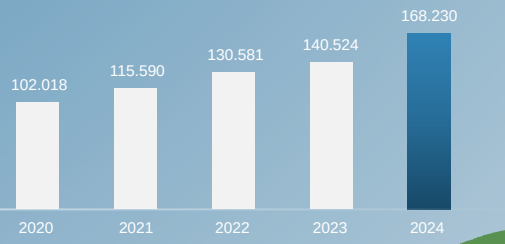
VỐN CHỦ SỞ HỮU / TỶ VND
25.099



TIỀN GỬI KHÁCH HÀNG / TỶ VND
167.448

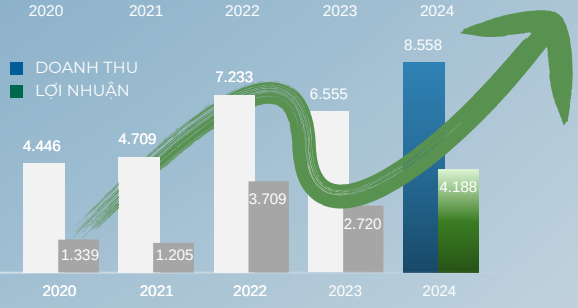


DƯ NỢ TÍN DỤNG / TỶ VND
168.230



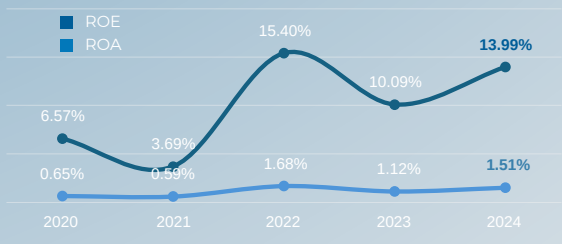
DOANH THU / TỶ VND
8.558

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ / TỶ VND
4.188



ROE
13.99%

ROA
1.51%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu phát triển bền vững của Eximbank



Để hướng tới sự phát triển bền vững, Eximbank xác định các mục tiêu cụ thể như sau:

- Năng lực tài chính lành mạnh đáp ứng các yêu cầu an toàn hoạt động theo quy định và thông lệ tốt, làm nền tảng tăng trưởng quy mô hoạt động, gia tăng thị phần và danh tiếng trên thị trường.
- Hiệu quả hoạt động bền vững trên cơ sở nâng cao chất lượng tài sản, cơ cấu lại nguồn thu, nâng dần tỷ trọng thu nhập phi tín dụng và cung cấp các sản phẩm dịch vụ ngân hàng - tài chính - bảo hiểm tốt nhất cho khách hàng.
- Quản trị điều hành minh bạch, hiệu quả theo thông lệ trên thị trường chứng khoán.
- Phát triển về công nghệ thông tin và ứng dụng ngân hàng số tại Việt Nam trong hoạt động kinh doanh và quản trị điều hành, thích ứng được với sự thay đổi của thời đại.
- Đội ngũ nhân sự chất lượng cao đảm bảo yêu cầu phát triển của ngành ngân hàng trong xu thế hội nhập và CMCN 4.0; Phát triển văn hóa doanh nghiệp, xây dựng và duy trì môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, học hỏi, sáng tạo, trách nhiệm xã hội.

Kế hoạch kinh doanh năm 2025: Chỉ tiêu kinh doanh chính

Đơn vị: tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch năm 2025		
			Giá trị	+/- so với 2024	% +/- so với 2024
1	Tổng tài sản	239.768	265.500	25.732	10,7%
2	Huy động vốn (*)	178.312	206.000	27.688	15,5%
3	Dư nợ tín dụng	168.230	195.500	27.270	16,2%
4	Tỷ lệ nợ xấu/Dư nợ tín dụng	2,53%	1,99%	-0,54%	
5	Lợi nhuận trước thuế	4.188	5.188	1.000	23,8%

(*) Huy động vốn bao gồm huy động vốn tổ chức kinh tế - dân cư và phát hành GTCG.

Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng)

- Nghiên cứu, phát triển sản phẩm huy động và cho vay hướng đến các ngành sản xuất và tiêu dùng ít các-bon để góp phần bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, năng lượng.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ nhằm cung ứng sản phẩm dịch vụ thân thiện với môi trường, phát triển các kênh giao dịch điện tử, xây dựng thói quen cho khách hàng.
- Quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng, chú trọng đánh giá tác động của dự án, phương án vay vốn với mục tiêu hạn chế rủi ro phát sinh tới môi trường và xã hội, nâng dần tỷ trọng cấp tín dụng xanh.
- Xây dựng môi trường làm việc xanh, thực hiện các biện pháp tiết kiệm và sử dụng hiệu quả nước, giấy in, điện, nhiên liệu tại từng chi nhánh và phòng giao dịch trên toàn hệ thống của ngân hàng.
- Tổ chức các khóa đào tạo, tăng cường năng lực quản lý rủi ro môi trường và xã hội, tăng cường nhận thức cho nhân viên về phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, tín dụng xanh, ngân hàng xanh.



QUẢN LÝ RỦI RO



Xây dựng nền tảng quản trị, vận hành hiệu quả

Eximbank thực hiện hoạt động kiểm soát theo nguyên tắc 03 tuyến bảo vệ độc lập, đảm bảo tuân thủ yêu cầu của NHNN tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN, thành lập Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng rủi ro để hỗ trợ, tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong giám sát của quản lý cấp cao với hoạt động quản trị rủi ro của ngân hàng.

Eximbank luôn chú trọng công tác nâng cao năng lực quản trị rủi ro, nghiên cứu, áp dụng các mô hình, phương pháp để đáp ứng yêu cầu, định hướng của Cơ quan quản lý, các chuẩn mực quốc tế về quản trị rủi ro trên cơ sở phù hợp với thực tế hoạt động của ngân hàng. Xây dựng và phát huy văn hóa quản trị rủi ro trong toàn hệ thống, đảm bảo phát triển kinh doanh hiệu quả và an toàn.

Bên cạnh đó, Eximbank cũng chú trọng đầu tư xây dựng các công cụ, mô hình đo lường rủi ro theo các phương pháp tiên tiến và xây dựng lộ trình, kế hoạch đầu tư, nâng cấp các hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ tốt nhất yêu cầu quản trị rủi ro.





Trong năm 2024, Eximbank tiếp tục duy trì tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu, tỷ lệ an toàn đảm bảo trong hoạt động ngân hàng đáp ứng với khẩu vị rủi ro cũng như ngưỡng quy định của pháp luật; triển khai các hoạt động quản lý các loại rủi ro trọng yếu đáp ứng yêu cầu theo chính sách, chiến lược quản lý rủi ro mà Ngân hàng đã xây dựng.

Đồng thời, Eximbank đã triển khai Quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP theo Basel II, qua đó đảm bảo ngân hàng có thể chủ động đáp ứng các yêu cầu về vốn ngay cả trong các điều kiện hoạt động bất lợi.

Bên cạnh đó, Eximbank cũng đang nghiên cứu, chuẩn bị các điều kiện cần thiết cũng như rà soát, nâng cao chất lượng dữ liệu để có tiền đề tiến đến đáp ứng Basel II theo phương pháp nâng cao hoặc Basel III theo chủ trương của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại đề án cơ cấu lại ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu cho giai đoạn đến 2025.

QUẢN LÝ RỦI RO

Eximbank thực hiện quản trị rủi ro thông qua mô hình 03 tuyến bảo vệ độc lập tuân thủ quy định của NHNN, cụ thể:



Tuyến bảo vệ thứ nhất có chức năng nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro.

Tuyến bảo vệ thứ hai có chức năng xây dựng chính sách quản lý rủi ro, quy định nội bộ về quản trị rủi ro, đo lường, theo dõi rủi ro và tuân thủ quy định pháp luật.



Tuyến bảo vệ thứ ba có chức năng kiểm toán nội bộ.



QUẢN LÝ RỦI RO TÍN DỤNG



Eximbank đã xây dựng chiến lược quản lý rủi ro tín dụng và có chính sách ưu tiên, chú trọng phát triển tín dụng cho một số ngành phù hợp với chính sách phát triển kinh tế và thị trường mục tiêu của ngân hàng. Chiến lược QLRRTD bao gồm:

- Tỷ lệ nợ xấu mục tiêu, tỷ lệ cấp tín dụng xấu mục tiêu theo đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế.
- Nguyên tắc xác định chi phí bù đắp rủi ro tín dụng trong phương pháp tính lãi suất, định giá sản phẩm tín dụng (pricing) theo mức độ rủi ro tín dụng của khách hàng.
- Nguyên tắc áp dụng các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng (bao gồm cả thẩm quyền phê duyệt các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng).

Quản lý Rủi ro tín dụng được Eximbank đặc biệt chú trọng và kiểm soát liên tục, xuyên suốt từ Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc đến các đơn vị trực tiếp kinh doanh. Công tác xây dựng chính sách tín dụng, khẩu vị rủi ro, công tác theo dõi, báo cáo, kiểm soát được thực hiện thường xuyên, độc lập.

Eximbank đã cải tiến, nâng cấp, hoàn thiện quy trình cấp tín dụng tối ưu hóa về thời gian giải quyết hồ sơ vay vốn của khách hàng, đáp ứng môi trường cạnh tranh trong kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo yêu cầu quản trị rủi ro. Việc giao thẩm quyền cho từng cấp phê duyệt tại Hội sở, Đơn vị kinh doanh được áp dụng theo các tiêu chí cụ thể và đánh giá lại định kỳ hàng năm.

Quản lý rủi ro tín dụng được vận hành theo nguyên tắc độc lập và tập trung hóa, đảm bảo nguyên tắc khách quan, minh bạch, tuân thủ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, các quy định pháp luật khác có liên quan, và các quy định nội bộ của Eximbank; Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện ở tất cả các giai đoạn của quá trình cấp tín dụng và được duy trì thường xuyên, liên tục.

Trong năm 2024, Eximbank tiếp tục nâng cấp, cải tiến hệ thống, cụ thể thực hiện kiểm định và cải tiến mô hình chấm điểm, xếp hạng tín dụng và ước lượng xác suất vỡ nợ của khách hàng nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác quản trị rủi ro trong khâu phê duyệt tín dụng. Đồng thời Eximbank đang trong quá trình xây dựng phương pháp luận, thu thập dữ liệu để xây dựng mô hình tỷ lệ tổn thất (LGD) và số dư khoản phải đòi tại thời điểm vỡ nợ (EAD).

QUẢN LÝ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Eximbank đã xây dựng Khung quản lý rủi ro hoạt động và triển khai thực hiện công tác quản lý rủi ro hoạt động đầy đủ, đảm bảo tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN và theo tiêu chuẩn Basel II. Trong đó nêu rõ chiến lược quản lý rủi ro hoạt động bao gồm:

- Nguyên tắc cốt lõi phải tuân thủ theo mô hình ba tuyến bảo vệ độc lập, tổ chức nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro hoạt động trong tất cả các sản phẩm, hoạt động, quy trình và hệ thống.
- Nguyên tắc sử dụng hoạt động thuê ngoài, mua bảo hiểm, ứng dụng công nghệ.
- Các trường hợp xây dựng kế hoạch duy trì kinh doanh liên tục.

Việc triển khai công tác QLRRHĐ thông qua mô hình cán bộ điều phối quản lý rủi ro hoạt động tại các đơn vị giúp Eximbank triển khai đồng bộ và hiệu quả trên phạm vi toàn hệ thống.

Trong năm 2024, Eximbank đã ban hành quy định về quản lý rủi ro gian lận và Bộ tiêu chí hướng dẫn ĐVKD nhận diện các dấu hiệu nghi ngờ gian lận, lừa đảo, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán, thẻ ngân hàng, Đơn vị chấp nhận thanh toán và các biện pháp kiểm soát rủi ro.

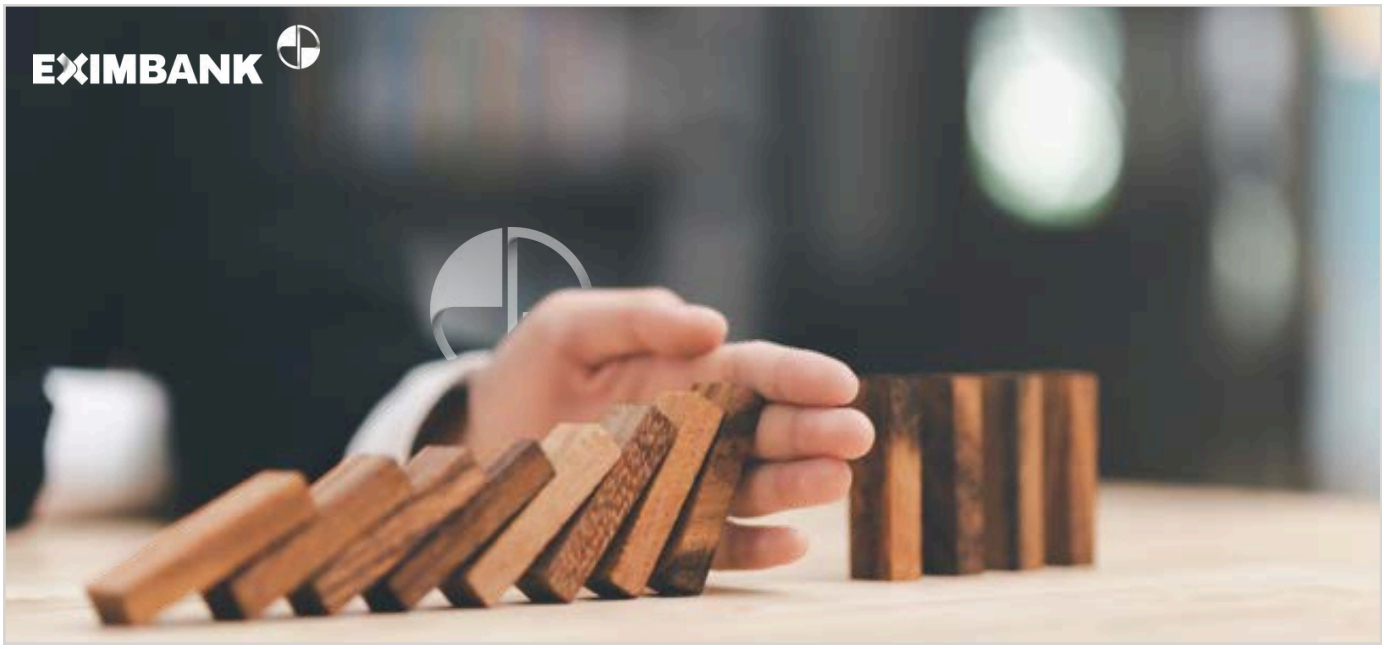
Đồng thời tiếp tục triển khai các công cụ để nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro hoạt động trong hoạt động của Ngân hàng như Thu thập và báo cáo sự kiện dữ liệu rủi ro hoạt động (LDC); Tự đánh giá kiểm soát rủi ro (RCSA); Theo dõi chỉ số rủi ro trọng yếu (KRI); Hoàn thành việc xây dựng kế hoạch kinh doanh liên tục tại các Đơn vị trong hệ thống Eximbank; Tham gia rà soát, đánh giá rủi ro đối với chính sách, quy định, quy trình, sản phẩm, dịch vụ mới, hoạt động thuê ngoài.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách, quy định của pháp luật, Ngân hàng Nhà nước, tích cực đào tạo, nâng cao nhận thức, kiến thức chuyên môn quy định, quy trình nội bộ của Eximbank và rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, nâng cao ý thức về vai trò trách nhiệm của từng CBNV trong công tác quản trị rủi ro, hiểu rõ tầm quan trọng của việc quản lý rủi ro, chung sức xây dựng văn hóa, công tác quản trị rủi ro hiệu quả và vững mạnh.

Quy định chế tài xử lý các lỗi vi phạm trong quá trình tác nghiệp với tinh thần quán triệt tính tuân thủ đến toàn thể cán bộ nhân viên, góp phần hạn chế rủi ro, đồng thời răn đe và chấn chỉnh đối với các hành vi vi phạm. Tất cả các sai sót không tuân thủ quy định dẫn đến rủi ro tổn thất được phát hiện cần báo cáo kịp thời đến cấp có thẩm quyền để khắc phục và chấn chỉnh ngay.

Eximbank đã và đang áp dụng cơ chế thưởng phạt phân minh, ghi nhận lỗi chế tài, đánh giá xếp hạng khen thưởng... thể hiện sự quyết tâm của Ban lãnh đạo trong công tác quản trị rủi ro tại Eximbank.

Bên cạnh các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và giảm thiểu rủi ro hoạt động, Eximbank cũng đã xây dựng chính sách chuyển giao rủi ro hoạt động thông qua các gói bảo hiểm rủi hoạt động đối với tài sản của ngân hàng như một biện pháp bổ sung, giúp bảo vệ ngân hàng trong trường hợp phát sinh các tổn thất nghiêm trọng.



QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

QUẢN LÝ RỦI RO LÃI SUẤT:

Rủi ro lãi suất thị trường được quản lý thông qua việc kiểm soát giá trị PV01 (price value of a basic point), một phương pháp đánh giá mức độ nhạy cảm của công cụ tài chính (thông thường là có thu nhập ổn định, vd: trái phiếu,...) khi lãi suất thay đổi, cụ thể, đo lường giá công cụ thay đổi bao nhiêu khi lãi suất thay đổi 1 điểm cơ bản (basis point). PV01 càng cao, độ nhạy cảm với thay đổi lãi suất của danh mục/công cụ càng lớn. Ngoài ra, rủi ro lãi suất thị trường còn được đánh giá thông qua giá trị chịu tổn thất tối đa ước tính (VaR) và kiểm tra sức chịu đựng (Stressed VaR) cho các danh mục/công cụ tài chính thuộc sổ kinh doanh chịu rủi ro lãi suất thị trường.



QUẢN LÝ RỦI RO NGOẠI HỐI:

Rủi ro ngoại hối được quản lý thông qua việc giám sát việc tuân thủ các quy định về hạn mức, bao gồm hạn mức giao dịch, hạn mức dừng lỗ, hạn mức đối tác, hạn mức về tổng trạng thái cuối ngày,.... đảm bảo Ngân hàng luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của cơ quan nhà nước và quy định nội bộ. Ngoài ra, Ngân hàng còn triển khai các mô hình đo lường đánh giá rủi ro, định giá các công cụ tài chính hàng ngày để ước lượng tổn thất nhằm kiểm soát rủi ro nằm trong khẩu vị mà Ngân hàng có thể chấp nhận được. Bên cạnh đó, Ngân hàng còn sử dụng các sản phẩm phái sinh nhằm mục đích ngăn chặn và phòng ngừa rủi ro tỷ giá có thể phát sinh.



QUẢN LÝ RỦI RO GIÁ ĐẦU TƯ:

Để quản lý rủi ro giá đầu tư, Eximbank đã triển khai các phương pháp đo lường, đánh giá danh mục đầu tư theo giá thị trường, thiết lập các giới hạn rủi ro giá đầu tư (hạn mức đầu tư trái phiếu, hạn mức dừng lỗ, ...) phù hợp với quy định của NHNN và mục tiêu, chiến lược kinh doanh của ngân hàng trong từng thời kỳ.





QUẢN LÝ RỦI RO THỊ TRƯỜNG



QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN:

Để ngăn ngừa và xử lý các vấn đề về rủi ro thanh khoản, Eximbank đã xây dựng hệ thống các quy định, quy trình nội bộ đầy đủ về quản lý rủi ro thanh khoản bắt kịp với tiêu chuẩn chung của toàn ngành, tuân thủ quy định của cơ quan nhà nước. Công tác quản lý rủi ro thanh khoản được thực hiện hàng ngày thông qua việc đo lường, theo dõi, giám sát việc tuân thủ các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn thanh khoản trong hoạt động của Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và quy định nội bộ của Eximbank trên cơ sở tham mưu, đề xuất của Hội đồng Quản lý Tài sản Nợ - Tài sản Có (Hội đồng ALCO);

Ngoài ra, rủi ro thanh khoản còn được đo lường thông qua công tác đánh giá và theo dõi khe hở chênh lệch dòng tiền hàng ngày, được thực hiện cho các dòng tiền vào, ra theo kỳ hạn hợp đồng và theo hành vi thực tế của khách hàng nhằm đo lường mức độ thặng dư hoặc thâm hụt ròng của dòng tiền tích lũy tại các kỳ hạn khác nhau. Bên cạnh đó, Eximbank thực hiện kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản (Stress-test) nhằm đánh giá khả năng đáp ứng thanh khoản của Ngân hàng trong các kịch bản căng thẳng khác nhau, để có các phương án xử lý dự phòng tối ưu nhất, đảm bảo Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả.

Hơn nữa, trong năm qua, Ngân hàng cũng đã nghiên cứu và tiến hành đo lường, theo dõi RRTK theo chuẩn Basel III thông qua các tỷ lệ đảm bảo khả năng thanh khoản (LCR) và tỷ lệ Nguồn vốn ổn định ròng (NSFR) nhằm nâng cao hơn nữa năng lực quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng.

QUẢN LÝ RỦI RO LÃI SUẤT TRÊN SỔ NGÂN HÀNG:

Ngân hàng quản lý rủi ro này thông qua việc phân tích trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất của Tài Sản Có nhạy lãi (RSA) và Nợ Phải Trả nhạy lãi (RSL); Thiết lập các hạn mức về tỷ lệ chênh lệch tích lũy của (RSA-RSL)/tổng tài sản tại các kỳ hạn trong thang kỳ hạn; Phân tích sự thay đổi của thu nhập lãi thuần (ΔNII) và sự thay đổi của giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (ΔEVE) khi lãi suất thay đổi để đánh giá tổn thất về thu nhập và giá trị vốn kinh tế của Ngân hàng theo các kịch bản lãi suất khác nhau trong khoảng thời gian đo lường nhất định (thông thường là một năm).

Ngoài ra, Ngân hàng còn thực hiện kiểm tra sức chịu đựng RRLSTSNH theo các kịch bản cú sốc lãi suất khác nhau để đánh giá mức tác động (tổn thất) lớn nhất có thể lên thu nhập và giá trị vốn kinh tế của Ngân hàng để Ngân hàng có các biện pháp điều chỉnh kịp thời các khoản mục TSC, TSN nhạy lãi tại các thang kỳ hạn khác nhau nhằm tối ưu hóa thu nhập và hạn chế tổn thất (nếu có) cho Ngân hàng.



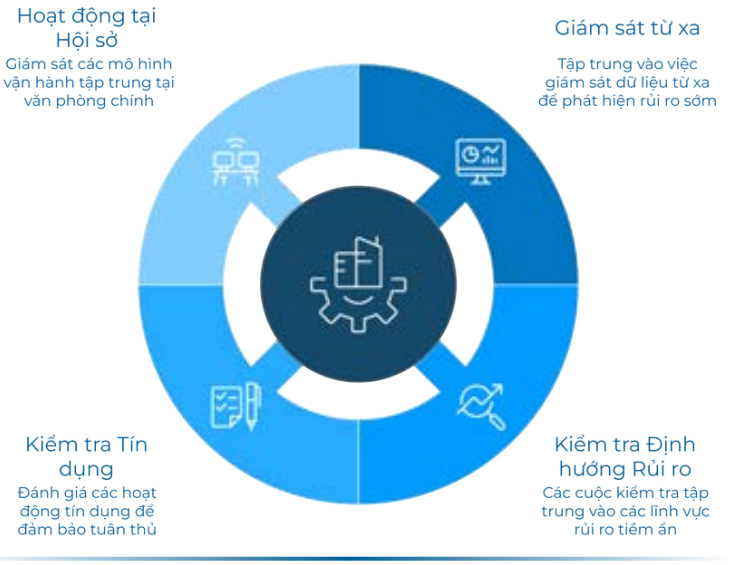
TUÂN THỦ

Kiểm soát tuân thủ:

Eximbank đã thành lập và triển khai bộ phận kiểm tra, kiểm soát nội bộ trực thuộc tuyến bảo vệ thứ hai để thực hiện công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ pháp luật và các chính sách, quy chế, quy trình, quy định nghiệp vụ, quy định nội bộ của Eximbank tại các Đơn vị kinh doanh, Đơn vị nghiệp vụ tại Hội sở.

Trong năm 2024, nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả của hoạt động kiểm tra giám sát trong nội bộ ngân hàng của tuyến bảo vệ thứ hai bên cạnh việc triển khai các giải pháp nhằm tối ưu hóa chi phí, ngân sách hoạt động theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước đã đề ra trong các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng. Eximbank đã thực hiện chuyển đổi mô hình tổ chức vận hành các hoạt động kiểm tra theo hướng tập trung tăng cường vào công tác giám sát dữ liệu từ xa (thông qua việc thu thập, xử lý và giám sát các thông tin, dữ liệu hoạt động của ngân hàng được lưu trữ trên các hệ thống thông tin) kết hợp việc triển khai các hoạt động kiểm tra chuyên đề định hướng rủi ro, tập trung xử lý vào các vấn đề tồn tại, hạn chế, các vấn đề tiềm ẩn rủi ro trọng yếu được phát hiện thông qua hoạt động giám sát từ xa... thay vì chỉ tập trung triển khai các hoạt động kiểm tra định kỳ tại các Đơn vị như trước đây.

Qua công tác giám sát từ xa, Eximbank đã kịp thời khoanh vùng, cảnh báo sớm các dấu hiệu rủi ro, các tồn tại, hạn chế trong hoạt động kinh doanh, vận hành tại các Đơn vị và đưa ra các kiến nghị để các Đơn vị khắc phục, chỉnh sửa (bao gồm việc chỉnh sửa bổ sung các thiếu sót trong hồ sơ, chứng từ giao dịch; rà soát, cải tiến các kiểm soát trên hệ thống hoặc trong các văn bản, quy trình nội bộ, chỉnh sửa các bất cập trong quy trình, quy định nhằm ngăn ngừa, hạn chế các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng...). Theo đó, trong năm 2024 bộ phận kiểm tra, kiểm soát của Eximbank đã triển khai các Đoàn kiểm tra chuyên đề rủi ro về hoạt động tín dụng tại 48 Đơn vị kinh doanh trong hệ thống, kiểm tra 02 mô hình vận hành tập trung tại Hội sở bao gồm thanh toán, thẩm định giá và một số chuyên đề khác theo chỉ đạo của Tổng giám đốc liên quan đến việc áp dụng ưu đãi phí dịch vụ; việc tuân thủ điều kiện phê duyệt cấp tín dụng tại các Đơn vị kinh doanh; bán ngoại tệ mặt; phát hành thẻ quốc tế....



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Hiện Eximbank đã chủ động nghiên cứu và từng bước triển khai áp dụng quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cấp tín dụng như: Xây dựng Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMS) cho Nghiệp vụ Tài trợ Thương mại tại Eximbank, ban hành Quy định quản lý rủi ro về môi trường trong hoạt động cấp tín dụng dựa trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc của Thông tư 17/2022/TT-NHNN ngày 23/12/2022.

Khi thẩm định cấp tín dụng cho các dự án, Eximbank đánh giá các rủi ro môi trường và xã hội tác động đến hiệu quả sử dụng vốn và khả năng trả nợ của khách hàng, đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường và xã hội. Định kỳ kiểm tra giám sát việc quản lý rủi ro môi trường và xã hội đối với các khoản cấp tín dụng đã cấp cho khách hàng. Trong thời gian tới, Eximbank sẽ tiếp tục nghiên cứu để xây dựng chương trình, sản phẩm ưu đãi lãi suất đối với những doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực bảo vệ môi trường "xanh và sạch", đẩy mạnh truyền thông để nâng cao nhận thức của khách hàng và cán bộ nhân viên Eximbank, hướng đến "ngân hàng xanh" bảo vệ môi trường "xanh và sạch".



CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN



Trong những năm qua, hoạt động của tội phạm rửa tiền diễn ra vô cùng phức tạp với thủ đoạn tinh vi và có tổ chức khiến công tác kiểm tra, rà soát để nhận diện và phát hiện các dấu hiện đáng ngờ ngày càng khó khăn. Rửa tiền gây tác động tiêu cực đến sự ổn định và phát triển của nền kinh tế. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng và khối lượng giao dịch tài chính tại Việt Nam tăng nhanh chóng, công tác Phòng, chống rửa tiền (PCRT) đã trở thành yêu cầu cấp bách.

Eximbank luôn đặt công tác PCRT lên hàng đầu, đồng thời cam kết không ngừng cải tiến và triển khai các biện pháp nhằm đảm bảo hiệu quả quản lý rủi ro rửa tiền, góp phần xây dựng môi trường tài chính ổn định và bền vững. Eximbank thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành về PCRT, bao gồm:

- **Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15** ngày 15/11/2022.
- **Nghị định số 19/2023/NĐ-CP** ngày 28/4/2023 v/v quy định chi tiết một số điều của luật PCRT.
- **Quyết định số 11/2023/QĐ-TTg** ngày 27/4/2023 quy định mức giao dịch có giá trị lớn cần báo cáo.
- **Thông tư số 09/2023/TT-NHNN** 28/7/2023 hướng dẫn thực hiện một số điều của luật PCRT.

Nhằm đảm bảo việc thực thi có hiệu quả công tác PCRT và tuân thủ quy định của pháp luật, Eximbank đã thành lập Ban PCRT với nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Định hướng chiến lược và triển khai các chính sách, quy trình PCRT trên toàn hệ thống Ngân hàng.
- Giám sát việc thực hiện hiệu quả các quy định pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế về PCRT.

Để tối ưu hóa hiệu quả công tác PCRT, từ năm 2011 Eximbank đã triển khai hệ thống phần mềm PCRT tiên tiến với các tính năng nổi bật gồm :

- Giám sát giao dịch tự động đảm bảo quá trình theo dõi diễn ra liên tục và chính xác.
- Rà soát thông tin khách hàng ngay từ giai đoạn đầu tiên khi thiết lập mối quan hệ với khách hàng đảm bảo tuân thủ chính sách chấp nhận khách hàng của Eximbank.
- Sử dụng dữ liệu WorldCheck do công ty Refinitiv cung cấp tích hợp vào phần mềm PCRT để tăng cường khả năng giám sát và quản lý rủi ro.

Trong năm 2024, Eximbank đã tổ chức 10 khóa đào tạo về PCRT với sự tham gia của hơn 1.500 cán bộ nhân viên. Nội dung chương trình đào tạo nhằm trang bị cho cán bộ, nhân viên Eximbank các kiến thức về nghiệp vụ PCRT bao gồm:

- Quy định của pháp luật và quy định nội bộ về PCRT.
- Trách nhiệm khi không thực hiện các quy định của pháp luật và quy định nội bộ về PCRT.
- Phương thức, thủ đoạn rửa tiền.
- Rủi ro về rửa tiền liên quan đến sản phẩm, dịch vụ.
- Nhiệm vụ và trách nhiệm của cán bộ nhân viên được giao thực hiện các công việc có liên quan đến công tác PCRT.

Eximbank đã thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn các báo cáo theo yêu cầu của pháp luật, bao gồm:

- Báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo.
- Báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử.
- Báo cáo giao dịch đáng ngờ.
- Báo cáo đánh giá rủi ro rửa tiền.
- Các báo cáo khác phát sinh theo yêu cầu từng thời kỳ.

Eximbank luôn thực hiện nghiêm túc và hiệu quả các biện pháp PCRT, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành, bảo vệ Eximbank và khách hàng của Eximbank khỏi các rủi ro về rửa tiền. Nhờ vậy, Eximbank đã xây dựng được niềm tin và sự tín nhiệm vững chắc từ khách hàng.

02.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- Tình hình hoạt động kinh doanh
- Tổ chức và nhân sự
- Đầu tư dự án
- Công ty con, công ty liên kết
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động kinh doanh của EIB đến 31/12/2024 cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024			% THKH năm 2024
				Giá trị	+/- so với 2023	% +/- so với 2023	
1	Tổng tài sản	201.417	223.500	239.768	38.351	19,0%	107,2%
2	Huy động vốn cuối kỳ (*)	158.329	175.000	178.312	19.983	12,6%	101,9%
3	Dư nợ cấp tín dụng (bao gồm TPDN)	140.524	161.000	168.230	27.706	19,7%	104,5%
4	Tỷ lệ nợ xấu nội bảng (nhóm 3 - nhóm 5)	2,71%	1,80%	2,53%	-0,18%		
5	Lợi nhuận trước thuế	2.720	5.180	4.188	1.468	54,0%	80,8%

Ghi chú: (*) Bao gồm phát hành giấy tờ có giá



HOẠT ĐỘNG KHỐI NGÂN HÀNG BÁN LẺ

TÍN DỤNG CÁ NHÂN

Hoạt động tín dụng cá nhân năm 2024 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng chung của kinh tế vĩ mô, những bất ổn về chính trị, kinh tế thế giới gặp khó khăn, tổng cầu phục hồi yếu, chuỗi cung ứng thiếu ổn định, đã ảnh hưởng đến nền kinh tế trong nước chậm lại, cầu tín dụng không cao như những năm trước.

Các khách hàng kinh doanh trong một số lĩnh vực như dệt may, da giày, điện tử, gỗ,....gặp khó khăn do đơn hàng giảm, thị trường xuất khẩu thu hẹp trong khi chi phí đầu vào tăng cao. Bên cạnh đó, thị trường Bất động sản có dấu hiệu đóng băng, các giao dịch trầm lắng hơn, các điều kiện thanh khoản bị thắt chặt, mức giá bất động sản vẫn đang ở mức cao so với mặt bằng chung thu nhập

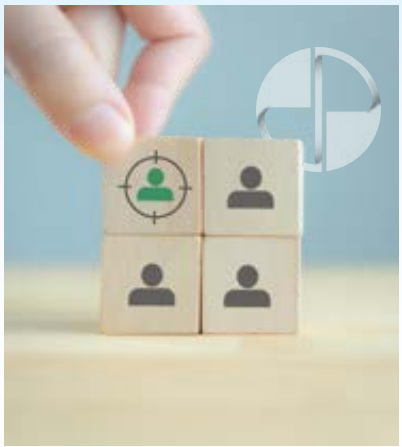
Mặc dù ảnh hưởng khó khăn nhưng dư nợ cho vay KHCN cũng đạt tốc độ tăng trưởng khả quan **tăng trưởng 11% so với đầu năm** và tỷ lệ nợ xấu cũng được kiểm soát theo quy định của NHNN và Eximbank

Để có những tăng trưởng ấn tượng, Eximbank tập trung vào phân khúc khách hàng mục tiêu:

- Người có nhu cầu vay mua nhà ở thực: Nhân viên văn phòng, công chức nhà nước, người có thu nhập trung bình muốn sở hữu nhà ở xã hội hoặc nhà thương mại giá rẻ.
- Chủ doanh nghiệp nhỏ, hộ kinh doanh cá thể tập trung trong lĩnh vực nông nghiệp theo định hướng của Chính phủ, sản xuất cần vốn lưu động hoặc đầu tư mở rộng.
- Khách hàng cá nhân có nhu cầu tiêu dùng nhỏ lẻ có khả năng tài chính ổn định

Bám sát định hướng lấy khách hàng làm trọng tâm, Eximbank thiết kế giải pháp sản phẩm cho từng phân khúc khách hàng nhằm tăng trải nghiệm sản phẩm dịch vụ đồng thời kiểm soát rủi ro cho từng nhóm: nhóm Khách hàng tiềm năng, Khách hàng tốt có nguồn thu nhập minh bạch và khách hàng thông thường

Bên cạnh đó, Eximbank liên tục ban hành các chương trình ưu đãi lãi suất, gói tín dụng ưu đãi cho trong lĩnh vực sản xuất, nông nghiệp, nông thôn, hỗ trợ khách hàng vượt qua khó khăn nhằm hỗ trợ khách hàng tiếp cận với giá vốn hợp lý góp phần vào giải pháp tăng trưởng tín dụng theo định hướng của NHNNN và Chính phủ.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

HUY ĐỘNG VÀ DỊCH VỤ CÁ NHÂN TRONG NƯỚC

Huy động vốn cá nhân:

Trong tình hình khó khăn chung của toàn hệ thống ngân hàng năm 2024 trong công tác huy động vốn chỉ tăng hơn 9% (thấp hơn mức tăng 2023 là 11%); thì Eximbank đã lấy khách hàng làm trọng tâm, xây dựng phân khúc khách hàng, xây dựng sản phẩm xung quanh phân khúc khách hàng từ đó đáp ứng nhu cầu của khách hàng. **Kết quả tăng trưởng huy động vốn khách hàng cá nhân trong năm 2024 là hơn 13%.**

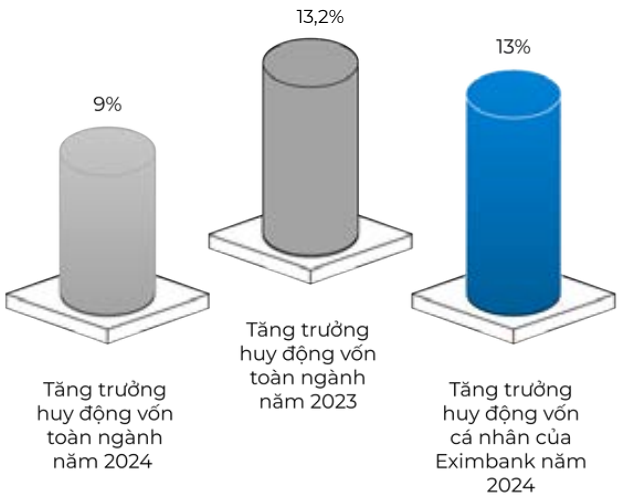
Cụ thể, đến 31/12/2024 số dư huy động vốn cá nhân đạt **113.520 tỷ đồng, chiếm 68% tổng vốn huy động toàn hệ thống, chiếm đến 96% tổng lượng khách hàng của Eximbank.**

Để đạt được kết quả như trên, Eximbank đã kịp thời triển khai các chính sách huy động vốn, đẩy mạnh nguồn huy động vốn ổn định từ dân cư, phù hợp với định hướng của Ngân hàng Nhà nước và với xu hướng thị trường. Bên cạnh đó, Eximbank tích cực triển khai các chương trình, sản phẩm, công nghệ mới hướng đến đáp ứng nhu cầu của khách hàng, nhằm gia tăng nền tảng khách hàng và đạt được sự hài lòng của khách hàng khi giao dịch tại Eximbank.

Điểm sáng trong công tác phát triển sản phẩm 2024 là Eximbank đã triển khai đẩy mạnh phát triển các sản phẩm phù hợp với thị hiếu khách hàng:

- **Tiết kiệm online, quà hay đến nhà**: Khách hàng gửi online, nhận ngay quà tặng tại nhà với nhiều loại quà hấp dẫn, quà tặng được thay đổi thường xuyên trong suốt cả năm.
- **Đa dạng các Combo tài khoản thanh toán**: trọn gói mở tài khoản và sử dụng các dịch vụ ngân hàng điện tử, thẻ.
- **Mở tài khoản thanh toán trực tuyến (eKYC) trên ứng dụng Eximbank EDigi:** khách hàng có thể mở mới tài khoản thanh toán trực tuyến mà không cần phải đến các điểm giao dịch của Eximbank.
- **Gói chi lương ưu đãi:** là gói sản phẩm ưu đãi dành cho khách hàng doanh nghiệp mới thực hiện chi lương tại Eximbank và ưu đãi cho cả các khách hàng cá nhân là nhân viên của công ty có mở tài khoản, nhận lương tại Eximbank

Tăng trưởng huy động vốn và phát triển sản phẩm của Eximbank năm 2024





Ngoài ra, từ cuối năm 2024 đầu 2025 Eximbank đã thực hiện chuẩn hóa, định vị lại phân khúc khách hàng cá nhân đồng nhất theo các phân hạng: Silver, Gold, Platinum và Infinite, để từ đó cung ứng các sản phẩm trọn gói cho từng phân khúc khách hàng.

Dịch vụ chuyển tiền trong nước:

Bên cạnh dịch vụ chuyển tiền trong nước ngoài hệ thống theo kênh truyền thống, Eximbank đã tập trung mở rộng kết nối các ngân hàng tham gia Dịch vụ chuyển tiền nhanh 24/7 nhằm tăng tốc độ xử lý lệnh chuyển tiền cho khách hàng. Năm 2024, Eximbank đã kết nối dịch vụ chuyển tiền nhanh với 53 ngân hàng, hạn mức chuyển tiền lên đến dưới 500 triệu đồng/giao dịch.

Trong năm 2024, dịch vụ chuyển tiền của Eximbank tiếp tục tăng 23% số lượng giao dịch và doanh số tăng tương đương năm 2023.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

DỊCH VỤ KIỀU HỐI VÀ CHUYỂN TIỀN ĐI NƯỚC NGOÀI

Dịch vụ chi trả kiều hối :

Trong năm qua, mặc dù gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế thế giới, bất ổn chính trị ở nhiều nơi, nhưng kiều bào vẫn nỗ lực thích ứng, ổn định cuộc sống và tiếp tục đóng góp cho quê hương đất nước. Lượng tiền kiều hối gửi về đã góp phần quan trọng giúp Việt Nam tăng nguồn ngoại tệ, đáp ứng nhu cầu trong nước. Từ đó, Việt Nam có thêm nguồn lực để duy trì chính sách tỷ giá hối đoái ổn định và gia tăng dự trữ ngoại hối quốc gia

Trong tổng lượng kiều hối chuyển về Việt Nam hằng năm, Mỹ là quốc gia dẫn đầu do có số lượng người Việt nhập cư và sinh sống nhiều nhất; tiếp đó là Anh, Úc, Canada. Với lượng lao động người Việt tại các thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan (Trung Quốc)... đã chiếm phần lớn trong dòng kiều hối với nhu cầu gửi tiền về cho gia đình và người thân

Để hỗ trợ kiều bào, Eximbank đã đẩy mạnh kết nối hợp tác đối tác kiều hối uy tín trên toàn cầu, không ngừng nghiên cứu để xây dựng và cải tiến hệ thống, phát triển mạnh các dịch vụ tài chính, tạo thuận lợi cho khách hàng nhận tiền quốc tế nhanh chóng, an toàn, tiện ích. Qua đó thu hút và tạo điều kiện để lượng kiều hối về Việt Nam ngày càng tăng. Đặc biệt, Eximbank đã luôn đồng hành với các đối tác hiện hữu tại các thị trường: Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc.... triển khai các chương trình ưu đãi, khuyến mãi tại Việt Nam nhằm nâng cao nhận diện và phục vụ khách hàng tốt hơn. Nhờ vào việc đa dạng hóa các dịch vụ và hợp tác với các đối tác chiến lược, doanh thu phí dịch vụ kiều hối tại Eximbank đã đạt 51% so với cùng kỳ năm 2023 và vượt 150% kế hoạch năm 2024. Dịch vụ kiều hối của Eximbank sẽ hứa hẹn một năm mới đầy khởi sắc với chất lượng vượt trội, mang đến cho khách hàng những trải nghiệm dịch vụ nhận tiền hiện đại với mang tính an toàn, nhanh chóng và tiện lợi, đáp ứng đúng nhu cầu thực tế của khách hàng khi giao dịch tại Eximbank



Dịch vụ chuyển tiền nước ngoài:

Trong năm qua, thị trường dịch vụ chuyển tiền quốc tế tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ với sự gia tăng nhu cầu từ người dùng cá nhân và doanh nghiệp. Với phân khúc khách hàng cá nhân chiếm 60% tổng giao dịch với nhu cầu gửi tiền cho gia đình, học phí và các chi phí sinh hoạt khác trong khi khách hàng doanh nghiệp chiếm 40% tổng giao dịch với nhu cầu thanh toán cho đối tác, nhà cung cấp, và các hoạt động kinh doanh khác. Bên cạnh tình hình thay đổi liên tục của tỉ giá ngoại tệ đã gây ảnh hưởng đến chi phí chuyển tiền và lợi nhuận cũng như các quy định pháp lý khắt khe tại một số quốc gia làm tăng độ phức tạp của quy trình chuyển tiền. Eximbank đã chú trọng vào việc nắm bắt xu hướng này bằng cách không ngừng cải tiến và đa dạng hóa các dịch vụ chuyển tiền. Từ đó, Eximbank đã tập trung nghiên cứu và phát triển các kênh thanh toán mới nhằm đem lại trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng:

- **QR Pay Song Phương Việt Nam - Thái Lan:**

Kênh thanh toán này sẽ được triển khai từ cuối 2024 đầu năm 2025, mang lại sự tiện lợi và nhanh chóng trong giao dịch quốc tế

- **Visa Direct:**

Kênh chuyển tiền mới này dự kiến sẽ được triển khai từ ngày 25/02/2025, góp phần nâng cao sự đa dạng và linh hoạt trong các dịch vụ thanh toán quốc tế

Việc không ngừng đa dạng hóa các kênh chuyển tiền quốc tế là một phần trong cam kết của Eximbank nhằm mang đến cho khách hàng những trải nghiệm tốt nhất, thuận tiện, chuyên nghiệp và an toàn khi sử dụng dịch vụ chuyển tiền/thanh toán quốc tế. Đến cuối năm, kết quả kinh doanh đã vượt mục tiêu với mức tăng trưởng đạt 23%. Đây là một thành tựu đáng kể, thể hiện sự nỗ lực của Eximbank trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ và đáp ứng nhu cầu của khách hàng, lấy khách hàng làm trọng tâm phục vụ và phát triển. Với sự tăng trưởng vượt bậc và việc triển khai các kênh thanh toán mới, Eximbank tự tin rằng sẽ tiếp tục gặt hái được nhiều thành công hơn nữa trong các năm tới.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN ĐỐI TÁC

Phòng Phát triển Đối tác – động lực thúc đẩy tăng trưởng bền vững: được thành lập vào cuối tháng 6/2024 theo Quyết định số 142/2024/EIB/QĐ-HĐQT, Phòng Phát triển Đối tác mang sứ mệnh mở rộng hợp tác chiến lược, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng và nâng cao hiệu quả hoạt động của Khối Ngân hàng Bán lẻ. Chỉ trong 6 tháng cuối năm 2024, phòng đã đạt được những kết quả ấn tượng, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển dài hạn.

Trong 6 tháng cuối năm 2024, phòng đã đạt được những kết quả nổi bật :

- Mở rộng mạng lưới hợp tác: Ký kết hợp tác với hơn 140 đối tác trong các lĩnh vực bất động sản, ô tô và dịch vụ tài chính, gia tăng cơ hội tiếp cận khách hàng mục tiêu.
- Chuẩn hóa quy trình: Ban hành các chính sách hợp tác, giúp nâng cao tính nhất quán, minh bạch và hiệu quả trong quản lý đối tác
- Thúc đẩy tăng trưởng tín dụng: Tăng cường cấp tín dụng và hỗ trợ tài chính, góp phần nâng cao dư nợ cho vay trong các phân khúc khách hàng cá nhân.

Kết quả triển khai theo từng lĩnh vực :

Bất động sản

- Hợp tác với nhiều dự án lớn và uy tín trên thị trường.
- Các dự án tiêu biểu trải dài tại nhiều khu vực trọng điểm, mở ra cơ hội sở hữu nhà ở cho nhiều khách hàng.

Ô tô

- Hợp tác và mở rộng mạng lưới đến 121 showroom, nâng cao khả năng tiếp cận khách hàng mua xe, tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng sở hữu phương tiện theo nhu cầu.

Hợp tác chiến lược khác

- Mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược triển khai các sản phẩm tài chính liên quan đến cho vay BĐS sổ đỏ, chuyển tiền nước ngoài, giáo dục, kết nối doanh nghiệp.
- Tạo nền tảng hợp tác vững chắc giữa ngân hàng và các tổ chức hỗ trợ tài chính – giáo dục uy tín trên thị trường, giúp gia tăng giá trị dịch vụ cho khách hàng

Dù chỉ mới hoạt động trong 6 tháng đầu tiên, Phòng Phát triển Đối tác đã thể hiện vai trò đầu mối chiến lược, kết nối và mở rộng mạng lưới hợp tác, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng tín dụng và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Những kết quả đạt được không chỉ đóng góp vào thành công chung của Khối Ngân hàng Bán lẻ mà còn khẳng định tầm quan trọng của phát triển đối tác trong chiến lược mở rộng thị phần và gia tăng giá trị bền vững.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

Bancassurance không chỉ là một mảng dịch vụ trọng tâm tại Eximbank mà còn là cầu nối giúp khách hàng tiếp cận những giải pháp tài chính và bảo vệ vững chắc. Qua từng năm, hoạt động này không ngừng được mở rộng, đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng ở mọi phân khúc, đồng thời trở thành nguồn thu nhập ngoài lãi quan trọng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của ngân hàng.

Năm 2024 bên cạnh triển khai các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ thông qua hợp đồng đại lý (hiệu lực 01 năm) với Generali, Eximbank đã mở rộng danh mục bảo hiểm phi nhân thọ (nhà, ô tô, hàng hóa...) và bảo hiểm sức khỏe với các đối tác hàng đầu trên thị trường. Nhờ chiến lược đúng đắn và sự tin tưởng của khách hàng, Eximbank ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng: doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ đạt 214,6 tỷ đồng, trong khi bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe mang về 218,9 tỷ đồng.





Tầm nhìn 2025, Eximbank đặt mục tiêu nâng tầm Bancassurance lên một giai đoạn phát triển mới. Ngân hàng sẽ chủ động tìm kiếm, gửi lời mời hợp tác và thương thảo với các đối tác bảo hiểm nhân thọ tiềm năng để có thể tiến đến ký kết hợp đồng độc quyền dài hạn, đảm bảo mang đến những giải pháp bảo vệ tối ưu và giá trị bền vững hơn cho khách hàng. Song song đó, Eximbank tiếp tục đẩy mạnh phân phối các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự tư vấn, mở rộng phạm vi phục vụ cùng với tích hợp công nghệ hiện đại trong các khâu bán hàng nhằm mang đến sự tin tưởng và hài lòng cho khách hàng.

Với định hướng chiến lược rõ ràng và sự cam kết mạnh mẽ, Eximbank không chỉ đồng hành cùng khách hàng trên hành trình tài chính vững vàng mà còn tạo dựng một hệ sinh thái dịch vụ đa dạng, gia tăng giá trị dài hạn cho cả khách hàng và ngân hàng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ SỐ:

1. Eximbank EDigi

Ngân hàng số Eximbank EDigi đã triển khai hàng loạt tính năng, tiện ích mới, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, tiêu biểu như :

- Triển khai nickname tài khoản: khách hàng thỏa sức sáng tạo với tên riêng cho tài khoản thanh toán.
- Tự động tách lệnh giao dịch chuyển khoản nhanh Napas: khách hàng không còn phải thực hiện riêng lẻ các giao dịch dưới 500 triệu đồng để được chuyển ngay đến người nhận.
- Kích hoạt và cài đặt PIN thẻ ngay trên ngân hàng số, không cần sử dụng PIN giấy truyền thống.
- Mở sổ tiết kiệm online 24/7 với ưu đãi cộng thêm lãi suất vào cuối tuần.
- Chia tiền hóa đơn, tạo ngay mã QR nhận tiền theo số tiền hóa đơn đã chia để gửi đến người cần chuyển.
- Cải tiến UIUX, gia tăng trải nghiệm giao dịch số...

Theo đó, Eximbank EDigi vượt gần 30% kế hoạch về số lượng người dùng đăng ký và phát sinh giao dịch tài chính.





2. Tuân thủ

Eximbank thuộc nhóm ngân hàng tiên phong đáp ứng các quy định từ cơ quan chức năng, Ngân hàng Nhà nước. Trong năm 2024, Eximbank đã triển khai các dự án tuân thủ lớn như sau:

Quyết định 06/QĐ-TTg vv Phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030" & Quyết định 2345/QĐ-NHNN của NHNN về Triển khai các giải pháp an toàn, bảo mật trong thanh toán trực tuyến và thanh toán thẻ ngân hàng

- Eximbank đã thực hiện xác thực CCCD gắn chip và sinh trắc học theo đề án 06. Tính đến tháng 02/2025, Eximbank đã thu thập sinh trắc học của trên 400.000 khách hàng trên cả hai kênh online và quầy giao dịch
- Từ tháng 7/2024, Eximbank đã thực hiện xác thực sinh trắc học các giao dịch trực tuyến giá trị cao
- Eximbank đã triển khai dùng VNeID để kiểm tra thông tin khách hàng tại quầy giao dịch.
- Eximbank đã chuẩn bị điều kiện cần thiết để triển khai tích hợp ứng dụng VNeID nhằm phục vụ công tác xác thực/định danh khách hàng trong năm 2025.

Nghị định 13/2023/NĐ-CP của Chính phủ về Bảo vệ dữ liệu cá nhân

- Tháng 6/2024 Eximbank triển khai thu thập sự đồng ý của khách hàng cá nhân trên ngân hàng số Eximbank EDigi.
- Eximbank phối hợp với đơn vị tư vấn thực hiện rà soát, cải tiến hệ thống, hoạt động để tuân thủ yêu cầu Nghị định 13.

SẢN PHẨM, DỊCH VỤ SỐ :

3. Eximbank Loyalty

Bước tiến mới của Eximbank Loyalty – Gắn kết bền vững, tri ân xứng tầm

Đầu năm 2024, chương trình Khách hàng thân thiết Eximbank Loyalty chính thức được Cục Sở hữu Trí tuệ bảo hộ nhãn hiệu, khẳng định dấu ấn riêng và cam kết lâu dài của Eximbank trong việc tri ân khách hàng. Không ngừng phát triển, chương trình đã mang lại những lợi ích thiết thực, với gần 300.000 khách hàng tích lũy điểm thưởng trong năm, dễ dàng đổi quà và tận hưởng ưu đãi tại tất cả các điểm giao dịch của Eximbank.

Đánh dấu cột mốc mới, tháng 10/2024, Eximbank Loyalty ra mắt diện mạo hiện đại hơn và mở rộng kho quà tặng ngay trên nền tảng ngân hàng số Eximbank EDigi. Sự đổi mới này không chỉ nâng cao trải nghiệm mà còn khẳng định sự tận tâm của Eximbank trong hành trình đồng hành cùng khách hàng, mang đến những giá trị thiết thực và bền vững hơn mỗi ngày.



4. Eximbank Soundbox

Tháng 12/2024 Eximbank triển khai giải pháp thanh toán QRcode gắn với thiết bị thông báo giao dịch (Eximbank Soundbox) cho khách hàng có kinh doanh thực tế. Với giải pháp này, người mua hàng có thể quét mã QR hiển thị trên thiết bị Eximbank Soundbox để chuyển khoản cho người bán (là khách hàng có tài khoản thanh toán tại Eximbank), và khi giao dịch thành công, thiết bị sẽ phát âm thanh thông báo số tiền đã thực nhận.

Hiệu quả triển khai thể hiện rõ qua những con số ấn tượng: 933 thiết bị vận hành ổn định, ghi nhận 603.062 giao dịch với tổng doanh số lên đến 499,7 tỷ VND. Những kết quả này không chỉ khẳng định tính hiệu quả của giải pháp mà còn phản ánh sự tin tưởng và mức độ sử dụng ngày càng cao từ khách hàng.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

HOẠT ĐỘNG THẺ

1. Sản phẩm/dịch vụ/tiện ích mới

- Triển khai tính năng thanh toán E-Wallet: Apple Pay, Google Pay, Samsung Pay, Garmin Pay
- Triển khai chuẩn hóa lại hình ảnh Thẻ tuân thủ TT18/2024
- Triển khai dịch vụ thanh toán giao thông công cộng Metro bằng hình thức không tiếp xúc cho Thẻ quốc tế Mastercard, Napas





2. Triển khai thường xuyên và trải đều qua từng tháng các chương trình khuyến mãi

Ký hợp tác với các đối tác ưu đãi & trả góp có thương hiệu lớn trên thị trường: PNJ, Điện Máy Chợ Lớn, Shopee, Tiki, CellphoneS, Grab, BE, Trung tâm anh ngữ ILA, LG Electronic, Bảo Việt, CGV, Nhà hàng A Mà, Khách sạn Mường Thanh và hơn 180 đối tác với hơn 10,000 điểm chấp nhận thanh toán ưu đãi & trả góp qua thẻ Eximbank.

Chương trình chăm sóc KH :

- "Quẹt thẻ thả ga, hoàn tiền bao la" hoàn tiền đến 2 triệu đồng dành cho chủ thẻ phát sinh giao dịch trong thời gian diễn ra chương trình từ 20/4/2024 - 15/7/2024
- Bảo hiểm du lịch toàn cầu cho chủ thẻ tín dụng cao cấp hạng Platinum trở lên
- Chương trình quà tặng 03 iPhone 15 pro max dành cho chủ thẻ mở mới & hoàn tiền giao dịch "Mừng 35 năm Eximbank – Tri ân dành tặng Chủ Thẻ tín dụng Eximbank"
- Tặng lượt sử dụng miễn phí phòng chờ sân bay dành cho chủ thẻ Platinum trở lên nếu thỏa điều kiện doanh số chi tiêu
- Chạm JCB, vi vu Nhật Bản miễn phí" từ ngày 01/11/2024 đến 28/2/2025.

Chương trình ưu đãi giảm giá:

- Triển khai các chương trình giảm giá đến 100.000đ tại hơn 180 thương hiệu mua sắm và giải trí khi thanh toán thẻ như: Shopee, CGV, Be, Grab, Lazada, PNJ, Điện Máy Chợ Lớn,...
- Ưu đãi giảm giá 1,5 triệu khi mua iPhone 16 tại Tiki và CellphoneS

Tổng doanh số sử dụng thẻ năm 2024 đạt 6,894 tỷ đồng

Tổng doanh thu từ phí: thu 232 tỷ. Doanh thu từ phí bình quân/Tháng đạt 116 tỷ/Tháng. Định hướng sẽ thúc đẩy tăng trưởng doanh số giao dịch để tăng doanh thu từ phí.
(Đây là số liệu cập nhật từ Tháng 01/01/2025 đến thời điểm báo cáo - 12/03/2025).

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG & ƯU ĐÃI KHUYẾN MÃI

EXIMBANK



3. Hoạt động triển khai mở rộng mạng lưới ĐVCNT

Triển khai hợp tác phát triển mảng thanh toán thẻ với các đối tác lớn như Payoo, VNPAY, Gpay, Onefin... đẩy mạnh tăng trưởng doanh số thanh toán thẻ tăng 23% so với năm 2023

Tổng số lượng máy POS đang hoạt động toàn hàng: 20.961 máy POS. Trong đó, số lượng máy POS phát triển mới: tăng trưởng 6.063 máy POS.

Tổng doanh số: đạt 21.500 tỷ. Doanh số bình quân/Tháng đạt 11.000 tỷ/Tháng và định hướng sẽ tăng trưởng ổn định Tháng tiếp theo duy trì từ 15.000 - 17.000 tỷ/Tháng



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

HOẠT ĐỘNG KHỐI KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP

TÍN DỤNG

Năm 2024, nền kinh tế chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như áp lực lạm phát, chi phí mặt bằng tăng cao, biến động thị trường xuất khẩu do tình hình kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh đó, Eximbank đã thực hiện các biện pháp như tiết giảm chi phí, đơn giản hóa thủ tục vay và giảm lãi suất để hỗ trợ khách hàng.

Kết quả, dư nợ tín dụng của KHDN tăng 30% so với năm trước. Eximbank đã triển khai nhiều chương trình cho vay ưu đãi với tổng hạn mức lên đến 23.500 tỷ đồng, giúp doanh nghiệp tiếp cận vốn lưu động với lãi suất cạnh tranh chỉ từ 3,4%/năm (USD) và 4,5%/năm (VND). Đồng thời, ngân hàng miễn, giảm các loại phí dịch vụ để hỗ trợ doanh nghiệp giảm thiểu chi phí hoạt động.

Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát tốt, duy trì dưới 3%, trong đó nhóm KHDN Lớn & FDI có tỷ lệ cực thấp, chỉ 0,073%, cho thấy chất lượng tín dụng của phân khúc này rất ổn định.

Bên cạnh việc tập trung vào mảng KHDN Lớn & FDI, Eximbank cũng chú trọng đến KHDN vừa và nhỏ (SME). Phân khúc SME có nhu cầu tiếp cận vốn nhanh và linh hoạt hơn. Trong năm 2024, Eximbank đã triển khai sản phẩm EFAST, giúp doanh nghiệp SME vay từ 3 - 15 tỷ đồng với lãi suất ưu đãi chỉ từ 5,25%/năm, đặc biệt phê duyệt hạn mức chỉ trong 8 giờ. Điều này giúp doanh nghiệp nhanh chóng có nguồn vốn để vận hành hoạt động kinh doanh.

Ngân hàng cũng có các gói vay trung dài hạn với lãi suất cố định chỉ từ 6,49%/năm, giúp doanh nghiệp ổn định tài chính trong thời gian dài.

Đối với những doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi thiên tai, cụ thể là bão Yagi tháng 9/2024, Eximbank đã đưa ra các chính sách hỗ trợ đặc biệt:

- Vay ngắn hạn: Giảm thêm 1% lãi suất trong tháng đầu tiên.
- Vay trung dài hạn: Miễn lãi 2 tháng đầu, sau đó áp dụng lãi suất cố định 7,49%/năm trong 10 tháng tiếp theo.
- Tổng dư nợ tín dụng của SME năm 2024 đạt 44.434 tỷ đồng, tăng 1.099 tỷ đồng so với năm 2023.

HUY ĐỘNG VỐN



Tổng số tiền gửi huy động từ nhóm KHDN đạt 54.301 tỷ đồng, chiếm 32% tổng huy động của toàn hệ thống. Trong đó, doanh nghiệp FDI và KHDN Lớn đóng góp 64% (34.924 tỷ đồng).

Eximbank đã triển khai nhiều sản phẩm và chương trình ưu đãi để thu hút nguồn tiền từ khách hàng doanh nghiệp:

- Tiền gửi online: Lãi suất hấp dẫn cho doanh nghiệp gửi tiền trực tuyến.
- Combo 5 in 1: Gói dịch vụ trọn gói bao gồm tài khoản thanh toán, ngân hàng điện tử, thẻ, thanh toán thuế.
- Reactive account: Miễn phí các loại phí tài khoản, phí số tài khoản đẹp, phí chuyển tiền trong nước và quốc tế.
- Dịch vụ tài khoản định danh – Virtual Account: Giúp doanh nghiệp quản lý dòng tiền hiệu quả bằng cách phân loại và ghi nhận giao dịch theo từng tài khoản định danh.

Eximbank đã điều chỉnh lãi suất bậc thang đối với tiền gửi thanh toán, giúp ngân hàng tiết kiệm chi phí trả lãi mà vẫn tăng được quy mô tiền gửi từ khách hàng doanh nghiệp SME.

DỊCH VỤ CHUYỂN TIỀN



- Dịch vụ chuyển tiền trong nước tiếp tục tăng trưởng mạnh: Số lượng giao dịch tăng 23% so với năm 2023, doanh số chuyển tiền tăng 26%.
- Eximbank đã mở rộng kết nối với 53 ngân hàng để triển khai dịch vụ chuyển tiền nhanh 24/7, với hạn mức giao dịch lên đến 500 triệu đồng/lần.

Riêng chuyển tiền qua ngân hàng số có mức tăng trưởng đột phá:

- Số lượng giao dịch tăng 56%.
- Doanh số tăng 147%.
- Bổ sung thêm nhiều tiện ích thanh toán như:
- Chuyển tiền bằng QR code.
- Chuyển khoản qua số điện thoại.
- Tài khoản nickname thay vì số tài khoản truyền thống.
- Eximbank triển khai các chương trình miễn giảm phí để khuyến khích doanh nghiệp sử dụng dịch vụ thanh toán không tiền mặt.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



THANH TOÁN QUỐC TẾ & TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI

- Doanh số thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại đạt 3,07 tỷ USD, tăng 36%.
- Hỗ trợ xuất khẩu cho ngành cao su, nông sản với chính sách giá ưu đãi.
- Chương trình E-One & I-One giúp giảm lãi suất 1,5% - 3,4% cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu.
- Ra mắt gói EFEE, giảm 90% phí chuyển tiền quốc tế.
- Ưu đãi 1 USD/giao dịch cho khách hàng mới.
- Miễn phí tra soát/hủy/điều chỉnh lệnh chuyển tiền.

NGÂN HÀNG SỐ

- Nâng cấp dịch vụ ký số, xác nhận tiền gửi online, tự động hóa chuyển tiền nhanh 24/7.

DỊCH VỤ BẢO LÃNH

- Eximbank áp dụng bảo lãnh điện tử SWIFT MT 760 thay vì bản giấy cho khách hàng là đại lý của Hiệp hội Hàng không Quốc tế (IATA), giúp tăng tốc độ xử lý hồ sơ.
- Triển khai bảo lãnh trực tuyến qua Eximbank Ebiz.
- Miễn phí bảo lãnh dự thầu online cho doanh nghiệp SME.
- Giảm 40% phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh bảo hành khi giao dịch online.
- Giới thiệu sản phẩm BFAST – bảo lãnh "0 đồng", phát hành chỉ trong 2 giờ.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

HOẠT ĐỘNG KHỐI KINH DOANH NGOẠI TỆ

Năm 2024 đánh dấu một năm đầy khó khăn và thách thức khi kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm lại do môi trường lãi suất cao, căng thẳng địa chính trị và chuỗi cung ứng bất ổn. Bên cạnh đó, xu hướng mạnh lên của đồng USD quốc tế sau chiến thắng tuyệt đối của Tổng thống Donald Trump và Đảng Cộng hòa trong kỳ bầu cử Tổng thống Mỹ cuối năm 2024 cũng đã tạo thêm nhiều áp lực lên thị trường ngoại hối trong nước, góp phần tạo nên sự đảo chiều mạnh mẽ của mặt bằng lãi suất VND trên thị trường.

Trước những biến động liên tục của thị trường tài chính toàn cầu và của thị trường ngoại hối trong và ngoài nước, **hoạt động kinh doanh ngoại hối của Eximbank thực sự đã trải qua một năm "vượt sóng, đạp gió" với nhiều kết quả tích cực.** Bằng những nỗ lực không ngừng nghỉ, Eximbank đã luôn cải tiến, đa dạng hóa các sản phẩm, đưa ra các giải pháp nhằm tăng hiệu quả kinh doanh, hạn chế rủi ro đối với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam, đồng thời cải tiến công nghệ để đáp ứng cho mọi nhu cầu của khách hàng.

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh ngoại hối của Eximbank vẫn giữ vững vai trò nhà tạo lập trên thị trường ngoại hối Việt Nam khi vinh dự nhận được hai giải thưởng quan trọng, bao gồm **"Ngân hàng có khối lượng giao dịch ngoại hối lớn nhất Việt Nam 2023 – Most Volume Traded" và "Ngân hàng Năng động nhất thị trường ngoại hối Việt Nam 2023 – Most Active Bank" (do LSEG trao tặng).**

Kết quả trên là minh chứng cho sự nhạy bén với thay đổi thị trường và những nỗ lực không ngừng của tập thể lãnh đạo và cán bộ nhân viên Eximbank trong hoạt động kinh doanh ngoại hối – một thế mạnh truyền thống của Eximbank.

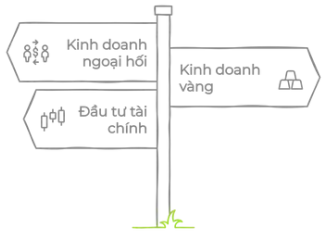
Hoạt động kinh doanh vàng

Trong năm 2024, giá vàng đạt mức cao kỷ lục, thu hút sự quan tâm đáng kể từ khách hàng. Hoạt động kinh doanh vàng tiếp tục được triển khai như một sản phẩm bổ trợ hiệu quả phục vụ nhu cầu cho các khách hàng cá nhân.

Đồng thời, Eximbank luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan quản lý, đảm bảo hoạt động kinh doanh vàng diễn ra minh bạch, an toàn và bền vững.

Hoạt động đầu tư tài chính

Với mục tiêu tối đa hóa hiệu quả sử dụng vốn đồng thời đảm bảo an toàn thanh khoản cho hệ thống, quy mô hoạt động đầu tư tài chính của Eximbank trong năm 2024 tăng mạnh. Danh mục đầu tư trái phiếu tăng lên 23.800 tỷ, trong đó danh mục đầu tư Trái phiếu Chính phủ đạt 14.164 tỷ.



Giá trị ghi sổ danh mục đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2024:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	31/12/2023	31/12/2024	Tăng / giảm
1. Trái phiếu	4.664	23.800	410%
1.1. Trái phiếu Chính phủ	2.564	14.164	452%
1.2. Trái phiếu Tổ chức Tín dụng	2.100	9.636	359%
2. Chứng chỉ tiền gửi	2.200	6.100	177%
3. Góp vốn, mua cổ phần	512	512	-

Trong năm 2024, Eximbank cũng đã tăng cường phát hành các loại Giấy tờ có giá ra thị trường nhằm gia tăng nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh. Năm 2024 ghi dấu lần đầu tiên Eximbank phát hành thành công trái phiếu riêng lẻ; và phát hành thành công giấy tờ có giá cho các đối tác định chế tài chính nước ngoài, kỳ hạn cố định 5 năm. Số dư phát hành GTCG đạt mức 10.880 tỷ đồng, cao nhất từ trước đến nay.



HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Hoạt động quan hệ với các định chế tài chính trong nước và quốc tế

Hoạt động quan hệ giao dịch, hợp tác của Eximbank với các định chế tài chính trong và ngoài nước tiếp tục được củng cố và tăng cường thông qua việc mở rộng hạn mức giao dịch, gia tăng doanh số giao dịch cũng như chủ động khai thác, tiếp cận các đối tác mới nhằm kiến tạo không gian giao dịch thúc đẩy hoạt động kinh doanh tiền tệ, tài trợ thương mại.

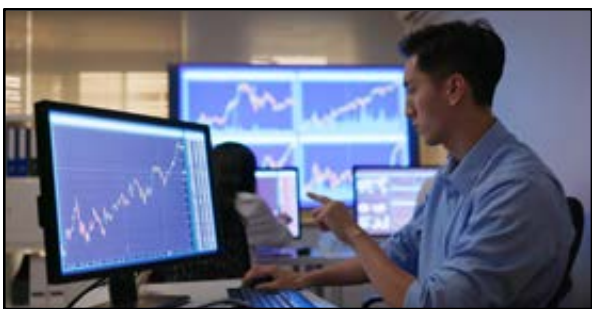
Trong năm 2024, uy tín và thương hiệu của Eximbank được củng cố và nâng cao trên thị trường trong nước và quốc tế. Sự kiện Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) tăng hạn mức tài trợ thương mại từ 75 triệu USD lên 115 triệu USD trong năm 2024 không chỉ khẳng định uy tín của Eximbank trên thị trường tài chính quốc tế mà còn mở ra cơ hội để Eximbank tiếp tục hỗ trợ các doanh nghiệp Việt Nam trong lĩnh vực tài trợ thương mại và thanh toán quốc tế. Đặc biệt trong quý IV/2024, Eximbank đã thành công gọi vốn quốc tế gần 1.600 tỷ đồng thông qua việc phát hành trái phiếu cấp 1 theo hình thức riêng lẻ, kỳ hạn 5 năm cho các định chế tài chính quốc tế hàng đầu – điều này tiếp tục khẳng định sự tin tưởng của nhà đầu tư vào sự minh bạch thông tin, năng lực tài chính, khả năng quản trị cũng như chiến lược phát triển dài hạn của Eximbank.



Hoạt động quan hệ ngân hàng đại lý của Eximbank tiếp tục được duy trì và quản lý tốt, đồng thời chủ động tiếp xúc với những đối tác mới nhằm tìm kiếm cơ hội kinh doanh, cũng như hỗ trợ tích cực cho các khách hàng của Eximbank. Eximbank hiện có quan hệ đại lý với khoảng 600 ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại 68 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, Eximbank tiếp tục tăng cường hơn nữa hoạt động quốc tế của mình để ngày càng khẳng định và nâng cao vị thế, thương hiệu Eximbank.

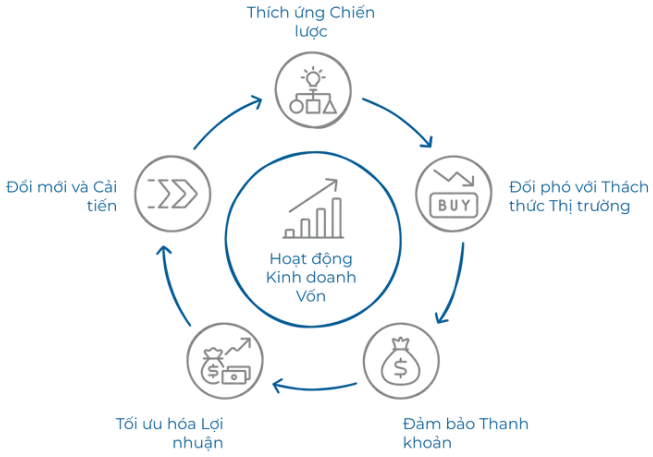
Trong năm 2024, các ngân hàng hàng đầu thế giới như JP Morgan, Bank of New York Mellon, Wells Fargo, CitiBank tiếp tục trao tặng cho Eximbank các giải thưởng chất lượng thanh toán quốc tế xuất sắc.

Ngày 23/07/2024, S&P Global công bố cập nhật tín nhiệm đối tác dài hạn của Eximbank được giữ nguyên ở mức B+, ngắn hạn B, triển vọng ổn định. Kết quả xếp hạng này phản ánh uy tín và tình hình kinh doanh khả quan của Eximbank.



Hoạt động kinh doanh vốn

Mặc dù môi trường kinh doanh đầy biến động những năm gần đây tạo ra nhiều thách thức đối với hiệu quả hoạt động nói chung và mảng kinh doanh liên ngân hàng nói riêng, nhưng với chiến lược linh hoạt, thích ứng nhanh nhạy trước các thay đổi của thị trường tiền tệ, hoạt động kinh doanh vốn tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong đảm bảo thanh khoản và tối ưu hóa lợi nhuận của Eximbank, không ngừng đổi mới và hoàn thiện trong hoạt động quản lý và kinh doanh vốn.

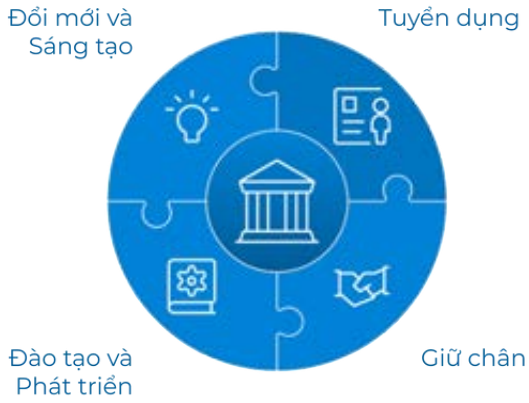




Hoạt động Tài chính của Eximbank



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



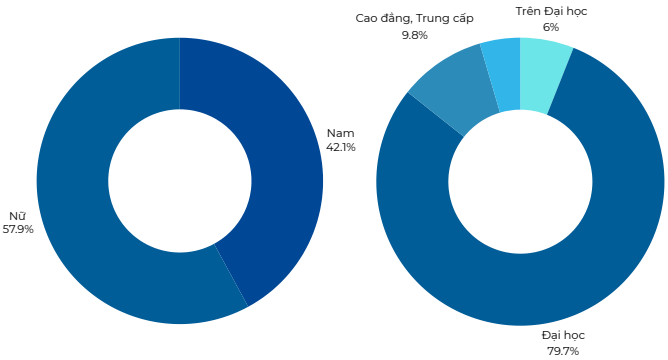
Tại Eximbank, con người luôn được đặt ở vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển, là nhân tố quyết định sự thành công và nâng cao năng lực cạnh tranh của ngân hàng. Với tầm nhìn trở thành một trong những ngân hàng thương mại hàng đầu tại Việt Nam được dẫn dắt bởi tính chuyên nghiệp và liêm chính, Eximbank cam kết xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, nơi mỗi cá nhân đều có cơ hội phát triển và thăng tiến.

TỔNG SỐ NHÂN SỰ

Tổng số nhân sự của Eximbank tính đến ngày 31/12/2024 là 6.366 người, tăng 202 người (tương đương 3,2%) so với cuối năm 2023. Trong đó, Cán bộ nhân viên nữ chiếm 57,92%; Cán bộ nhân viên có trình độ đại học trở lên chiếm 85,69%, Cán bộ nhân viên có trên 05 năm kinh nghiệm làm việc tại Eximbank chiếm 45,68% và Cán bộ quản lý từ cấp Phó phòng trở lên chiếm 13,51%.

Bảng Số lượng lao động của Eximbank tại 31/12/2024:

STT	Loại hình lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I.	**Phân chia theo giới tính**		
1	Nam	2.679	42,08%
2	Nữ	3.687	57,92%
II.	**Phân theo trình độ**		
1	Trên Đại học	383	6,02%
2	Đại học	5.072	79,67%
3	Cao đẳng, Trung cấp	621	9,75%
4	Lao động phổ thông	290	4,56%



Ban Điều hành:

Năm 2024, Ban Điều hành Eximbank có 07 thành viên và số lượng cổ phiếu của các TV BĐH nắm giữ tại ngày 31/12/2024 như sau:

Số lượng cổ phiếu của các TV BĐH:

STT	Họ và tên	Chức danh	Số CP sở hữu	Tỉ lệ (%)
1	Ông Nguyễn Hoàng Hải	Quyền Tổng Giám đốc		
2	Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc	14.955	0,0008%
3	Bà Lê Thị Mai Loan (*)	Phó Tổng Giám đốc	19.196.737	1,03%
4	Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám Đốc Tài Chính	43.069	0,0023%
5	Ông Nguyễn Hướng Minh	Phó Tổng Giám đốc		
6	Ông Phạm Đăng Khoa (**)	Phó Tổng Giám đốc		
7	Ông Lã Quang Trung	Kế Toán Trưởng		

(*) Bà Lê Thị Mai Loan không còn là Phó tổng giám đốc kể từ ngày 10/1/2025.

(**) Ông Phạm Đăng Khoa không còn là Phó tổng giám đốc kể từ ngày 10/1/2025.

PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC



CHÍNH SÁCH THU HÚT VÀ LƯU GIỮ NHÂN SỰ:

Để thu hút và giữ chân nhân tài, Eximbank không ngừng hoàn thiện các chính sách đãi ngộ, tạo dựng văn hóa làm việc tích cực, khuyến khích sự đổi mới và cống hiến. Một số hoạt động nổi bật trong năm 2024 bao gồm:

- Chiến lược thu hút nhân tài trọng điểm: Tập trung vào các nhóm nhân sự có chuyên môn cao trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng, công nghệ, chuyển đổi số và quản trị rủi ro.
- Tạo dựng môi trường làm việc bền vững: Khuyến khích sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống, xây dựng chính sách hỗ trợ cho nhân viên về sức khỏe thể chất và tinh thần.
- Chương trình gắn kết nhân sự: Tổ chức các hoạt động văn hóa nội bộ, nâng cao trải nghiệm làm việc và tăng tính kết nối giữa các thành viên trong tổ chức.



CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC:

Nhận thức rõ vai trò của nguồn nhân lực nội bộ trong sự phát triển dài hạn, trong năm 2024 Eximbank triển khai các chính sách nhằm nâng cao năng lực nhân sự, phát huy tối đa nguồn lực con người, tạo điểm tựa cho sự phát triển của ngân hàng:

- Chương trình phát triển lãnh đạo kế cận: Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tương lai thông qua "Chương trình Cán bộ Quản lý Tiềm năng" và "Chương trình Phân cấp Chuyên viên", giúp nhân viên có cơ hội phát triển theo hướng chuyên sâu và bền vững.
- Tối ưu hóa mô hình tổ chức: Cải tiến cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu quả quản trị; chuẩn hóa hệ thống chức danh, mô tả công việc, xây dựng quy định về lộ trình phát triển nghề nghiệp nhằm giúp nhân viên có lộ trình phát triển rõ ràng.
- Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá và khen thưởng: Hệ thống KPIs được cải tiến liên tục, cùng với cơ chế khen thưởng minh bạch, công bằng, khuyến khích nhân viên đạt thành tích xuất sắc.



CHÍNH SÁCH TIỀN LƯƠNG VÀ PHÚC LỢI:

Eximbank cam kết xây dựng một chính sách tiền lương, chế độ đãi ngộ, phúc lợi mang tính cạnh tranh, tạo động lực để nhân viên gắn bó và phát triển sự nghiệp:

- Cơ chế lương linh hoạt: Được thiết kế theo từng vị trí công việc và hiệu suất lao động, đặc biệt là chính sách trả lương theo mức đóng góp đối với nhân sự kinh doanh và hỗ trợ kinh doanh.
- Chính sách phúc lợi toàn diện: Cung cấp nhiều quyền lợi vượt trội như bảo hiểm sức khỏe toàn diện, hỗ trợ tài chính cho nhân viên có hoàn cảnh khó khăn, chính sách ưu đãi vay vốn dành riêng cho CBNV.
- Chương trình chăm sóc đời sống nhân viên: Gồm các hoạt động khám sức khỏe định kỳ, du lịch nghỉ dưỡng, quà tặng trong các dịp lễ, Tết, chính sách hỗ trợ cho nhân viên khi nghỉ hưu,...



CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG:

Trong năm 2024, Eximbank tiếp tục đổi mới quy trình tuyển dụng nhằm thu hút nhân sự chất lượng cao, đồng thời nâng cao trải nghiệm ứng viên:

- Tinh gọn quy trình tuyển dụng; Áp dụng hệ thống kiểm tra tham chiếu (ref check), tối ưu hóa quy trình ký kết hợp đồng lao động và cấp quyền truy cập hệ thống, giúp nâng cao hiệu quả tuyển dụng và trải nghiệm của nhân sự.
- Gia tăng tuyển dụng nhân sự có kinh nghiệm: Tỷ lệ tuyển dụng ứng viên có kinh nghiệm tăng lên 76,3%, cao hơn 31,1% so với năm 2023.
- Đa dạng kênh tuyển dụng: Mở rộng mạng lưới tuyển dụng thông qua các nền tảng công nghệ, hợp tác với các trường đại học, tổ chức chương trình thực tập sinh tài năng để tìm kiếm và đào tạo nhân sự trẻ.



HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO – NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỘI NGŨ:

Đào tạo và phát triển nhân lực là một trong những ưu tiên hàng đầu của Eximbank nhằm đảm bảo mỗi cá nhân trong tổ chức đều có cơ hội được đào tạo, cập nhật kiến thức và kỹ năng mới trong lĩnh vực chuyên môn, giúp nâng cao năng lực và đáp ứng yêu cầu công việc, cụ thể:

- Quy mô đào tạo mở rộng: Tổng số giờ đào tạo năm 2024 đạt 192.165 giờ, bình quân 32,27 giờ/người.
- Ứng dụng công nghệ trong đào tạo: Đầu tư hệ thống LMS & E-learning, giúp nâng cao trải nghiệm học tập và cá nhân hóa lộ trình phát triển của từng nhân viên.
- Phát triển đội ngũ giảng viên nội bộ: Chú trọng xây dựng lực lượng giảng viên nội bộ tại các khu vực, đảm bảo công tác đào tạo sát với thực tế kinh doanh và yêu cầu nghiệp vụ.
- Tăng cường đào tạo hội nhập và tuân thủ: Định kỳ tổ chức các khóa đào tạo về quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, an toàn bảo mật, phòng chống rửa tiền, giúp nhân viên nắm vững các tiêu chuẩn hoạt động và nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Với chiến lược phát triển nguồn nhân lực toàn diện, Eximbank không ngừng đầu tư vào các chính sách thu hút, đào tạo và giữ chân nhân tài. Hướng tới xây dựng đội ngũ nhân sự vững mạnh, chuyên nghiệp, sẵn sàng thích ứng với những thay đổi của thị trường và đóng góp vào sự phát triển bền vững của tổ chức.

ĐẦU TƯ DỰ ÁN 2024

EXIMBANK

DỰ ÁN	HIỆU QUẢ MANG LẠI	THỜI GIAN TRIỂN KHAI
Triển khai công nghệ AI cho hệ thống tổng đài chăm sóc khách hàng (Contact Center)	Áp dụng công nghệ AI vào tổng đài Contact Center mang lại dịch vụ hỗ trợ 24/7, trả lời ngay lập tức các yêu cầu từ khách hang như tra cứu số dư và tư vấn sản phẩm. Khách hàng luôn nhận được hỗ trợ kịp thời, mọi lúc, mọi nơi, tối ưu trải nghiệm và sự tiện lợi.	Tháng 04/2024
Mở rộng hệ thống khởi tạo khoản vay và quản lý quy trình (LOS/BPM)	Tối ưu hóa quy trình phê duyệt tín dụng và cập nhật biểu mẫu, sản phẩm mới giúp tăng tốc độ xử lý hồ sơ, nâng cao hiệu suất làm việc, đồng thời tự động hóa và cải thiện hiệu quả nhằm đáp ứng tốt nhu cầu công việc mà còn giúp khách hàng tiết kiệm thời gian và công sức, mang lại trải nghiệm xử lý hồ sơ nhanh chóng và thuận tiện.	Tháng 05/2024
Mở rộng hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM/ESale+)	Tích hợp quản lý chính sách KPI, bản tin truyền thông, danh mục các sản phẩm dịch vụ mới của ngân hang nhằm xây dựng siêu ứng dụng để hỗ trợ cán bộ bán hàng giúp nâng cao trải nghiệm người dùng nội bộ, tối ưu hóa quy trình bán hàng, tạo điều kiện để tiếp cận khách hàng cung cấp các dịch vụ và sản phẩm phù hợp, góp phần cải thiện hiệu suất và tăng cường sự hài lòng của khách hàng.	Tháng 05/2024
Nâng cấp hệ thống báo cáo quản trị và kho dữ liệu (MIS/Datawarehouse)	Tích hợp dữ liệu từ các hệ thống CNTT để thu thập và quản lý tập trung, tạo ra các báo cáo quản trị hỗ trợ quyết định chiến lược một cách nhanh chóng và chính xác. Đồng thời, tự động cập nhật các báo cáo vận hành và chuyên sâu (như báo cáo tổng hợp, báo cáo khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp, phân tích nợ,...) nhằm tiết kiệm thời gian và tối ưu hóa nguồn lực.	Tháng 05/2024
Mở rộng hệ thống văn phòng điện tử Eximbank (E-Office)	Tích hợp các tính năng đột phá như truyền thông nội bộ, thư viện Mobile, danh bạ tự động, lịch làm việc 365 và xác thực 2 yếu tố qua Microsoft 365 nhằm tăng cường kết nối nội bộ và bảo mật thông tin. Đồng thời, ứng dụng giải pháp bảo mật và phòng chống thất thoát dữ liệu (bao gồm gán watermark cho tất cả tài liệu điện tử, phân quyền hạn chế tải tài liệu, không cho phép chụp màn hình) giúp bảo vệ các thông tin, tối ưu hóa quy trình làm việc và nâng cao hiệu quả quản trị CNTT.	Tháng 04/2024
Triển khai Trung tâm điều hành an ninh (SOC)	Triển khai SOC nhằm nâng cao năng lực phát hiện, ngăn chặn và ứng phó với các mối đe dọa an ninh mạng đặc biệt trong bối cảnh các mối đe dọa an ninh mạng ngày càng phức tạp. SOC hoạt động 24/7, giúp theo dõi liên tục các hoạt động trên hệ thống mạng, phát hiện kịp thời các mối đe dọa và đưa ra giải pháp xử lý nhanh chóng, giảm thiểu tác động của các cuộc tấn công mạng.	Tháng 05/2024
Xác thực căn cước công dân gắn chip	Áp dụng công nghệ thu thập dữ liệu sinh trắc học giúp xác thực giao dịch trực tuyến an toàn và nhanh chóng. Thông qua việc tích hợp chip điện tử trong căn cước công dân, quy trình xác minh danh tính trở nên chính xác, giảm thiểu nguy cơ giả mạo và tăng cường tính bảo mật. Bên cạnh đó, xác thực căn cước gắn chip qua Trung tâm dữ liệu quốc gia đảm bảo thông tin khách hàng chính xác và luôn được cập nhật liên tục.	Tháng 06/2024
Triển khai công nghệ nhận diện giọng nói (Voice Biometrics) cho hệ thống tổng đài chăm sóc khách hàng (Contact Center)	Áp dụng công nghệ nhận dạng giọng nói (Voice Biometrics) vào tổng đài chăm sóc khách hàng giúp xác thực danh tính nhanh chóng và an toàn, nâng cao độ chính xác cũng như giảm thiểu rủi ro khi cung cấp thông tin. đặc biệt giải pháp này càng trở nên cần thiết trong bối cảnh các hình thức lừa đảo ngày càng tinh vi.	Tháng 07/2024
Triển khai giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP)	Áp dụng giải pháp DLP nhằm củng cố hệ thống bảo mật thông tin, kiểm soát truy cập và nhận diện các hành vi bất thường, từ đó giảm thiểu nguy cơ rò rỉ thông tin. Đồng thời, đảm bảo an toàn cho các truy cập từ xa, tăng cường tính linh hoạt mà vẫn duy trì hiệu quả kiểm soát dữ liệu nội bộ.	Tháng 07/2024

ĐẦU TƯ DỰ ÁN 2024

EXIMBANK

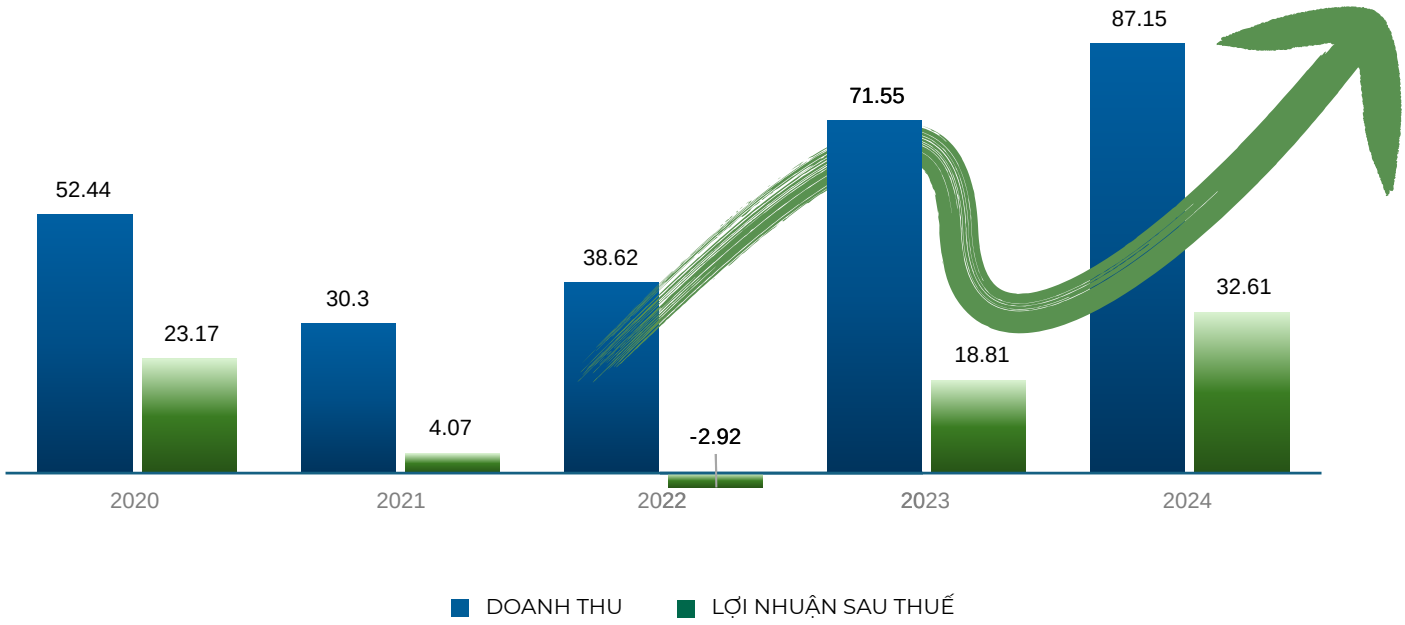
DỰ ÁN	HIỆU QUẢ MANG LẠI	THỜI GIAN TRIỂN KHAI
Triển khai hệ thống quản lý tài liệu (ECM)	Áp dụng hệ thống ECM giúp lưu trữ và quản lý tài liệu một cách đồng bộ, bao gồm lưu trữ tài liệu điện tử, quản lý tài liệu, tích hợp với các hệ thống văn bản điện tử khác nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm và truy cập thông tin.	Tháng 10/2024
Đánh giá tuân thủ Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân	Tuân thủ theo Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân nhằm đảm bảo đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của nghị định. Qua đó, nâng cao hiệu quả quản lý dữ liệu cá nhân và bảo vệ quyền riêng tư của khách hàng, nhân viên và đối tác.	Tháng 10/2024
Duy trì tái đánh giá chứng chỉ PCI DSS	Tuân thủ tiêu chuẩn PCI DSS nhằm đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn thông tin cho hoạt động thẻ quốc tế, bảo vệ dữ liệu thẻ và củng cố niềm tin của khách hàng Eximbank. Giải pháp này hỗ trợ duy trì hoạt động an toàn, liên tục cho hệ thống thẻ và giảm thiểu rủi ro vi phạm cũng như rò rỉ dữ liệu..	Tháng 11/2024
Triển khai Copilot Gen AI từ Microsoft 365	Áp dụng Copilot vào công việc hàng ngày giúp giảm thiểu thời gian thao tác, tăng năng suất và tối ưu hóa quy trình xử lý thông tin. Copilot hỗ trợ soạn thảo báo cáo, tóm tắt văn bản, tìm kiếm dữ liệu nhanh chóng, chính xác. Ngoài ra, Copilot đảm bảo an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu ngân hàng một cách hiệu quả.	Tháng 11/2024
Triển khai SWIFT GPI	Eximbank trở thành thành viên của SWIFT GPI, đánh dấu bước chuyển mình trong công nghệ thanh toán toàn cầu giúp ngân hàng cập nhật xu hướng mới, tăng tốc xử lý giao dịch và minh bạch về thời gian lẫn phí giao dịch.	Tháng 11/2024
Thanh toán không tiếp xúc E-Wallet (Garmin Pay, SamsungPay)	Thanh toán không tiếp xúc qua E-Wallet (Garmin Pay, SamsungPay) mang đến trải nghiệm liền mạch, tiện lợi và bảo mật tối ưu. Khách hàng được hưởng sự nhanh chóng, linh hoạt, tiết kiệm thời gian và công sức.	Tháng 11/2024
Mở rộng thanh toán qua QR xuyên biên giới (QR Thái)	Thanh toán dễ dàng tại Thái Lan bằng mã QR. Thanh toán xuyên biên giới không tiền mặt, mở rộng tiện ích cho khách hàng du lịch và kinh doanh quốc tế	Tháng 11/2024
Ra mắt dịch vụ chuyển tiền quốc tế Visa Direct	Áp dụng dịch vụ chuyển tiền quốc tế Visa Direct, Eximbank mở rộng kênh giao dịch quốc tế thông qua chuyển tiền thời gian thực trên mạng lưới toàn cầu của Visa. Giải pháp này mang đến giao dịch nhanh, an toàn và tiện lợi, đồng thời định nghĩa lại giao dịch xuyên biên giới, thúc đẩy đổi mới tài chính và góp phần phát triển nền kinh tế số tại Việt Nam.	Tháng 12/2024
Giải pháp thu hồi nợ (Debt Collection)	Triển khai giải pháp thu hồi nợ (Debt Collection) giúp quản lý nợ từ lúc phát sinh đến khi thu hồi, giảm thiểu nợ xấu và rút ngắn thời gian xử lý. Hệ thống tự động phân loại nợ, phân chia khách hàng và giao nhiệm vụ cho cán bộ thu hồi, đồng thời theo dõi và kiểm soát kết quả, góp phần chuẩn hóa quy trình.	Tháng 12/2024

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Kết quả hoạt động kinh doanh của Eximbank AMC từ năm 2020 đến năm 2024 như sau: *Đơn vị tính: tỷ đồng*

STT		2020	2021	2022	2023	2024
1	Doanh thu	52.44	30.30	38.62	71.55	87.15
2	Lợi nhuận sau thuế	23.17	4.07	(2.92)	18.81	32.61

Diễn biến doanh thu - lợi nhuận sau thuế của Eximbank AMC:





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: tỷ đồng, %

Quy mô vốn:

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	2024	% TĂNG GIẢM SO VỚI 2023
1	TỔNG TÀI SẢN	185.056	201.417	239.768	19,0%
2	VỐN CHỦ SỞ HỮU	20.480	22.445	25.099	11,8%
3	VỐN ĐIỀU LỆ	12.355	17.470	18.688	7,0%
4	TỶ LỆ AN TOÀN VỐN (CAR)	14,64%	13,43%	12,41%	-1,0%

Một số chỉ tiêu kết quả kinh doanh chính:

STT	Chỉ tiêu	2022	2023	Năm 2024		
				Giá trị	+/- so với 2023	% +/- so với 2023
1	DOANH SỐ CHO VAY (GIẢI NGÂN)	261.994	278.833	364.650	85.817	30,0%
2	DOANH SỐ THU NỢ	246.163	268.889	321.155	52.266	19,0%
3	DƯ NỢ CUỐI KỲ (KHÔNG GỒM TPDN)	130.506	140.449	165.955	25.506	18,0%
4	TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	7.233	6.555	8.558	2.003	30,5%
5	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	3.710	2.720	4.188	1.468	54,0%
6	THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHAI NỘP	-763	-555	-862	-307	55,3%
7	LỢI NHUẬN SAU THUẾ	2.946	2.165	3.327	1.162	53,6%
8	ROA	1,68%	1,12%	1,51%	0.39%	
9	ROE	15,40%	10,09%	13,99%	3.91%	
10	TỶ LỆ NỢ XẤU	1,80%	2,71%	2,53%	-0,18%	

Khả năng thanh khoản:

STT	Chỉ tiêu	Quy định NHNN	2022	2023	2024	% TĂNG GIẢM SO VỚI 2023
1	TỶ LỆ KHẢ NĂNG CHI TRẢ TRONG 30 NGÀY TIẾP THEO					
1,1	VND	≥ 50%	265,84%	(**)	68,78%	-
1,2	NGOẠI TỆ	≥ 10%	140,27%	93,04%	464,32%	371,29%
2	TỶ LỆ DỰ TRỮ THANH KHOẢN	≥ 10%	20,87%	16,82%	14,52%	-2,30%
3	TỶ LỆ DƯ NỢ CHO VAY so VỚI TỔNG TIỀN GỬI (LDR)	≤ 85%	81,40%	80,75%	79,77%	-0,98%
4	TỶ LỆ NGUỒN VỐN NGẮN HẠN CHO VAY TRUNG DÀI HẠN	≤ 30% (*)	18,72%	14,44%	24,22%	9,78%

Ghi chú: Tại mục (*), NHNN quy định Tỷ lệ tối đa NVNH cv TDH theo lộ trình:

- Từ 01/01/2020 đến 30/09/2021: 40%
- Từ 01/10/2021 đến 30/09/2022: 37%
- Từ 01/10/2022 đến 30/09/2023: 34%
- Từ 01/10/2023: 30%

(**) : Tỷ lệ KNCT được tính bằng tài sản thanh khoản cao chia cho dòng tiền ra ròng trong 30 ngày tiếp theo, trong đó: dòng tiền ra ròng = dòng tiền ra – dòng tiền vào. NHNN chỉ quy định tỷ lệ KNCT trong 30 ngày trong trường hợp phát sinh dòng tiền ra ròng dương (tương ứng với dòng tiền ra > dòng tiền vào). Khi Ngân hàng có dòng tiền ra ròng âm, tức dòng tiền ra < dòng tiền vào, điều này có nghĩa là Ngân hàng có đủ năng lực tài chính để chi trả cho các nghĩa vụ đến hạn và sẽ không cần tài sản thanh khoản cao để tài trợ cho thanh khoản, trong trường hợp đó NHNN không yêu cầu Ngân hàng phải tính tỷ lệ này

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU:

Cổ phần:

Tại thời điểm 31/12/2024, số lượng cổ phần:	**1.868.810.607 CP**
Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng:	**1.868.488.514 CP**
Số lượng cổ phiếu quỹ:	**6.090.000 CP**
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Eximbank và các quy định có liên quan khác cho đến khi khách hàng hoàn tất nghĩa vụ trả nợ cho Eximbank:	**322.093 CP**

Cơ cấu cổ đông:

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ %/vốn điều lệ
Cổ đông cá nhân trong nước	20.172	1.187.354.330	63,54
Cổ đông tổ chức trong nước	196	635.275.334	33,99
Cộng trong nước (1)	**20.368**	**1.822.629.664**	**97,53**
Cổ đông cá nhân nước ngoài	175	518.626	0,03
Cổ đông tổ chức nước ngoài	39	45.662.317	2,44
Cộng nước ngoài (2)	**214**	**46.180.943**	**2,47**
Tổng cộng (1) + (2)	**20.582**	**1.868.810.607**	**100,00**

Thông tin chi tiết cổ đông lớn :

Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần của ngân hàng trở lên:

Tên cổ đông cá nhân:	**Không có cổ đông cá nhân sở hữu từ 5% tổng số cổ phần của ngân hàng trở lên.**
Tên cổ đông pháp nhân sở hữu từ 5% tổng số cổ phần của ngân hàng trở lên:	

STT	Tên cổ đông pháp nhân	Địa chỉ	Quốc tịch	Số ĐKDN	Người đại diện phần vốn góp tại Eximbank	Tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông (%)	Tỷ lệ sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức (%)
1	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN GELEX	Số 52, phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Việt Nam	0100100512	Không có	10,00	0

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Sự thay đổi về vốn cổ đông trong năm 2024 như sau:

Tại thời điểm ngày 31/12/2023:	**Vốn điều lệ tại thời điểm ngày 31/12/2023: 17.469.561.480.000 đồng.**
Tại thời điểm ngày 31/12/2024:	**Vốn điều lệ đến ngày 31/12/2024: 18.688.106.070.000 đồng.**
EIB đã niêm yết toàn bộ số cổ phiếu đã phát hành để trả cổ tức năm 2023 cho cổ đông (theo Thông báo số 1795/TB-SGDHCM ngày 11 tháng 10 năm 2024 của Sở Giao dịch chứng khoán Tp.HCM)	

Giao dịch cổ phiếu quỹ:

- Kết quả bán cổ phiếu quỹ trong năm 2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Eximbank năm 2023 ngày 14/4/2023: Chưa thực hiện bán cổ phiếu quỹ do diễn biến thị trường không thuận lợi.
- Ngân hàng tiếp tục thực hiện bán toàn bộ cổ phiếu quỹ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên Eximbank năm 2023 ngày 14/4/2023.



03.

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

- Kết quả công tác điều hành năm 2024
- Công tác hoạt động
- Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025



KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NĂM 2024

Năm 2024, môi trường kinh doanh vẫn đối mặt với nhiều thách thức, tăng trưởng kinh tế thế giới có dấu hiệu phục hồi nhưng tốc độ còn chậm, lạm phát thế giới tuy giảm nhưng vẫn ở mức cao hơn mục tiêu của nhiều quốc gia. Mặt bằng lãi suất quốc tế duy trì ở mức cao nhưng áp lực đã giảm nhờ động thái hạ lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed). Thị trường ngoại hối toàn cầu tiếp tục biến động mạnh. Đây là những diễn biến tác động trực tiếp và gián tiếp đến chính sách tiền tệ, tỷ giá tại Việt Nam, tuy nhiên nền kinh tế trong nước đã có sự cải thiện tăng trưởng phục hồi, đặc biệt đối với ngành Ngân hàng, những diễn biến trên các thị trường bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp, cùng tâm lý lo ngại của người dân trước giá vàng cao... cũng tác động đến hoạt động ngân hàng. Điều này đặt ra thách thức cho Eximbank phải điều hành linh hoạt để đạt được các mục tiêu đã đặt ra. Cụ thể một số kết quả hoạt động chính như sau:

KẾT QUẢ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH NĂM 2024:

ĐVT: Tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Kế hoạch năm 2024	31/12/2024	So đầu năm		% HTKH năm 2024
					+/-	% +/-	
1	Tổng tài sản	201.417	223.500	239.768	38.351	19,0%	107%
2	Huy động vốn cuối kỳ	158.329	175.000	178.312	19.983	12,6%	102%
3	Dư nợ cấp tín dụng	140.524	161.000	168.230	27.706	19,7%	104%
4	Tỷ lệ nợ xấu	2,71%	1,80%	2,53%	-0,18%		
5	Lợi nhuận trước thuế	2,720	5,180	4,188	1,468	54,0%	81%



CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2024

Về hoạt động kinh doanh:

Điều hành cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn theo hướng tăng trưởng hiệu quả, đảm bảo an toàn thanh khoản trong hoạt động ngân hàng. Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh mẽ và đạt vượt mục tiêu kế hoạch đề ra. Cụ thể: Tổng tài sản hoàn thành 107% kế hoạch năm; huy động vốn hoàn thành 102% kế hoạch năm; dư nợ tín dụng hoàn thành 104% kế hoạch năm, tăng trưởng tín dụng tại Eximbank đến cuối năm 2024 tăng 19,7% so với đầu năm (tương đương 27.706 tỷ đồng), đây là mức tăng trưởng cao nhất trong 5 năm qua, đạt mục tiêu 2 lần NHNN cho phép tăng trưởng tín dụng; các hoạt động dịch vụ như: thanh toán quốc tế, bảo hiểm, thẻ, kiều hối đều có sự tăng trưởng so với năm 2023; tăng cường nguồn vốn CASA với quy mô bình quân tăng trưởng 24,8% so với bình quân năm 2023.

Điều hành tăng trưởng tín dụng bám sát theo định hướng, chủ trương của NHNN cung ứng nguồn vốn tín dụng cho nền kinh tế, hỗ trợ khách hàng tháo gỡ khó khăn, Eximbank đã ban hành các chương trình, sản phẩm dành cho từng phân khúc khách hàng, chính sách khuyến khích công tác bán hàng, tăng cường công tác bán chéo.

Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, từ khâu thẩm định tín dụng, phê duyệt tín dụng đến theo dõi giám sát việc sử dụng vốn của khách hàng nhằm đảm bảo thu hồi vốn, lãi đúng hạn, kịp thời phát hiện các trường hợp khách hàng khó khăn để có biện pháp xử lý hợp lý đảm bảo an toàn vốn cho ngân hàng, chất lượng tín dụng luôn được kiểm soát dưới mức 3%.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ **4.188** Tỷ ĐỒNG

↑ **54%** so với 2023

Việc điều hành vốn hiệu quả đã mang lại lợi nhuận trước thuế 4.188 tỷ đồng, tăng 54% so với năm 2023, đây là mức đạt cao nhất trong 35 năm qua của Ngân hàng.

Đáng chú ý, trong năm 2024, Eximbank được NHNN phê duyệt tăng vốn điều lệ lên 18.688 tỷ đồng. Đây là bước tiến quan trọng, giúp ngân hàng củng cố năng lực tài chính, mở rộng quy mô hoạt động và nâng cao khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn vốn theo thông lệ quốc tế.

Eximbank đã kiểm soát tốt các chỉ số an toàn trong hoạt động theo quy định của NHNN, với tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn luôn duy trì quanh mức 24% - 25%, thấp hơn so với mức giới hạn của NHNN tối đa 30%; tỷ lệ dư tín dụng trên số vốn huy động của ngân hàng (LDR) duy trì quanh mức 82% - 84% so với quy định NHNN là 85%; tỷ lệ an toàn vốn CAR dao động quanh ngưỡng 12%-13%, cao hơn mức quy định của NHNN là 8%.

Công nghệ và số hóa:

Song song với mục tiêu phát triển kinh doanh, Eximbank đã đẩy mạnh đầu tư vào ứng dụng CNTT, đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện như một chiến lược cốt lõi nhằm thúc đẩy đổi mới trong hoạt động kinh doanh, tăng cường khả năng tiếp cận khách hàng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh, cụ thể:

- Chuyển đổi số và phát triển ngân hàng số: phát triển hệ sinh thái các nền tảng số Eximbank EDigi dành cho khách hàng cá nhân và Eximbank EBiz dành cho khách hàng doanh nghiệp, cho phép giao dịch mọi lúc mọi nơi với tiêu chuẩn bảo mật cao. Triển khai các phương thức thanh toán hiện đại như Apple Pay, Google Pay, Samsung Pay, Garmin Pay đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, góp phần giảm thiểu sử dụng tiền mặt và thúc đẩy kinh tế số.
- Ứng dụng công nghệ vào việc quản trị và vận hành: Sau khi đưa vào hoạt động các nền tảng quản lý quan hệ khách hàng; hệ thống quản lý khoản vay và số hóa quy trình; hệ thống thông tin quản trị; hệ thống Văn phòng không giấy E-Office. Giai đoạn năm 2024-2025, Eximbank tiếp tục triển khai nâng cấp mô hình "văn phòng di động", phát triển các ứng dụng di động (Mobile App) trên nhiều nền tảng, hệ thống hỗ trợ quản lý bán hàng trực tiếp đến các ứng dụng phục vụ sau bán hàng, thu hồi nợ,. ... Triển khai mở rộng các hệ thống nền tảng chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ tiên tiến như trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa quy trình (RPA), ứng dụng công nghệ Sinh trắc học giọng nói (Voice Biometrics) giúp nâng cao bảo mật và tăng tính trải nghiệm của khách hang, đơn giản hóa các quy trình, giảm thiểu rủi ro gian lận. giảm sai sót và tăng hiệu quả vận hành.... nhằm hiện đại hóa và thay đổi diện mạo ngân hàng, tạo môi trường làm việc linh hoạt tối ưu hóa hiệu suất làm việc và tiết giảm chi phí vận hành, tạo lợi thế cạnh tranh bền vững trên thị trường
- Mở rộng hợp tác và phát triển hệ sinh thái số, *như:* hoàn thành triển khai SWIFT-GPI giúp Nâng cao tốc độ xử lý và minh bạch trong các giao dịch quốc tế. Mở rộng hợp tác chiến lược với các đối tác lớn như Viettel nhằm khai thác tối đa lợi, thúc đẩy đổi mới và phát triển bền vững. Hợp tác với iHouzz, mở ra cơ hội khai thác công nghệ số trong lĩnh vực bất động sản, đặc biệt là ứng dụng Fintech vào các giải pháp đầu tư bất động sản hiệu quả, an toàn và dễ tiếp cận.
- Tăng cường các giải pháp an toàn bảo mật, phòng ngừa rủi ro nhằm bảo vệ hệ thống CNTT, đảm bảo an toàn dữ liệu và duy trì sự tin cậy từ khách hàng, bảo vệ dữ liệu khách hàng, đảm bảo tính toàn vẹn của hệ thống, giảm thiểu các rủi ro bảo mật trong môi trường thanh toán điện tử; triển khai áp dụng các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của Nghị định 13/2023/NĐ-CP, Eximbank thực hiện mã hóa dữ liệu; thực hiện rà soát kiểm tra, các giải pháp xử lý các sự cố an toàn thông tin mạng.



CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2024

TỔ CHỨC, NHÂN SỰ

Trong năm 2024 Ngân hàng đã có những điều tiết linh hoạt trong cơ cấu nhân sự, hoàn thiện và tạo nhiều chính sách thu hút nhân tài, tạo động lực cho cán bộ nhân viên, cụ thể:

- Cải tiến cơ chế chính sách đãi ngộ theo hiệu quả nhằm thúc đẩy kinh doanh và giữ chân nhân sự có năng lực, đảm bảo chính sách chi trả lương của Eximbank được cập nhật kịp thời phù hợp thị trường, điều chỉnh chế độ phúc lợi phù hợp đối với CBNV nhằm tăng động lực trong công tác bán hàng tại các đơn vị kinh doanh, gia tăng hiệu suất đối với đơn vị hỗ trợ vận hành.
- Triển khai chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh trong hệ thống; triển khai mạnh mẽ các chương trình chuẩn hóa và phát triển năng lực nhân sự.



Uy tín, thương hiệu

Uy tín, thương hiệu của Eximbank được củng cố và nâng cao trên thị trường trong nước và quốc tế. Eximbank đã thành công gọi vốn quốc tế thông qua việc phát hành trái phiếu cấp 1 cho các định chế tài chính quốc tế hàng đầu, các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước cũng đã tăng hạn mức tín dụng cho Eximbank.

Tiếp tục được các tổ chức trong và ngoài nước ghi nhận kết quả thông qua các giải thưởng: (1) Ứng dụng "Mobile Banking - Eximbank EBiz" được chứng nhận đạt Giải thưởng Sao Khuê 2024 do Hiệp hội Phần mềm và Dịch vụ CNTT Việt Nam (VINASA) tổ chức; (2) Giải thưởng Sản phẩm Công nghệ và Chuyển đổi số tiêu biểu 2024 do Báo Đầu tư và Cộng đồng Cố vấn Tài chính Việt Nam trao tặng; (3) Top 10 Doanh nghiệp Công nghệ số xuất sắc Việt Nam 2024 từ Hiệp hội phần mềm và dịch vụ CNTT Việt Nam; (4) Giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam 2024; Giải thưởng Doanh nghiệp xuất sắc châu Á 2024; (5) Giải thưởng Chất lượng Thanh toán Quốc tế xuất sắc.

Đầu tư, xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật hiện đại với trụ sở giao dịch khang trang hiện đại, sang trọng, đồng nhất về nhận diện hình ảnh, thương hiệu của Eximbank. Di dời chuyển đổi trụ sở giao dịch sang các vị trí thuận tiện cho giao dịch, kết hợp đầu tư cơ sở vật chất chất lượng cao đã tạo ra một không gian giao dịch hiện đại đáp ứng những chuẩn mực về tính chuyên nghiệp phục vụ khách hàng. Trong năm 2024 đã di dời 7 điểm giao dịch và cải tạo 12 điểm giao dịch.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CON

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (gọi tắt là Eximbank AMC) có vốn thực góp đến ngày 31/12/2024 là 300 tỷ đồng.

Tổng doanh thu đạt **87 tỷ đồng**, **tăng 21%** so với năm 2023, lợi nhuận trước thuế đạt **40,8 tỷ đồng**, **tăng 76%** so với năm 2023.

Kết quả thực hiện công tác xử lý thu hồi nợ theo ủy thác của Eximbank:

+ Tổng số nợ gốc thu hồi đạt **827 tỷ đồng** (hoàn thành **108%** kế hoạch).
+ Tổng thu lãi đạt **295 tỷ đồng** (hoàn thành **113%** kế hoạch).

CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỐT LÕI

Điều hành cơ cấu nguồn vốn và sử dụng vốn theo hướng hiệu quả, đảm bảo an toàn thanh khoản trong hoạt động ngân hàng trước diễn biến phức tạp của nền kinh tế:

Cấu trúc các nguồn vốn huy động thị trường 1, thị trường 2, tài trợ thương mại hợp lý theo hướng tiết giảm chi phí vốn, tối ưu hóa hiệu quả kinh doanh. Điều chỉnh giảm dần lãi suất huy động và đóng góp huy động vốn từ thị trường 1 phù hợp với tăng trưởng tín dụng trong điều kiện khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế còn yếu.

Tăng trưởng quy mô hoạt động, kiểm soát chi phí, đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng:



1	2	3	4	5
Cấu trúc Nguồn vốn Tổ chức nguồn vốn để giảm chi phí	**Phát hành Giấy tờ có giá** Phát hành chứng chỉ tiền gửi để đa dạng hóa nguồn vốn	**Đảm bảo Tuân thủ Quy định** Duy trì các chỉ số an toàn để đáp ứng yêu cầu quy định	**Kiểm soát Chất lượng Tín dụng** Giám sát và quản lý danh mục cho vay	**Điều chỉnh Chi phí Vốn** Điều chỉnh lãi suất cho vay để phù hợp với điều kiện thị trường
Huy động vốn: chủ động cơ cấu nguồn vốn huy động với mức chi phí hợp lý trong điều kiện nền kinh tế hấp thụ vốn kém, nhằm tăng hiệu quả bảng cân đối.	**Phát hành thành công** Giấy tờ có giá (Chứng chỉ tiền gửi) trên thị trường 2 sau nhiều năm không thực hiện nghiệp vụ này, góp phần đa dạng hóa nguồn vốn huy động, đồng thời cấu trúc lại nguồn vốn có tính khả dụng ổn định trong 12 tháng.	Thực hiện **kiểm soát tốt** chi phí vốn từ đó điều chỉnh lãi suất cho vay phù hợp với tình hình thị trường và định hướng của NHNN.	**Kiểm soát chặt chẽ** chất lượng tín dụng.	**Kiểm soát tốt** các chỉ số an toàn trong hoạt động theo quy định của NHNN trước diễn biến phức tạp của nền kinh tế ảnh hưởng đến hoạt động ngân hàng.

CÔNG TÁC CNTT

Năm 2024 đánh dấu một cột mốc quan trọng trong hành trình chuyển đổi số của Eximbank, khi ngân hàng không ngừng đầu tư mạnh mẽ vào công nghệ thông tin nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tối ưu hóa quy trình vận hành và cung cấp trải nghiệm vượt trội cho khách hàng.

Trong bối cảnh ngành tài chính - ngân hàng đối mặt với những thay đổi lớn về nhu cầu khách hàng và yêu cầu từ các cơ quan quản lý, Eximbank đã chủ động triển khai hàng loạt giải pháp công nghệ tiên tiến, và đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện như một chiến lược cốt lõi nhằm thúc đẩy đổi mới trong hoạt động kinh doanh, tăng cường khả năng tiếp cận khách hàng. Các thành tựu nổi bật trong lĩnh vực CNTT như:



Đầu tư vào các công nghệ tiên tiến:

Ứng dụng AI và Gen AI:

Eximbank triển khai Copilot Gen AI từ hệ sinh thái Microsoft 365 nhằm tăng hiệu suất làm việc của nhân viên. Triển khai tích hợp AI và nhận diện giọng nói (Voice Biometrics) vào tổng đài chăm sóc khách hàng, tổng đài thông minh, trợ lý ảo Voicebot, giúp hỗ trợ nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Tự động hóa bằng Robotics (RPA):

Eximbank triển khai áp dụng công nghệ tự động hóa quy trình bằng robot (RPA) cho gần 20 quy trình nghiệp vụ trọng yếu như thu nợ tự động, hạch toán ATM, kiểm tra lệnh chuyển tiền, đối soát, tra soát, tiếp nhận khiếu nại và chi lương. Đặc biệt, kết hợp giữa RPA, AI và nhận diện ký tự quang học (OCR) trong nghiệp vụ chi lương đã chuyển đổi hoàn toàn quy trình thủ công sang tự động, giảm thiểu sai sót và tăng tốc độ xử lý.





Ứng dụng điện toán đám mây:

Eximbank đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai giải pháp điện toán đám mây, chuyển dần các ứng dụng quan trọng như ngân hàng số, hệ thống văn phòng điện tử để quản lý và lưu trữ hồ sơ lên nền tảng đám mây nhằm giúp tăng tính linh hoạt, giảm chi phí vận hành và rút ngắn thời gian triển khai dịch vụ mới.

Phát triển hệ thống nền tảng cốt lõi:

Eximbank đầu tư nâng cấp các hệ thống nền tảng cốt lõi để tạo nền tảng vững chắc cho chuyển đổi số, bao gồm:

(i) Nâng cấp hệ thống báo cáo quản trị và kho dữ liệu (MIS/Datawarehouse);

(ii) Mở rộng hệ thống khởi tạo khoản vay và quản lý quy trình (LOS/BPM) để tối ưu hóa quy trình phê duyệt tín dụng;

(iii) Mở rộng hệ thống quản lý quan hệ khách hàng (CRM/ESale+) thành siêu ứng dụng hỗ trợ đội ngũ bán hàng quản lý KPI;

(iv) Thu thập dữ liệu sinh trắc học của khách hàng để xác thực khi giao dịch trực tuyến và thực hiện xác thực căn cước công dân gắn chip của khách hàng với Trung tâm dữ liệu quốc gia về dân cư;

(v) Triển khai hệ thống quản lý tài liệu (ECM) nhằm hỗ trợ lưu trữ và quản lý tài liệu một cách đồng bộ, tạo thuận lợi trong việc tìm kiếm và truy cập thông tin;

(vi) Mở rộng hệ thống văn phòng điện tử (E-Office) với hàng loạt tính năng mới hỗ trợ cán bộ nhân viên tiếp cận thông tin truyền thông, thư viện nội bộ và quản lý lịch làm việc;

(vii) Triển khai giải pháp nhắc nợ (Debt Collection) nhằm xây dựng hệ thống cảnh báo sớm đối với các khoản vay có vấn đề, theo dõi kết quả thu hồi nợ của nhân viên để ghi nhận KPI, và phân luồng xử lý để có chiến lược thu hồi nợ hiệu quả hơn.

CÔNG TÁC CNTT

Mở rộng hệ sinh thái Ngân hàng số

Nền tảng số:

Eximbank hoàn thiện hệ sinh thái ngân hàng số với các ứng dụng chủ lực như Eximbank EDigi (khách hàng cá nhân), Eximbank EBiz (khách hàng doanh nghiệp), Giao dịch ngoại tệ Online, Giao dịch vàng Online và Teller App (hỗ trợ giao dịch tại quầy).

Các nền tảng này liên tục được nâng cấp nhằm đảm bảo giao diện thân thiện, bảo mật cao và đa dạng tiện ích, giúp khách hàng giao dịch linh hoạt mọi lúc, mọi nơi.

Hợp tác xây dựng hệ sinh thái tài chính số:

(i) Tham gia SWIFT GPI, Eximbank nâng cao tốc độ giao dịch, minh bạch thông tin và tiết kiệm chi phí.

(ii) Mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược để tận dụng công nghệ, phát triển sản phẩm - dịch vụ số, mở rộng hệ sinh thái tiện ích, đón đầu xu hướng chuyển đổi số toàn cầu.

(iii) Liên kết với các công ty công nghệ Fintech để tạo ra các giải pháp tài chính sáng tạo, phục vụ khách hàng và cộng đồng hiệu quả.

Thanh toán không dùng tiền mặt:

Eximbank đẩy mạnh xu hướng thanh toán không tiền mặt qua:

(i) Hợp tác với các ví điện tử như MoMo, ZaloPay, VNPay;

(ii) Triển khai thanh toán không tiếp xúc với Garmin Pay, Samsung Pay;

(iii) Mở rộng thanh toán QR xuyên biên giới, phối hợp với NAPAS triển khai dịch vụ tại Thái Lan;

(iv) Phát triển chuyển tiền quốc tế qua Visa Direct hợp tác với VISA;

(v) Mở rộng kết nối song phương và kết nối với Kho bạc Nhà nước.



EXIMBANK

Mở rộng hệ sinh thái Ngân hàng số

CÔNG TÁC CNTT



Tăng cường hạ tầng và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin

Eximbank thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm bảo vệ hệ thống CNTT, đảm bảo an toàn dữ liệu và duy trì sự tin cậy từ khách hàng. Hiện tại Eximbank áp dụng triển khai một số giải pháp phòng ngừa rủi ro như:

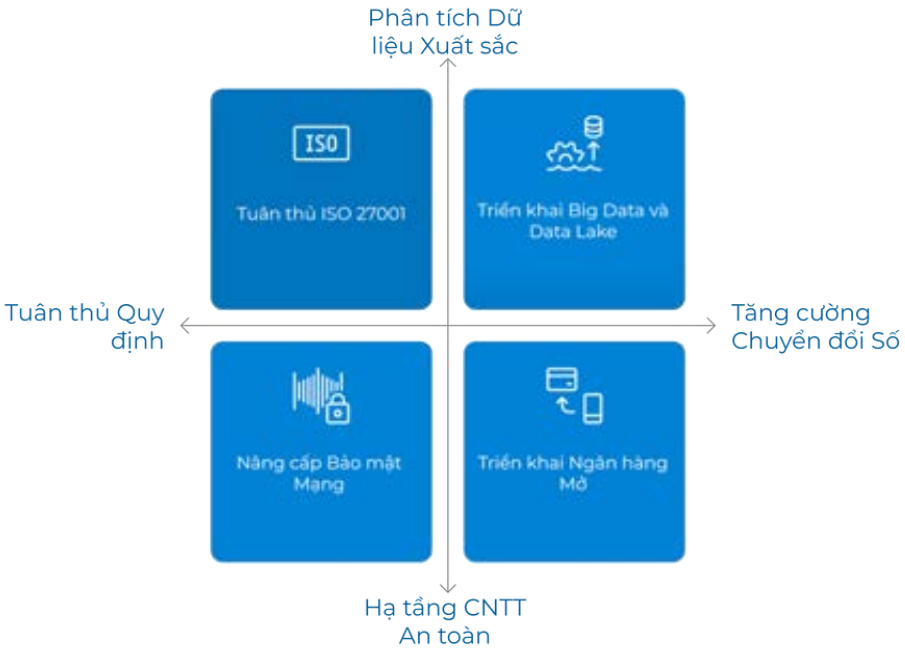
- Triển khai xác thực đa thành tố (MFA) theo chuẩn Microsoft cho các hệ thống CNTT quan trọng;
- Triển khai giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP) và quản lý thiết bị di động (MDM) để bảo vệ dữ liệu và kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng thiết bị di động;
- Vận hành Trung tâm Điều hành An ninh mạng (SOC) tích hợp giải pháp quản lý thông tin và sự kiện bảo mật (SIEM)/ tự động hóa và phản ứng bảo mật (SOAR) giúp nâng cao khả năng phòng ngừa và ứng phó với các cuộc tấn công mạng, từ đó tăng cường bảo vệ trước các mối đe dọa mạng và đảm bảo an toàn thông tin cho ngân hàng;
- Hệ thống bảo mật được triển khai toàn diện với các giải pháp tiên tiến như tường lửa (Firewall), tường lửa ứng dụng web (WAF), chuyển đổi hệ thống mạng (SDWAN), phát hiện và phản ứng điểm cuối (EDR), phát hiện và phản ứng mở rộng (XDR), hệ thống ngăn chặn xâm nhập (IPS), phòng chống tấn công có chủ đích (APT), và phòng chống tấn công từ chối dịch vụ phân tán (DDOS);
- Triển khai và áp dụng các biện pháp bảo vệ dữ liệu cá nhân để tuân thủ theo quy định của Nghị định 13/2023/NĐ-CP;
- Triển khai duy trì tuân thủ chuẩn bảo mật an ninh dữ liệu thẻ thanh toán (PCI DSS) giúp bảo vệ dữ liệu thẻ của khách hàng.





CÔNG TÁC CNTT

Năm 2025 sẽ là bước ngoặt quan trọng trong hành trình chuyển đổi số của Eximbank với chiến lược tập trung vào **bốn (04) trụ cột chính bao gồm:**



Thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện:

Tăng cường chuyển đổi số toàn diện, nâng cao năng lực cạnh tranh của Eximbank thông qua các dự án trọng điểm như:

(i) Triển khai thành công hệ thống Core Thẻ mới;

(ii) Triển khai nền tảng ngân hàng số mới Omni Channel và Open Banking;

(iii) Tiếp tục mở rộng các dự án số hoá hiện có như LOS/BPM, E-Office, E-Invoice, ECM, RPA và ứng dụng AI - Gen Ai

Xây dựng Eximbank trở thành Ngân hàng xuất sắc trong khai thác và phân tích dữ liệu:

Áp dụng phương pháp "Data-driven" để phân tích, dự đoán và đưa ra quyết định chiến lược dựa trên dữ liệu, sử dụng các mô hình phân tích, thống kê và học máy nhằm đảm bảo tính chính xác và hiệu quả.

(i) Eximbank tiếp tục khai thác, củng cố và mở rộng hệ thống thông tin quản lý và kho dữ liệu (MIS/Datawarehouse) để cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho các cấp lãnh đạo;

(ii) Mở rộng dự án quản lý quan hệ khách hàng (CRM/ESale+) nhằm nâng cao hiệu quả chăm sóc khách hàng, tăng tỉ lệ giữ chân khách hàng và tăng doanh thu;

(iii) Ứng dụng công nghệ Big Data và triển khai hồ dữ liệu (Data Lake/Data Lakehouse) để khai thác và phân tích dữ liệu hiệu quả hơn, hỗ trợ quá trình ra quyết định, phân tích dữ liệu và xử lý giao dịch trên một nền tảng duy nhất;

(iv) Triển khai dự án xây dựng nền tảng dữ liệu khách hàng thống nhất (CDP), hỗ trợ tốt hơn cho việc tiếp thị và bán hàng.

Xây dựng nền tảng hạ tầng CNTT vững mạnh và an toàn:

(i) Chuyển đổi hạ tầng hệ thống CNTT sang nền tảng điện toán đám mây, đồng thời tiếp tục nâng cấp và kiện toàn hệ thống CNTT để đảm bảo tính ổn định, hiệu quả, linh hoạt và an toàn;

(ii) Ứng dụng công nghệ điện toán đám mây (Cloud Computing) từ các nhà cung cấp hàng đầu thế giới như: Amazon Web Services (AWS), Microsoft Azure (Azure), Oracle Cloud.

(iii) Đầu tư vào các giải pháp công nghệ an ninh bảo mật như giải pháp phòng chống thất thoát dữ liệu (DLP), kiểm soát truy cập mạng (NAC), tường lửa cơ sở dữ liệu (Database Firewall), mã hóa cơ sở dữ liệu (Database Security) để nâng cao khả năng giám sát an ninh mạng, phản ứng nhanh đối với các vấn đề bảo mật, đảm bảo an toàn thông tin theo quy định.

Tuân thủ quy định & tiêu chuẩn trong nước và quốc tế:

(i) Tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước:
Eximbank áp dụng tuân thủ đầy đủ các Thông tư hiện hành và cập nhật các quy định mới như Thông tư 15/2024/TT-NHNN, Thông tư 17/2024/TT-NHNN, Thông tư 18/2024/TT-NHNN, Thông tư 50/2024/TT-NHNN, Thông tư 64/2024/TT-NHNN,...;

(ii) Duy trì tiêu chuẩn quốc tế: Eximbank tiếp tục duy trì chuẩn PCI DSS để bảo vệ dữ liệu thẻ, đồng thời áp dụng tiêu chuẩn ISO 27001:2022 về quản lý an toàn thông tin và khung ITIL về quản lý dịch vụ CNTT nhằm đảm bảo hiệu quả và minh bạch trong vận hành.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC, THÚC ĐẨY NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG



Tái cấu trúc tinh gọn nhân sự tại Hội sở và ĐVKD; củng cố đội ngũ bán hàng, điều chỉnh ĐVKD kém hiệu quả; thiết lập Chuẩn đào tạo, tổ chức thi và đào tạo đồng bộ kiến thức nghiệp vụ theo Chuẩn; đào tạo nhân sự tiềm năng Ban GĐ ĐVKD; đào tạo nhận thức tuân thủ và ý thức phục vụ khách hàng. Từng bước cải tiến chính sách đãi ngộ, ưu tiên kinh doanh, triển khai cơ chế tăng/giảm lương theo mô hình ĐVKD; khảo sát chỉ số gắn kết đối với đội ngũ bán hàng và giao dịch viên, các giải pháp kiểm soát tiến độ chi phí lương.

CÔNG TÁC MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI



Trong năm 2024, Eximbank thực hiện di dời 07 ĐVKD sang địa điểm mới và cải tạo 12 điểm giao dịch.

Tính đến 31/12/2024 mạng lưới Eximbank có 215 điểm giao dịch hiện diện tại 26 tỉnh/thành phố trên toàn quốc.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN



Công tác quản lý tài chính và kế toán tại ngân hàng được thực hiện một cách toàn diện và chặt chẽ, đảm bảo sự ổn định và hiệu quả cho hoạt động ngân hàng. Quản lý chi phí, nguồn vốn, kế toán, rủi ro, tuân thủ pháp luật, công nợ, và chế độ báo cáo nội bộ được thực hiện một cách chuyên nghiệp.

Việc chặt chẽ theo dõi và quản lý, tối ưu hóa chi phí giúp ngân hàng sử dụng nguồn vốn một cách hiệu quả. Đồng thời, quản lý nguồn vốn thông qua việc điều phối nguồn vốn và phát triển chiến lược tài chính làm đảm bảo thanh khoản đủ cho các hoạt động ngân hàng.

Nâng cao việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán, việc thực hiện các quy trình hàng ngày được đánh giá cao về sự minh bạch và chính xác. Báo cáo tài chính định kỳ cung cấp thông tin chi tiết và đầy đủ về tình hình tài chính và hoạt động của ngân hàng. Quản lý rủi ro tài chính được đánh giá tích cực, đặc biệt là việc áp dụng biện pháp hạn chế rủi ro để bảo vệ tài sản và lợi nhuận của ngân hàng. Ngân hàng cũng thể hiện sự chú trọng đặc biệt vào việc tuân thủ pháp luật và chuẩn mực ngành ngân hàng. Các chế độ quản lý công nợ và báo cáo nội bộ đều được xây dựng và duy trì một cách có tổ chức và chuyên nghiệp.

CÔNG TÁC ĐÀO TẠO



Công tác đào tạo đã được thực hiện theo đúng chủ trương và quy chế chung của Ngân hàng, tập trung vào việc đa dạng hóa, khuyến khích nâng cao năng lực của tập thể và cá nhân để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên mọi lĩnh vực. Eximbank hàng năm tổ chức các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn và phát triển kỹ năng cho cán bộ nhân viên, đồng thời tạo điều kiện để CBNV tham gia các khóa đào tạo trong và ngoài nước. Cùng với đó, Eximbank liên tục hỗ trợ và tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa đào tạo và tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và kỹ năng làm việc.

CÔNG TÁC TẠO NGUỒN NHÂN SỰ VÀ NHÂN VIÊN CHỦ CHỐT

Eximbank tập trung vào việc tăng cường nguồn nhân lực chất lượng cao, cải thiện chế độ đãi ngộ và tăng cường phúc lợi để đảm bảo nguồn nhân lực là động lực thúc đẩy kinh doanh hiệu quả. Eximbank duy trì chính sách tìm kiếm và thu hút nhân tài, đồng thời thúc đẩy môi trường làm việc chuyên nghiệp, năng động và văn hóa doanh nghiệp lành mạnh.

CÔNG TÁC QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Quan hệ với Nhà Đầu Tư (NĐT) là một khía cạnh quan trọng, đóng vai trò như một cầu nối mang đến thông tin phản ánh chính xác và đầy đủ về giá trị của doanh nghiệp. Tại Eximbank, cam kết bảo vệ quyền lợi của NĐT và cổ đông là ưu tiên hàng đầu, với mục tiêu duy trì sự đầy đủ và minh bạch trong các thông tin công bố, giúp nhà đầu tư và cổ đông hiểu sâu hơn về hoạt động của Eximbank và đánh giá chính xác về giá trị Eximbank. Bên cạnh đó, các báo cáo cập nhật các thông tin, hoạt động kinh doanh của Eximbank hàng quý (Bản tin IR) được cung cấp định kỳ tới cổ đông, các nhà đầu tư, góp phần quảng bá rộng rãi hình ảnh và tiềm năng phát triển của Ngân hàng tới các đối tượng công chúng.

Trong năm 2024, Eximbank đã tích cực và minh bạch trong việc công bố thông tin theo quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC, đồng thời liên tục cập nhật và tuân thủ các quy định từ NHNN và các cơ quan quản lý nhà nước. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên 2024 đã được Eximbank tổ chức thành công, đáp ứng các quy định hiện hành nhằm tạo điều kiện cho cổ đông kịp thời tiếp cận thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Tại ĐHĐCĐ thường niên 2024, trên cơ sở các Báo cáo, Tờ trình được trình bày, các cổ đông đã biểu quyết các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của Eximbank, đồng thời được trực tiếp chất vấn và đề xuất kiến nghị đối với Ban lãnh đạo Ngân hàng. Sau Đại hội, các văn bản được nhất trí thông qua tại Đại hội đã được hoàn thiện đầy đủ và đăng tải lên chuyên trang Nhà đầu tư, đảm bảo cho tất cả cổ đông, kể cả các cổ đông không tham dự nắm bắt được các nội dung quan trọng tại Đại hội.

Để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông, đặc biệt với đặc thù số lượng cổ đông lớn, đa dạng, Eximbank chú trọng đặc biệt đến công tác quản lý cổ đông. Trong năm 2024, công tác Quan hệ cổ đông đã thể hiện cách tích cực bằng việc hỗ trợ và giải đáp các thắc mắc, yêu cầu của các cổ đông và nhà đầu tư, đặc biệt là các cổ đông và nhà đầu tư cá nhân thông qua kênh tương tác như điện thoại, email.... Việc điều chỉnh thông tin cổ đông được thực hiện nhanh chóng, đúng quy định, đáp ứng yêu cầu và kỳ vọng của cổ đông, mang lại sự tin tưởng cho cổ đông và các nhà đầu tư tiềm năng của EIB.

Eximbank đa dạng hóa các kênh cung cấp thông tin cho NĐT và cổ đông, bao gồm:

- Cổng thông tin CBTT: Website Eximbank, cổng thông tin điện tử HOSE, SSC.
- Bản tin hàng quý và email cập nhật đến cổ đông.
- Báo cáo định kỳ như Báo cáo tài chính, Báo cáo thường niên

CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG VÀ MARKETING

Công tác truyền thông tại Eximbank được thực hiện một cách chuyên nghiệp và toàn diện. Minh bạch trong công bố thông tin, tập trung vào xây dựng hình ảnh và thương hiệu tích cực, cùng với khả năng tương tác trực tuyến năng động giúp Eximbank giao tiếp hiệu quả với khách hàng và cộng đồng.

Eximbank cũng chú trọng vào quản lý khủng hoảng thông tin và tin đồn, chuẩn bị kế hoạch để xử lý tình huống khẩn cấp một cách chuyên nghiệp. Tăng cường giao tiếp nội bộ và tổ chức các sự kiện, hội nghị nhằm tạo cơ hội tương tác là những điểm mạnh của chiến lược truyền thông.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH 2025

1. Môi trường kinh doanh

Năm 2025, kinh tế thế giới có triển vọng khởi sắc tốt hơn mặc dù địa chính trị vẫn còn tồn tại nhiều bất ổn, nhiều diễn biến khó lường xung đột quân sự Nga – Ukraine vẫn tiếp diễn, một số xung đột trên thế giới tiếp tục đè nặng lên các hoạt động kinh tế, ... IMF dự báo GDP toàn cầu năm 2025 tăng trưởng ở mức 3,2% và lạm phát 4,3%.

Năm 2025 có ý nghĩa vô cùng quan trọng với nhiều dấu ấn kỷ niệm của Đất nước với kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Nền kinh tế trong nước **khó khăn - thách thức - thuận lợi đan xen nhau. Trên tinh thần lấy ổn định làm tiền đề thúc đẩy phát triển và phát triển để làm cơ sở cho ổn định, tập trung phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế "tăng tốc, bứt phá", tạo tiền đề để giai đoạn 2021 – 2030 tăng trưởng 2 con số.** Thủ tướng Chính phủ đã đặt ra mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế năm 2025, phấn đấu tốc độ tăng trưởng GDP cả nước năm 2025 đạt trên 8%; phấn đấu chỉ tiêu tăng trưởng GRDP của các địa phương tối thiểu ở mức 8-10%; chỉ số CPI 4,5%; xuất khẩu tăng 10%-12%; nhập khẩu tăng 11,6%-13,8% ... Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công ngay từ đầu năm 2025, nhất là các dự án, công trình quan trọng quốc gia, các chương trình mục tiêu quốc gia, lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư, tăng cường hợp tác công tư; thúc đẩy sản xuất, bảo đảm cung ứng đầy đủ,...; đẩy nhanh chuyển đổi số quốc gia một cách sâu rộng, toàn diện; tăng cường thu hút đầu tư vào các ngành, lĩnh vực mới, công nghệ cao và tăng tiêu dùng nội địa là mục tiêu trọng tâm của năm 2025.

Về định hướng chính sách tiền tệ năm 2025 của NHNN là kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, đảm bảo những cân đối lớn của nền kinh tế, bảo đảm nguồn vốn cho nền kinh tế; điều hành lãi suất ổn định đảm bảo phù hợp với lãi suất chung của nền kinh tế, chỉ đạo các ngân hàng thương mại tiếp tục giảm lãi suất bằng cách tiết giảm chi phí, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ...; điều hành hạn mức tín dụng với mục tiêu đặt ra 16%; điều hành tỷ giá ổn định, linh hoạt, duy trì thị trường ngoại tệ ổn định; ứng dụng công nghệ để giảm bớt chi phí nhằm giảm lãi suất để hỗ trợ cho doanh nghiệp.

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2025

2.1. Chỉ tiêu kinh doanh chính

Đơn vị: tỷ đồng, %

STT	Chỉ tiêu	Năm 2024	Kế hoạch năm 2025		
			Giá trị	+/- so với 2024	% +/- so với 2024
1	Tổng tài sản	239.768	265.500	25.732	10,7%
2	Huy động vốn (*)	178.312	206.000	27.688	15,5%
3	Dư nợ tín dụng	168.230	195.500	27.270	16,2%
4	Tỷ lệ nợ xấu/Dư nợ tín dụng	2,53%	1,99%	-0,54%	
5	Lợi nhuận trước thuế	4.188	5.188	1.000	23,8%

(*) Huy động vốn bao gồm huy động vốn tổ chức kinh tế - dân cư và phát hành GTCG.



CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

Để đạt được mục tiêu kế hoạch đề ra như trên, Eximbank tập trung triển khai các giải pháp trọng tâm như sau:

Phát triển kinh doanh:

- Tăng trưởng quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động theo định hướng bền vững – an toàn – hiệu quả;
- Cải thiện NIM cho Ngân hàng thông qua đẩy mạnh phân khúc ngân hàng bán lẻ, SME, phát triển khai thác hệ sinh thái của hệ khách hàng doanh nghiệp lớn và FDI.
- Gia tăng nguồn vốn không kỳ hạn (CASA) với chi phí rẻ, thông qua cải tiến nền tảng công nghệ, gia tăng tiện ích, nâng cao trải nghiệm khách hàng; tiếp tục thực hiện các giải pháp kết nối với các khách hàng lớn; đẩy mạnh triển khai kết nối các dịch vụ thanh toán; các chương trình sản phẩm tín dụng với cam kết dòng tiền.
- Đa dạng hóa nguồn vốn thông qua các chương trình, sản phẩm huy động vốn có kỳ hạn, bám sát diễn biến thị trường, tận dụng cơ hội có được để tăng nguồn vốn trung dài hạn tạo nguồn vốn bền vững lâu dài. Nâng cao thương hiệu của Eximbank trên thị trường trong và ngoài nước nhằm tăng hạn mức tiền gửi từ các đối tác, mở rộng đối tác phát hành trái phiếu, từng bước đẩy mạnh thu hút các khoản vay hợp vốn.
- Tập trung tăng trưởng tín dụng đi đôi với phát triển đội ngũ nhân sự bán hàng một cách mạnh mẽ. Đa dạng hóa danh mục tín dụng đối với khách hàng bán lẻ, SME và doanh nghiệp lớn, phát triển sản phẩm cho vay theo nhóm khách hàng mục tiêu, theo từng phân khúc khách hàng cụ thể.
- Đảm bảo an toàn hoạt động, kiểm soát chặt chẽ nợ xấu phát sinh, nguy cơ từ nợ cơ cấu; xây dựng mô hình xử lý nợ tập trung, tiếp tục đặt xử lý nợ là một trụ cột kinh doanh cho năm 2025.
- Đẩy mạnh văn hóa tuân thủ, vai trò các chốt chặn, hệ thống cảnh báo sớm; nâng cao ý thức, tinh thần trách nhiệm của tất cả cán bộ trong toàn hệ thống. Tăng cường sử dụng công cụ, công nghệ trong các chốt chặn, các khâu kiểm soát, nâng cao hiệu quả trong việc thực thi tuân thủ. Xây dựng danh mục tín dụng, khẩu vị rủi ro theo Thông tư 13 và các hệ số rủi ro theo quy định NHNN, phù hợp với định hướng kinh doanh của Ngân hàng trong năm 2025.





Tập trung chuyển đổi số, ngân hàng số toàn diện:

Tiếp tục đẩy mạnh quá trình chuyển đổi số nhằm cung cấp các sản phẩm tài chính số hiện đại cho khách hàng; tập trung phát triển nền tảng ngân hàng số, thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt ("TTKDTM") và xây dựng hệ sinh thái ngân hàng số toàn diện. Đầu tư vào các công nghệ tiên tiến như AI, tự động hóa, phân tích dữ liệu và các giải pháp TTKDTM để tối ưu hóa quy trình và nâng cao trải nghiệm khách hàng. Tăng cường triển khai các dịch vụ thanh toán hiện đại. Mở rộng hợp tác với Viettel trong triển khai các dịch vụ tài chính hiện đại, tích hợp các dịch vụ thanh toán.

Đẩy mạnh nền tảng công nghệ số tập trung vận hành để nâng cao trải nghiệm khách hàng, cải thiện mạnh mẽ về năng suất, hiệu suất làm việc. Đầu tư vào các hệ thống nền tảng hạ tầng, bảo mật, tăng cường tự động hóa, cải tiến hệ thống.

Tổ chức – nhân sự:

Thực hiện tổ chức cơ cấu chuyển động mạnh mẽ nền tảng hoạt động tại Hội sở nhằm tối ưu hiệu quả và tăng năng suất vận hành trong hoạt động của hệ thống. Tăng hiệu quả sử dụng nhân sự, sắp xếp nhân sự phù hợp năng lực trong toàn hệ thống.

Xây dựng chính sách chi lương theo hiệu quả, theo năng suất và không giới hạn đối với cán bộ đóng góp nhiều hiệu quả, tăng động lực gia tăng kết quả công việc của CBNV.

Xây dựng chương trình đào tạo gắn với thực chất nhu cầu thực tế cho cán bộ một cách hiệu quả. Phát triển năng lực nhân sự theo chuẩn đào tạo.

Kiến tạo văn hóa tổ chức, văn hóa con người một cách tích cực. Phát triển Văn hóa Thích ứng nhanh và Cập nhật liên tục.

Tăng cường công tác Marketing và truyền thông thương hiệu thông qua chuẩn hóa thương hiệu trong toàn hệ thống đi cùng với chiến lược; tăng cường công tác tiếp thị quảng bá sản phẩm qua kênh số hóa, điện tử. Xây dựng các chiến dịch quảng bá hình ảnh Eximbank có trọng tâm, trọng điểm và có bản sắc, không đơn điệu, tăng nhận diện và nâng cao hình ảnh thương hiệu Eximbank với cộng đồng, thu hút được nhiều khách hàng.

CÔNG TÁC TÀI CHÍNH – KẾ TOÁN



Kế hoạch cho năm 2025 về Công tác quản lý tài chính và kế toán tại Eximbank bao gồm các mục tiêu và hoạch định sau:

Quản lý chi phí

- Áp dụng biện pháp tiết kiệm chi phí một cách chặt chẽ và hiệu quả.
- Điều chỉnh các quy trình nội bộ để giảm thiểu tổn thất và tối ưu hóa chi phí hoạt động.
- Đàm phán và đối thoại với các đối tác để đạt được điều kiện và giá cả tốt nhất.

Quản lý nguồn vốn

- Duy trì và cải thiện các chiến lược tài chính đáp ứng nhu cầu vay mượn và đầu tư của ngân hàng. Ngân hàng đã xây dựng thành công hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ để tăng khả năng đánh giá và quản lý rủi ro, cấp hạn mức giao dịch thị trường liên ngổn hàng để đáp ứng nhu cầu vay mượn và đầu tư của ngân hàng.
- Nghiên cứu và triển khai các giải pháp mới để tối ưu hóa nguồn vốn và thanh khoản: Ngân hàng đã cơ cấu lại kỳ hạn huy động để tiết giảm chi phí nhằm tạo dư địa giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ nền kinh tế theo định hướng của NHNN. Ngân hàng cũng đa dạng hóa nguồn vốn huy động từ thị trường liên ngân hàng trong nước, vay tài trợ thương mại cũng như phát hành GTCG để tối ưu nguồn vốn và luôn duy trì ổn định thanh khoản theo quy định của NHNN.

Kế toán và báo cáo

- Tối ưu hóa quy trình kế toán hàng ngày để tăng cường sự minh bạch và chính xác trong bảng cân đối kế toán.
- Mở rộng và cập nhật hệ thống báo cáo tài chính để cung cấp thông tin chi tiết và dễ hiểu.

Quản lý rủi ro tài chính

- Tăng cường đánh giá và quản lý rủi ro tài chính, đặc biệt là liên quan đến biến động thị trường, lãi suất, và nợ xấu.
- Thực hiện các biện pháp hạn chế rủi ro để bảo vệ tài sản và lợi nhuận của ngân hàng.

Tuân thủ pháp luật và chuẩn mực

- Duy trì một hệ thống chặt chẽ để đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật và chuẩn mực ngành ngân hàng.
- Liên tục cập nhật và điều chỉnh các chính sách tài chính theo các thay đổi về pháp luật và chuẩn mực.

Quản lý công nợ

- Nâng cao quản lý công nợ khách hàng, đảm bảo thu hồi nhanh chóng và hiệu quả.
- Tổ chức đào tạo cho nhân viên về các biện pháp xử lý nợ xấu để giảm thiểu ảnh hưởng đến tình hình tài chính.

Chế độ báo cáo nội bộ

- Cải thiện và mở rộng hệ thống báo cáo nội bộ để theo dõi nguồn vốn và dòng tiền.
- Tổ chức các cuộc họp định kỳ để thông tin ban lãnh đạo và đưa ra quyết định chiến lược dựa trên dữ liệu kịp thời.

Đàm phán và quan hệ đối ngoại

- Tăng cường đàm phán với các đối tác tài chính và ngân hàng để đảm bảo mối quan hệ tốt và điều kiện vay mượn thuận lợi.
- Tham gia các sự kiện và hội nghị ngành để củng cố mối quan hệ và đàm phán.

CÔNG TÁC NHÂN SỰ VÀ QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

CÔNG TÁC QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Duy trì hoạt động công bố thông tin đầy đủ và đúng đắn, đặc biệt qua việc cập nhật thường xuyên trên website của Eximbank theo đúng quy định đồng thời giúp tạo ấn tượng tích cực về giá trị và hoạt động của Ngân hàng với nhà đầu tư và cổ đông.

Thực hiện công bố thông tin đúng quy định, đảm bảo sự minh bạch và cung cấp thông tin chính xác, lành mạnh cho nhà đầu tư, cổ đông.

Tích cực tham gia các hội thảo, chương trình đào tạo của ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký Chứng khoán nhằm cải tiến hoạt động quản trị ngân hàng và hiểu rõ hơn về yêu cầu của thị trường.

Quản lý hình ảnh, uy tín, và thương hiệu là một ưu tiên, đặc biệt với cơ quan quản lý, đối tác, và nhà đầu tư. Duy trì thương hiệu tích cực trong cộng đồng nhà đầu tư, giữ vững vị thế trên thị trường.

Gắn kết cổ đông, khách hàng tham gia tích cực trong công tác an sinh xã hội và trách nhiệm xã hội nhằm đóng góp cho cộng đồng và đồng thời nâng cao vị thế và thương hiệu của Eximbank.





CÔNG TÁC NHÂN SỰ

Trong năm 2025, tập trung tối ưu hóa quản trị, nâng cao chất lượng nhân sự, và đảm bảo hiệu suất làm việc toàn diện của Eximbank.

Số hóa quản trị doanh nghiệp

- Tăng cường ứng dụng các hệ thống quản lý tiên tiến (iHRPs, E-Hiring, E-Office) để nâng cao hiệu quả quản trị và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế.

Chất lượng quản lý nhân sự

- Tăng cường chiến lược tuyển dụng và thu hút nguồn nhân lực chất lượng.
- Xây dựng chương trình đào tạo đa dạng cho cán bộ nhân viên, tập trung vào cả kiến thức chuyên nghiệp và kỹ năng mềm.
- Phát triển văn hóa doanh nghiệp tích cực và khuyến khích sự phát triển cá nhân.

Kiện toàn bộ máy tổ chức nhân sự

- Tối ưu hóa tổ chức bằng sắp xếp nhân sự dựa trên năng lực và chuyên môn.
- Xây dựng chính sách và cơ chế hợp lý
- Rà soát, cập nhật chính sách và cơ chế mới nhằm đảm bảo thu nhập công bằng và tăng cường năng suất làm việc.

CÔNG TÁC TRUYỀN THÔNG VÀ MARKETING

Hình ảnh và Thương hiệu	Xây dựng và duy trì hình ảnh và thương hiệu tích cực của ngân hàng. Tăng cường nhận thức đối với khách hàng và cộng đồng.
Thông tin và Sự kiện	Truyền thông về chiến lược, thành tựu của ngân hàng, và sự kiện của ngân hàng. Quảng bá để tăng cường hình ảnh và giao tiếp với cộng đồng.
Truyền thông Nội bộ	Duy trì và phát triển các kênh truyền thông nội bộ để cung cấp thông tin đến cán bộ nhân viên. Tổ chức các buổi họp, hội thao, và sự kiện nội bộ để tạo cơ hội tương tác và gắn kết. Quản lý và phát triển các kênh truyền thông trực tuyến như trang website, facebook, và email để tạo điểm tiếp xúc với khách hàng và cộng đồng.
Quản lý Khủng hoảng	Chuẩn bị kế hoạch để đối mặt với tình huống khẩn cấp và xử lý khủng hoảng truyền thông. Xử lý thông tin sai lệch và tin đồn một cách nhanh chóng và hiệu quả để bảo vệ uy tín ngân hàng.
Quảng cáo và Tiếp thị	Triển khai chiến lược quảng cáo và tiếp thị để tăng cường nhận thức thương hiệu và thu hút khách hàng mới. Theo dõi và đánh giá hiệu suất của các chiến dịch quảng cáo để điều chỉnh chiến lược tiếp theo.
Hoạt động Cộng đồng	Tổ chức các hoạt động từ thiện và xã hội để gắn kết với cộng đồng và tăng cường trách nhiệm xã hội.



04.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
- Các kế hoạch, định hướng chính của Hội đồng quản trị trong năm 2025

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Các hoạt động của HĐQT trong năm 2024
- Hoạt động của BKS năm 2024
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Hoạt động điều hành trong năm 2024 được Hội đồng Quản trị đánh giá là thận trọng, kỷ luật và phù hợp với mục tiêu chiến lược dài hạn của Ngân hàng

1. Tuân thủ pháp luật và quy định nội bộ: Eximbank duy trì sự tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước cũng như các chính sách nội bộ. Công tác rà soát, cập nhật văn bản pháp lý và hoàn thiện hệ thống quy trình, quy chế nội bộ được thực hiện thường xuyên, góp phần kiểm soát rủi ro và nâng cao hiệu quả vận hành.

2. Kết quả kinh doanh: mặc dù lợi nhuận trước thuế đạt 81% kế hoạch (4.188 tỷ đồng so với mục tiêu 5.180 tỷ đồng), kết quả này vẫn được đánh giá cao trong bối cảnh áp lực lãi suất cao và chi phí quản lý rủi ro tăng. HĐQT nhận định rằng, với sự linh hoạt và quyết tâm cao, Eximbank đã vượt qua nhiều khó khăn và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển bền vững trong năm 2025.

3. Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ: Cơ chế quản trị rủi ro tiếp tục được củng cố, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế. Hội đồng Quản trị đánh giá cao việc triển khai các biện pháp giám sát, kiểm tra, đảm bảo hoạt động ngân hàng tuân thủ và minh bạch.

4. Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ: Hội đồng Quản trị ghi nhận những bước tiến trong công tác chuyển đổi số, đặc biệt là việc đầu tư vào hạ tầng công nghệ, cải tiến sản phẩm dịch vụ và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

5. Quản trị doanh nghiệp và phát triển bền vững: Mô hình quản trị tiếp tục được hoàn thiện theo thông lệ tốt, đảm bảo minh bạch, hiệu quả. Các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG) dần được tích hợp vào hoạt động ngân hàng, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

6. Nguồn nhân lực và văn hóa doanh nghiệp: Hội đồng Quản trị đánh giá cao nỗ lực xây dựng đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu phát triển và thích ứng với thay đổi. Văn hóa doanh nghiệp tiếp tục được gìn giữ và phát huy, tạo động lực cho sự gắn kết và đổi mới sáng tạo.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và Ban Điều hành được thực hiện theo đúng quy định của Luật các TCTD, pháp luật khác có liên quan và quy định của Eximbank. Trong phạm vi thẩm quyền của HĐQT, HĐQT thực hiện giám sát dựa trên:

(i) Quy định tại Điều lệ của Eximbank;

(ii) Quy chế quản trị nội bộ của Eximbank, Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT;

(iii) Các quy định có liên quan đến thẩm quyền, quản lý rủi ro, các mục tiêu kinh doanh, chất lượng tín dụng, công tác tái cấu trúc, nhận diện thương hiệu, chính sách đối với Cán bộ nhân viên.

Trong năm 2024, hoạt động giám sát của HĐQT đã được triển khai một cách toàn diện, sát sao và hiệu quả thông qua nhiều hình thức đa dạng, cụ thể:

- Giám sát thông qua các phiên họp thường kỳ/chuyên đề giữa HĐQT/Thành viên HĐQT với Ban điều hành để đánh giá kết quả tình hình hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, phân tích tình hình kinh tế và rủi ro diễn biến thị trường, từ đó quyết định những chủ trương, định hướng chỉ đạo kịp thời, sát thực tiễn hoạt động của Eximbank.
- Giám sát thông qua việc xem xét và xử lý các kết luận, phát hiện từ báo cáo do Ban kiểm soát, Ban kiểm toán nội bộ lập, qua đó HĐQT/Thành viên HĐQT có đầy đủ thông tin nhanh chóng, kịp thời, chính xác để giám sát Ban điều hành và các đơn vị chuyên môn trong tổ chức thực hiện, triển khai các nhiệm vụ liên quan theo chỉ đạo của HĐQT, đảm bảo sự phát triển an toàn và bền vững của Eximbank.





- Giám sát thông qua các báo cáo định kỳ và báo cáo/đề xuất phát sinh từ Ban điều hành đến HĐQT/Thành viên HĐQT để kịp thời xử lý các công việc, hồ sơ và các vấn đề phát sinh từ hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền, chức năng của HĐQT.
- Giám sát thông qua việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết/Quyết định do HĐQT ban hành, đảm bảo đúng quy định về tiến độ thực hiện và kết quả thực hiện. Trong năm 2024, Tổng giám đốc/Ban điều hành đã thực hiện báo cáo việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT kịp thời theo quy định nội bộ của Eximbank.
- Giám sát đối với các hoạt động thuộc thẩm quyền xem xét và quyết định khác của HĐQT, Ban điều hành lập báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện đối với các chỉ đạo của HĐQT thông qua đầu mối giúp việc là Văn phòng HĐQT - đơn vị tham mưu, giúp HĐQT trong việc tổ chức, triển khai thực hiện hoạt động giám sát của HĐQT. Trên cơ sở đó, HĐQT đưa ra các quyết định kịp thời cho Tổng giám đốc/Ban điều hành triển khai thực hiện.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2025

Năm 2025 được dự báo tiếp tục là một năm đầy biến động đối với nền kinh tế toàn cầu và trong nước. Các yếu tố như lãi suất, tỷ giá và rủi ro từ thị trường tài chính quốc tế sẽ tiếp tục tạo ra những thách thức không nhỏ cho ngành ngân hàng. Cụ thể:

- Lãi suất và tỷ giá: Dự báo lãi suất toàn cầu sẽ tiếp tục duy trì ở mức cao, trong khi tỷ giá có thể biến động mạnh do những tác động từ chính sách tiền tệ của các nền kinh tế lớn như Mỹ, EU và Trung Quốc. Điều này đòi hỏi Eximbank phải có chiến lược quản lý rủi ro lãi suất và tỷ giá một cách linh hoạt và hiệu quả.

- Rủi ro thị trường tài chính: Các biến động chính trị, xung đột địa chính trị và sự bất ổn của thị trường năng lượng toàn cầu có thể gây ra những tác động tiêu cực đến thị trường tài chính quốc tế, từ đó ảnh hưởng gián tiếp đến hoạt động của Eximbank.

- Tình hình kinh tế trong nước: Mặc dù nền kinh tế Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục phục hồi và tăng trưởng ổn định, các ngành xuất nhập khẩu và sản xuất công nghiệp vẫn phải đối mặt với những khó khăn từ thị trường quốc tế. Đồng thời, thị trường bất động sản và trái phiếu doanh nghiệp cũng cần được theo dõi sát sao để hạn chế rủi ro.

Tuy nhiên, với nền tảng kinh tế vĩ mô ổn định, lợi thế trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài và đặc biệt là năm bắt đầu thực hiện "Kỷ nguyên vươn mình phát triển giàu mạnh, văn minh và thịnh vượng" của dân tộc, Eximbank sẽ tiếp tục tận dụng các cơ hội để phát triển bền vững. Sự phục hồi dần của nền kinh tế toàn cầu và trong nước, cùng với xu hướng chuyển đổi số và phát triển công nghệ, sẽ mở ra những hướng đi mới cho ngành ngân hàng. Eximbank sẽ tiếp tục tận dụng các cơ hội này để củng cố vị thế cạnh tranh, đồng thời đảm bảo sự ổn định và an toàn trong hoạt động kinh doanh. Tiếp tục bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ theo chiến lược phát triển kinh doanh đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, toàn bộ hệ thống Eximbank tiếp tục đoàn kết, đồng lòng, chủ động, sáng tạo, nỗ lực phấn đấu hoàn thành Kế hoạch kinh doanh năm 2025.

Theo đó, HĐQT Eximbank xác định các định hướng trọng tâm nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trong năm 2025 cụ thể như sau:

- **Chỉ đạo và kiểm soát thực hiện kế hoạch hoạt động:** Giám sát chặt chẽ việc triển khai kế hoạch hoạt động của Ban Điều hành để đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh và chiến lược quan trọng đã được ĐHĐCĐ thông qua.

- **Nâng cấp hệ thống quản trị theo chuẩn quốc tế:**

- Tiếp tục cập nhật và áp dụng các thông lệ quốc tế về quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ nhằm nâng cao tính minh bạch, hiệu quả trong hoạt động quản trị ngân hàng.
- Hoàn thiện mô hình quản trị theo hướng chuyên nghiệp, tăng cường trách nhiệm và quyền hạn của các Ủy ban trực thuộc HĐQT.

- **Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số:**

- Đẩy nhanh tiến độ các dự án công nghệ thông tin, tích hợp vào hệ thống sản phẩm và dịch vụ ngân hàng số để nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- Tập trung số hóa các quy trình hoạt động, cắt giảm chi phí vận hành, tối ưu hóa hiệu suất làm việc.
- Phát triển các nền tảng số để tiếp cận và mở rộng tập khách hàng, đồng thời tăng cường an toàn bảo mật thông tin.

- **Quản trị chi phí và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động:** Triển khai các biện pháp quản trị chi phí chặt chẽ, tiết giảm các khoản chi không cần thiết nhưng vẫn đảm bảo chất lượng dịch vụ. Tăng cường hiệu suất sử dụng vốn, tối ưu hóa lợi nhuận và cải thiện các chỉ số tài chính quan trọng.

- **Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và văn hóa doanh nghiệp:** Triển khai đồng bộ các giải pháp về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; cơ cấu lại nguồn lực lãnh đạo, đổi mới, hoàn thiện các cơ chế tiền lương, chính sách để tạo động lực cho người lao động; đổi mới tác phong giao dịch.

- **Tăng cường vai trò giám sát và quản trị chuyên môn:**

- Phát huy hiệu quả hoạt động của các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT trong việc tham mưu và giám sát các lĩnh vực quan trọng như tín dụng, đầu tư, kinh doanh tiền tệ, quản lý rủi ro, nhân sự và công nghệ thông tin.
- Thực hiện các biện pháp kiểm soát rủi ro chặt chẽ, đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng.

- Đảm bảo công tác quản trị và điều hành theo hướng minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật và hướng đến lợi ích chung của cộng đồng, xã hội.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần của cá nhân ngày 31/12/2024	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Cảnh Anh	Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
2	Đỗ Hà Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
3	Trần Tấn Lộc	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0,00%
4	Phạm Quang Dũng	Thành viên HĐQT	0	0,00%
5	Trần Anh Thắng	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%

b) Các Hội đồng/Ủy ban/Ban trực thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng Xử lý rủi ro:

STT	Thành viên	Chức danh tại HĐ/UB/ Ban trực thuộc HĐQT
1	Ông Trần Anh Thắng Thành viên HĐQT độc lập	Chủ tịch
2	Bà Đỗ Hà Phương Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Ông Phạm Quang Dũng Thành viên HĐQT	Thành viên
4	Ông Trần Tấn Lộc Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
5	Tổng giám đốc/ Quyền Tổng giám đốc	Thành viên

Ủy ban quản lý rủi ro:

STT	Thành viên	Chức danh tại HĐ/UB/ Ban trực thuộc HĐQT
1	Ông Trần Anh Thắng Thành viên HĐQT độc lập	Chủ tịch
2	Bà Đỗ Hà Phương Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Ông Phạm Quang Dũng Thành viên HĐQT	Thành viên
4	Ông Trần Tấn Lộc Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên

Hội đồng mua bán nợ trung ương:

STT	Thành viên	Chức danh tại HĐ/UB/ Ban trực thuộc HĐQT
1	Ông Trần Anh Thắng Thành viên HĐQT độc lập	Chủ tịch
2	Ông Phạm Quang Dũng Thành viên HĐQT	Thành viên
3	Ông Trần Tấn Lộc Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
4	Tổng giám đốc/ Quyền Tổng giám đốc	Thành viên

Ủy ban Chiến lược và Tái cấu trúc:

STT	Thành viên	Chức danh tại HĐ/UB/ Ban trực thuộc HĐQT
1	Bà Đỗ Hà Phương Phó Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
2	Ông Trần Tấn Lộc Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Tổng giám đốc/ Quyền Tổng giám đốc	Thành viên

Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm:

STT	Thành viên	Chức danh tại HĐ/UB/ Ban trực thuộc HĐQT
1	Ông Nguyễn Cảnh Anh Chủ tịch HĐQT	Trưởng Ban
2	Ông Trần Tấn Lộc Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Bà Doãn Hồ Lan Thành viên BKS	Thành viên
4	Tổng giám đốc/ Quyền Tổng giám đốc	Thành viên

Hội đồng Đầu tư hệ thống Công nghệ thông tin (CNTT):

STT	Thành viên	Chức danh tại HĐ/UB/ Ban trực thuộc HĐQT
1	Ông Trần Anh Thắng Thành viên HĐQT độc lập	Chủ tịch
2	Bà Đỗ Hà Phương Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
3	Ông Trần Tấn Lộc Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
4	Ông Phạm Quang Dũng Thành viên HĐQT	Thành viên
5	Tổng giám đốc/ Quyền Tổng giám đốc	Thành viên

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

Hội đồng Thi đua - khen thưởng:

STT	Thành viên	Chức danh tại HĐ/UB/ Ban trực thuộc HĐQT
1	Ông Nguyễn Cảnh Anh Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
2	Ông Trần Anh Thắng Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên
3	Tổng giám đốc/Quyền Tổng giám đốc	Thành viên
4	Chủ tịch Công đoàn	Thành viên

Ủy ban nhân sự:

STT	Thành viên	Chức danh tại HĐ/UB/ Ban trực thuộc HĐQT
1	Ông Nguyễn Cảnh Anh Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
2	Ông Trần Anh Thắng Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên
3	Bà Đỗ Hà Phương Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên
4	Tổng giám đốc/Quyền Tổng giám đốc	Thành viên

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị :

Trong năm 2024, HĐQT tổng cộng có 14 cuộc họp và 242 lần tổ chức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản để quyết định các nội dung, công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của HĐQT cũng như một số chuyên đề cụ thể khác, chi tiết như sau:

Thống kê cuộc họp HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Cảnh Anh	14/14	100%		
2	Bà Lương Thị Cẩm Tú	10/10	100%		Bà Lương Thị Cẩm Tú không còn là Thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) từ ngày 28/11/2024 nên chỉ tham gia 10 cuộc họp.
3	Ông Trần Tấn Lộc	14/14	100%		
4	Bà Đỗ Hà Phương	14/14	100%		
5	Bà Lê Thị Mai Loan	04/04	100%		Bà Lê Thị Mai Loan không còn là Thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) từ ngày 26/4/2024 nên chỉ tham gia 04 cuộc họp.
6	Ông Nguyễn Hồ Nam	06/06	100%		Ông Nguyễn Hồ Nam được bầu làm Thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) từ ngày 26/4/2024 và không còn là Thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) từ ngày 28/11/2024 nên chỉ tham gia 06 cuộc họp.
7	Ông Phạm Quang Dũng	14/14	100%		
8	Ông Trần Anh Thắng	14/14	100%		

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

Thống kê tổ chức lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản

STT	Thành viên HĐQT	Số lần tham gia lấy ý kiến bằng văn bản	Tỷ lệ tham gia lấy ý kiến bằng văn bản	Lý do không tham gia lấy ý kiến bằng văn bản	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Cảnh Anh	241/242	99,59%		
2	Bà Lương Thị Cẩm Tú	201/205	98,05%		Bà Lương Thị Cẩm Tú không còn là Thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) từ ngày 28/11/2024 nên chỉ tham gia lấy ý kiến bằng văn bản 205 lần.
3	Ông Trần Tấn Lộc	240/242	99,17%		
4	Bà Đỗ Hà Phương	237/242	97,93%		
5	Bà Lê Thị Mai Loan	70/71	98,59%		Bà Lê Thị Mai Loan không còn là Thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) từ ngày 26/4/2024 nên chỉ tham gia lấy ý kiến bằng văn bản 71 lần.
6	Ông Nguyễn Hồ Nam	125/134	93,28%		Ông Nguyễn Hồ Nam được bầu làm Thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) từ ngày 26/4/2024 và không còn là Thành viên HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VII (2020 - 2025) từ ngày 28/11/2024 nên chỉ tham gia lấy ý kiến bằng văn bản 134 lần.
7	Ông Trần Anh Thắng	240/242	99,17%		
8	Ông Phạm Quang Dũng	241/242	99,59%		

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị năm 2024 (theo phụ lục đính kèm):

Với vai trò chỉ đạo, định hướng chiến lược và giám sát hoạt động của Ngân hàng, HĐQT Eximbank đã không ngừng nỗ lực để đảm bảo sự vận hành hiệu quả và bền vững của hệ thống. Trên nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, HĐQT thường xuyên tổ chức các cuộc họp và lấy ý kiến từ các thành viên để thống nhất các quyết định quan trọng liên quan đến nhiều lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng. Những định hướng chiến lược này đã giúp Ban Điều hành triển khai hiệu quả các nhiệm vụ kinh doanh, đáp ứng yêu cầu thực tiễn và đạt được các mục tiêu đề ra.
Với chức trách và nhiệm vụ được quy định của pháp luật và Điều lệ Eximbank, HĐQT đã thực hiện đầy đủ các chức năng của mình, hỗ trợ kịp thời và hiệu quả cho hoạt động của Ngân hàng. Trong năm 2024, HĐQT đã ban hành nhiều văn bản, quyết định quan trọng về chính sách và quản trị, bao gồm:

- **Liên quan đến công tác tổ chức ĐHĐCĐ:**

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên ngày 26/4/2024 và ĐHĐCĐ bất thường ngày 28/11/2024 trong năm 2024 để thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của ĐHĐCĐ bao gồm việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2023 bằng cổ phiếu và bằng tiền mặt cho cổ đông, miễn nhiệm/bầu bổ sung thành viên HĐQT và Ban kiểm soát đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Ngân hàng;
- Ban hành Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử.

- **Điều chỉnh mô hình cơ cấu tổ chức và công tác nhân sự:**

Nhằm tối ưu hóa hoạt động và nâng cao hiệu quả quản trị, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện các thay đổi quan trọng về cơ cấu tổ chức, bao gồm việc di dời trụ sở chính, sắp xếp lại hệ thống chi nhánh và phòng giao dịch, tuyển dụng và bổ nhiệm các nhân sự chủ chốt phù hợp với nhu cầu thực tế. Bên cạnh đó, HĐQT cũng thông qua việc thành lập các bộ phận chuyên trách như Ban An ninh chính trị nội bộ, Ban Chỉ đạo xử lý khủng hoảng truyền thông để thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao. Đồng thời, Ngân hàng cũng tiến hành tái cấu trúc một số khối kinh doanh nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và xu hướng phát triển thị trường.

- **Ban hành và điều chỉnh các quy chế liên quan đến hoạt động nghiệp vụ:**

Trong năm qua, HĐQT đã tập trung rà soát, hoàn thiện và ban hành nhiều quy chế liên quan đến quản trị rủi ro, tín dụng, tài chính và an toàn hoạt động. Các quy chế quan trọng được thông qua bao gồm: Quy chế quản lý rủi ro danh tiếng, Quy chế xử lý vi phạm trong quá trình tác nghiệp, Quy chế tín dụng nội bộ, Quy chế hoạt động cho vay, Quy chế mua bán giấy tờ có giá và các quy định về cấp tín dụng không có bảo đảm. Ngoài ra, HĐQT cũng phê duyệt các chính sách quan trọng về tài chính, bao gồm việc thiết lập nguyên tắc quản lý hạn mức giao dịch đối tác và xây dựng cơ chế đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP).

Bên cạnh đó, HĐQT đã thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2024 nhằm đảm bảo nguồn vốn hoạt động ổn định và nâng cao năng lực tài chính của Ngân hàng. Các chính sách về quản lý tài sản, xử lý nợ và đảm bảo an toàn vốn cũng được cập nhật nhằm phù hợp với bối cảnh kinh tế và yêu cầu của các cơ quan quản lý.

Về báo cáo và công bố thông tin về quản trị:

Định kỳ 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch, HĐQT thực hiện báo cáo chi tiết và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty. Các báo cáo được công bố công khai tại mục Quản trị ngân hàng trên Website của Eximbank theo đường dẫn: https://eximbank.com.vn/nha-dau-tu, đảm bảo tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Ngoài việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chung, các thành viên HĐQT còn được phân công tham gia vào các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc để thực hiện vai trò định hướng, giám sát và tham mưu cho các nội dung thuộc thẩm quyền. Thông qua các phiên họp định kỳ hàng tháng/quý và các cuộc trao đổi thường xuyên, các Ủy ban chuyên môn đã đóng góp tích cực vào việc tham mưu cho HĐQT trong việc ra quyết định về các lĩnh vực cụ thể, từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.

Với kinh nghiệm dày dặn và sự am hiểu sâu sắc về các lĩnh vực được phân công, các thành viên HĐQT đã không ngừng nỗ lực, chủ động đưa ra những đánh giá, phân tích chuyên sâu về các vấn đề chuyên môn. Điều này không chỉ tạo ra một môi trường làm việc minh bạch, hiệu quả mà còn góp phần quan trọng vào sự phát triển bền vững của Eximbank trong bối cảnh thị trường đầy biến động.

d) Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập và hoạt động của các Hội đồng/Ủy ban/Ban trực thuộc HĐQT

Ông Trần Anh Thắng là Thành viên HĐQT độc lập, đã thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Eximbank. Ngoài ra, Ông Trần Anh Thắng đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định khi là Chủ tịch/thành viên tại các Hội đồng, Ủy ban trực thuộc HĐQT gồm: Chủ tịch Ủy ban Quản lý rủi ro; Chủ tịch Hội đồng xử lý rủi ro; Chủ tịch Hội đồng mua bán nợ trung ương; Chủ tịch Hội đồng đầu tư hệ thống CNTT; Thành viên Ủy ban Nhân sự; Thành viên Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.

Đến thời điểm ngày 31/12/2024, Eximbank hiện có 08 Hội đồng/Ủy ban và Ban trực thuộc HĐQT. Báo cáo hoạt động cụ thể của các Hội đồng, Ủy ban và Ban trực thuộc HĐQT trong năm 2024 như sau:

I) Hội đồng Xử lý rủi ro:
Hội đồng xử lý rủi ro thực hiện: (i) Phê duyệt báo cáo tổng hợp toàn hệ thống về kết quả thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro; (ii) Phê duyệt việc phân loại nợ, trích lập dự phòng, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống đối với khoản nợ sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro; (iii) Phê duyệt các biện pháp thu hồi nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống.
Trong năm 2024, Hội đồng Xử lý rủi ro đã tổ chức 01 cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản 16 lần để thông qua 17 nội dung liên quan đến phân loại nợ, trích lập rủi ro và xử lý các khoản nợ xấu.

II) Hội đồng mua bán nợ trung ương:
Hội đồng mua bán nợ trung ương thực hiện xem xét, quyết định việc mua, bán các khoản nợ trong toàn hệ thống Eximbank phù hợp với quy định nội bộ của Eximbank và quy định của pháp luật.
Trong năm 2024, Hội đồng mua bán nợ trung ương đã tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản 1 lần và thông qua 01 nội dung thuộc thẩm quyền.

III) Ủy ban Chiến lược và Tái cấu trúc:
Trong năm 2024, Ủy ban Chiến lược và Tái cấu trúc ("UBCL&TCT") đã tổ chức 04 phiên họp để thảo luận và thông qua 8 nội dung để tham mưu cho HĐQT liên quan đến nhân sự cấp cao; thành lập các Tiểu ban trực thuộc UBCL&TCT và phân công thành viên tham gia các Tiểu ban trực thuộc UBCL&TCT.

IV) Ủy ban quản lý rủi ro:
Ủy ban quản lý rủi ro ("UBQLRR") thực hiện: (i) Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ Eximbank; (ii) Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của ngân hàng trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn; (iii) Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của ngân hàng để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với HĐQT về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động; (iv) Tham mưu cho HĐQT thông qua quyết định đầu tư, các hợp đồng, giao dịch có liên quan; quyết định chính, sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của ngân hàng thương mại trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ do HĐQT giao.
Trong năm 2024, UBQLRR đã tổ chức 07 cuộc họp và 06 lần lấy ý kiến bằng văn bản để thảo luận và phê duyệt 24 nội dung liên quan trong phạm vi thẩm quyền được HĐQT giao.

V) Ủy ban nhân sự:
Ủy ban Nhân sự thực hiện: (i) Tham mưu cho HĐQT về quy mô và cơ cấu HĐQT, người điều hành phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của ngân hàng; (ii) Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề về nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Eximbank; (iii) Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy định nội bộ của ngân hàng thuộc thẩm quyền của HĐQT về chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng, quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo và các chính sách đãi ngộ khác đối với Người điều hành, các cán bộ, nhân viên của Eximbank; (iv) Các nhiệm vụ khác do HĐQT giao.
Trong năm 2024, Ủy ban Nhân sự đã tổ chức 11 cuộc họp để thảo luận về 70 nội dung liên quan đến công tác nhân sự, trong đó 64 nội dung được thông qua. Đồng thời, Ủy ban cũng lấy ý kiến bằng văn bản về 63 nội dung và tất cả đều được phê duyệt

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2024

VI) Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm:
Trong năm 2024, Ban chỉ đạo phòng chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm đã thực hiện xem xét, thông qua 07 nội dung báo cáo về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm theo quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Thanh tra, giám sát Ngân hàng.

VII) Hội đồng Đầu tư hệ thống Công nghệ thông tin (CNTT):
Trong năm 2024, Hội đồng đầu tư Hệ thống CNTT đã tổ chức 04 cuộc họp để thảo luận và thông qua 15 nội dung thuộc thẩm quyền.

VIII) Hội đồng Thi đua - khen thưởng:
Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tham mưu cho HĐQT các vấn đề liên quan công tác thi đua, khen thưởng ngành Ngân hàng theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định của Eximbank, bao gồm các nội dung về đối tượng thi đua, khen thưởng; trách nhiệm tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn danh hiệu Lao động tiên tiến, Tập thể lao động tiên tiến, Tập thể lao động xuất sắc, Cờ thi đua của Ngân hàng Nhà nước, hình thức khen thưởng Bằng khen của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Giấy khen, Kỷ niệm chương "Vì sự nghiệp Ngân hàng Việt Nam"; và các vấn đề khác phát sinh có liên quan.

e) Các chương trình về quản trị công ty trong năm:

Trong năm 2024, HĐQT, BKS và Ban Điều hành tại Eximbank đã thường xuyên tham dự các khoá học, chương trình hội nghị, hội thảo do các đơn vị trong nước và quốc tế, các đối tác chiến lược tổ chức bằng hình thức trực tiếp và trực tuyến để trao đổi kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm về quản trị Ngân hàng, triển khai các dự án nâng cao năng lực hoạt động và điều hành Ngân hàng theo các thông lệ quốc tế tốt nhất, quản trị rủi ro, chuyển đổi số, phát triển văn hóa doanh nghiệp đa dạng, sáng tạo, từ đó tìm giải pháp, định hướng trong hoạt động kinh doanh để đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

Một số chương trình Ban lãnh đạo của Eximbank đã tham dự trong năm 2024:

STT	Tên chương trình/hội thảo/khoá đào tạo	Thời gian
1	Tập huấn thường niên 2024 Ban kiểm soát - Kiểm toán nội bộ	Tháng 2/2024
2	Đào tạo nghiệp vụ Giám đốc Đơn vị kinh doanh	Tháng 3/2024
3	Chứng chỉ kiểm toán viên nội bộ thực hành chuẩn quốc tế - IAP - Đợt 1,2	Tháng 5/2024
4	Chương trình đào tạo Cán bộ quản lý ngân hàng SECO/Thụy Sĩ niên khóa 2024 - 2025	Tháng 6/2024
5	Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024	Tháng 6/2024
6	Chứng chỉ kiểm toán viên nội bộ thực hành chuẩn quốc tế - IAP - Đợt 3,4	Tháng 7/2024
7	Dự án chuyển đổi và lập Báo cáo tài chính theo IFRS	Tháng 7/2024
8	Chương trình đào tạo Cán bộ quản lý ngân hàng SECO/Thụy Sĩ niên khóa 2024 - 2025	Tháng 7/2024
9	Chương trình đào tạo Cán bộ quản lý ngân hàng SECO/Thụy Sĩ niên khóa 2024 - 2025	Tháng 8/2024
10	Chương trình đào tạo Cán bộ quản lý ngân hàng SECO/Thụy Sĩ niên khóa 2024 - 2025	Tháng 9/2024
11	Chương trình đào tạo Cán bộ quản lý ngân hàng SECO/Thụy Sĩ niên khóa 2024 - 2025	Tháng 10/2024
12	Chương trình đào tạo Cán bộ quản lý ngân hàng SECO/Thụy Sĩ niên khóa 2024 - 2025	Tháng 11/2024

Trong thời gian tới, Eximbank sẽ tiếp tục tổ chức và thu xếp để đăng ký cho các Thành viên HĐQT, BKS, Ban Điều hành tham gia thêm các khóa học về quản trị Ngân hàng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các đơn vị đào tạo có uy tín trên thế giới tổ chức.



HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2024

Thành viên và cơ cấu Ban Kiểm soát:

Danh sách Thành viên BKS và Tỷ lệ sở hữu cổ phần của Thành viên BKS:

STT	Họ và tên	Chức vụ đang nắm giữ tại TCTD	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của cá nhân (%)	Số lượng cổ phần của cá nhân ngày 31/12/ 2024	Tên cổ đông là tổ chức mà mình là đại diện (nếu có)	Số lượng cổ phần của tổ chức mà mình là đại diện ngày 31/12/2024	Tỷ lệ sở hữu cổ phần của tổ chức (%)
1	Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên (Chuyên trách)	0,00	0	-	-	-
2	Bà Doãn Hồ Lan	Thành viên (Không chuyên trách)	0,00	0	-	-	-
3	Ông Ngo Tony (*)	Nguyên Trưởng ban (Chuyên trách) – miễn nhiệm ngày 28/11/2024	0,00		-	-	-

Ghi chú:
(*) Ông Ngo Tony không còn là thành viên BKS nhiệm kỳ VII (2020-2025) theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2024 ngày 28/11/2024.

Thông tin Thành viên BKS:

Bà Phạm Thị Mai Phương - Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Mai Phương sinh năm 1982 tại Nha Trang. Bà đã tốt nghiệp Cử nhân kế toán, Cử nhân Kinh tế Đối ngoại, chứng chỉ Bồi dưỡng Kế toán trưởng, chứng chỉ Giám đốc Kinh doanh, chứng chỉ Giám đốc Tài chính. Bà đã từng làm nhân viên kế toán tổng hợp Công ty XNK Thủy sản Thái Bình Dương; Chuyên viên kế toán tổng hợp, chuyên viên Corebanking, Giám đốc Trung tâm dịch vụ khách hàng, Giám đốc PGD Bến Thành, Chuyên viên văn phòng Ban Tổng giám đốc, Giám đốc Trung tâm Dịch vụ khách hàng – Đặc phái viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Nam Á.

Bà được ĐHĐCĐ bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát Eximbank nhiệm kỳ VI (2015-2020) và nhiệm kỳ VII (2020 – 2025).

Bà Doãn Hồ Lan – Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Doãn Hồ Lan sinh năm 1981 tại Hà Nội. Bà đã tốt nghiệp Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Quản trị điều hành cao cấp (EMBA) - Đại học Kinh tế quốc dân.

Bà đã từng đảm nhiệm nhiều vị trí khác nhau tại các doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán cũng như công ty quản lý nợ của các tổ chức tín dụng; Bà đã đảm nhiệm các vị trí quản lý cấp cao tại Công ty quản lý quỹ cũng như các doanh nghiệp niêm yết tại thị trường Việt Nam.

Bà được ĐHĐCĐ bầu làm Thành viên Ban Kiểm soát Eximbank nhiệm kỳ VII (2020 – 2025).

Hoạt động của BKS:

Trong năm 2024 BKS có tổng cộng 103 cuộc họp bao gồm 13 cuộc thảo luận trực tiếp và 90 cuộc lấy ý kiến bằng văn bản (chưa bao gồm các cuộc họp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Hội đồng/Ủy ban/Ban thuộc HĐQT, TGĐ) để định hướng, chỉ đạo hoạt động KTNB và quyết định các nội dung, công việc thuộc chức năng, nhiệm vụ của BKS.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS

BKS đã triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ Eximbank và Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS. BKS thực hiện giám sát HĐQT, BĐH trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2024 đã được ĐHĐCĐ thông qua, giám sát thường xuyên, liên tục việc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng trong công tác quản trị, điều hành, thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, thông qua hoạt động cụ thể sau:

- Các Thành viên BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất của HĐQT, BĐH, các Hội đồng/Ủy ban thuộc HĐQT, TGĐ. Thông qua các cuộc họp này và các báo cáo quản lý nội bộ, các chính sách của BĐH cũng như kết quả kiểm toán/rà soát của Ban KTNB, BKS đã đưa ra nhiều khuyến nghị/cảnh báo đối với HĐQT, Tổng giám đốc nhằm đảm bảo hoạt động của Eximbank tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ.
- Giám sát tính trung thực kết quả hoạt động tài chính thông qua việc phân công nhân sự thực hiện thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng và hàng năm (bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập).
- Giám sát các chỉ số tài chính, các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn thông qua giám sát từ xa, giám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Eximbank thông qua các báo cáo độc lập của KTNB thực hiện hàng tháng, quý, 6 tháng, năm.
- Giám sát việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ....
- Giám sát việc chấp hành quy định nội bộ về chi tiêu, huy động vốn, sử dụng vốn, chất lượng tín dụng, ...
- Giám sát việc lập danh sách cổ đông lớn, cổ đông sở hữu từ 1% VĐL trở lên của ngân hàng và những người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc, cổ đông sở hữu từ 1% VĐL trở lên; lưu giữ và cập nhật danh sách này khi có thay đổi đồng thời giám sát việc công bố thông tin đối với các thay đổi này.
- Giám sát việc thực hiện khắc phục chỉnh sửa các kiến nghị nêu tại Kết luận của CQ TTGSNH, khuyến nghị của BKS, KTNB; giám sát công tác tổ chức ĐHĐCĐ của Eximbank; giám sát việc xây dựng và thực hiện Phương án cơ cấu lại hoạt động gắn với xử lý nợ xấu tại Eximbank đến năm 2025;...
- Tham gia Ban chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm của Ngân hàng.
- Giám sát công tác phòng, chống rửa tiền.
- Giám sát theo các yêu cầu cụ thể của NHNN từng thời kỳ.
- Giám sát việc thông qua và thực hiện hợp đồng, giao dịch của Eximbank với các bên có liên quan.
- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, HĐQT, giám sát thực hiện tăng vốn điều lệ để chi trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông.

Về phối hợp hoạt động của BKS với HĐQT, BĐH:

Sự phối hợp của BKS với HĐQT, BĐH luôn đảm bảo nguyên tắc tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ Eximbank và vì lợi ích chung của ngân hàng, cụ thể:

- Các phiên họp định kỳ của HĐQT, Hội đồng/Ủy ban thuộc HĐQT, BĐH, Hội đồng thuộc TGĐ đều có sự tham dự của đại diện BKS/Lãnh đạo KTNB
- BKS được HĐQT, BĐH cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu, báo cáo theo yêu cầu để BKS thực hiện nhiệm vụ.
- Thông qua kết quả kiểm tra của các đoàn kiểm toán trong năm, BKS đưa ra các ý kiến, kiến nghị, đề xuất với HĐQT, BĐH về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ. Các kiến nghị, đề xuất của BKS/KTNB được HĐQT, TGĐ chỉ đạo các đơn vị liên quan nghiêm túc thực hiện, bao gồm khắc phục chỉnh sửa lỗi vi phạm và rút kinh nghiệm, tránh lặp lại các sai sót đã được KTNB kiến nghị, lưu ý.

Hoạt động kiểm toán nội bộ và hoạt động khác của Ban Kiểm soát:

BKS định hướng, chỉ đạo và giám sát việc triển khai công tác Kiểm toán nội bộ theo kế hoạch, chú trọng giám sát các chỉ số an toàn hoạt động, công tác quản trị rủi ro và đánh giá tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ Eximbank.

Tính đến 31/12/2024: Ban KTNB đã hoàn thành 7 đoàn kiểm toán thuộc Kế hoạch KTNB năm 2023, triển khai 40/40 đoàn kiểm toán theo kế hoạch KTNB năm 2024 (gồm 22 đoàn kiểm toán tại Hội sở và 18 đoàn kiểm toán tại các Chi nhánh/PGD), trong đó, 27/40 đoàn đã hoàn thành, 5/40 đoàn đang hoàn tất thủ tục phát hành báo cáo, 8/40 đoàn đang triển khai. Thông qua các đoàn kiểm toán đã hoàn thành trong năm 2024, Ban KTNB ghi nhận 712 phát hiện gồm 41 phát hiện rủi ro rất cao, 426 phát hiện rủi ro cao, 243 phát hiện rủi ro trung bình, 02 phát hiện rủi ro thấp, đưa ra đưa ra 2.293 kiến nghị để đơn vị được kiểm toán khắc phục/chỉnh sửa/bổ sung các sai sót nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động.

Bên cạnh công tác kiểm toán thực địa, KTNB còn thực hiện giám sát đối với hoạt động trọng yếu của Ngân hàng thông qua 18 tiêu chí và giám sát rủi ro tại các ĐVKD thông qua 48 tiêu chí, có báo cáo định kỳ hàng quý cho BKS. Kết quả giám sát, kiểm toán nội bộ và các đề xuất, kiến nghị của KTNB, BKS đều được gửi đến các cấp lãnh đạo ngân hàng.

BKS cũng đã thực hiện vai trò giám sát quản lý cấp cao đối với KTNB thông qua công tác giám sát Đoàn kiểm toán, qua đó kiểm soát chất lượng hoạt động kiểm toán, đánh giá việc tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp cũng như đánh giá điểm đạt được hoặc mặt hạn chế của KTNB để rút kinh nghiệm kịp thời qua mỗi đoàn kiểm toán.

Việc cải tiến quy trình kiểm toán, đưa ứng dụng công nghệ thông tin áp dụng vào hoạt động kiểm toán, nâng cao năng lực đội ngũ KTNB được BKS chú trọng và thực hiện thường xuyên.

Báo cáo của BKS trình ĐHĐCĐ, Kế hoạch KTNB hàng năm đều có tham khảo qua ý kiến của HĐQT, TGĐ.

BKS phối hợp chặt chẽ với HĐQT, TGĐ tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 (ngày 26/04/2024) và ĐHĐCĐ bất thường (ngày 28/11/2024).

BKS phối hợp chặt chẽ với HĐQT, TGĐ trong việc khắc phục chỉnh sửa các kiến nghị của Thanh tra NHNN.

Nhìn chung, sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác của Eximbank trong năm 2024 được thực hiện thông suốt, phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Eximbank.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc và Ban kiểm soát.

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

- Theo Điều 7 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 ngày 26/04/2024, mức thù lao cố định của BKS năm 2024 là 0,25% Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2024 nhưng không thấp hơn 10 tỷ đồng.
- Kết thúc năm tài chính 2024, thù lao của BKS đã chi là 10 tỷ đồng, được phân bổ cho từng thành viên theo mức độ đóng góp về thời gian và công việc tại BKS.
- Ngoài thù lao, BKS không có khoản lương, thưởng hay lợi ích khác.

Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính bao gồm:

	2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
Cổ đông lớn và các bên liên quan với cổ đông lớn (*)		
Chi phí lãi tiền gửi	269	1.142
Thu nhập lãi tiền vay	-	866
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các bên liên quan đến các cá nhân này		
Chi phí		
- Lãi tiền gửi	4.483	6.231
- Dịch vụ thanh toán	183	135
Thu nhập		
- Lãi thẻ tín dụng	56	217
- Dịch vụ thanh toán	49	35
Lương, thưởng và thù lao (**)	**49.370**	**60.848**
- Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	17.869	21.381
- Hội đồng Quản trị	22.501	30.467
- Ban Kiểm soát	9.000	9.000

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex trở thành cổ đông lớn từ ngày 12 tháng 8 năm 2024. Sumitomo Mitsui Banking Corporation là cổ đông lớn đến ngày 13 tháng 1 năm 2023.

(**) Chi tiết các khoản lương, thưởng cho Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Họ và tên	Chức vụ	2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Quyền Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2024)	4.592	1.453
Ông Nguyễn Hướng Minh	Phó Tổng Giám đốc	3.652	4.165
Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc	3.517	3.849
Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính	2.700	3.400
Bà Lê Thị Mai Loan	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 1 năm 2025)	1.663	-
Ông Phạm Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11 tháng 10 năm 2024 đến ngày 10 tháng 1 năm 2025)	428	-
Ông Lã Quang Trung	Kế toán Trưởng (tái bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2024)	1.317	1.385
Ông Trần Tấn Lộc	Tổng Giám đốc (đến ngày 2 tháng 10 năm 2023)	-	4.872
Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 8 tháng 5 năm 2023)	-	2.257
		17.869	**21.381**

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

(**) Chi tiết các khoản thù lao cho Hội đồng Quản trị :

Họ và tên	Chức vụ	2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
Ông Nguyễn Cảnh Anh	Chủ tịch (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024) Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)	3.307	1.113
Bà Đỗ Hà Phương	Phó Chủ tịch (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024) Chủ tịch (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)	3.409	5.580
Ông Trần Tấn Lộc	Phó Chủ tịch (từ ngày 25 tháng 1 năm 2024) Thành viên (đến ngày 25 tháng 1 năm 2024)	3.307	995
Ông Trần Anh Thắng	Thành viên độc lập	3.307	4.351
Ông Phạm Quang Dũng	Thành viên	3.307	4.351
Bà Lương Thị Cẩm Tú	Phó Chủ tịch (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 đến ngày 28 tháng 11 năm 2024) Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)	2.932	5.830
Ông Nguyễn Hồ Nam	Phó Chủ tịch (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 đến ngày 28 tháng 11 năm 2024)	1.911	-
Bà Lê Thị Mai Loan	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)	1.021	4.351
Ông Nguyễn Hiếu	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2023)	-	1.415
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2023)	-	1.415
Ông Đào Phong Trúc Đại	Thành viên (đến ngày 14 tháng 2 năm 2023)	-	533
Bà Lê Hồng Anh	Thành viên (đến ngày 14 tháng 2 năm 2023)	-	533
		22.501	30.467

Số dư cuối năm với các bên liên quan :

	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Cổ đông lớn và các bên liên quan với cổ đông lớn		
Tiền gửi thanh toán của cổ đông lớn tại Ngân hàng	6	-
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các bên liên quan đến các cá nhân này		
Tiền gửi của khách hàng	51.288	65.590
Tài sản Có khác		
- Dự thu lãi thẻ tín dụng	5	1
Các khoản Nợ khác		
- Lãi phải trả tiền gửi	919	1.649
Dư nợ thẻ tín dụng	2.123	1.519

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, ban, chuyển đổi, thưởng)/
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Trần Thị Thanh Nhã	Vợ của ông Ngo Tony - Trưởng BKS Eximbank	123.298	0,006%	0	0,0%	Bán cổ phiếu

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính /Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/Quyết định của HĐCĐ/HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Phạm Đăng Khoa	Phó Tổng giám đốc Eximbank	079083001733 ngày cấp 29/07/2022 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính và trật tự xã hội	Số 28, đường 32, phường An Khánh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	Tháng 11.2024	Nghị quyết HĐQT số 361/2024/EIB/NQ-HĐQT ngày 04/11/2024	- Giao dịch cấp hạn mức thẻ tín dụng. - Hạn mức: 400 triệu đồng. - Thời hạn: 36 tháng (Thông tin chi tiết về số lượng và tổng giá trị giao dịch được bảo mật theo điều khoản bảo mật thông tin)

*** Ghi chú: Căn cứ Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc HĐQT thông qua hợp đồng cấp hạn mức thẻ tín dụng cho các cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 134 Luật các TCTD trong năm 2024.

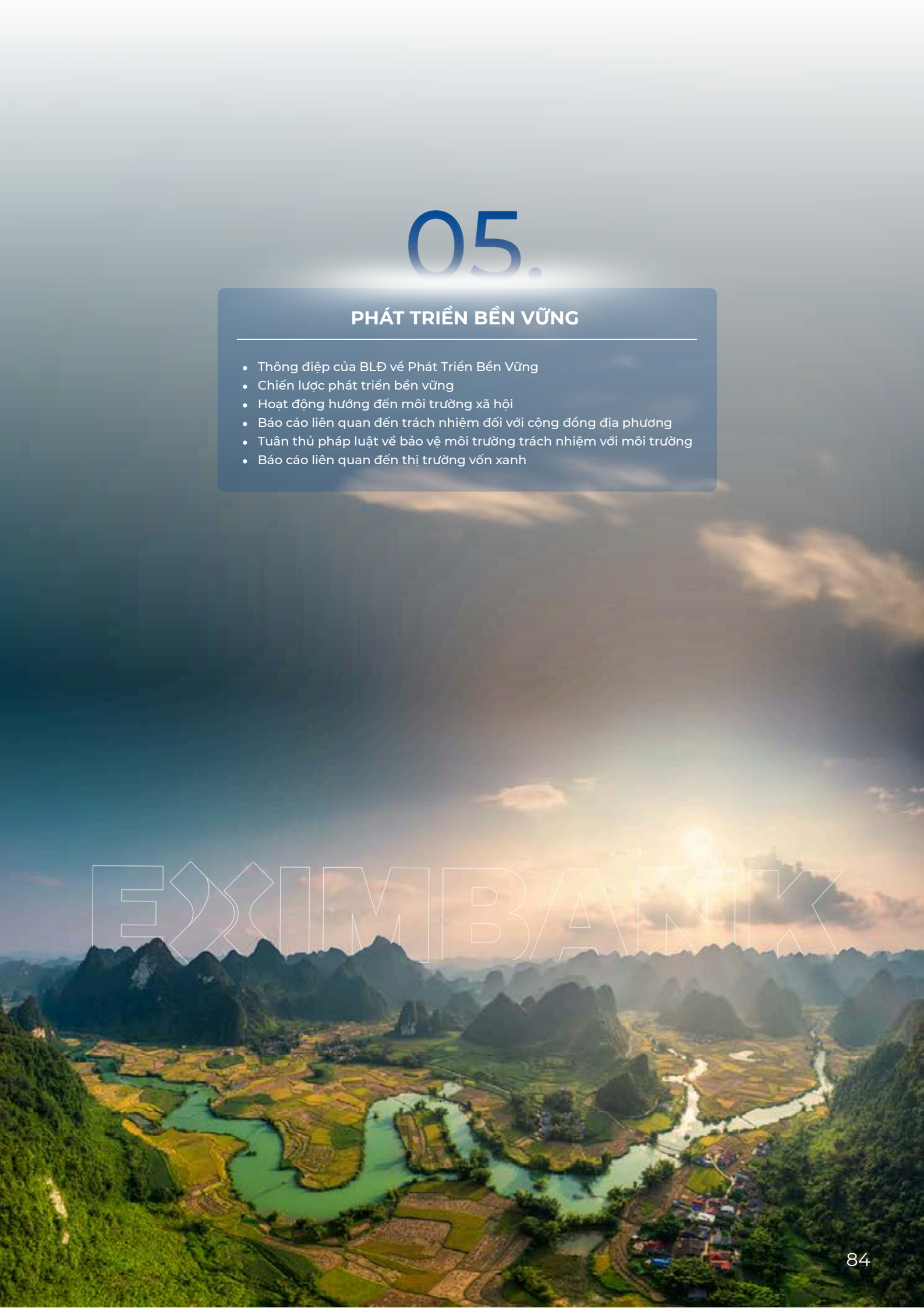
Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ theo quy định



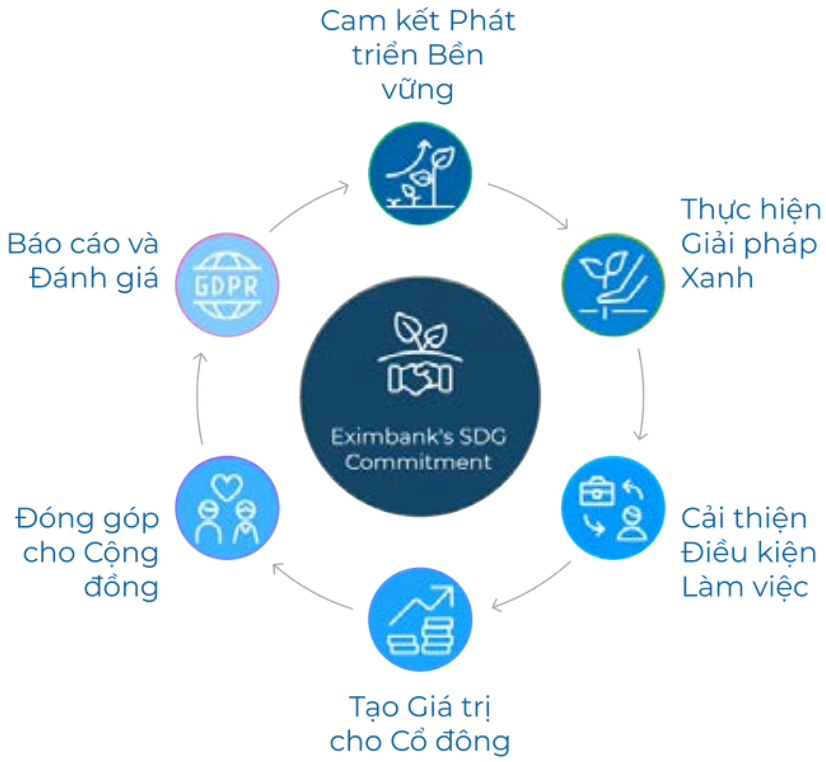
05.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- Thông điệp của BLĐ về Phát Triển Bền Vững
- Chiến lược phát triển bền vững
- Hoạt động hướng đến môi trường xã hội
- Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương
- Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường trách nhiệm với môi trường
- Báo cáo liên quan đến thị trường vốn xanh



THÔNG ĐIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Mục tiêu bền vững

- Với 35 năm hoạt động, Eximbank không chỉ là doanh nghiệp tập trung vào phát triển kinh doanh và lợi nhuận, mà còn đặt trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và người lao động làm trọng tâm không thể thiếu. Chúng tôi tin rằng phát triển bền vững không chỉ là một mục tiêu mà là một triết lý cần phải thực hiện. Chúng tôi cam kết thúc đẩy sự phát triển bền vững thông qua việc áp dụng các giải pháp xanh, sử dụng năng lượng tái tạo và tạo điều kiện làm việc tốt cho nhân viên, mang lại lợi ích cho cổ đông, khách hàng và đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng.
- Các báo cáo và đánh giá về mức độ tác động của Eximbank đối với các bên liên quan trong các lĩnh vực hoạt động trọng yếu, cũng như cam kết với cộng đồng, xã hội và các bên có liên quan, là cách chúng tôi thể hiện sự trách nhiệm và cam kết của mình. Chúng tôi xem xét kỹ lưỡng mọi khía cạnh của hoạt động kinh doanh để đảm bảo rằng chúng ta đang làm việc hướng tới một tương lai bền vững.





Eximbank không chỉ tận dụng tối đa nguồn lực và cơ hội mới, mà còn đặc biệt chú trọng vào việc thực hiện các mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc. Chúng tôi nhận thức rằng việc đó không chỉ mang lại lợi ích cho ngân hàng mà còn góp phần vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

Eximbank cam kết xây dựng báo cáo Phát triển Bền vững (SDGs) để minh bạch hoạt động của chúng tôi và thể hiện rõ ràng những nỗ lực của chúng tôi trong việc tạo ra giá trị cho ngân hàng, cổ đông, cộng đồng và môi trường. Thêm vào đó, Eximbank cũng tuân thủ và thực hiện các nguyên tắc và hướng dẫn của GRI (Global Reporting Initia-tive) để đảm bảo báo cáo về phát triển bền vững được thực hiện một cách minh bạch và đáng tin cậy.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

SỨ MỆNH VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG:

Sứ mệnh:

Eximbank đem lại lợi ích tốt nhất cho khách hàng, cổ đông, và người lao động, đóng góp vào cộng đồng, và giảm thiểu tác hại đến môi trường.

Mục tiêu:

Tập trung và ưu tiên việc vay vốn cho các dự án xanh, đặc biệt là các dự án liên quan đến năng lượng tái tạo. Hướng tới việc xây dựng khung quản trị rủi ro môi trường – xã hội và quản lý tín dụng xanh nhằm tạo điều kiện hỗ trợ cho các dự án có tính chất phát triển bền vững với cộng đồng, đất nước.

Lợi ích cho Khách hàng, Cổ đông và Nhân viên

Ưu tiên lợi ích cho các bên liên quan chính

Đóng góp vào Cộng đồng

Tích cực tham gia và phát triển cộng đồng

Giảm thiểu Tác động Môi trường

Giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường

Tài trợ Dự án Xanh

Tập trung vào các dự án bền vững

Khung Quản trị Rủi ro

Thiết lập các biện pháp quản lý rủi ro





QUẢN TRỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Mục đích và mục tiêu

Eximbank xây dựng và hoàn thiện cơ cấu quản trị theo hướng ngày càng vững mạnh và hướng tới các chuẩn mực quốc tế. Trong đó, xây dựng một khung quản trị doanh nghiệp hướng đến Phát triển bền vững bao gồm Điều lệ, các quy chế, quy định và văn bản pháp quy nội bộ Ngân hàng nhằm tạo ra một hệ thống quản trị chuyên nghiệp, xuyên suốt, minh bạch và hiệu quả. Từ đó, Eximbank không chỉ đảm bảo được nguyên tắc quản trị cao nhất của mình là đảm bảo lợi ích của các cổ đông, đồng thời hài hòa được các mục tiêu phát triển bền vững và thể hiện trách nhiệm với xã hội và môi trường.

Tại Eximbank, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm cao nhất về chiến lược phát triển bền vững của Eximbank. Ban điều hành chịu trách nhiệm xây dựng và triển khai thực hiện các mục tiêu và kế hoạch, đồng thời chia sẻ và đảm bảo các vấn đề phát triển bền vững được hiểu và thống nhất thực hiện trên toàn hàng, từ các Khối và Bộ phận nghiệp vụ cho tới từng nhân viên Eximbank và các Công ty thành viên.

Một trong những hành động thiết thực hướng đến quản trị bền vững mà Eximbank đã thực hiện trong năm 2023 là hoàn thiện và sử dụng hiệu quả chính sách "Hệ thống môi trường và xã hội tại Eximbank" với sự hỗ trợ của Ngân hàng ADB. Đây là chính sách nhằm quản lý rủi ro danh tiếng và hướng đến mục tiêu tài trợ thương mại cho các dự án phát triển bền vững của Ngân hàng. Một số nội dung chính của chính sách như sau:

Mục đích: kiểm soát rủi ro và phát triển bền vững đối với các dự án do EIB cấp tín dụng để tăng mức độ uy tín của Ngân hàng khi thực hiện vay vốn từ các tổ chức tín dụng nước ngoài.



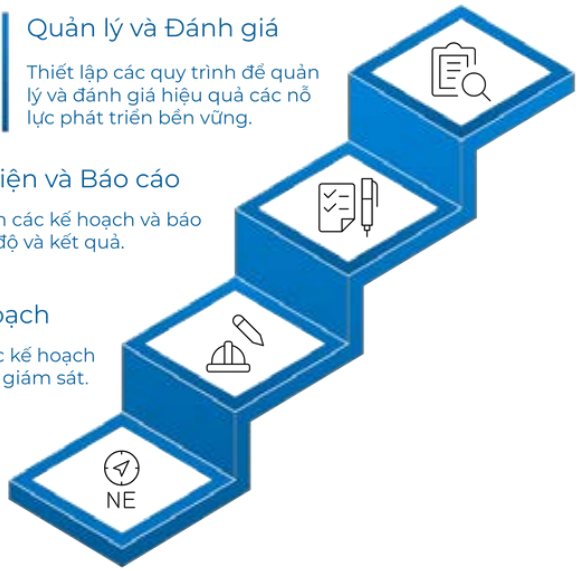
Nguyên nhân cần phải phát triển chính sách: Đối với các bên đề nghị vay vốn, việc sản xuất kinh doanh từ nguồn tài trợ thương mại đều liên quan trực tiếp đến môi trường và cộng đồng thông qua việc sử dụng và cung cấp các nguyên vật liệu, tài nguyên. Các ảnh hưởng tiêu cực đến Môi trường & Xã hội này có thể chuyển thành một dạng rủi ro tín dụng do tác động đến khả năng thực hiện việc trả nợ hoặc các nghĩa vụ theo hợp đồng của bên đề nghị vay vốn. Do đó, Eximbank đã xây dựng Hệ thống Quản lý Môi trường và Xã hội (ESMS) nhằm phòng tránh và/hoặc giảm thiểu các rủi ro MT&XH đi kèm với các sản phẩm tài trợ thương mại của Ngân hàng, bao gồm (nhưng không giới hạn): Cho vay bổ sung vốn lưu động, Phát hành cam kết bảo lãnh, Phát hành thư tín dụng.

Mục tiêu: hỗ trợ các cán bộ liên quan của Ngân hàng nhận diện rủi ro đối với các hoạt động sau đây:

- Xác định các rủi ro MT&XH gắn liền với bên đề nghị vay vốn, khách hàng, đơn vị cung cấp sản phẩm - hàng hóa, Người dùng cuối;
- Xác định và đánh giá các hệ quả tài chính có thể xảy ra liên quan đến rủi ro MT&XH;
- Giảm thiểu mức độ gánh chịu rủi ro tài chính gắn liền với các rủi ro MT&XH đã xác định;
- Giảm thiểu khả năng xảy ra ảnh hưởng MT&XH bất lợi (chẳng hạn như ô nhiễm hoặc tai nạn) gắn liền với hàng hóa;
- Bảo vệ Eximbank và các đối tác tài trợ của Ngân hàng không phải chịu rủi ro tín dụng gắn liền với bên đề nghị/khách hàng và/hoặc người dùng cuối có lịch sử quản lý rủi ro MT&XH yếu kém;
- Bảo vệ Eximbank và các đối tác tài trợ của Ngân hàng không phải chịu rủi ro danh tiếng đi kèm với việc cung cấp các sản phẩm tài trợ thương mại liên quan đến bên đề nghị, đơn vị cung cấp hàng hóa, đơn vị sản xuất, và/hoặc người dùng cuối có lịch sử quản lý MT&XH yếu kém.

Bên cạnh sự hỗ trợ của ADB về việc xây dựng và triển khai chính sách MT-XH, Eximbank cũng thường xuyên nhận được sự hỗ trợ từ các ngân hàng đại lý quốc tế như Citibank, JP Morgan, Wells Fargo, Standard Chartered Bank.. theo đó, Eximbank cử các cán bộ tham gia các hội thảo do các ngân hàng đại lý tổ chức cũng như tham dự các hội nghị của các định chế phát triển nước ngoài, NHNN và các ban ngành tổ chức để nâng cao năng lực và kiến thức về mảng phát triển bền vững, phát triển xanh và trách nhiệm xã hội. Khối quản lý rủi ro của Eximbank cũng thường xuyên có các buổi đào tạo, cập nhật kiến thức và nâng cao nhận thức cho CBNV về lĩnh vực phát triển bền vững.

QUY TRÌNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



4 **Quản lý và Đánh giá**

Thiết lập các quy trình để quản lý và đánh giá hiệu quả các nỗ lực phát triển bền vững.

3 **Thực hiện và Báo cáo**

Thực hiện các kế hoạch và báo cáo tiến độ và kết quả.

2 **Phát triển Kế hoạch**

Tạo và hoàn thiện các kế hoạch hành động và cơ chế giám sát.

1 **Định hướng Chiến lược**

Thiết lập các mục tiêu và hướng đi chiến lược cho phát triển bền vững.

Xây dựng các quy trình quản lý và đánh giá

Thực hiện và báo cáo

Xây dựng và hoàn chỉnh các kế hoạch, chương trình hành động, cơ chế giám sát

Định hướng chiến lược PTBV



Chính sách liên quan đến người lao động

MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN NĂM 2024 **23,6** VND Triệu / người / tháng

Lực lượng lao động: số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Quan hệ lao động hình thành và hướng đến sự hài hòa ổn định; vấn đề an sinh xã hội, nhất là việc bảo đảm ổn định cuộc sống của người lao động của Eximbank.Vì thế việc xây dựng chính sách tiền lương, thưởng, phúc lợi, bảo hiểm ... cho CBNV luôn phù hợp và đảm bảo đáp ứng tốt hơn cho nhu cầu phát triển ngày một cao của người lao động Công ty.

Lao động của Eximbank đến thời điểm 31/12/2024 là 6.366 người. Mức thu nhập bình quân năm 2024 là 23,6 triệu đồng/người/tháng (tính trên số lao động của EIB, không bao gồm Eximbank AMC).

Chính sách lương thưởng và chế độ đãi ngộ cho người lao động

Người lao động làm việc trong công ty Eximbank được hưởng chế độ lương, thưởng và đãi ngộ như sau:

- Trả lương theo vai trò trách nhiệm đảm nhận của từng vị trí công việc, theo năng lực cá nhân, và theo kết quả thực hiện của từng cá nhân và phòng ban (KPIs).
- Được khẳng định năng lực để đề bạt, bổ nhiệm, đánh giá để thưởng thành tích.
- Công ty ban hành chế độ khen thưởng: thưởng tháng 13, thưởng trên hiệu quả công việc, mức độ đóng góp vào kết quả kinh doanh của Ngân hàng. Việc trả lương gắn với vị trí và hiệu quả công việc của từng người lao động tạo động lực, nâng cao năng suất lao đông. Ngoài ra công ty cũng sẽ thưởng các dịp lễ, tết (Tết Dương lịch, Âm lịch, 30/4, 1/5...).
- Được nghỉ các ngày lễ, tết và được hưởng nguyên lương như tết âm lịch, dương lịch, giỗ Tổ Hùng Vương, Ngày Quốc Khánh, Quốc tế lao động... và các sự kiện đặc biệt như kết hôn, tang lễ của người thân. Ngoài ra, người lao động làm việc từ đủ 12 tháng trở lên được hưởng 12 ngày nghỉ phép năm theo quy định của Công ty, người lao động được cộng thêm 01 ngày phép cho mỗi 05 năm làm việc liên tục tại Công ty.
- Được hưởng chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước Việt Nam, đảm bảo quyền lợi của người lao động khi nghỉ hưu, ốm đau, thai sản, được khám tổng quát hàng năm. Ngoài chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước, Công ty cũng mua thêm bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm tai nạn cho người lao động.
- Được hưởng các chế độ phúc lợi: tham quan, nghỉ mát, trợ cấp khi gia đình hoặc bản thân ốm đau, có hiếu hỷ, thiên tai, dịch bệnh... Eximbank thực hiện chính sách cho Cán bộ nhân viên vay với lãi suất ưu đãi, giúp người lao động có điều kiện sửa nhà, mua sắm phương tiện đi lại, tiện nghi sinh hoạt,...

Chính sách lương thưởng và chế độ đãi ngộ cho người lao động

Chăm sóc sức khỏe

- Bảo hiểm xã hội
- Bảo hiểm y tế
- Bảo hiểm sức khỏe
- Bảo hiểm tai nạn 24/24
- Khám sức khoẻ định kỳ
- Bảo hiểm thất nghiệp

Trợ cấp và khen thưởng

- Phụ cấp ăn trưa
- Phụ cấp đi lại
- Phụ cấp chỗ ở
- Phụ cấp điện thoại
- Chi thưởng theo kết quả công việc

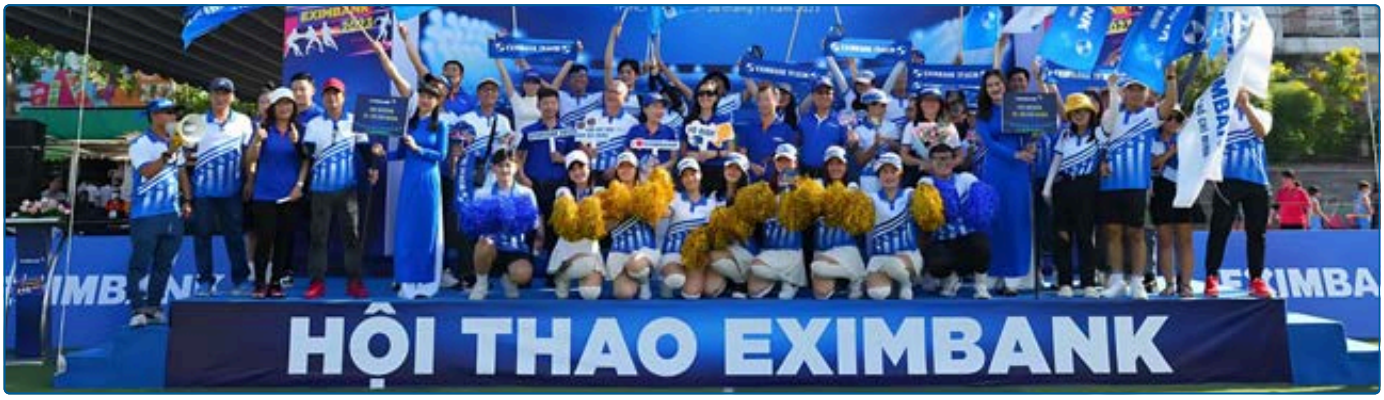
Chính sách cho lao động nữ

- Chương trình ngày lễ 8/3; 20/10
- Chính sách nghỉ/ hỗ trợ thai sản





QUYỀN LỢI NGƯỜI LAO ĐỘNG THÔNG QUA TỔ CHỨC CÔNG ĐOÀN



Công đoàn Eximbank với nhiệm vụ trọng tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho Công đoàn viên Eximbank:

Chương trình hoạt động Công đoàn Eximbank được xây dựng gắn kết các phong trào thi đua chào mừng các ngày lễ lớn, ngày thành lập Eximbank, tích cực phát huy truyền thống đoàn kết, năng động và sáng tạo trong hoạt động Công đoàn. Năm 2023, Công đoàn Eximbank hoàn thành tốt công tác quan tâm chăm lo đến đời sống cán bộ nhân viên, đảm bảo quyền lợi của người lao động, tạo được không khí phấn khởi, ý thức trách nhiệm trong cán bộ nhân viên.

Công đoàn Eximbank triển khai nhiều hoạt động hiệu quả trên toàn hệ thống:

Hiện nay Công đoàn Eximbank có 50 Công đoàn thành viên trực thuộc, với 6.153 Công đoàn viên. Hoạt động Công đoàn Eximbank đảm bảo về chất và lượng, hình thức triển khai hoạt động Công đoàn phong phú, đáp ứng kịp thời cho Công đoàn viên, một số hoạt động chăm lo đời sống vật chất dành cho Công đoàn viên vào các ngày lễ lớn như: Ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Gia đình Việt Nam 28/6, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10,... với chương trình hội thi cắm hoa, nấu ăn và quà tặng thiết thực phục vụ đời sống hàng ngày. Song song hoạt động chăm lo đời sống vật chất, Công đoàn Eximbank đẩy mạnh triển khai các hoạt động chăm lo đời sống tinh thần, gắn kết toàn thể Công đoàn viên như: Hội thao toàn hệ thống với giải Cầu lông, giải Bóng bàn, giải Quần vợt, giải Kéo co,...Đặc biệt vào dịp Tết Nguyên Đán, Công đoàn Eximbank triển khai chương trình chăm lo Tết với mức hỗ trợ 600.000 đồng/Công đoàn viên.



Công tác bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của Công đoàn viên:

Công đoàn Eximbank áp dụng chính sách chăm lo mọi mặt cho người lao động về vật chất và tinh thần, Cán bộ nhân viên Eximbank luôn được Cán bộ Công đoàn các cấp quan tâm. Triển khai thỏa ước lao động tập thể, giám sát việc thực hiện Thỏa ước lao động tập thể và chế độ chính sách đối với người lao động; tổ chức đối thoại tại doanh nghiệp.

Công tác phát triển đoàn viên và nâng cao chất lượng hoạt động công đoàn:

100% Cán bộ, nhân viên Eximbank có hợp đồng lao động chính thức tham gia vào tổ chức Công đoàn. Cán bộ Công đoàn được tham gia đào tạo các lớp huyến luyện về chuyên đề Công đoàn, văn hóa, nghệ thuật, công tác tổ chức giúp nâng cao chất lượng cán bộ chủ chốt.

Hoạt động Công đoàn Eximbank luôn được Đảng Ủy, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc quan tâm hỗ trợ:

Chủ tịch Công đoàn thành viên là Cán bộ lãnh đạo từ Hội sở đến chi nhánh, hệ thống mạng nội bộ máy tính thông suốt nên hoạt động thông tin tuyên truyền, vận động, phát động mọi phong trào của Công đoàn có nhiều thuận lợi. Lực lượng cán bộ nhân viên, hầu hết có trình độ văn hóa, trình độ nghiệp vụ, được hoạt động trong môi trường hội nhập, phát triển đã tác động cán bộ nhân viên phấn đấu học tập, nâng cao trình độ, nâng cao chuyên môn nghiệp vụ ... Cán bộ Công đoàn được cập nhật kiến thức từ hoạt động thực tiễn, tài liệu học tập, tập huấn nghiệp vụ.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Phát triển kinh doanh gắn liền với trách nhiệm xã hội, đó là tôn chỉ hoạt động trong hơn **3 thập kỷ qua của Eximbank** kể từ ngày thành lập. Eximbank rất tự hào và hạnh phúc khi những thành công của chúng tôi được gắn liền với sự phát triển của xã hội, tạo dựng giá trị cho cộng đồng. Trong năm 2024, Eximbank đã trích ngân sách hơn **38.121.560.303** đồng cho các hoạt động an sinh xã hội, cộng đồng.

Eximbank đã đóng góp 15 tỷ đồng cho chương trình "Chung tay xóa nhà tạm, nhà dột nát" do Chính phủ và Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam phát động.

Chương trình đặt mục tiêu xóa bỏ hơn 153.000 căn nhà tạm, nhà dột nát trên toàn quốc trước năm 2025 nhằm giúp đỡ các hộ nghèo và cận nghèo có nơi ở ổn định, an toàn và bền vững, đặc biệt tại các khu vực vùng sâu, vùng xa. Theo đó, tỉnh Bạc Tỉnh được hỗ trợ 10 tỷ đồng, Huyện Nhà Bè TPHCM được hỗ trợ 5 tỷ đồng.

Không chỉ đóng góp tài chính, Eximbank hy vọng sự hỗ trợ này sẽ tạo ra những thay đổi thiết thực trong cuộc sống của người dân. Một ngôi nhà không chỉ là nơi ở mà còn là nền tảng cho sự ổn định và phát triển của mỗi gia đình. Mong rằng những đóng góp của Eximbank sẽ là bước khởi đầu để các hộ gia đình an tâm vươn lên, cải thiện cuộc sống và an cư lạc nghiệp.





Eximbank chung tay cùng ngành ngân hàng ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do bão số 3 gây ra.

Theo đó, Eximbank đã đóng góp 2 tỷ đồng nhằm chung tay hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng sau bão số 3 vượt qua khó khăn và ổn định cuộc sống.

Không chỉ đóng góp về mặt tài chính, hiện nay, đoàn cán bộ nhân viên của Eximbank tại Hà Nội cũng đang gấp rút chuẩn bị lương thực, thuốc men và nhu yếu phẩm cần thiết để khẩn trương lên đường tới Thái Nguyên và Yên Bái hỗ trợ người dân. Đây là 2 tỉnh chịu thiệt hại nặng nề bởi bão số 3 gây ra. Từng phần quà được chuẩn bị chu đáo gồm các nhu yếu phẩm cần thiết nhằm đảm bảo người dân vùng lũ vượt qua giai đoạn khó khăn.

Những phần quà tuy nhỏ nhưng có ý nghĩa về mặt tinh thần, động viên của tập thể Eximbank đến với đồng bào miền Bắc trong lúc khó khăn. Eximbank mong muốn lan tỏa tinh thần này nhiều hơn nữa trong cộng đồng để người dân vùng bão lũ nhận thêm được nhiều sự hỗ trợ để sớm tái thiết cuộc sống.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG





Eximbank thăm và tặng quà 3 trung tâm tiếp nhận trẻ em từ Mái ấm Hoa Hồng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam (Eximbank) phối hợp cùng báo Thanh Niên tổ chức chuyến thăm và tặng quà tại 3 Trung tâm Bảo trợ xã hội công lập tại TP.HCM. Đây là những cơ sở đang tiếp nhận và chăm sóc hơn 80 trẻ em từ Mái ấm Hoa Hồng – nơi xảy ra vụ việc gây bức xúc trong dư luận thời gian qua.

Với truyền thống tương thân, tương ái, sẻ chia yêu thương và lan tỏa những giá trị tốt đẹp trong cộng đồng, đại diện Ban Tổng giám đốc và cán bộ nhân viên Eximbank đã có mặt tại 3 Trung tâm Bảo trợ trẻ em gồm: Trung tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ trẻ em Gò Vấp (Q. Gò Vấp); Làng Thiếu niên Thủ Đức và Trung tâm Bảo trợ trẻ em Tam Bình (TP. Thủ Đức) để thăm hỏi và trao quà hỗ trợ cho các cơ sở hiện đang chăm sóc các em nhỏ được tiếp nhận từ Mái ấm Hoa Hồng.

Theo đó, Eximbank trao tặng mỗi trung tâm 200 triệu đồng nhằm hỗ trợ chăm sóc và nuôi dưỡng các em nhỏ, giúp các em bước đầu ổn định cuộc sống.

Chuyến thăm và tặng quà của Eximbank là một phần trong chuỗi hoạt động cộng đồng hướng đến kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Ngân hàng. Đây là hoạt động có ý nghĩa thiết thực, góp phần lan tỏa tinh thần tương thân tương ái, khẳng định vai trò của Eximbank trong các hoạt động cộng đồng, đặc biệt là việc bảo vệ và chăm sóc trẻ em – những mầm non tương lai của đất nước.



Eximbank tổ chức ngày hội hiến máu vì cộng đồng năm 2024

Với thông điệp "Kết nối cộng đồng, lan tỏa yêu thương", ngày hội hiến máu nhân đạo do Đoàn Thanh Niên Eximbank tổ chức được đông đảo cán bộ nhân viên tại 04 khu vực Hà Nội, TP. HCM, Miền Đông Nam bộ và khu vực Miền Trung hưởng ứng nhiệt tình.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, những hoạt động hướng về cộng đồng và vì cộng đồng đã trở thành một trong những nét văn hóa được duy trì và phát huy mạnh mẽ tại Eximbank trong suốt những năm qua và được Ban lãnh đạo cùng đông đảo cán bộ nhân viên ngân hàng ủng hộ. Ngân hàng mong muốn thông qua chương trình lan toả nhiều hơn nữa giá trị nhân văn đến cộng đồng xã hội.



Eximbank đồng hành cùng chương trình Liên hoan Âm nhạc Quốc tế TP.HCM - HOZO 2024

Eximbank tiếp tục khẳng định vị thế tiên phong trong việc hỗ trợ các sự kiện văn hóa, giải trí nội địa mang tầm quốc tế, khi trở lại với vai trò nhà đồng hành của HOZO 2024.

Eximbank trở thành đối tác ngân hàng độc quyền thanh toán và giao dịch cho tất cả các gian hàng trong khu ẩm thực và mua sắm quốc tế tại HOZO 2024, đồng hành cùng sự kiện trong việc thúc đẩy các giá trị văn hóa, kết nối cộng đồng và quảng bá hình ảnh Việt Nam đến với bạn bè quốc tế.

Với HOZO, sự đồng hành của Eximbank góp phần vào thành công và củng cố vị thế của sự kiện. Còn với Eximbank, đây là cơ hội để thể hiện trách nhiệm xã hội, hỗ trợ văn hóa nghệ thuật, qua đó làm phong phú đời sống tinh thần cho cộng đồng.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Eximbank Trao học bổng cho sinh viên Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (HUB) và Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh (USSH)

Tại Lễ khai giảng năm học mới (2024 – 2025) của Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh (HUB), Eximbank đã tham gia và trao tặng học bổng trị giá 50 triệu đồng cho các sinh viên có thành tích xuất sắc của trường. Đây không chỉ là hoạt động cộng đồng mang tính truyền thống của Eximbank mà còn là một phần quan trọng trong chuỗi giá trị mà ngân hàng luôn theo đuổi, hướng tới tương lai của thế hệ trẻ và nền giáo dục nước nhà.

Tại Ngày hội chào đón tân sinh viên của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. Hồ Chí Minh (USSH), Eximbank cũng trao tặng 10 suất học bổng, với tổng giá trị 50 triệu đồng cho các sinh viên có thành tích xuất sắc. Đây không chỉ là sự hỗ trợ thiết thực về mặt tài chính vào đầu năm học mới, mà còn thể hiện rõ cam kết lâu dài của Eximbank trong việc đồng hành cùng thế hệ trẻ, khuyến khích thế hệ trẻ yên tâm theo đuổi ước mơ và vươn xa trên con đường học vấn.

Eximbank đã tài trợ cho Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh (UEH) học bổng "Phát triển tài năng - Eximbank" trị giá 300 triệu đồng.

Học bổng "Phát triển tài năng - Eximbank" là một trong những hoạt động ý nghĩa, nằm trong chuỗi các chương trình hướng đến kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Eximbank. Gói học bổng được trao cho sinh viên của UEH lần này cũng nằm trong thỏa thuận hợp tác toàn diện giữa Eximbank và UEH nhằm đẩy mạnh công tác đào tạo, cung ứng nguồn nhân sự chất lượng cao, đồng hành với sinh viên thông qua hạng mục học bổng "Ươm mầm tài năng"



Eximbank không chỉ đồng hành cùng sinh viên các trường qua những suất học bổng, mà còn mở rộng hợp tác đào tạo, nâng cao kỹ năng nghề nghiệp và tạo cơ hội thực tập dài hạn cho các bạn sinh viên. Thông qua sự kết nối này, Eximbank mong muốn đóng góp vào sự phát triển của thế hệ trẻ, mang lại cho sinh viên cơ hội tiếp cận với môi trường làm việc thực tế, từ đó giúp họ tự tin và sẵn sàng cho con đường sự nghiệp.



Eximbank tổ chức Giải Golf Tournament 2024: Gặp gỡ, tri ân và cùng nhau bứt phá

Ngày 06/01/2024, Eximbank đã tổ chức thành công Giải Eximbank Golf Tournament 2024 lần thứ nhất tại Sân golf Tân Sơn Nhất, Gò Vấp, TP.HCM.

Ngày 12/10/2024, Giải "Eximbank Golf Tournament 2024 – Lần thứ 2" chính thức diễn ra tại sân Heron Lake Golf Course & Resort, tỉnh Vĩnh Phúc.

Đây là sự kiện thể thao đặc biệt nằm trong chuỗi hoạt động hướng đến kỷ niệm 35 năm thành lập Eximbank (17/1/1990 - 17/1/2025), một cột mốc quan trọng trong hành trình phát triển và khẳng định vị thế của ngân hàng.

Sự kiện không chỉ là dịp để các golfers gặp gỡ, giao lưu trong không khí thoải mái và năng động, mà còn là khoảnh khắc để Eximbank gửi lời tri ân chân thành đến những đối tác, khách hàng đã đồng hành cùng ngân hàng trong suốt 35 năm qua.

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Eximbank kí kết hợp tác toàn diện cùng học viện Ngân Hàng

Eximbank đã chính thức ký kết biên bản thỏa thuận hợp tác với Học viện Ngân hàng (HVNH), mở ra giai đoạn hợp tác chiến lược từ năm 2024 đến năm 2029. Sự kiện này đánh dấu bước tiến quan trọng trong mối quan hệ hợp tác giữa Eximbank và HVNH, nhằm tăng cường sự gắn kết giữa doanh nghiệp và nhà trường, đồng thời phục vụ sự nghiệp phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng

Eximbank luôn coi trọng tầm nhìn chiến lược trong việc đầu tư vào con người và tri thức xã hội. Hợp tác với Học viện Ngân hàng lần này không chỉ là bước tiến quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn lực cho ngành tài chính - ngân hàng, mà còn là nền tảng vững chắc giúp Eximbank hiện thực hóa tầm nhìn "Trở lại vị trí dẫn đầu trong hệ thống ngân hàng TMCP tại Việt Nam trong tương lai".



Eximbank tổ chức Giải chạy đêm Ho Chi Minh City Night Run Eximbank 2024

Ho Chi Minh City Night Run là giải chạy được tổ chức theo chủ trương của UBND TPHCM, Công ty TNHH ĐT-TM-DV UNIQUE phối hợp cùng Liên đoàn Điền kinh TPHCM triển khai tổ chức, dưới sự chủ trì của Sở Văn hóa và Thể thao TPHCM. Giải đấu nhằm hướng tới kỷ niệm 134 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2024).

Giải chạy đêm Ho Chi Minh City Night Run Eximbank năm 2024 không chỉ quy tụ nhiều gương mặt nổi bật trong giới chạy bộ mà còn thu hút gần 5000 vận động viên (VĐV) trong và ngoài nước tham dự thi đấu ở ba cự ly 5km, 10km, 21km.

Bên cạnh đó, giải còn nhằm vận động cộng đồng xã hội thường xuyên tập luyện, thi đấu các môn thể thao, nâng cao sức khỏe, chất lượng lối sống, góp phần quảng bá hình ảnh TPHCM về đêm năng động cùng những nét đẹp tuyệt vời đến với du khách và công dân nước ngoài đang làm việc và sinh sống tại Việt Nam.



Eximbank và Viettel kí thỏa thuận hợp tác toàn diện giai đoạn 2024 - 2028

Ngày 10/05/2024, tại trụ sở Tập đoàn Viettel, Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (Eximbank) cùng Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) tổ chức "Lễ ký thỏa thuận hợp tác toàn diện". Sự kiện đánh dấu bước tiến quan trọng trong mối quan hệ hợp tác chiến lược giữa hai bên, mở ra những triển vọng trong tương lai và khẳng định nỗ lực thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ của Eximbank trong hành trình bứt phá giai đoạn mới, hướng đến cột mốc 35 năm hình thành và phát triển.

Thoả thuận hợp tác toàn diện giai đoạn 2024 – 2028 khẳng định mong muốn quan hệ hợp tác bền chặt, hiệu quả nhằm khai thác và phát huy tối đa thế mạnh, tiềm năng của mỗi bên, thúc đẩy phát triển toàn diện, bền vững, đồng thời góp phần mang đến những giá trị mới cho cộng đồng và xã hội.

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG

Công tác quản lý trách nhiệm môi trường tại EXIMBANK

Với mục tiêu phát triển bền vững, Eximbank không những theo đuổi mục tiêu kinh doanh hiệu quả và tăng trưởng lợi nhuận mà còn hướng tới việc đem lại lợi ích to lớn hơn là gắn sự phát triển của công ty với kinh tế - xã hội của đất nước. Ngân hàng đặt mục tiêu chung tay thực hiện cải thiện môi trường xã hội, thúc đẩy tăng trưởng bền vững, thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, thực hiện nghĩa vụ với cộng đồng, triển khai các dự án xanh, bảo vệ môi trường, xây dựng nhà xã hội, cơ sở hạ tầng hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

NGÂN HÀNG LUÔN TUÂN THỦ NGHIÊM NGẶT CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH ĐẢM BẢO KIỂM SOÁT CHẤT THẢI RA MÔI TRƯỜNG.

Trong năm 2023, nhiệm vụ quản lý nước thải và chất thải phát sinh được theo dõi giám sát chặt chẽ, Exmbank luôn thực hiện nhiều biện pháp nhằm kiểm soát lượng nước thải và chất thải từ các văn phong, Chi nhánh, PGD, dự án. Đầu tư cho đổi mới công nghệ, sử dụng tài nguyên và năng lượng hiệu quả để tạo ưu thế cạnh tranh và góp phần bảo vệ môi trường là con đường phát triển tất yếu, thực hiện mục tiêu phát triển xanh, phát triển bền vững.

Trong năm 2023, Eximbank luôn tuân thủ và không vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường, do đó tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường là KHÔNG.

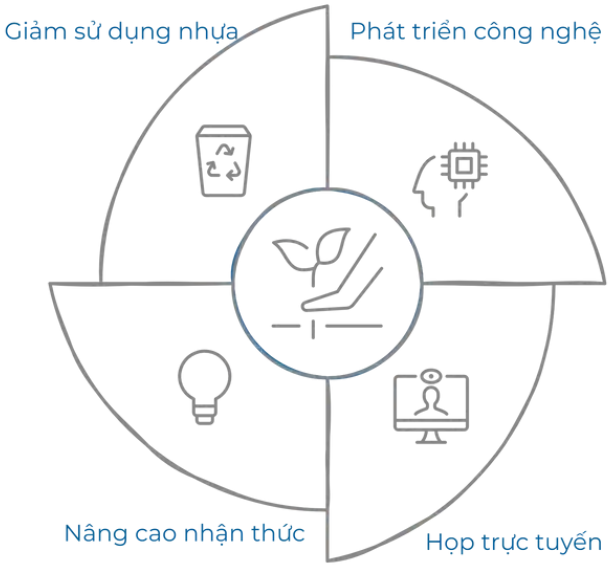
Việc tuân thủ các luật định về Môi trường thể hiện trách nhiệm cơ bản của Eximbank đối với các tác động của mình đến môi trường. Eximbank luôn đảm bảo mức độ tuân thủ của mình ở mức cao nhất. Tại Eximbank, Ban điều hành chịu trách nhiệm triển khai và xử lý các vấn đề về môi trường.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu và tiêu thụ năng lượng

Eximbank là đơn vị cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, vì vậy, nguyên vật liệu chính cho quá trình kinh doanh chủ yếu là giấy in, mực in, văn phòng phẩm,... Tổng chi phí sử dụng vật liệu của Eximbank hàng năm tăng theo quy mô hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Tuy nhiên nhờ những biện pháp tiết kiệm hiệu quả, chi phí sử dụng vật liệu trên đầu cán bộ luôn được kiểm soát ở mức thấp.

Một số biện pháp quản lý và tiết kiệm nguyên vật liệu được Ngân hàng đề ra:

- Phát triển các sản phẩm, dịch vụ công nghệ, giảm thiểu quy trình thủ tục bằng giấy.
- Triển khai các cuộc họp trực tuyến với công nghệ quản lý tài liệu online, giảm thiểu in ấn các tài liệu, nâng cao hiệu suất làm việc trực tuyến.
- Truyền thông nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên Ngân hàng về việc sử dụng tiết kiệm giấy in, văn phòng phẩm...
- Nâng cao nhận thức và văn hóa không sử dụng đồ nhựa như sử dụng ly uống cá nhân bằng sứ....





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG



Quản lý tiêu thụ điện

Năng lượng sử dụng cho quá trình hoạt động kinh doanh tại Eximbank chủ yếu là điện năng cho việc thắp sáng, duy trì hoạt động của máy tính, điều hòa nhiệt độ, xăng dầu phục cho xe ô tô nghiệp vụ của Ngân hàng,... Trước những tác động tiêu cực từ biến đổi khí hậu gây ra ảnh hưởng không chỉ hiện tại mà còn đến thế hệ tương lai, Eximbank đã và đang luôn chú trọng giám sát việc sử dụng nguồn năng lượng và tài nguyên thiên nhiên qua đó góp phần giảm thiểu cường độ phát thải khí nhà kính và các tác động đến môi trường.

Tại Eximbank, chúng tôi luôn nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện, tắt các thiết bị điện khi không sử dụng. Các thiết bị chiếu sáng tại Ngân hàng được lựa chọn để tiết kiệm năng lượng; điều hòa không khí giảm thiểu khí thải ra môi trường...

Năm 2023, toàn thể CBNV Eximbank đã tích cực hưởng ứng các hoạt động trong Giờ thế giới như:

- Tắt toàn bộ các thiết bị điện không sử dụng và không thực sự cần thiết trong tòa nhà làm việc từ 17h00-18h00.
- Chỉ sử dụng đèn pin từ thiết bị điện thoại để chiếu sáng trong việc đi lại.
- Không sử dụng thang máy khi di chuyển dưới 3 tầng

Quản lý tiêu thụ nước

Eximbank sử dụng nước chủ yếu dùng cho hoạt động sinh hoạt của toàn thể cán bộ nhân viên và các tòa nhà, văn phòng làm việc như nước uống, vệ sinh, lau rửa sàn nhà, công cụ lao động,.. nằm trong chi phí thuê văn phòng, tòa nhà. Nước thải sinh hoạt được đưa về một nơi tập trung để xử lý theo quy định của tòa nhà.

Chi phí nước uống cho cán bộ, nhân viên và tiếp khách do Eximbank chi trả với tinh thần tiết kiệm cao nhất như nước rót vừa đủ uống, sử dụng bình nước nhỏ trong các cuộc họp nội bộ, tiến dần đến việc thay thế chai nước nhựa bằng chai nước thủy tinh dùng được nhiều lần. Với các cuộc hội họp, tiếp khách bên ngoài, Ngân hàng trang bị các chai nước có dung tích nhỏ để tránh lãng phí.



Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:	**KHÔNG**
Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:	**KHÔNG**

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN THỊ TRƯỜNG VỐN XANH

Eximbank luôn kiểm soát an toàn, bền vững khi tài trợ các dự án. Các dự án phải đáp ứng được các điều kiện khắt khe theo tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên.

Nhận thức rõ hệ thống ngân hàng đóng vai trò như một mắt xích trung gian có tác động đến môi trường thông qua hoạt động của khách hàng, Eximbank đã xanh hóa dòng vốn đầu tư thông qua việc hướng các nguồn lực tài chính vào những lĩnh vực xanh như doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các dự án năng lượng tái tạo, công nghiệp hỗ trợ, nông nghiệp nông thôn, các dự án thủy điện nhỏ và vừa, sinh khối, xử lý nước thải, rác thải... nhằm tăng dần tỷ trọng tín dụng xanh trong cơ cấu danh mục đầu tư tín dụng, góp phần thúc đẩy khách hàng vay vốn chuyển đổi dự án và mục đích sử dụng vốn vay sang các dự án thân thiện với môi trường.

Eximbank luôn kiểm soát an toàn, bền vững khi tài trợ các dự án. Các dự án phải đáp ứng được các điều kiện khắt khe theo tiêu chuẩn quốc tế và trong nước về bảo vệ môi trường, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên. Vì vậy, khi đánh giá các dự án, chúng tôi dựa vào các bộ công cụ đánh giá rủi ro môi trường xã hội do các tổ chức uy tín về môi trường ban hành. Theo đó, với việc ra quyết định tín dụng, EIB sẽ thường bổ sung trong hợp đồng vay vốn: trách nhiệm và cam kết của khách hàng trong việc cải thiện quản lý rủi ro môi trường xã hội, một kế hoạch hành động và thời gian biểu để giảm thiểu rủi ro trước hoặc sau khi giải ngân khoản vay, những hành động của Ngân hàng để giới hạn trách nhiệm liên quan tới môi trường xã hội do các giao dịch gây ra.

Chúng tôi tin tưởng rằng, khi Ngân hàng tăng cường quản lý rủi ro môi trường trong hoạt động cho vay sẽ tạo động lực cho các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả sản xuất theo hướng sạch hơn. Từ đó, nâng cao nhận thức của khách hàng về tài chính và dịch vụ ngân hàng, các vấn đề về bảo vệ môi trường, đảm bảo an sinh xã hội, phát triển bền vững. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp, hộ nông thôn mở rộng hoạt động kinh doanh, thúc đẩy phát triển các ngành nông nghiệp, lĩnh vực năng lượng tái tạo, năng lượng hiệu quả tại Việt Nam. Đồng thời kết nối các doanh nghiệp theo chuỗi giá trị từ khâu sản xuất, chế biến đến tiêu thụ, xuất khẩu; tạo thêm công ăn việc làm cho người lao động.



06.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Thông tin về ngân hàng
- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc
- Báo cáo Kiểm toán độc lập
- Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Bản thuyết minh báo cáo Tài chính hợp nhất



THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép thành lập và hoạt động

Số 0011/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN") cấp ngày 6 tháng 4 năm 1992 và các Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 năm kể từ ngày cấp của giấy phép.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0301179079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23 tháng 7 năm 1992 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 32 ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Cảnh Anh	Chủ tịch (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024) Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Bà Đỗ Hà Phương	Phó Chủ tịch (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024) Chủ tịch (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Trần Tấn Lộc	Phó Chủ tịch (từ ngày 25 tháng 1 năm 2024) Thành viên (đến ngày 25 tháng 1 năm 2024)
Ông Trần Anh Thắng	Thành viên độc lập
Ông Phạm Quang Dũng	Thành viên
Bà Lê Thị Mai Loan	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Bà Lương Thị Cẩm Tú	Phó Chủ tịch (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 đến ngày 28 tháng 11 năm 2024) Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)
Ông Nguyễn Hồ Nam	Phó Chủ tịch (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 đến ngày 28 tháng 11 năm 2024)

Ban Kiểm soát

Bà Doãn Hồ Lan	Trưởng ban (từ ngày 5 tháng 3 năm 2025) Thành viên (đến ngày 5 tháng 3 năm 2025)
Ông Ngo Tony	Trưởng ban (đến ngày 28 tháng 11 năm 2024)
Bà Phạm Thị Mai Phương	Thành viên
Ông Lâm Nguyễn Thiện Nhơn	Thành viên (từ ngày 26 tháng 2 năm 2025)
Ông Nguyễn Trí Trung	Thành viên (từ ngày 26 tháng 2 năm 2025)
Bà Trần Thị Minh Lý	Thành viên (từ ngày 26 tháng 2 năm 2025)

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Hải	Quyền Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2024)
Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Hướng Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Mai Loan	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 1 năm 2025)
Ông Phạm Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11 tháng 10 năm 2024 đến ngày 10 tháng 1 năm 2025)
Ông Lã Quang Trung	Kế toán trưởng (tái bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2024)

Người đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Cảnh Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (từ ngày 10 tháng 5 năm 2024)
Bà Đỗ Hà Phương	Chủ tịch Hội đồng Quản trị (đến ngày 10 tháng 5 năm 2024)

Trụ sở chính

Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, Số 72 Đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ("Ngân hàng") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

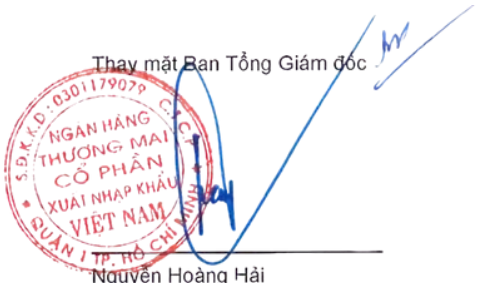
- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở Ngân hàng và công ty con hoạt động liên tục trừ khi giả định Ngân hàng và công ty con hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Ngân hàng và công ty con và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

Phê chuẩn Báo cáo tài chính hợp nhất

Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho Quyền Tổng Giám đốc của Ngân hàng để phê duyệt và ký báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 theo Giấy ủy quyền số 01/2024/UQ-EIB ngày 8 tháng 8 năm 2024.

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 104 đến trang 163. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Hoàng Hải
Quyền Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ("Ngân hàng") và công ty con được lập ngày 31 tháng 12 năm 2024, và được Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2025. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, từ trang 104 đến trang 163.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng và công ty con. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

CÔNG TY TNHH PWC (VIỆT NAM)

Nguyễn Hoàng Nam
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2023-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Mai Trần Bảo Anh
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4166-2022-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán:HCM16503
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	3	**2.095.973**	**2.257.426**
Tiền gửi tại NHNN	4	**4.335.534**	**4.058.527**
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng ("TCTD") khác		**29.829.638**	**43.026.893**
Tiền gửi tại các TCTD khác	5	29.829.638	43.026.893
Chứng khoán kinh doanh	6	**3.031.363**	**-**
Chứng khoán kinh doanh		3.031.363	-
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	7	**291.886**	**-**
Cho vay khách hàng	8	**163.385.744**	**138.913.150**
Cho vay khách hàng		165.154.897	140.448.924
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(1.769.153)	(1.535.774)
Hoạt động mua nợ	9	**794.000**	**-**
Mua nợ		800.000	-
Dự phòng rủi ro hoạt động mua nợ		(6.000)	-
Chứng khoán đầu tư		**29.119.180**	**6.983.290**
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	10.1	13.506.598	3.712.868
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	10.2	15.849.762	3.438.770
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	10.6	(237.180)	(168.348)
Tài sản cố định		**3.775.847**	**3.681.740**
Tài sản cố định hữu hình	11.1	1.109.154	1.109.933
Nguyên giá		*2.573.008*	*2.509.785*
Giá trị hao mòn lũy kế		*(1.463.854)*	*(1.399.852)*
Tài sản cố định vô hình	11.2	2.666.693	2.571.807
Nguyên giá		*3.069.898*	*2.921.773*
Giá trị hao mòn lũy kế		*(403.205)*	*(349.966)*
Tài sản Có khác		**3.108.829**	**2.495.809**
Các khoản phải thu	12.1	1.364.559	1.318.563
Các khoản lãi, phí phải thu	12.2	1.540.576	805.637
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại	18	20.727	20.549
Tài sản Có khác	12.3	648.947	817.031
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	12.5	(465.980)	(465.971)
TỔNG TÀI SẢN		**239.767.994**	**201.416.835**

Các thuyết minh từ trang 104 đến trang 163 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B02/TCTD-HN

	Thuyết minh	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	**13**	**2.079.510**	**19.870**
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		2.079.510	19.870
Tiền gửi và vay các TCTD khác		**29.670.330**	**16.363.869**
Tiền gửi của các TCTD khác	14.1	22.067.863	16.363.869
Vay các TCTD khác	14.2	7.602.467	-
Tiền gửi của khách hàng	**15**	**167.447.644**	**156.329.168**
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	**7**	**-**	**230.822**
Phát hành giấy tờ có giá	**16**	**10.864.503**	**2.000.000**
Các khoản nợ khác		**4.606.601**	**4.028.107**
Các khoản lãi, phí phải trả	17.1	2.119.353	2.552.457
Các khoản phải trả và công nợ khác	17.2	2.487.248	1.475.650
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		**214.668.588**	**178.971.836**
Vốn chủ sở hữu	**19**	**25.099.406**	**22.444.999**
Vốn của TCTD		18.781.551	17.563.006
Vốn điều lệ		*18.688.106*	*17.469.561*
Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		*15.396*	*15.396*
Thặng dư vốn cổ phần		*156.322*	*156.322*
Cổ phiếu quỹ		*(78.273)*	*(78.273)*
Quỹ của TCTD		3.562.209	2.896.986
Lợi nhuận chưa phân phối		2.755.646	1.985.007
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		**25.099.406**	**22.444.999**
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		**239.767.994**	**201.416.835**

Các thuyết minh từ trang 104 đến trang 163 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B02/TCTD-HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

	Thuyết minh	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Cam kết giao dịch hối đoái	34.1	102.756.003	103.163.887
- *Cam kết mua ngoại tệ*		*3.679.596*	*7.010.818*
- *Cam kết bán ngoại tệ*		*3.919.378*	*8.004.778*
- *Cam kết giao dịch hoán đổi*		*95.157.029*	*88.148.291*
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	34.1	2.252.224	1.226.057
Bảo lãnh khác	34.1	3.234.191	2.819.202
Các cam kết khác	34.1	3.981.783	1.655.576
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	34.2	3.417.157	3.529.436
Nợ khó đòi đã xử lý	34.3	11.147.623	12.647.688
Tài sản và chứng từ khác	34.4	362.093	358.413

Các thuyết minh từ trang 104 đến trang 163 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Trương Hoàng Tín
Người lập

Lã Quang Trung
Kế toán trưởng

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Nguyễn Hoàng Hải
Quyền Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Mẫu B03/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
		2024	2023
		Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	20	13.234.075	14.699.192
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	21	(7.310.550)	(10.102.088)
Thu nhập lãi thuần		**5.923.525**	**4.597.104**
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	22	2.165.867	1.393.614
Chi phí từ hoạt động dịch vụ	23	(1.085.567)	(879.314)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ		**1.080.300**	**514.300**
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	24	**673.796**	**485.920**
(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	25	**(68.479)**	**121.282**
Thu nhập từ hoạt động khác		1.079.063	930.556
Chi phí hoạt động khác		(131.955)	(95.477)
Lãi thuần từ hoạt động khác	26	**947.108**	**835.079**
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		**1.385**	**1.148**
Chi phí hoạt động	27	**(3.400.146)**	**(3.140.808)**
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		**5.157.489**	**3.414.025**
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	28	**(969.072)**	**(694.399)**
Tổng lợi nhuận trước thuế		**4.188.417**	**2.719.626**
Chi phí thuế TNDN - hiện hành		(861.791)	(554.528)
Thu nhập thuế TNDN - hoãn lại		178	1
Chi phí thuế TNDN	29	**(861.613)**	**(554.527)**
Lợi nhuận sau thuế		**3.326.804**	**2.165.099**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	19.2	**1.786**	**1.082**

Các thuyết minh từ trang 104 đến trang 163 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Trương Hoàng Tín
Người lập

Lã Quang Trung
Kế toán trưởng

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Nguyễn Hoàng Hải
Quyền Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mẫu B04/TCTD-HN

	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		12.911.207	14.882.415
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(7.731.193)	(9.957.447)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		680.300	514.300
Chênh lệch số tiền thực thu từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc và chứng khoán)		649.959	543.415
Thu nhập/(chi phí) khác		346.806	(21.703)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	26	834.202	854.461
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(3.147.755)	(3.237.111)
Tiền thuế TNDN thực nộp trong năm	32	(690.214)	(488.166)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRƯỚC NHỮNG THAY ĐỔI VỀ TÀI SẢN VÀ VỐN LƯU ĐỘNG		**3.853.312**	**3.090.164**
Những thay đổi về tài sản hoạt động			
(Tăng)/giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(24.200.443)	2.067.087
(Tăng)/giảm các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		(291.886)	120.182
Tăng các khoản cho vay khách hàng và hoạt động mua nợ		(25.505.973)	(9.943.310)
Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	8.8	(729.693)	(468.071)
(Tăng)/giảm khác về tài sản hoạt động		(122.779)	2.023
Những thay đổi về công nợ hoạt động			
Tăng/(giảm) các khoản nợ Chính phủ và NHNN		2.059.640	(4.391)
Tăng các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác		13.306.461	4.470.843
Tăng tiền gửi của khách hàng		11.118.476	7.714.597
Tăng phát hành giấy tờ có giá		8.864.503	2.000.000
(Giảm)/tăng các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		(230.822)	230.822
Tăng/(giảm) khác về công nợ hoạt động		649.231	(54.040)
Chi từ các quỹ của TCTD		(137)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		**(11.230.110)**	**9.225.906**

Các thuyết minh từ trang 104 đến trang 163 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu B04/TCTD-HN

(Theo phương pháp trực tiếp)

	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định ("TSCĐ") và tài sản dài hạn khác		(300.268)	(660.423)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ		5.194	19.009
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		1.385	1.148
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		**(293.689)**	**(640.266)**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Cổ tức trả cho cổ đông	19.1	(522.260)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		**(522.260)**	**-**
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM		**(12.046.059)**	**8.585.640**
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	**30**	**49.342.846**	**40.757.206**
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM	**30**	**37.296.787**	**49.342.846**

Các thuyết minh từ trang 104 đến trang 163 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.



1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Mẫu B05/TCTD-HN

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam ("Ngân hàng") là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập ở nước CHXHCN Việt Nam. Ngân hàng được NHNN cấp giấy phép thành lập và hoạt động số 0011/NH-GP ngày 6 tháng 4 năm 1992 với thời gian hoạt động là 99 năm từ ngày của giấy phép. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Vốn điều lệ của Ngân hàng là 18.688.106.070.000 Đồng theo Quyết định số 2570/QĐ–NHNN.

Ngân hàng được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã giao dịch cổ phiếu là EIB.

Ngân hàng được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301179079 cấp ngày 23 tháng 7 năm 1992 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh và bắt đầu hoạt động từ ngày 17 tháng 1 năm 1990. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất lần thứ 32 được cấp ngày 10 tháng 5 năm 2024 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động chủ yếu của Ngân hàng là huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ; các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế; chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá ("GTCG") khác; cung cấp dịch vụ thanh toán và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex là cổ đông lớn do nắm giữ 186.924.306 cổ phiếu tương đương với 10,00% vốn điều lệ của Ngân hàng.

Ngân hàng có trụ sở chính tại Tầng 8, Văn phòng số L8-01-11+16 Tòa nhà Vincom Center, Số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có 1 Hội sở, 1 văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội, 48 chi nhánh, 167 phòng giao dịch (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: Ngân hàng có 1 Hội sở, 1 văn phòng đại diện đặt tại Hà Nội, 48 chi nhánh, 167 phòng giao dịch) tại các tỉnh và thành phố trên cả nước.

Điều lệ mới nhất của Ngân hàng có hiệu lực thi hành kể từ ngày 3 tháng 3 năm 2025.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng và công ty con có 6.437 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 6.234 nhân viên).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có 1 công ty con.
Chi tiết như sau:

Tên công ty	Giấy phép thành lập và hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết	
			31.12.2024	31.12.2023
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam	0310280974	Quản lý nợ và khai thác tài sản	**100%**	100%

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các TCTD hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng và công ty con bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng"). Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng Đồng Việt Nam và được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng"). Ngân hàng và công ty con xác định đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan hiện hành.

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng và công ty con được hạch toán theo nguyên tệ. Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối tháng được quy đổi theo tỷ giá áp dụng vào ngày cuối tháng. Chênh lệch do đánh giá lại hàng tháng được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất cuối mỗi tháng và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào thời điểm cuối năm.

2.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con là doanh nghiệp mà Ngân hàng có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Ngân hàng có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Ngân hàng. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh giữa Ngân hàng và công ty con được loại trừ khi hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty con sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với chính sách kế toán đang được Ngân hàng và công ty con áp dụng.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, vàng, tiền gửi tại NHNN, tiền gửi tại các TCTD khác bao gồm không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

2.6 Tiền gửi và cho vay các TCTD khác

Tiền gửi tại các TCTD khác bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng tại các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và tiền gửi tại các TCTD nước ngoài. Cho vay các TCTD khác là các khoản cấp tín dụng các tổ chức tín dụng có kỳ hạn gốc dưới 1 năm.

Tiền gửi và cho vay các TCTD khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2024, việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác được thực hiện theo Thông tư số 11/2021/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 30 tháng 7 năm 2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 11") tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được trình bày trong Thuyết minh 2.7.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, đối với các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác, việc phân loại nợ được thực hiện theo Thông tư số 31/2024/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 30 tháng 6 năm 2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, TCTD phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 31") và việc lập dự phòng được thực hiện theo Nghị định số 86/2024/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 11 tháng 7 năm 2024 quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp TCTD phân bổ lãi phải thu phải thoái ("Nghị định 86"); tương tự như chính sách áp dụng đối với các khoản cho vay khách hàng như được trình bày trong Thuyết minh 2.7.

Theo quy định của Nghị định 86, Ngân hàng không trích lập dự phòng chung đối với các khoản sau:

(a) Tiền gửi tại TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(b) Khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;

(c) Khoản mua chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước;

(d) Khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán;

(đ) Các khoản nợ khác phát sinh từ hoạt động giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 86.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.7 Các khoản cho vay khách hàng và hoạt động mua nợ

2.7.1 Kế toán đối với cho vay khách hàng

Đo lường và ghi nhận các khoản cho vay khách hàng

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản cho vay có kỳ hạn đến 1 năm kể từ ngày giải ngân; các khoản cho vay trung hạn có kỳ hạn từ trên 1 năm đến 5 năm kể từ ngày giải ngân; các khoản cho vay dài hạn có kỳ hạn trên 5 năm kể từ ngày giải ngân.

Các khoản cho vay khách hàng được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng.

Theo Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 1 năm 2024 và Thông tư 21/2024/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2024 quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng, nghiệp vụ thư tín dụng được xác định là hình thức cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán và hoàn trả thư tín dụng. Thay đổi này được áp dụng phi hồi tố kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Phân loại các khoản cho vay khách hàng

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2024, việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 11.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, việc phân loại nợ, bao gồm các khoản cho vay khách hàng, nợ phát sinh từ nghiệp vụ phát hành thư tín dụng, thương lượng thanh toán thư tín dụng, hoàn trả thư tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ"), được thực hiện theo Thông tư số 31; và việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Nghị định 86.

Theo quy định của Thông tư 31, phân loại các khoản cho vay khách hàng được chia thành năm nhóm nợ căn cứ vào tình hình trả nợ và các yếu tố định lượng như sau:

Nhóm 1: Nợ đủ tiêu chuẩn

(i) Khoản nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc

(ii) Khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn; hoặc

(iii) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 1 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn.

Nhóm 2: Nợ cần chú ý

(i) Khoản nợ quá hạn đến 90 ngày, trừ khoản nợ quy định tại điểm (ii) của Nợ đủ tiêu chuẩn và khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

(ii) Khoản nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

(iii) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 2 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn hoặc do khoản nợ phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định.

Nhóm 3: Nợ dưới tiêu chuẩn

(i) Khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; trừ khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

(ii) Khoản nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

(iii) Khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận, trừ khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

(iv) Khoản nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi:

- Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (từ ngày 1 tháng 7 năm 2024) hoặc theo các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024); hoặc
- Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (từ ngày 1 tháng 7 năm 2024) hoặc theo các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024); hoặc
- Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (từ ngày 1 tháng 7 năm 2024) hoặc theo các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024).

(v) Khoản nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc

(vi) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc

(vii) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 3 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn hoặc do khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc

(viii) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 3 theo yêu cầu của NHNN phù hợp với mức độ rủi ro của khoản nợ đó căn cứ kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Nhóm 4: Nợ nghi ngờ

(i) Khoản nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày, trừ khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc
(ii) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn đến 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu, trừ khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc
(iii) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ 2 còn trong hạn, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc
(iv) Khoản nợ quy định tại điểm (iv) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc
(v) Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà chưa thu hồi được; hoặc
(vi) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc
(vii) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 4 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn và khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc
(viii) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 4 theo yêu cầu của NHNN phù hợp với mức độ rủi ro của khoản nợ đó căn cứ kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.

Nhóm 5: Nợ có khả năng mất vốn

(i) Khoản nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc
(ii) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc
(iii) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc
(iv) Khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, trừ khoản nợ đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn theo quy định; hoặc
(v) Khoản nợ quy định tại điểm (iv) của Nợ dưới tiêu chuẩn chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc
(vi) Khoản nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà chưa thu hồi được; hoặc
(vii) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc
(viii) Khoản nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đang bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc
(ix) Khoản nợ được phân loại vào nhóm 5 do đáp ứng tiêu chí được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn theo quy định; hoặc
(x) Khoản nợ phải phân loại vào nhóm 5 theo yêu cầu của NHNN phù hợp với mức độ rủi ro của khoản nợ đó căn cứ kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.

Nợ được phân loại lại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn (kể cả nhóm 1) khi:

Đối với nợ quá hạn

- Khách hàng đã trả đầy đủ phần nợ gốc và lãi bị quá hạn (kể cả lãi áp dụng đối với nợ gốc quá hạn) và nợ gốc, lãi của các kỳ hạn trả nợ tiếp theo (nếu có) trong thời gian tối thiểu 3 (ba) tháng đối với nợ trung và dài hạn, 1 (một) tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn, và
- Ngân hàng có đủ cơ sở thông tin, tài liệu đánh giá khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.

Đối với nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ

- Khách hàng đã trả đầy đủ nợ gốc, lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại (nếu có) trong thời gian tối thiểu 3 tháng đối với nợ trung và dài hạn, 1 tháng đối với nợ ngắn hạn, kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc hoặc lãi theo thời hạn được cơ cấu lại; trường hợp gốc và lãi có cùng một kỳ hạn trả nợ thì tính kể từ ngày bắt đầu trả đầy đủ nợ gốc và lãi; và

-Ngân hàng có đủ cơ sở thông tin, tài liệu đánh giá khách hàng có khả năng trả đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.

Nợ được phân loại vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn khi:

- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời, khả năng thanh toán, tỷ lệ nợ trên vốn, dòng tiền dẫn đến khả năng trả nợ của khách hàng suy giảm liên tục qua 3 lần đánh giá hoặc phân loại nợ liên tục; hoặc
- Khách hàng không cung cấp đầy đủ, kịp thời và trung thực các thông tin tài chính theo yêu cầu của Ngân hàng để đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng; hoặc
- Khoản nợ đã được phân loại vào nhóm 2, nhóm 3, nhóm 4 từ 1 (một) năm trở lên nhưng không đủ điều kiện phân loại vào nhóm nợ có rủi ro thấp hơn; hoặc
- Khoản nợ mà hành vi cấp tín dụng bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

Nợ xấu là nợ thuộc các Nhóm 3, 4 và 5.

Ngân hàng được yêu cầu sử dụng kết quả phân loại rủi ro tín dụng do Trung tâm Thông tin tín dụng thuộc NHNN ("CIC") cung cấp để phân loại các khoản cho vay khách hàng của Ngân hàng vào nhóm nợ có rủi ro cao hơn giữa nhóm nợ được đánh giá bởi Ngân hàng và nhóm nợ do CIC cung cấp.

Toàn bộ dư nợ của một khách hàng tại Ngân hàng được phân loại vào cùng một nhóm nợ và là nhóm nợ có mức độ rủi ro cao nhất trong các nhóm nợ của các khoản nợ của khách hàng đó.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn, Ngân hàng thực hiện phân loại tất cả các khoản nợ (bao gồm cả khoản cho vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao nhất theo kết quả phân loại nợ của các thành viên tham gia cấp tín dụng hợp vốn.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Phân loại khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng

Các khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng là số tiền Ngân hàng trả thay khách hàng trong trường hợp khách hàng được bảo lãnh không thực hiện được nghĩa vụ của mình khi đến hạn thanh toán. Ngày quá hạn của các cam kết trả thay được tính ngay từ ngày Ngân hàng thực hiện nghĩa vụ theo cam kết.

Theo quy định của Thông tư 31, khoản trả thay theo cam kết ngoại bảng được phân loại như sau:

Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn: nếu quá hạn dưới 30 ngày;

Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ: nếu quá hạn từ 30 ngày đến dưới 90 ngày;

Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn: nếu quá hạn từ 90 ngày trở lên.

Trường hợp khoản trả thay được phân loại vào nhóm rủi ro thấp hơn nhóm mà cam kết ngoại bảng được trả thay đã được phân loại thì Ngân hàng chuyển vào nhóm mà cam kết ngoại bảng đó đã phân loại.

Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng:

Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Dự phòng cụ thể

Việc tính dự phòng cụ thể được căn cứ trên các tỷ lệ áp dụng cho nợ được phân loại từ nợ nhóm 1 đến nợ nhóm 5 như sau:

	Tỷ lệ dự phòng
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 - Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 - Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	100%

Dự phòng cụ thể được tính theo số dư các khoản cho vay từng khách hàng tại ngày kết thúc năm tài chính trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.
Theo quy định của Nghị định 86, tỷ lệ khấu trừ tối đa đối với từng loại tài sản bảo đảm được xác định như sau:

Loại tài sản bảo đảm	**Tỷ lệ khấu trừ tối đa**
(a) Số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi bằng Đồng Việt Nam tại chính Ngân hàng	100%
(b) Trái phiếu Chính phủ, vàng miếng theo quy định của pháp luật về hoạt động kinh doanh vàng; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi bằng ngoại tệ tại chính Ngân hàng	95%
(c) Trái phiếu chính quyền địa phương, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh; công cụ chuyển nhượng, trái phiếu do chính Ngân hàng phát hành; số dư tiền gửi, chứng chỉ tiền gửi, do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành: • Có thời hạn còn lại dưới 1 năm • Có thời hạn còn lại từ 1 năm đến 5 năm • Có thời hạn còn lại trên 5 năm	 95% 85% 80%
(d) Chứng khoán do các TCTD khác phát hành được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán ("SGDCK").	70%
(đ) Chứng khoán được niêm yết trên SGDCK do doanh nghiệp (trừ TCTD) phát hành	65%
(e) Chứng khoán chưa được niêm yết trên SGDCK, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c), do TCTD khác có niêm yết cổ phiếu trên SGDCK phát hành; Chứng khoán chưa được niêm yết trên SGDCK, giấy tờ có giá, trừ các khoản quy định tại điểm (c), do TCTD khác chưa niêm yết cổ phiếu trên SGDCK phát hành;	50% 30%
(g) Chứng khoán chưa được niêm yết trên SGDCK, giấy tờ có giá do doanh nghiệp có đăng ký niêm yết cổ phiếu trên SGDCK phát hành; Chứng khoán chưa được niêm yết trên SGDCK, giấy tờ có giá do doanh nghiệp chưa niêm yết cổ phiếu trên SGDCK phát hành	30% 10%
(h) Bất động sản	50%
(i) Các loại tài sản bảo đảm khác	30%

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản bảo đảm là động sản, bất động sản và các tài sản bảo đảm không phải là vàng miếng, trái phiếu Chính phủ được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng khoán do doanh nghiệp hoặc tổ chức tín dụng khác phát hành có giá trị từ 50 tỷ VND trở lên đối với khoản nợ của khách hàng là người có liên quan của Ngân hàng và các đối tượng khác theo quy định tại Điều 135 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và tài sản bảo đảm có giá trị để tính khấu trừ từ 200 tỷ VND phải được định giá bởi tổ chức có chức năng thẩm định giá. Đối với các trường hợp khác, tài sản bảo đảm được định giá theo quy định và quy trình nội bộ của Ngân hàng.

Tài sản bảo đảm nào không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 4, khoản 4, khoản 5 của Nghị định 86 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024: áp dụng Điều 12, Khoản 3 của Thông tư 11) thì giá trị của tài sản bảo đảm đó xem như bằng không.

Dự phòng chung
Theo quy định của Nghị định 86, số tiền dự phòng chung phải trích tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định bằng 0,75% tổng số dư các khoản nợ được phân loại từ nợ nhóm 1 đến nợ nhóm 4 tại ngày kết thúc năm tài chính, trừ các khoản được nêu tại Thuyết minh 2.6.

Xử lý nợ xấu
Các khoản nợ xấu có thể được xử lý bằng dự phòng trong các trường hợp sau:
- Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật, cá nhân bị chết, mất tích; hoặc
- Các khoản nợ được phân loại vào nợ nhóm 5.

Sau thời gian tối thiểu 5 năm, kể từ ngày sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro và sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp của Hội đồng xử lý rủi ro để thu hồi nợ nhưng không thu hồi được, khoản nợ có thể được xuất toán ra khỏi ngoại bảng theo quyết định của Hội đồng xử lý rủi ro của Ngân hàng.

2.7.2 Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19

Từ ngày 17 tháng 5 năm 2021, việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 được thực hiện theo quy định của Thông tư 03/2021/TT-NHNN ("Thông tư 03/2021") có hiệu lực thi hành từ ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Thông tư 14/2021/TT-NHNN ("Thông tư 14/2021") có hiệu lực thi hành từ ngày 7 tháng 9 năm 2021.

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng đã thực hiện trích 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định của Thông tư 03/2021.

2.7.3 Cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng

Từ ngày 24 tháng 4 năm 2023, việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc và/hoặc lãi của khoản nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống và tiêu dùng được thực hiện theo quy định của Thông tư 02/2023/TT-NHNN ("Thông tư 02/2023") và Thông tư 06/2024/TT-NHNN ("Thông tư 06/2024") do NHNN ban hành lần lượt ngày 23 tháng 4 năm 2023 và ngày 18 tháng 6 năm 2024, trên cơ sở đề nghị của khách hàng, khả năng tài chính của Ngân hàng.

Ngân hàng thực hiện việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc và/hoặc lãi của khoản nợ và đáp ứng các điều kiện sau:
- Dư nợ gốc phát sinh trước ngày 24 tháng 4 năm 2023 từ hoạt động cho vay, cho thuê tài chính;
- Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 24 tháng 4 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024;
- Số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận;
- Khách hàng được Ngân hàng đánh giá không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm so với doanh thu, thu nhập tại phương án trả nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận;
- Khách hàng có đề nghị được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và được Ngân hàng đánh giá có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại;
- Ngân hàng không thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khoản nợ vi phạm quy định pháp luật;
- Thời gian cơ cấu lại thời hạn trả nợ (kể cả trường hợp gia hạn nợ) được xác định phù hợp với mức độ khó khăn của khách hàng và không vượt quá 12 tháng kể từ ngày đến hạn của số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ;
- Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho khách hàng theo quy định tại Thông tư 02/2023 và Thông tư 06/2024 được thực hiện từ ngày 24 tháng 4 năm 2023 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Chi tiết phân loại nợ và giữ nguyên nhóm nợ:
Ngân hàng giữ nguyên nhóm nợ đối với khoản nợ có số dư nợ gốc và/hoặc lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ ("khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ") tại thời điểm gần nhất trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

- Đối với khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn theo thời hạn cơ cấu lại, Ngân hàng không phải áp dụng nguyên tắc điều chỉnh, phân loại lại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro cao hơn theo quy định tại Thông tư 31 (từ ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024);
- Đối với khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại mà không được Ngân hàng tiếp tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư 02/2023 và Thông tư 06/2024, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ theo Thông tư 31 (từ ngày 1 tháng 7 năm 2024) và Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024).

Đối với số lãi phải thu của các khoản nợ đang được tái cơ cấu theo quy định tại Thông tư 02/2023 và Thông tư 06/2024, Ngân hàng không hạch toán thu nhập (dự thu) mà thực hiện theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu và chỉ ghi nhận thu nhập lãi vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thu được.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.7.4 Trích lập dự phòng đối với khách hàng có số dư nợ và/hoặc lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư 02/2023 và Thông tư 06/2024

Từ ngày 24 tháng 4 năm 2023, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư 02/2023 và Thông tư 06/2024 như sau:

Số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung theo công thức sau:
Số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung = A – B

Trong đó:
- A: Số tiền dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024: theo quy định tại Thông tư 11).
- B: Số tiền dự phòng cụ thể đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 02/2023 và Thông tư 06/2024.

Trường hợp số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung được xác định theo công thức nêu trên là dương, Ngân hàng thực hiện trích bổ sung dự phòng cụ thể như sau:

- Đến thời điểm ngày 31.12.2023: Tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến thời điểm ngày 31.12.2024: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng chung đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ được xác định theo Thông tư 31 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024: theo quy định tại Thông tư 11).

2.7.5 Kế toán hoạt động mua nợ

Nguyên tắc ghi nhận khoản mua nợ

Các khoản nợ mua được trình bày dưới hình thức số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Giá trị khoản nợ mua được ghi nhận ban đầu là giá mua khoản nợ theo hợp đồng. Nếu thu được tiền lãi của khoản nợ bao gồm cả tiền lãi từ trước khi tổ chức tín dụng mua khoản nợ đó, tổ chức tín dụng phải phân bổ số tiền lãi theo nguyên tắc: (i) ghi giảm giá trị của khoản mua nợ số tiền lãi trước khi mua; (ii) ghi nhận là thu nhập số tiền lãi của kỳ sau khi tổ chức tín dụng mua nợ.

Phân loại và trích lập dự phòng cho các khoản nợ mua

Ngân hàng thực hiện phân loại và trích lập dự phòng cho các khoản mua nợ tương tự như đối với các khoản cho vay khách hàng được trình bày ở Thuyết minh 2.7.1.

Ngân hàng phân loại số tiền đã thanh toán để mua nợ vào nhóm có mức độ rủi ro không thấp hơn nhóm mà khoản nợ đó đã được phân loại tại thời điểm gần nhất trước khi mua và tiếp tục thực hiện phân loại số tiền mua nợ như khoản nợ tại chính Ngân hàng.

2.8 Các khoản cam kết ngoại bảng

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang và cam kết khác phát sinh rủi ro tín dụng.

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, các khoản cam kết ngoại bảng được phân loại theo quy định của Thông tư 31 như sau:

Nhóm 1: Các cam kết mà Ngân hàng đánh giá khách hàng có khả năng thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo cam kết.

Nhóm 2: Các cam kết mà Ngân hàng đánh giá là khách hàng không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ theo cam kết.

Nhóm 3 và các nhóm có rủi ro cao hơn: Các cam kết thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày Ngân hàng có quyết định thu hồi:
- Các cam kết vi phạm các quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 134 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024: áp dụng theo các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và theo quy định của Thông tư 11); hoặc
- Các cam kết vi phạm các quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024: áp dụng theo các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và theo quy định của Thông tư 11); hoặc
- Các cam kết vi phạm các quy định tại các khoản 1, 2, 5, 9 Điều 136 Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024: áp dụng theo các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 và theo quy định của Thông tư 11).

Dự phòng rủi ro các cam kết ngoại bảng

Theo Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024) và Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024), các cam kết ngoại bảng chỉ được phân loại nợ để quản lý, giám sát chất lượng tín dụng. Do đó không cần thực hiện trích lập dự phòng rủi ro.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9 Đầu tư chứng khoán

Ngân hàng phân loại đầu tư chứng khoán theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009: i) chứng khoán kinh doanh, ii) chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc iii) chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Ngân hàng phải phân loại chứng khoán ngay tại thời điểm mua.

2.9.1 Chứng khoán kinh doanh

Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được mua và nắm giữ chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian không quá một năm nhằm thu lợi nhuận ngắn hạn.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào thời điểm Ngân hàng trở thành một bên đối tác của hợp đồng mua các chứng khoán kinh doanh này, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh;
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Đo lường

Chứng khoán kinh doanh là chứng chỉ tiền gửi hoặc trái phiếu chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng. Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro của các chứng khoán này được thực hiện tương tự như các khoản *"Cho vay khách hàng"* được trình bày tại Thuyết minh 2.7. Theo quy định của Nghị định 86 (từ ngày 11 tháng 7 năm 2024) và Thông tư 11 (trước ngày 1 tháng 7 năm 2024), Ngân hàng không trích lập dự phòng chung đối với trái phiếu và chứng chỉ tiền gửi do các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác trong nước phát hành.

Các chứng khoán kinh doanh khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá được trích lập khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ của các chứng khoán kinh doanh này. Theo đó

- Đối với chứng khoán vốn đã niêm yết: giá chứng khoán vốn trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm ngày kết thúc năm tài chính.

- Đối với chứng khoán nợ đã niêm yết, đăng ký giao dịch: giá chứng khoán nợ trên thị trường là giá giao dịch gần nhất tại SGDCK trong vòng 10 ngày tính đến ngày kết thúc năm tài chính.

Ngân hàng không thực hiện trích lập dự phòng đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu chính quyền địa phương và trái phiếu Chính phủ bảo lãnh.

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Lãi hoặc lỗ từ việc thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục *"Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh"* trong năm. Giá vốn được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Số tiền lãi thu được trong thời gian nắm giữ chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi được thực nhận.

Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.9.2 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán bao gồm các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận vào thời điểm Ngân hàng trở thành một bên đối tác của hợp đồng mua các chứng khoán này.

Đo lường

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng chỉ tiền gửi hoặc trái phiếu chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro tín dụng.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác được ghi nhận theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng giảm giá. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường.

Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng và dự phòng giảm giá cho Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán tương tự như nguyên tắc áp dụng cho chứng khoán kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.9.1.

Chứng khoán nợ đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận ban đầu theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dồn tích của chứng khoán trước khi mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước khi mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ chứng khoán tiếp theo, các chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá và giá trị chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán.

Số tiền lãi dồn tích trước khi mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu khi nhận được. Lãi sau thời điểm mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng trên cơ sở dồn tích. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu nhập lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục *"Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư"*. Giá vốn được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Dừng ghi nhận

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

2.9.3 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là các chứng khoán nợ được Ngân hàng mua hẳn với mục đích đầu tư để hưởng lãi và Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn, trong đó bao gồm trái phiếu đặc biệt được phát hành bởi Công ty Mua bán nợ và Tài sản tồn đọng của doanh nghiệp ("DATC").

Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, Ngân hàng được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua đối với chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán nợ giữ đến ngày đáo hạn (bao gồm trái phiếu DATC) được ghi nhận và đo lường tương tự như chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được trình bày tại Thuyết minh 2.9.2.

2.10 Các hợp đồng bán và mua lại

Chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.11 TSCĐ

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình
TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí hoạt động trong năm.

Khấu hao
TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	3 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
TSCĐ hữu hình khác	5 - 10 năm
Phần mềm vi tính	5 - 10 năm

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất do Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất, quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và tiền sử dụng đất đã trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước ngày hiệu lực của Luật đất đai 2003 (tức là ngày 1 tháng 7 năm 2004) và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không có thời hạn được ghi nhận theo nguyên giá và không khấu hao.

Thanh lý
Lãi hoặc lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản trong quá trình lắp đặt hoặc xây dựng phục vụ mục đích kinh doanh, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kì mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12 Các khoản phải thu khác
Các khoản phải thu khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng của Ngân hàng và công ty con, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng các khoản phải thu khác được lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra. Chi phí dự phòng phát sinh được ghi nhận trên khoản mục "Chi phí hoạt động" của báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong năm.

2.13 Chi phí trả trước
Chi phí trả trước phản ánh số tiền trả trước để được cung cấp dịch vụ, hoặc các công cụ, dụng cụ không thỏa mãn điều kiện ghi nhận TSCĐ trong khoảng thời gian hoặc một chu kỳ kinh doanh nhất định kể từ ngày trả trước. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.14 Tiền gửi và vay các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng, phát hành giấy tờ có giá
Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác, tiền gửi của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành giấy tờ có giá được ghi giảm số dư gốc của giấy tờ có giá. Sau đó, Ngân hàng thực hiện phân bổ dần các chi phí này vào khoản mục *"Chi phí lãi và các chi phí tương tự"* theo phương pháp đường thẳng dựa theo kỳ hạn của giấy tờ có giá.

2.15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi
Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng sau khi được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt và được ghi nhận là một khoản phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Ngân hàng sử dụng Quỹ khen thưởng phúc lợi theo mục đích được quy định tại Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ("Nghị định 93") do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017.

2.16 Các công cụ tài chính phái sinh
Các công cụ tài chính phái sinh được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo giá trị hợp đồng vào ngày ký kết và sau đó được đánh giá lại hàng ngày. Lợi nhuận hoặc lỗ đã thực hiện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lợi nhuận hoặc lỗ chưa thực hiện được ghi nhận vào khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất vào cuối năm.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.17 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.18 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Ngân hàng và công ty con có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm.

2.19 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh giá trị các khoản vốn khác tại thời điểm báo cáo.

Cổ phiếu quỹ bao gồm:
- Cổ phiếu quỹ mua trước ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 1 tháng 1 năm 2021) là cổ phiếu do Ngân hàng phát hành và được mua lại bởi chính Ngân hàng nhưng chưa bị huỷ bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong tương lai theo quy định pháp luật về chứng khoán.
- Cổ phiếu quỹ mua sau ngày hiệu lực của Luật Chứng khoán (ngày 1 tháng 1 năm 2021) sẽ được hủy bỏ và điều chỉnh giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động (lãi) sau thuế TNDN của Ngân hàng và công ty con tại thời điểm báo cáo.

2.20 Các quỹ dự trữ bắt buộc

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2024, theo quy định của Nghị định 93 và Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 do Quốc hội ban hành ngày 16 tháng 6 năm 2010 có hiệu lực đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, Ngân hàng trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận :

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	**Số dư tối đa**
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định mức tối đa

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 do Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 1 năm 2024 và Nghị định 93, Ngân hàng trích lập các quỹ như sau trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	**Số dư tối đa**
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	10% lợi nhuận sau thuế	Vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	Không quy định mức tối đa

Quỹ dự phòng tài chính dùng để bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất, của tổ chức bảo hiểm và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí; sử dụng cho các mục đích khác theo quy định của pháp luật.

Các quỹ dự trữ bắt buộc này không được phép phân phối và được ghi nhận như một phần của vốn chủ sở hữu.

Các quỹ dự trữ của công ty con

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2002 hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc ngân hàng thương mại, việc phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và mục đích sử dụng các quỹ của công ty được thực hiện theo các quy định hiện hành áp dụng đối với ngân hàng thương mại thành lập công ty.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.21 Phân chia lợi nhuận

Cổ tức của Ngân hàng và công ty con được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế TNDN có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo điều lệ của Ngân hàng và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

2.22 Lãi trên cổ phiếu

Ngân hàng và công ty con trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông phổ thông của Ngân hàng, sau khi trừ đi phần quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập trong năm, chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

2.23 Thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích, theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện: (i) có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó; và (ii) thu nhập lãi được xác định tương đối chắc chắn. Khi một khoản nợ không được phân loại là Nợ đủ tiêu chuẩn như được trình bày trong Thuyết minh 2.7.1, hoặc thuộc đối tượng được áp dụng theo Thông tư 01/2020, Thông tư 03/2021, Thông tư 14/2021 như được trình bày trong thuyết minh 2.7.2, hoặc thuộc đối tượng được áp dụng theo Thông tư 02/2023 và Thông tư 06/2024 như được trình bày trong thuyết minh 2.7.4, thì số lãi dự thu được xuất toán và được ghi nhận ngoại bảng. Thu nhập lãi của các khoản nợ này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thu được.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ bao gồm phí nhận được từ dịch vụ thanh toán, dịch vụ ngân quỹ và các dịch vụ khác, được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích khi dịch vụ đã được cung cấp, theo kết quả phần công việc đã hoàn thành, dựa trên cơ sở đánh giá tỷ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Thu nhập được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Lãi lỗ từ mua bán chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của chứng khoán.

Cổ tức bằng tiền nhận được từ hoạt động đầu tư được ghi nhận là thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Ngân hàng và công ty con được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Thu nhập khác

Thu nhập khác được ghi nhận trên cơ sở dồn tích khi có thể xác định được kết quả công việc đã hoàn thành một cách chắc chắn.

Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Chi phí hoạt động dịch vụ

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

2.24 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của năm phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng năm hay một năm khác

Thuế TNDN hoãn lại, sử dụng phương thức công nợ, được tính đầy đủ dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế TNDN trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Ngân hàng và công ty con hoặc chịu sự kiểm soát của Ngân hàng và công ty con, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Ngân hàng và công ty con, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Ngân hàng và công ty con mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Ngân hàng và công ty con, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng và những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Ngân hàng và công ty con căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng và công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc của Ngân hàng và công ty con xác định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời của Ngân hàng bị tác động chủ yếu do Ngân hàng và công ty con hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do vậy báo cáo bộ phận chính yếu của Ngân hàng và công ty con là là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

2.27 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho các TCTD hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các khoản nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về thu nhập và chi phí trong suốt năm tài chính. Ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm:

- Phân loại và dự phòng rủi ro cho vay khách hàng (Thuyết minh 2.7);
- Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác (Thuyết minh 2.12).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.28 Các khoản mục không có số dư

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 4 năm 2007 và Thông tư 49/2014/TT-NHNN về chế độ báo cáo tài chính đối với các TCTD do NHNN ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2014 là các khoản mục không có số dư.

3. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

Mẫu B05/TCTD-HN

	31.12.2024	31.12.2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền mặt bằng VND	917.181	923.897
Tiền mặt bằng ngoại tệ	1.120.673	1.242.991
Vàng tiền tệ	58.119	90.538
	2.095.973	**2.257.426**

4. TIỀN GỬI TẠI NHNN

	31.12.2024	31.12.2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Bằng VND	3.576.990	3.510.984
Bằng ngoại tệ	758.544	547.543
	4.335.534	**4.058.527**

Tiền gửi tại NHNN bao gồm dự trữ bắt buộc và tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNN về dự trữ bắt buộc, Ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi trong tháng cho khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với số dư tiền gửi bình quân của từng loại tiền gửi phải dự trữ bắt buộc trong tháng trước tại Ngân hàng.

	31.12.2024	31.12.2023
Các tỷ lệ dự trữ bắt buộc trên số dư tiền gửi bình quân của tháng trước như sau:	%	%
Tiền gửi khách hàng:		
- Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	3,00	3,00
- Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	1,00	1,00
- Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng	8,00	8,00
- Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	6,00	6,00
Tiền gửi của TCTD nước ngoài:		
- Tiền gửi bằng ngoại tệ	1,00	1,00

	31.12.2024	31.12.2023
Mức lãi suất hàng năm được áp dụng cho số dư tại ngày:	%	%
Trong dự trữ bắt buộc bằng VND	0,50	0,50
Trong dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Vượt dự trữ bắt buộc bằng VND	0,00	0,00
Vượt dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ	0,00	0,00

5. TIỀN GỬI TẠI CÁC TCTD KHÁC

Mẫu B05/TCTD-HN

5.1 Tiền gửi tại các TCTD khác	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn		
- Bằng VND	596.950	830.691
- Bằng ngoại tệ	7.184.455	20.415.342
	7.781.405	21.246.033
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Bằng VND	16.887.770	13.695.200
- Bằng ngoại tệ	5.160.463	8.085.660
	22.048.233	21.780.860
Tổng cộng	29.829.638	43.026.893

5.2 Mức lãi suất hàng năm được áp dụng cho số dư tại ngày:	31.12.2024 %	31.12.2023 %
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00 - 0,50	0,00 - 0,10
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 4,26	0,00 - 5,05
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3,80 - 5,80	0,70 - 3,50
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,40 - 4,75	5,05 - 5,40

5.3 Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi tại các TCTD khác:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn (không bao gồm tiền gửi không kỳ hạn)	22.048.233	21.780.860

6. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

Mẫu B05/TCTD-HN

6.1 Chứng khoán nợ:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Trái phiếu Chính phủ	1.995.721	-
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	1.035.642	-
	3.031.363	-

6.2 Phân tích chất lượng chứng khoán kinh doanh được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn (không bao gồm trái phiếu Chính phủ)	1.035.642	-

6.3 Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Đã niêm yết	1.995.721	-
Chưa niêm yết	1.035.642	-
	3.031.363	-

6.4 Mức lãi suất hàng năm được áp dụng cho số dư chứng khoán nợ tại ngày:	31.12.2024 %	31.12.2023 %
Trái phiếu Chính phủ	2,30 - 3,60	Không áp dụng
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành bằng VND	6,50	Không áp dụng

7. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH KHÁC

Mẫu B05/TCTD-HN

	Tổng giá trị của hợp đồng (theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng)	Tổng giá trị ghi sổ kế toán (theo tỷ giá ngày lập báo cáo)	
		Tài sản	Công nợ
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tại ngày 31.12.2024			
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ			
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	13.269.073	-	14.664
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	46.334.463	318.435	-
Công cụ tài chính phái sinh khác			
- Giao dịch hoán đổi lãi suất tiền tệ chéo	1.892.313	-	11.885
	61.495.849	318.435	26.549
Số thuần		291.886	
Tại ngày 31.12.2023			
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ			
- Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	12.512.507	79.493	-
- Giao dịch hoán đổi tiền tệ	43.908.286	-	295.178
Công cụ tài chính phái sinh khác			
- Giao dịch hoán đổi lãi suất tiền tệ chéo	730.932	-	15.137
	57.151.725	79.493	310.315
Số thuần			230.822

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG

Mẫu B05/TCTD-HN

8.1 Theo loại hình cho vay:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	163.247.486	138.881.721
Cho vay thấu chi và thẻ tín dụng	941.160	944.257
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	966.251	621.777
Các khoản trả thay khách hàng	-	1.169
	165.154.897	140.448.924

8.2 Theo đối tượng khách hàng:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Hộ kinh doanh và cá nhân	89.861.880	81.047.699
Công ty trách nhiệm hữu hạn ("TNHH")	47.563.043	40.547.545
Công ty cổ phần	24.424.463	14.038.104
Doanh nghiệp Nhà nước	1.956.355	3.557.163
Doanh nghiệp tư nhân	347.492	429.325
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	267.399	223.098
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	108.424	88.776
Các đối tượng khác	625.841	517.214
	165.154.897	140.448.924

8.3 Theo chất lượng nợ cho vay:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	159.302.560	134.883.009
Nợ cần chú ý	1.671.528	1.839.055
Nợ dưới tiêu chuẩn	450.668	446.225
Nợ nghi ngờ	758.237	1.412.553
Nợ có khả năng mất vốn	2.971.904	1.868.082
	165.154.897	140.448.924

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, bao gồm trong số dư nợ cho vay là 1.451.274 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 2.832.523 triệu đồng) tổng số dư nợ vay của khách hàng thuộc đối tượng áp dụng Thông tư 02/2023 và Thông tư 06/2024; trong đó có 699.566 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.192.702 triệu đồng) là số dư nợ thuộc các khoản giải ngân đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng, được thực hiện theo Thông tư 02/2023 và Thông tư 06/2024. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng đã ghi nhận ngoại bảng số tiền 199.923 triệu đồng lãi dự thu của các khoản cho vay này (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 105.037 triệu đồng).

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HN

8.4 Theo kỳ hạn:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Nợ ngắn hạn	100.977.722	100.281.143
Nợ trung hạn	10.853.250	2.103.507
Nợ dài hạn	53.323.925	38.064.274
	165.154.897	140.448.924

8.5 Theo loại tiền tệ:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Bằng VND	151.981.254	126.568.061
Bằng ngoại tệ	13.173.643	13.880.863
	165.154.897	140.448.924

8.6 Theo mục đích sử dụng vốn:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	53.078.314	50.226.337
Cho vay cá nhân để mua nhà để ở, nhận quyền sử dụng đất để xây nhà ở	26.724.805	17.105.295
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	18.658.009	19.397.375
Sản xuất và gia công, chế biến	15.693.598	18.534.986
Xây dựng	13.126.601	13.223.694
Hoạt động kinh doanh bất động sản	9.333.666	2.538.319
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	6.445.399	1.913.784
Vận tải, kho bãi	4.993.717	1.754.909
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	4.834.445	5.832.431
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.303.278	1.087.397
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	1.271.797	1.340.075
Thông tin và truyền thông	702.627	313.662
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	307.104	277.268
Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	248.776	174.366
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	223.542	217.490
Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	221.982	207.983
Giáo dục và đào tạo	138.784	92.109
Khác	7.848.453	6.211.444
	165.154.897	140.448.924

8. CHO VAY KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HN

8.7 Mức lãi suất hàng năm được áp dụng cho số dư tại ngày:	31.12.2024 %	31.12.2023 %
Thẻ tín dụng	33,00	33,00
Các khoản cho vay bằng VND		
- Ngắn hạn	0,30 - 15,50	0,30 - 16,00
- Trung hạn	3,30 - 15,00	5,00 - 16,50
- Dài hạn	3,30 - 15,50	5,00 - 17,50
Các khoản cho vay bằng ngoại tệ		
- Ngắn hạn	3,40 - 7,00	2,90 - 7,50
- Trung hạn	Không áp dụng	Không áp dụng
- Dài hạn	7,03	5,00 - 8,00

8.8 Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng:	Dự phòng chung Triệu đồng	Dự phòng cụ thể (*) Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	966.555	342.891	1.309.446
Trích lập trong năm (Thuyết minh 28)	72.801	621.598	694.399
Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong năm	-	(468.071)	(468.071)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.039.356	496.418	1.535.774
Trích lập trong năm (Thuyết minh 28)	173.835	789.237	963.072
Sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong năm	-	(729.693)	(729.693)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.213.191	555.962	1.769.153

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, bao gồm trong số dư dự phòng cụ thể của Ngân hàng là 139.651 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 72.995 triệu đồng) dự phòng bổ sung cho số dư nợ của các khách hàng có nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng, được thực hiện theo Thông tư 02/2023 và Thông tư 06/2024.

9. HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

Mẫu B05/TCTD-HN

	31.12.2024	31.12.2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Mua nợ bằng VND	800.000	-
Dự phòng chung	(6.000)	-
	794.000	-
Giá trị nợ gốc, lãi của khoản nợ đã mua		
Nợ gốc đã mua bằng VND	800.000	-

	31.12.2024	31.12.2023
Phân tích chất lượng dư nợ của hoạt động mua nợ:	Triệu đồng	Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	800.000	-

10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31.12.2024	31.12.2023
10.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán:	Triệu đồng	Triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	7.100.029	1.300.000
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	3.300.000	2.200.000
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế ("TCKT") trong nước phát hành	2.200.183	-
Trái phiếu Chính phủ	693.518	-
	13.293.730	3.500.000
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn do TCKT trong nước phát hành	212.868	212.868
	13.506.598	3.712.868
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	(16.501)	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán vốn	(145.679)	(152.785)
	(162.180)	(152.785)
	13.344.418	3.560.083

10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HN

10.2 Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ	11.474.762	2.563.770
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	4.300.000	800.000
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	75.000	75.000
- Trong đó: Trái phiếu do DATC phát hành	*75.000*	*75.000*
	15.849.762	3.438.770
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
Dự phòng chung trái phiếu DATC	-	(563)
Dự phòng cụ thể trái phiếu DATC	(75.000)	(15.000)
	(75.000)	(15.563)
	15.774.762	3.423.207

10.3 Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Chứng khoán nợ		
Đã niêm yết (*)	12.168.280	2.563.770
Chưa niêm yết	16.975.212	4.375.000
	29.143.492	6.938.770
Chứng khoán vốn		
Chưa niêm yết	212.868	212.868
	29.356.360	7.151.638

(*) Tại ngày kết thúc năm tài chính, một số trái phiếu Chính phủ đang đưa đi thế chấp để được cấp hạn mức cho nghiệp vụ đi vay với các TCTD khác hoặc đưa đi thực hiện nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu (Thuyết minh 33.2).

10. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HN

10.4 Mức lãi suất hàng năm được áp dụng cho số dư chứng khoán đầu tư tại ngày:	31.12.2024	31.12.2023
	%	%
Chứng chỉ tiền gửi do các TCTD khác trong nước phát hành	4,80 - 5,90	5,20 - 6,80
Trái phiếu do các TCTD khác trong nước phát hành	3,90 - 6,68	6,10 - 7,23
Trái phiếu Chính phủ	2,10 - 4,80	2,20 - 8,80
Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành	8,90 - 12,00	8,90

10.5 Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:	31.12.2024	31.12.2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Nhóm 1 - Nợ đủ tiêu chuẩn (không bao gồm trái phiếu Chính phủ)	16.900.212	4.300.000
Nhóm 3 - Nợ dưới tiêu chuẩn	-	75.000
Nhóm 5 - Nợ có khả năng mất vốn	75.000	-
	16.975.212	4.375.000

10.6 Dự phòng chứng khoán đầu tư:	Dự phòng chung	Dự phòng cụ thể	Dự phòng giảm giá	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	-	-	144.146	144.146
Trích lập trong năm (Thuyết minh 25)	563	15.000	8.639	24.202
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	563	15.000	152.785	168.348
Trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh 25)	15.938	60.000	(7.106)	68.832
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	16.501	75.000	145.679	237.180

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TSCĐ)

Mẫu B05/TCTD-HN

11.1 TSCĐ hữu hình:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Khác (*)	Tổng cộng
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Nguyên giá						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	460.411	1.018.835	463.059	41.592	525.888	**2.509.785**
Mua trong năm	1.548	83.349	-	698	110.175	**195.770**
Thanh lý, nhượng bán	(4.339)	(12.866)	(40.993)	(1.335)	(73.014)	**(132.547)**
Phân loại lại	-	(120)	-	-	120	**-**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	457.620	1.089.198	422.066	40.955	563.169	**2.573.008**
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	(107.287)	(707.725)	(195.522)	(37.165)	(352.153)	**(1.399.852)**
Khấu hao trong năm	(12.382)	(72.897)	(52.626)	(1.420)	(56.808)	**(196.133)**
Thanh lý, nhượng bán	4.272	12.853	40.816	1.334	72.856	**132.131**
Phân loại lại	-	120	-	-	(120)	**-**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	(115.397)	(767.649)	(207.332)	(37.251)	(336.225)	**(1.463.854)**
Giá trị còn lại						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	353.124	311.110	267.537	4.427	173.735	**1.109.933**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	342.223	321.549	214.734	3.704	226.944	1.109.154

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá TSCĐ hữu hình của Ngân hàng và công ty con đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 897.494 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 851.653 triệu đồng).

(*) TSCĐ khác chủ yếu bao gồm các công trình cải tạo, sửa chữa văn phòng tại các đơn vị kinh doanh.

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (TSCĐ) (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HN

11.2 TSCĐ vô hình:	Quyền sử dụng đất không thời hạn Triệu đồng	Phần mềm vi tính Triệu đồng	Tổng cộng Triệu đồng
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.349.062	572.711	2.921.773
Mua trong năm	-	149.854	149.854
Thanh lý, nhượng bán	(1.729)	-	(1.729)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.347.333	722.565	3.069.898
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	-	(349.966)	(349.966)
Khấu hao trong năm	-	(53.239)	(53.239)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	-	(403.205)	(403.205)
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	2.349.062	222.745	2.571.807
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	2.347.333	319.360	2.666.693

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá TSCĐ vô hình của Ngân hàng và công ty con đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 158.927 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 146.531 triệu đồng).

12. TÀI SẢN CÓ KHÁC

12.1 **Các khoản phải thu:**	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Phải thu các cá nhân liên quan đến các vụ khiếu nại (i)	402.380	402.380
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang (ii)	379.143	424.499
Các khoản phải thu từ hoạt động thanh toán thẻ	199.122	238.976
Đặt cọc thuê nhà và ký quỹ hoạt động khác	96.824	61.281
Tạm ứng hoạt động nghiệp vụ	95.679	46.263
Khác	191.411	145.164
	1.364.559	**1.318.563**

12. TÀI SẢN CÓ KHÁC (TIẾP THEO)

(i) Khoản phải thu cá nhân liên quan đến các vụ khiếu nại bao gồm:

Vụ khiếu nại của một khách hàng về việc bị Nguyên Phó Giám đốc Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("Nguyên Phó Giám đốc") của Ngân hàng chiếm đoạt bằng cách rút tiền trái phép từ các sổ tiết kiệm của khách hàng. Vào ngày 23 tháng 11 năm 2018, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án sơ thẩm yêu cầu Ngân hàng phải thanh toán cho khách hàng với số tiền gốc và lãi là 245.060 triệu đồng tính đến ngày 18 tháng 8 năm 2018 và thanh toán cho hai khách hàng khác liên quan là 20.298 triệu đồng. Ngân hàng đã thực hiện kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm nêu trên liên quan đến trách nhiệm dân sự giữa Ngân hàng và khách hàng này vào ngày 7 tháng 12 năm 2018. Đồng thời khách hàng đã thực hiện kháng cáo về việc chậm thanh toán lãi theo quyết định của bản án sơ thẩm nêu trên. Vào ngày 19 tháng 4 năm 2019, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Bản án phúc thẩm, theo đó, Tòa án không chấp nhận nội dung kháng cáo của Ngân hàng về việc buộc khách hàng này phải chịu một phần trách nhiệm dân sự đối với khoản tiền bị rút mất nêu trên, và đồng thời quyết định chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của khách hàng này, bên cạnh đó yêu cầu Ngân hàng phải thanh toán số tiền lãi chưa thanh toán theo lãi suất áp dụng cho khách hàng bình thường, theo các thông báo lãi suất do Ngân hàng ban hành, và lãi phạt do chậm thanh toán tiền gửi, toàn bộ số tiền lãi này cho khách hàng là 115.409 triệu đồng. Tại ngày lập báo cáo, Ngân hàng đã thanh toán toàn bộ nghĩa vụ tiền gốc, tiền lãi và lãi phạt cho khách hàng theo các Quyết định của Bản án sơ thẩm và Bản án phúc thẩm này với tổng số tiền là 380.699 triệu đồng và Ngân hàng ghi nhận khoản phải thu đối với Nguyên Phó giám đốc và cũng đã trích lập dự phòng toàn bộ đối với khoản phải thu này. Trách nhiệm dân sự của Nguyên phó Giám đốc liên quan đến nghĩa vụ bồi thường cho Ngân hàng sẽ được xem xét khi bắt được Nguyên phó Giám đốc này.

Vụ khiếu nại của sáu khách hàng về việc bị rút mất số tiền gửi tiết kiệm tại Phòng Giao dịch Đô Lương - Chi nhánh Vinh của Ngân hàng. Theo Bản án sơ thẩm số 86/2018/HS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2018 và Bản án phúc thẩm số 648/2019/HS-PT ngày 23 tháng 10 năm 2019, Ngân hàng có nghĩa vụ tất toán các khoản tiền gửi tiết kiệm cho sáu khách hàng trong vụ khiếu nại là 41.259 triệu đồng và cựu nhân viên Phòng Giao dịch Đô Lương phải hoàn trả lại số tiền này cho Ngân hàng. Tại ngày lập báo cáo, Ngân hàng đã ghi nhận khoản phải thu đối với cựu nhân viên nói trên và đã trích lập dự phòng toàn bộ là 21.681 triệu đồng tương ứng cho các khoản tiền gốc, tiền lãi và lãi phạt mà Ngân hàng đã thanh toán cho sáu khách hàng trong vụ kiện (sau khi Ngân hàng thực hiện truy thu và kê biên tài sản của cựu nhân viên Phòng Giao dịch Đô Lương và các cá nhân khác có liên quan đến vụ khiếu nại).

(ii) Chi tiết tạm ứng mua sắm TSCĐ và chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

	31.12.2024	31.12.2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí xây dựng công trình	259.428	256.921
Phần mềm	74.713	100.143
Mua sắm nhà, trụ sở	35.679	35.679
Mua sắm tài sản khác	9.323	31.756
	379.143	424.499

12.2 Các khoản lãi, phí phải thu:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	614.481	618.616
Lãi phải thu từ chứng khoán đầu tư	429.311	120.040
Phí phải thu từ nghiệp vụ đại lý bảo hiểm (*)	400.000	-
Lãi phải thu từ tiền gửi	27.743	10.842
Lãi phải thu từ hoạt động mua nợ	373	-
Lãi và phí phải thu khác	68.668	56.139
	1.540.576	805.637

(*) Ngân hàng đã thu được toàn bộ khoản phí phải thu này trong tháng 2 và tháng 3 năm 2025.

12. TÀI SẢN CÓ KHÁC (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HN

12.3 Tài sản Có khác:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Tài sản bảo đảm chờ xử lý (i)	475.109	712.399
Chi phí trả trước chờ phân bổ	151.254	88.935
Vật liệu, công cụ	16.542	13.511
Tài sản khác	6.042	2.186
	648.947	817.031

(i) Số dư thể hiện giá trị tài sản bảo đảm nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm đã chuyển quyền sở hữu cho Ngân hàng chờ xử lý. Ngân hàng đã có đầy đủ giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với các tài sản này.

12.4 Phân tích chất lượng tài sản Có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	1.970.598	1.190.849
Nợ có khả năng mất vốn	465.980	465.971
	2.436.578	1.656.820

12.5 Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Các vụ khiếu nại lớn (Thuyết minh 12.1(i))	402.380	402.380
Khác	63.600	63.591
	465.980	465.971

13. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NHNN

	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Giao dịch bán và mua lại Trái phiếu Chính phủ với NHNN	2.064.679	-
Vay khác	14.831	19.870
	2.079.510	19.870

Mức lãi suất hàng năm được áp dụng cho số dư tại ngày:	31.12.2024 %	31.12.2023 %
Các khoản vay từ NHNN bằng VND	3,30 - 4,00	3,50

14. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

Mẫu B05/TCTD-HN

14.1 Tiền gửi của các TCTD khác:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn		
- Bằng VND	146.835	78.732
- Bằng ngoại tệ	299	401
	147.134	79.133
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Bằng VND	16.226.425	12.168.400
- Bằng ngoại tệ	5.694.304	4.116.336
	21.920.729	16.284.736
	22.067.863	**16.363.869**

14.2 Vay các TCTD khác:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Bằng VND	990.465	-
Trong đó:		
- *Vay chiết khấu, tái chiết khấu*	990.465	-
Bằng ngoại tệ	6.612.002	-
	7.602.467	-

14.3 Mức lãi suất hàng năm được áp dụng cho số dư tại ngày:	31.12.2024 %	31.12.2023 %
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND và bằng ngoại tệ	0,00 - 0,10	0,00 - 0,10
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3,80 - 5,50	1,00 - 3,50
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,35 - 4,75	5,00 - 5,35
Vay bằng VND	4,80	Không áp dụng
Vay bằng ngoại tệ	4,90 - 5,89	Không áp dụng

15. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

Mẫu B05/TCTD-HN

15.1 Theo loại tiền gửi:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn		
- Bằng VND	18.619.471	19.149.283
- Bằng ngoại tệ	4.080.000	4.398.601
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Bằng VND	59.271.830	51.365.544
- Bằng ngoại tệ	259.138	257.111
Tiền gửi tiết kiệm		
- Bằng VND	76.796.639	76.722.739
- Bằng ngoại tệ	6.400.654	3.319.497
Tiền gửi ký quỹ		
- Bằng VND	1.322.675	485.459
- Bằng ngoại tệ	30.067	4.274
Tiền gửi vốn chuyên dùng		
- Bằng VND	654.731	611.599
- Bằng ngoại tệ	12.439	15.061
	167.447.644	156.329.168

15.2 Theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Tiền gửi của cá nhân	113.519.746	100.536.124
Công ty cổ phần	20.766.088	21.586.260
Công ty TNHH	20.762.974	20.478.427
Doanh nghiệp Nhà nước	6.814.701	7.325.524
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.069.437	5.386.948
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	485.887	300.570
Khác	1.028.811	715.315
	167.447.644	156.329.168

15. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HN

15.3 Mức lãi suất hàng năm áp dụng cho số dư tại ngày:	31.12.2024 %	31.12.2023 %
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00 - 0,50	0,00 - 0,50
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,20 - 9,50	0,20 - 11,70
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 0,70	0,00 - 0,70
Tiền gửi tiết kiệm bằng VND	0,10 - 11,00	0,20 - 11,70
Tiền gửi tiết kiệm bằng ngoại tệ	0,00 - 0,70	0,00 - 0,70
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	0,00 - 7,70	0,00 - 7,80
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng VND	0,05 - 0,50	0,20 - 0,50
Tiền gửi vốn chuyên dụng bằng ngoại tệ	0,00	0,00

16. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Dưới 1 năm		
- Chứng chỉ tiền gửi bằng VND	7.200.000	2.000.000
Từ 1 năm đến 5 năm		
- Trái phiếu bằng VND	3.680.000	-
Chi phí phát hành giấy tờ có giá	(15.497)	-
	10.864.503	2.000.000

Mức lãi suất hàng năm được áp dụng cho số dư tại ngày:	31.12.2024 %	31.12.2023 %
Chứng chỉ tiền gửi dưới 1 năm bằng VND	5,00 - 5,70	5,30 - 6,00
Trái phiếu từ 1 năm đến 5 năm bằng VND	5,30 - 6,40	Không áp dụng

17. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

17.1 Các khoản lãi, phí phải trả:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Lãi phải trả tiền gửi	1.900.571	2.497.548
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá	138.362	23.218
Lãi phải trả tiền vay	61.249	59
Lãi phải trả các giao dịch kỳ hạn, hoán đổi	19.171	31.632
	2.119.353	2.552.457

17. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HN

17.2 Các khoản phải trả và công nợ khác:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	279.654	322.523
Các khoản phải trả nhân viên	156.521	115.731
Các khoản phải trả cho bên ngoài		
- Các khoản chờ thanh toán	876.835	269.704
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (Thuyết minh 32)	491.406	236.170
- Phải trả liên quan đến dịch vụ thanh toán thẻ	358.519	265.581
- Phải trả liên quan đến nghiệp vụ L/C	193.746	186.742
- Phải trả liên quan đến hỗ trợ lãi suất	29.826	29.826
Doanh thu chưa thực hiện	32.312	-
Phải trả khác	68.429	49.373
	2.487.248	1.475.650

(i) Biến động của Quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm như sau:	2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
Số đầu năm	322.523	181.063
Trích quỹ trong năm (Thuyết minh 19.1)	150.000	200.000
Sử dụng quỹ trong năm	(192.869)	(58.540)
Số dư cuối năm	279.654	322.523

18. THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Ngân hàng và công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế.

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Tài sản thuế TNDN hoãn lại		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	20.727	20.549

Biến động gộp về tài sản thuế TNDN hoãn lại không tính bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:	2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
Số dư đầu năm	20.549	20.548
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	178	1
Số dư cuối năm	20.727	20.549

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu:	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ của TCTD				Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
				Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Tổng cộng Quỹ của TCTD			
	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng	Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	12.355.229	156.322	(78.273)	1.700.528	871.368	326	2.572.222	15.396	5.459.004	**20.479.900**
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (i), (ii)	5.114.332	-	-	-	-	-	-	-	(5.114.332)	**-**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	2.165.099	**2.165.099**
Trích lập các quỹ trong năm (*)	-	-	-	216.509	108.255	-	324.764	-	(324.764)	**-**
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17.2) (ii)	-	-	-	-	-	-	-	-	(200.000)	**(200.000)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	17.469.561	156.322	(78.273)	1.917.037	979.623	326	2.896.986	15.396	1.985.007	**22.444.999**
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức (iii)	1.218.545	-	-	-	-	-	-	-	(1.218.545)	**-**
Chi trả cổ tức bằng tiền (iii)	-	-	-	-	-	-	-	-	(522.260)	**(522.260)**
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	3.326.804	**3.326.804**
Trích lập các quỹ trong năm (*)	-	-	-	332.680	332.680	-	665.360	-	(665.360)	**-**
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17.2) (iii)	-	-	-	-	-	-	-	-	(150.000)	**(150.000)**
Sử dụng trong năm	-	-	-	(137)	-	-	(137)	-	-	**(137)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	18.688.106	156.322	(78.273)	2.249.580	1.312.303	326	3.562.209	15.396	2.755.646	**25.099.406**

(i) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 27 tháng 5 năm 2022 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 342/2022/EIB/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 8 năm 2022 đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận năm 2017, 2018, 2019, 2020, 2021 cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:20 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 20 cổ phiếu mới). Ngày 9 tháng 9 năm 2022, NHNN có Công văn số 6381/NHNN-TTGSNH chấp thuận việc tăng vốn điều lệ dưới hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thêm 245.881.955 cổ phiếu theo danh sách cổ đông chốt ngày 20 tháng 2 năm 2023.

(ii) Theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 14 tháng 4 năm 2023, Nghị quyết Hội đồng quản trị số 180/2023/EIB/NQ HĐQT ngày 26 tháng 5 năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 248/2023/EIB/NQ HĐQT ngày 21 tháng 7 năm 2023 đã thông qua:

- Mức trích Quỹ khen thưởng phúc lợi là 200.000 triệu đồng, tương đương gần 7% lợi nhuận sau thuế của năm 2022.
- Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại lũy kế các năm trước (đến cuối năm 2021) và lợi nhuận của năm 2022 sau khi trích lập các quỹ cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:18 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 18 cổ phiếu mới). Ngày 18 tháng 8 năm 2023, NHNN có Công văn số 6507/NHNN-TTGSNH chấp thuận việc tăng vốn điều lệ dưới hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thêm 265.551.289 cổ phiếu theo danh sách cổ đông chốt ngày 25 tháng 9 năm 2023.

(iii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 156/2024/EIB/NQ HĐQT ngày 30 tháng 5 năm 2024 thông qua:
- Mức trích Quỹ khen thưởng phúc lợi là 150.000 triệu đồng, tương đương gần 7% lợi nhuận sau thuế của năm 2023.
- Phương án chi trả cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2023 sau khi trích lập các quỹ, mức chi là 3% trên mệnh giá (01 cổ phiếu được nhận 300 đồng). Ngân hàng đã hoàn tất việc chi trả cổ tức bằng tiền vào ngày 4 tháng 10 năm 2024 theo danh sách cổ đông chốt ngày 20 tháng 9 năm 2024.
- Phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2023 sau khi trích lập các quỹ cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 100:7 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 7 cổ phiếu mới). Ngày 1 tháng 7 năm 2024, NHNN có Công văn số 5402/NHNN-TTGSNH chấp thuận việc tăng vốn điều lệ dưới hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Theo đó, Ngân hàng đã phát hành thêm 121.854.459 cổ phiếu theo danh sách cổ đông chốt ngày 20 tháng 9 năm 2024.

(*) Ngân hàng và công ty con trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam (Thuyết minh 2.20).

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HN

19.2 Cổ phiếu

19.2.1 Số lượng cổ phiếu:	31.12.2024 Cổ phiếu phổ thông	31.12.2023 Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu đăng ký	1.868.810.607	1.746.956.148
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	1.868.810.607	1.746.956.148
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(6.090.000)	(6.090.000)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.862.720.607	1.740.866.148

19.2.2 Tình hình biến động vốn cổ phần:	Số lượng cổ phiếu phổ thông Cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông tính theo mệnh giá Triệu đồng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	1.235.522.904	12.355.229
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	511.433.244	5.114.332
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	1.746.956.148	17.469.561
Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	121.854.459	1.218.545
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	1.868.810.607	18.688.106

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông: 10.000 đồng trên một cổ phiếu.

19.2.3 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, điều chỉnh cho cổ phiếu thưởng phát hành trong năm trừ đi cổ phiếu quỹ.

	2024	2023 Trình bày lại (**)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (Triệu đồng)	3.326.804	2.165.099
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Triệu đồng) (*)	-	(150.000)
	3.326.804	2.015.099
Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	1.862.720.607	1.862.720.607
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.786	1.082

(*) Tại ngày phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất, do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để thông qua mức trích quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm nay, lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay chưa được điều chỉnh giảm khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 được trình bày lại để điều chỉnh số lượng cổ phiếu đang lưu hành từ các đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi (Thuyết minh 19.1), cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 Số liệu báo cáo trước đây	Điều chỉnh	Số liệu trình bày lại
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (Triệu đồng)	2.165.099	(150.000)	2.015.099
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	1.740.866.148	121.854.459	1.862.720.607
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	1.244		1.082

19.2.4 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Ngân hàng không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

20. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

Mẫu B05/TCTD-HN

	2024	2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập lãi cho vay	11.402.314	13.383.521
Thu nhập lãi tiền gửi	1.085.950	921.100
Thu nhập lãi từ chứng khoán đầu tư	689.747	311.571
Thu nhập từ nghiệp vụ bảo lãnh và thư tín dụng	50.688	81.086
Thu nhập lãi từ nghiệp vụ mua nợ	373	-
Thu nhập khác từ hoạt động tín dụng	5.003	1.914
	13.234.075	14.699.192

21. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC KHOẢN CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	2024	2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí lãi tiền gửi	6.973.403	10.045.815
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	218.068	23.218
Chi phí lãi tiền vay	115.313	23.318
Chi phí hoạt động tín dụng khác	3.766	9.737
	7.310.550	10.102.088

22. THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2024	2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Dịch vụ thẻ	1.026.479	908.762
Dịch vụ đại lý bảo hiểm và các phí hỗ trợ liên quan	754.664	151.201
Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	261.784	244.415
Các dịch vụ khác	122.940	89.236
	2.165.867	1.393.614

23. CHI PHÍ TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2024	2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi phí dịch vụ thẻ	897.159	699.850
Chi phí bưu chính viễn thông	107.160	102.593
Chi phí dịch vụ thanh toán và ngân quỹ	71.550	70.763
Các chi phí khác	9.698	6.108
	1.085.567	879.314

24. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

Mẫu B05/TCTD-HN

	2024	2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối:		
- Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	7.430.858	7.576.054
- Thu từ các công cụ tài chính phái sinh	697.107	1.702.192
- Thu từ kinh doanh vàng	53.948	38.332
	8.181.913	9.316.578
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối:		
- Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(6.701.709)	(7.161.703)
- Chi về các công cụ tài chính phái sinh	(792.326)	(1.656.107)
- Chi về kinh doanh vàng	(14.082)	(12.848)
	(7.508.117)	(8.830.658)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	673.796	485.920

25. (LỖ)/LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2024	2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Lãi từ mua bán chứng khoán đầu tư	5.402	145.486
Lỗ từ mua bán chứng khoán đầu tư	(5.049)	(2)
Trích lập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 10.6)	(68.832)	(24.202)
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư	(68.479)	121.282

26. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2024	2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu nhập từ nợ đã xử lý rủi ro	834.202	854.461
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ và tài sản gán nợ	175.197	19.009
Thu nhập từ công cụ tài chính phái sinh khác	61.981	35.529
Thu nhập khác	7.683	21.557
	1.079.063	930.556
Chi phí hoạt động khác		
Chi phí công cụ tài chính phái sinh khác	(76.509)	(50.633)
Chi phí khác	(55.446)	(44.844)
	(131.955)	(95.477)
Lãi thuần từ hoạt động khác	947.108	835.079

27. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Mẫu B05/TCTD-HN

	2024	2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	37.421	6.016
Chi phí nhân viên:		
- Lương và phụ cấp	1.520.053	1.426.668
- Các khoản chi đóng góp theo lương	169.047	156.353
- Chi phí khác cho nhân viên	177.729	148.411
Chi về tài sản:		
- Chi phí thuê văn phòng	365.151	295.318
- Chi phí khấu hao TSCĐ	249.372	194.189
- Chi phí sửa chữa và nâng cấp tài sản	119.279	118.207
- Chi khác về tài sản	36.005	49.063
Chi phí tiếp tân, khánh tiết	154.517	197.336
Chi phí bảo hiểm tiền gửi	150.047	146.885
Chi phí quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại	95.373	81.008
Chi phí điện nước	68.847	60.208
Chi phí dịch vụ bảo vệ	67.769	65.315
Khác	189.536	195.831
	3.400.146	3.140.808

28. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	2024	2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng (Thuyết minh 8.8)	173.835	72.801
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng (Thuyết minh 8.8)	789.237	621.598
Trích lập dự phòng chung cho hoạt động mua nợ (Thuyết minh 9)	6.000	-
	969.072	694.399

29. THUẾ TNDN

Mẫu B05/TCTD-HN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Ngân hàng và công ty con khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	2024	2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.188.417	2.719.626
Thuế tính ở thuế suất 20%	837.683	543.925
Điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	19.648	9.566
Lỗ tính thuế đã được sử dụng	-	(567)
Khác	4.282	1.603
Chi phí thuế TNDN	861.613	554.527
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất:		
Thuế TNDN – hiện hành	861.791	554.528
Thuế TNDN – hoãn lại	(178)	(1)
Chi phí thuế TNDN	861.613	554.527

Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

30. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31.12.2024	31.12.2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	2.095.973	2.257.426
Tiền gửi tại NHNN	4.335.534	4.058.527
Tiền gửi tại các TCTD khác (gồm không kỳ hạn và có kỳ hạn không quá 3 tháng)	29.829.638	43.026.893
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày mua	1.035.642	-
	37.296.787	49.342.846

31. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN

	2024	2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	**6.303**	**6.005**
Thu nhập của cán bộ công nhân viên		
Tổng quỹ lương	1.520.053	1.426.668
Thưởng khác	186.404	21.150
Thu nhập khác	76.706	71.281
	1.783.163	1.519.099
Tiền lương bình quân tháng (triệu đồng/người)	**20,1**	**19,8**
Thu nhập bình quân tháng (triệu đồng/người)	**23,6**	**21,1**

32. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

Mẫu B05/TCTD-HN

		Phát sinh trong năm		
	1.1.2024	Số phải nộp	Số đã nộp	31.12.2024
Chỉ tiêu	**Triệu đồng**	**Triệu đồng**	**Triệu đồng**	**Triệu đồng**
Phải trả				
Thuế TNDN	202.093	861.791	(690.214)	373.670
Thuế Giá trị gia tăng	23.014	298.050	(209.557)	111.507
Thuế Thu nhập cá nhân	11.063	133.353	(138.187)	6.229
Khác	-	12.078	(12.078)	-
	236.170	1.305.272	(1.050.036)	491.406
Phải thu				
Thuế TNDN	**57**	**-**	**-**	**57**

33. TÀI SẢN, GTCG THẾ CHẤP, CẦM CỐ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

33.1 Tài sản, GTCG nhận thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu:	31.12.2024 **Triệu đồng**	31.12.2023 **Triệu đồng**
Bất động sản	239.614.343	232.854.665
Tiền gửi tiết kiệm và giấy tờ có giá	29.043.170	25.405.910
Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và hàng hóa	6.659.570	6.090.875
Vàng bạc, đá quý	1.497.983	606.715
Tài sản khác	20.843.422	4.597.135
	297.658.488	**269.555.300**

33.2 GTCG đưa đi thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu:	31.12.2024 **Triệu đồng**	31.12.2023 **Triệu đồng**
Trái phiếu Chính phủ	5.170.805	450.000

34. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT

Mẫu B05/TCTD-HN

34.1 Các cam kết:

Tổng số tiền của các cam kết còn hiệu lực tại ngày của báo cáo tình hình tài chính hợp nhất như sau:

	31.12.2024	31.12.2023
	Triệu đồng	Triệu đồng
Cam kết giao dịch hối đoái	102.756.003	103.163.887
- *Cam kết mua ngoại tệ*	*3.679.596*	*7.010.818*
- *Cam kết bán ngoại tệ*	*3.919.378*	*8.004.778*
- *Cam kết giao dịch hoán đổi*	*95.157.029*	*88.148.291*
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	2.252.224	1.226.057
- *Thư tín dụng trả ngay*	*725.793*	*545.796*
- *Thư tín dụng trả chậm*	*1.698.151*	*776.507*
- *Trừ: Tiền ký quỹ*	*(171.720)*	*(96.246)*
Bảo lãnh khác	3.234.191	2.819.202
- *Cam kết bảo lãnh thanh toán*	*1.252.388*	*1.151.256*
- *Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng*	*535.049*	*417.236*
- *Cam kết bảo lãnh dự thầu*	*170.594*	*135.337*
- *Cam kết bảo lãnh khác*	*1.482.817*	*1.325.662*
- *Trừ: Tiền ký quỹ*	*(206.657)*	*(210.289)*
Cam kết khác	3.981.783	1.655.576
- *Hợp đồng hoán đổi tiền tệ chéo*	*3.796.511*	*1.477.002*
- *Khác*	*185.272*	*178.574*
	112.224.201	108.864.722

34.2 Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Lãi cho vay chưa thu được	3.120.199	3.231.917
Phí phải thu chưa thu được	296.958	297.519
	3.417.157	3.529.436

34.3 Nợ khó đòi đã xử lý:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	5.888.590	5.907.535
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	5.259.033	6.740.153
	11.147.623	12.647.688

34. NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN VÀ CÁC CAM KẾT (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HN

34.4 Tài sản và chứng từ khác:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Vàng bạc, đá quý giữ hộ	224.312	216.036
Tài sản bảo đảm nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chờ xử lý	137.781	137.781
Tài sản khác giữ hộ	-	4.596
	362.093	358.413

34.5 Cam kết thuê hoạt động:

Ngân hàng và công ty con phải trả mức tối thiểu cho các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang trong tương lai như sau:

	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Dưới 1 năm	286.861	238.847
Từ 1 đến 5 năm	760.129	442.399
Trên 5 năm	124.847	135.415
Tổng cộng các khoản thanh toán tối thiểu	1.171.837	816.661

34.6 Cam kết vốn:

Các cam kết về chi tiêu tạo lập TSCĐ đã ký hợp đồng tại ngày kết thúc năm tài chính nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Phần mềm	119.858	67.158
Nhà cửa, vật kiến trúc	71.847	57.830
Khác	14.113	5.502
	205.818	130.490

35. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG CỦA TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Đơn vị: Triệu đồng

	Tiền gửi tại các TCTD khác	Công cụ tài chính phái sinh (*)	Chứng khoán kinh doanh	Cho vay khách hàng	Hoạt động mua nợ	Đầu tư chứng khoán	Tiền gửi và vay các TCTD khác	Tiền gửi của khách hàng	Phát hành giấy tờ có giá	Các cam kết tín dụng
31.12.2024										
Trong nước	22.791.038	61.474.135	3.031.363	165.154.897	800.000	29.356.360	23.058.328	165.811.348	10.864.503	5.864.792
Nước ngoài	7.038.600	21.714	-	-	-	-	6.612.002	1.636.296	-	-
	29.829.638	61.495.849	3.031.363	165.154.897	800.000	29.356.360	29.670.330	167.447.644	10.864.503	5.864.792
31.12.2023										
Trong nước	23.149.492	57.102.083	-	140.448.924	-	7.151.638	16.363.869	153.654.186	2.000.000	4.351.794
Nước ngoài	19.877.401	49.642	-	-	-	-	-	2.674.982	-	-
	43.026.893	**57.151.725**	**-**	**140.448.924**	**-**	**7.151.638**	**16.363.869**	**156.329.168**	**2.000.000**	**4.351.794**

(*) Tổng giá trị hợp đồng theo tỷ giá hiệu lực hợp đồng.

36. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu B05/TCTD-HN

Các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan phát sinh trong năm tài chính bao gồm:

36.1 Giao dịch với các bên liên quan:	**2024 Triệu đồng**	**2023 Triệu đồng**
Cổ đông lớn và các bên liên quan với cổ đông lớn (*)		
Chi phí lãi tiền gửi	269	1.142
Thu nhập lãi tiền vay	-	866
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các bên liên quan đến các cá nhân này		
Chi phí		
- *Lãi tiền gửi*	*4.483*	*6.231*
- *Dịch vụ thanh toán*	*183*	*135*
Thu nhập		
- *Lãi thẻ tín dụng*	*56*	*217*
- *Dịch vụ thanh toán*	*49*	*35*
Lương, thưởng và thù lao (**)	49.370	60.848
- *Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng*	*17.869*	*21.381*
- *Hội đồng Quản trị*	*22.501*	*30.467*
- *Ban Kiểm soát*	*9.000*	*9.000*

(*) Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex trở thành cổ đông lớn từ ngày 12 tháng 8 năm 2024. Sumitomo Mitsui Banking Corporation là cổ đông lớn đến ngày 13 tháng 1 năm 2023.

(**) Chi tiết các khoản lương, thưởng cho Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Họ và tên	**Chức vụ**	**2024 Triệu đồng**	**2023 Triệu đồng**
Ông Nguyễn Hoàng Hải	Quyền Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 3 tháng 10 năm 2024)	4.592	1.453
Ông Nguyễn Hướng Minh	Phó Tổng Giám đốc	3.652	4.165
Ông Đào Hồng Châu	Phó Tổng Giám đốc	3.517	3.849
Ông Nguyễn Hồ Hoàng Vũ	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính	2.700	3.400
Bà Lê Thị Mai Loan	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 10 tháng 1 năm 2025)	1.663	-
Ông Phạm Đăng Khoa	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 11 tháng 10 năm 2024 đến ngày 10 tháng 1 năm 2025)	428	-
Ông Lã Quang Trung	Kế toán Trưởng (tái bổ nhiệm ngày 4 tháng 5 năm 2024)	1.317	1.385
Ông Trần Tấn Lộc	Tổng Giám đốc (đến ngày 2 tháng 10 năm 2023)	-	4.872
Bà Đinh Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 8 tháng 5 năm 2023)	-	2.257
		17.869	**21.381**

36. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HN

(**) Chi tiết các khoản thù lao cho Hội đồng Quản trị :

Họ và tên	Chức vụ	2024 Triệu đồng	2023 Triệu đồng
Ông Nguyễn Cảnh Anh	Chủ tịch (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024) Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)	3.307	1.113
Bà Đỗ Hà Phương	Phó Chủ tịch (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024) Chủ tịch (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)	3.409	5.580
Ông Trần Tấn Lộc	Phó Chủ tịch (từ ngày 25 tháng 1 năm 2024) Thành viên (đến ngày 25 tháng 1 năm 2024)	3.307	995
Ông Trần Anh Thắng	Thành viên độc lập	3.307	4.351
Ông Phạm Quang Dũng	Thành viên	3.307	4.351
Bà Lương Thị Cẩm Tú	Phó Chủ tịch (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 đến ngày 28 tháng 11 năm 2024) Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)	2.932	5.830
Ông Nguyễn Hồ Nam	Phó Chủ tịch (từ ngày 26 tháng 4 năm 2024 đến ngày 28 tháng 11 năm 2024)	1.911	-
Bà Lê Thị Mai Loan	Thành viên (đến ngày 26 tháng 4 năm 2024)	1.021	4.351
Ông Nguyễn Hiếu	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2023)	-	1.415
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2023)	-	1.415
Ông Đào Phong Trúc Đại	Thành viên (đến ngày 14 tháng 2 năm 2023)	-	533
Bà Lê Hồng Anh	Thành viên (đến ngày 14 tháng 2 năm 2023)	-	533
		22.501	**30.467**

Các khoản trên được trình bày trên cơ sở thực nhận sau khi đã khấu trừ thuế thu nhập cá nhân.

36.2 Số dư cuối năm với các bên liên quan:	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Cổ đông lớn và các bên liên quan với cổ đông lớn		
Tiền gửi thanh toán của cổ đông lớn tại Ngân hàng	6	-
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các bên liên quan đến các cá nhân này		
Tiền gửi của khách hàng	51.288	65.590
Tài sản Có khác		
- *Dự thu lãi thẻ tín dụng*	*5*	*1*
Các khoản Nợ khác		
- *Lãi phải trả tiền gửi*	*919*	*1.649*
Dư nợ thẻ tín dụng	2.123	1.519

37. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Mẫu B05/TCTD-HN

37.1 Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và công ty con, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường. Ngoài ra, Ngân hàng và công ty con cũng chịu rủi ro hoạt động.

Cơ cấu quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị:
- chịu trách nhiệm giám sát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và công ty con.

Ủy ban Quản lý rủi ro:
- tham mưu cho Hội đồng Quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng và công ty con.
- phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và công ty con trước những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng và công ty con để đưa các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng Quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động.

Ban Kiểm soát:
- chịu trách nhiệm kiểm soát quy trình quản lý rủi ro tổng quát trong Ngân hàng và công ty con.

Kiểm toán nội bộ:
- kiểm toán các quy trình hoạt động của Ngân hàng và công ty con theo kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm, nhằm kiểm tra tính đầy đủ và tính tuân thủ.
- thảo luận kết quả đánh giá với Ban Tổng Giám đốc và báo cáo những phát hiện và đề xuất lên Ban Kiểm soát.

Hệ thống báo cáo và đo lường rủi ro

Việc theo dõi và quản lý rủi ro chủ yếu được thực hiện dựa trên những hạn mức được thiết lập bởi Ngân hàng và công ty con và tuân thủ các quy định an toàn của NHNN. Những hạn mức này phản ánh chiến lược kinh doanh và môi trường thị trường của Ngân hàng cũng như mức độ rủi ro mà Ngân hàng và công ty con sẵn sàng chấp nhận. Các thông tin kết hợp từ hoạt động kinh doanh được kiểm tra và xử lý để nhằm phân tích, kiểm soát và phát hiện sớm hơn các rủi ro. Ban lãnh đạo sẽ nhận được báo cáo tổng hợp mỗi quý cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết cho việc đánh giá và đưa ra kết luận về rủi ro của Ngân hàng.

Mức độ tập trung rủi ro

Sự tập trung rủi ro phát sinh khi một số lượng lớn các khách hàng của Ngân hàng và công ty con cùng liên quan đến một hoạt động kinh doanh, hoặc trên một khu vực địa lý, hoặc có cùng các đặc điểm kinh tế là những yếu tố có thể ảnh hưởng đến nghĩa vụ thanh toán khi đến hạn do ảnh hưởng của các thay đổi về kinh tế, chính trị hoặc các yếu tố khác.

Để có thể giảm thiểu các rủi ro tập trung, Ngân hàng và công ty con có các chính sách và thủ tục cần thiết bao gồm các hướng dẫn cụ thể nhằm đa dạng hóa các danh mục hoạt động. Theo đó mức độ tập trung rủi ro tín dụng sẽ được kiểm soát và quản lý. Ngân hàng và Công ty con cũng áp dụng các biện pháp phòng tránh rủi ro có chọn lọc đối với các ngành nghề và các yếu tố liên quan khác.

37. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B05/TCTD-HN

37.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với Ngân hàng và công ty con. Trong đó, khách hàng (bao gồm cả TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) có quan hệ với Ngân hàng và công ty con trong việc nhận cấp tín dụng (bao gồm cả nhận cấp tín dụng thông qua ủy thác), nhận tiền gửi.

37.2.1 Các chính sách quản lý và giảm thiểu rủi ro tín dụng

Ngân hàng và công ty con kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng và công ty con có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề, và bằng cách giám sát các rủi ro theo những hạn mức đó.

Ngân hàng và công ty con đã thiết lập quy trình soát xét chất lượng tín dụng cho phép dự báo sớm những thay đổi về mức độ tin cậy của khách hàng, bao gồm cả việc rà soát tài sản đảm bảo thường xuyên. Hạn mức tín dụng đối với mỗi khách hàng được thiết lập thông qua việc sử dụng hệ thống xếp hạng tín dụng, trong đó mỗi khách hàng được xếp loại ở một mức độ rủi ro. Mức độ rủi ro này có thể được sửa đổi, cập nhật thường xuyên.

37.2.2 Tổng mức rủi ro tín dụng tối đa

Mức rủi ro tín dụng tối đa là giá trị ghi sổ trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất cũng như trên các tài khoản ngoại bảng của các công cụ tài chính, mà chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng khác. Đối với các khoản nợ tiềm tàng, mức rủi ro tín dụng tối đa là giá trị lớn nhất mà Ngân hàng và công ty con sẽ phải thanh toán trong trường hợp nghĩa vụ đối với các công cụ tài chính này hình thành. Đối với các cam kết ngoại bảng, mức rủi ro tín dụng tối đa là toàn bộ giá trị của các khoản cam kết chưa được thực hiện. Đối với các cam kết tín dụng, mức rủi ro tín dụng tối đa là toàn bộ giá trị của khoản tín dụng chưa được giải ngân cho khách hàng. Bảng dưới đây trình bày mức rủi ro tín dụng tối đa của Ngân hàng và công ty con không tính đến tài sản bảo đảm hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng, bao gồm:

	31.12.2024 Triệu đồng	31.12.2023 Triệu đồng
Mức rủi ro tín dụng của các tài khoản thuộc báo cáo tình hình tài chính hợp nhất:		
Tiền gửi tại các TCTD khác	29.829.638	43.026.893
Chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 6.2)	1.035.642	-
Các công cụ tài chính phái sinh và tài sản tài chính khác	291.886	-
Cho vay khách hàng (Thuyết minh 8.3)	165.154.897	140.448.924
Mua nợ (Thuyết minh 9)	800.000	-
Chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 10.5)	16.975.212	4.375.000
Các tài sản tài chính khác (Thuyết minh 12.4)	2.436.578	1.656.820
	216.523.853	189.507.637
Mức rủi ro tín dụng của các khoản mục ngoại bảng:		
Các hợp đồng bảo lãnh tài chính	3.440.848	3.029.491
Các cam kết trong nghiệp vụ L/C	2.423.944	1.322.303
	5.864.792	4.351.794
	222.388.645	193.859.431

37.2.3 Tài sản thế chấp

Chi tiết tài sản thế chấp được trình bày tại Thuyết minh 33.1.

37. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

37.2.4 Chất lượng tín dụng:

Phân tích chất lượng tín dụng theo giá trị ghi sổ của các tài sản có rủi ro tín dụng tại ngày báo cáo như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Tại ngày 31.12.2024

	Tiền gửi tại các TCTD khác	Chứng khoán kinh doanh	Công cụ tài chính phái sinh	Cho vay khách hàng	Hoạt động mua nợ	Chứng khoán đầu tư	Các tài sản tài chính khác	Tổng cộng
Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá	29.829.638	1.035.642	291.886	157.889.922	800.000	16.900.212	1.970.598	**208.717.898**
Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá	-	-	-	3.329.127	-	-	-	**3.329.127**
Bị giảm giá	-	-	-	3.935.848	-	75.000	465.980	**4.476.828**
	29.829.638	1.035.642	291.886	165.154.897	800.000	16.975.212	2.436.578	**216.523.853**
Trừ: dự phòng rủi ro								
Dự phòng chung	-	-	-	(1.213.191)	(6.000)	(16.501)	-	**(1.235.692)**
Dự phòng cụ thể	-	-	-	(555.962)	-	(75.000)	-	**(630.962)**
Dự phòng rủi ro khác	-	-	-	-	-	-	(465.980)	**(465.980)**
	-	-	-	(1.769.153)	(6.000)	(91.501)	(465.980)	**(2.332.634)**
Giá trị thuần	29.829.638	1.035.642	291.886	163.385.744	794.000	16.883.711	1.970.598	**214.191.219**

Tại ngày 31.12.2023

	Tiền gửi tại các TCTD khác	Cho vay khách hàng	Chứng khoán đầu tư	Các tài sản tài chính khác	Tổng cộng
Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá	43.026.893	132.444.675	4.300.000	1.190.849	**180.962.417**
Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá	-	2.687.835	-	-	**2.687.835**
Bị giảm giá	-	5.316.414	75.000	465.971	**5.857.385**
	43.026.893	140.448.924	4.375.000	1.656.820	**189.507.637**
Trừ: dự phòng rủi ro					
Dự phòng chung	-	(1.039.356)	(563)	-	**(1.039.919)**
Dự phòng cụ thể	-	(496.418)	(15.000)	-	**(511.418)**
Dự phòng rủi ro khác	-	-	-	(465.971)	**(465.971)**
	-	(1.535.774)	(15.563)	(465.971)	**(2.017.308)**
Giá trị thuần	43.026.893	138.913.150	4.359.437	1.190.849	**187.490.329**

37.3 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường gây ra tổn thất cho Ngân hàng và công ty con. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro giá cổ phiếu, rủi ro giá hàng hóa.

37.3.1 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro do biến động bất lợi của tỷ giá, giá vàng trên thị trường khi Ngân hàng và công ty con có trạng thái ngoại tệ, trạng thái vàng. Ban Tổng Giám Đốc thiết lập hạn mức giao dịch cho từng loại tiền và tổng các loại tiền cho các trạng thái qua đêm và trong ngày và các trạng thái này được kiểm soát hàng ngày. Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ của Ngân hàng và công ty con theo giá trị ghi sổ và theo loại tiền tệ:

Đơn vị: Triệu đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	VND	USD	EUR	Vàng	Khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	917.181	702.811	76.121	58.119	341.741	**2.095.973**
Tiền gửi tại NHNN	3.576.990	758.544	-	-	-	**4.335.534**
Tiền gửi tại các TCTD khác	17.484.720	7.496.236	60.049	-	4.788.633	**29.829.638**
Chứng khoán kinh doanh	3.031.363	-	-	-	-	**3.031.363**
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	3.877.422	(361.752)	52.949	-	(3.276.733)	**291.886**
Cho vay khách hàng (*)	151.981.254	13.146.662	26.179	802	-	**165.154.897**
Mua nợ (*)	800.000	-	-	-	-	**800.000**
Chứng khoán đầu tư (*)	29.356.360	-	-	-	-	**29.356.360**
TSCĐ	3.775.847	-	-	-	-	**3.775.847**
Tài sản Có khác (*)	3.513.187	58.070	(47)	-	3.599	**3.574.809**
Tổng tài sản	**218.314.324**	**21.800.571**	**215.251**	**58.921**	**1.857.240**	**242.246.307**
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	2.079.510	-	-	-	-	**2.079.510**
Tiền gửi và vay các TCTD khác	17.363.725	12.306.557	15	-	33	**29.670.330**
Tiền gửi của khách hàng	156.665.346	9.824.933	210.141	-	747.224	**167.447.644**
Phát hành giấy tờ có giá	10.864.503	-	-	-	-	**10.864.503**
Các khoản nợ khác	3.534.683	397.997	400	-	673.521	**4.606.601**
Vốn và các quỹ	25.099.406	-	-	-	-	**25.099.406**
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	**215.607.173**	**22.529.487**	**210.556**	**-**	**1.420.778**	**239.767.994**
Trạng thái tiền tệ nội bảng	**2.707.151**	**(728.916)**	**4.695**	**58.921**	**436.462**	**2.478.313**
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	**-**	**195.399**	**(1.061)**	**-**	**(434.120)**	**(239.782)**
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	**2.707.151**	**(533.517)**	**3.634**	**58.921**	**2.342**	**2.238.531**

(*) Các mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

37. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

37.3.1 Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị: Triệu đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	VND	USD	EUR	Vàng	Khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	923.897	881.173	70.739	90.538	291.079	**2.257.426**
Tiền gửi tại NHNN	3.510.984	547.543	-	-	-	**4.058.527**
Tiền gửi tại các TCTD khác	14.525.891	16.222.717	41.677	-	12.236.608	**43.026.893**
Cho vay khách hàng (*)	126.568.061	13.805.479	71.098	1.484	2.802	**140.448.924**
Chứng khoán đầu tư (*)	7.151.638	-	-	-	-	**7.151.638**
TSCĐ	3.681.740	-	-	-	-	**3.681.740**
Tài sản Có khác (*)	2.923.901	37.834	233	5	(193)	**2.961.780**
Tổng tài sản	**159.286.112**	**31.494.746**	**183.747**	**92.027**	**12.530.296**	**203.586.928**
Nợ phải trả						
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	19.870	-	-	-	-	**19.870**
Tiền gửi và vay các TCTD khác	12.247.132	4.116.669	34	-	34	**16.363.869**
Tiền gửi của khách hàng	148.334.624	7.161.079	152.506	-	680.959	**156.329.168**
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(30.349.780)	19.191.130	27.023	-	11.362.449	**230.822**
Phát hành giấy tờ có giá	2.000.000	-	-	-	-	**2.000.000**
Các khoản nợ khác	3.571.201	265.244	2.790	-	188.872	**4.028.107**
Vốn và các quỹ	22.444.999	-	-	-	-	**22.444.999**
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	**158.268.046**	**30.734.122**	**182.353**	**-**	**12.232.314**	**201.416.835**
Trạng thái tiền tệ nội bảng	**1.018.066**	**760.624**	**1.394**	**92.027**	**297.982**	**2.170.093**
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	**-**	**(672.051)**	**-**	**(15.950)**	**(305.959)**	**(993.960)**
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	**1.018.066**	**88.573**	**1.394**	**76.077**	**(7.977)**	**1.176.133**

(*) Các mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

37.3.2 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với giá trị của giấy tờ có giá, công cụ tài chính có lãi suất, sản phẩm phái sinh lãi suất trên sổ kinh doanh của Ngân hàng và công ty con. Ngân hàng và công ty con quản lý rủi ro lãi suất thông qua việc kiểm soát mức chênh lệch lãi suất theo kỳ hạn hàng tháng. Bảng dưới đây tóm tắt rủi ro lãi suất của Ngân hàng và công ty con tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tài sản và công nợ của Ngân hàng và công ty con được phân loại theo ngày sớm hơn giữa ngày điều chỉnh lãi suất gần nhất theo hợp đồng hoặc ngày đáo hạn.

Đơn vị: Triệu đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2024	Quá hạn	Không chịu lãi suất	Dưới 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	2.095.973	-	-	-	-	-	-	**2.095.973**
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.335.534	-	-	-	-	-	**4.335.534**
Tiền gửi tại các TCTD khác	-	-	23.901.008	5.928.630	-	-	-	-	**29.829.638**
Chứng khoán kinh doanh	-	-	1.035.642	-	-	1.995.721	-	-	**3.031.363**
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	303.771	(2.272)	(5.252)	(4.361)	-	-	-	**291.886**
Cho vay khách hàng (*)	5.852.337	-	23.207.373	50.244.405	43.039.090	14.709.791	27.934.872	167.029	**165.154.897**
Mua nợ (*)	-	-	-	-	-	800.000	-	-	**800.000**
Chứng khoán đầu tư (*)	75.000	212.868	-	610.049	2.590.048	5.700.028	8.053.575	12.114.792	**29.356.360**
TSCĐ	-	3.775.847	-	-	-	-	-	-	**3.775.847**
Tài sản Có khác (*)	465.980	3.108.829	-	-	-	-	-	-	**3.574.809**
Tổng tài sản	**6.393.317**	**9.497.288**	**52.477.285**	**56.777.832**	**45.624.777**	**23.205.540**	**35.988.447**	**12.281.821**	**242.246.307**
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	2.064.679	-	14.831	-	-	-	**2.079.510**
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	17.598.967	8.448.870	3.622.493	-	-	-	**29.670.330**
Tiền gửi của khách hàng	-	-	60.792.956	37.895.696	46.280.854	12.968.434	9.509.704	-	**167.447.644**
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	500.000	6.700.000	3.664.503	-	**10.864.503**
Các khoản nợ khác	-	4.606.601	-	-	-	-	-	-	**4.606.601**
Tổng nợ phải trả	**-**	**4.606.601**	**80.456.602**	**46.344.566**	**50.418.178**	**19.668.434**	**13.174.207**	**-**	**214.668.588**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội bảng	**6.393.317**	**4.890.687**	**(27.979.317)**	**10.433.266**	**(4.793.401)**	**3.537.106**	**22.814.240**	**12.281.821**	**27.577.719**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất ngoại bảng	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất	**6.393.317**	**4.890.687**	**(27.979.317)**	**10.433.266**	**(4.793.401)**	**3.537.106**	**22.814.240**	**12.281.821**	**27.577.719**

(*) Các mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

37. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

37.3.2 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

Đơn vị: Triệu đồng

Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Quá hạn	Không chịu lãi suất	Dưới 1 tháng	Từ 1 - 3 tháng	Từ 3 - 6 tháng	Từ 6 - 12 tháng	Từ 1 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	2.257.426	-	-	-	-	-	-	**2.257.426**
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.058.527	-	-	-	-	-	**4.058.527**
Tiền gửi tại các TCTD khác	-	-	43.026.893	-	-	-	-	-	**43.026.893**
Cho vay khách hàng (*)	5.565.915	-	32.112.768	63.907.740	30.211.929	8.122.918	447.796	79.858	**140.448.924**
Chứng khoán đầu tư (*)	75.000	212.868	-	451.729	1.000.000	2.500.000	800.000	2.112.041	**7.151.638**
TSCĐ	-	3.681.740	-	-	-	-	-	-	**3.681.740**
Tài sản Có khác (*)	465.971	2.495.809	-	-	-	-	-	-	**2.961.780**
Tổng tài sản	**6.106.886**	**8.647.843**	**79.198.188**	**64.359.469**	**31.211.929**	**10.622.918**	**1.247.796**	**2.191.899**	**203.586.928**
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	2.054	17.816	-	-	-	**19.870**
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	16.363.869	-	-	-	-	-	**16.363.869**
Tiền gửi của khách hàng	-	-	59.427.661	32.191.918	41.485.845	21.098.917	2.124.827	-	**156.329.168**
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	215.685	-	5.017	10.120	-	-	-	**230.822**
Phát hành giấy tờ có giá	-		-	-	500.000	1.500.000	-	-	**2.000.000**
Các khoản nợ khác	-	4.028.107	-	-	-	-	-	-	**4.028.107**
Tổng nợ phải trả	**-**	**4.243.792**	**75.791.530**	**32.198.989**	**42.013.781**	**22.598.917**	**2.124.827**	**-**	**178.971.836**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất nội bảng	**6.106.886**	**4.404.051**	**3.406.658**	**32.160.480**	**(10.801.852)**	**(11.975.999)**	**(877.031)**	**2.191.899**	**24.615.092**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất ngoại bảng	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**
Mức chênh nhạy cảm với lãi suất	**6.106.886**	**4.404.051**	**3.406.658**	**32.160.480**	**(10.801.852)**	**(11.975.999)**	**(877.031)**	**2.191.899**	**24.615.092**

(*) Các mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

37. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

37.3.3 Rủi ro giá

Ngoại trừ các khoản mục tài sản, công nợ đã được thuyết minh ở phần trên, Ngân hàng và công ty con không có các rủi ro giá cả thị trường khác có mức độ rủi ro chiếm 5% lợi nhuận ròng hoặc giá trị khoản mục tài sản, công nợ chiếm 5% tổng tài sản.

37.4 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Ngân hàng và công ty con không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc Ngân hàng và công ty con có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng và công ty con.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích của việc quản lý rủi ro thanh khoản là nhằm đảm bảo sự sẵn có của các nguồn quỹ để đáp ứng những nghĩa vụ tài chính.

Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, Ngân hàng và công ty con huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của Ngân hàng và công ty con. Đồng thời, Ngân hàng có chính sách quản lý tài sản có tính thanh khoản linh hoạt, theo dõi dòng tiền tương lai và tính thanh khoản hàng ngày. Ngân hàng và công ty con cũng đánh giá dòng tiền dự kiến và khả năng sẵn có của tài sản đảm bảo hiện tại trong trường hợp cần huy động thêm nguồn vốn.

Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản thanh toán, các khoản tiền gửi tại NHNN, trái phiếu do Chính phủ phát hành hoặc được Chính phủ bảo lãnh thanh toán, các khoản tiền gửi và cho vay qua đêm các TCTD khác. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản của Ngân hàng và công ty con.

Bảng dưới đây phân tích các tài sản tài chính và khoản nợ tài chính vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập báo cáo tình hình tài chính đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

37.4 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Đơn vị: Triệu đồng

	Quá hạn		Trong hạn					
Ngày 31 tháng 12 năm 2024	**Trên 3 tháng**	**Đến 3 tháng**	**Đến 1 tháng**	**Từ 1 - 3 tháng**	**Từ 3 - 12 tháng**	**Từ 1 - 5 năm**	**Trên 5 năm**	**Tổng cộng**
Tài sản								
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	-	2.095.973	-	-	-	-	**2.095.973**
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.335.534	-	-	-	-	**4.335.534**
Tiền gửi tại các TCTD khác	-	-	23.901.008	5.928.630	-	-	-	**29.829.638**
Chứng khoán kinh doanh	-	-	1.035.642	-	1.995.721	-	-	**3.031.363**
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-	321.922	(26.268)	(3.768)	-	-	**291.886**
Cho vay khách hàng (*)	4.180.809	1.671.528	11.754.718	36.158.730	54.040.439	22.977.556	34.371.117	**165.154.897**
Mua nợ (*)	-	-	-	192.000	192.000	416.000	-	**800.000**
Chứng khoán đầu tư (*)	75.000	-	212.868	-	6.100.000	9.253.672	13.714.820	**29.356.360**
TSCĐ	-	-	19	150	10.847	633.949	3.130.882	**3.775.847**
Tài sản Có khác (*)	465.980	-	870.274	664.034	635.046	910.003	29.472	**3.574.809**
Tổng tài sản	**4.721.789**	**1.671.528**	**44.527.958**	**42.917.276**	**62.970.285**	**34.191.180**	**51.246.291**	**242.246.307**
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	2.064.679	-	14.831	-	-	**2.079.510**
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	17.598.967	8.448.870	3.622.493	-	-	**29.670.330**
Tiền gửi của khách hàng	-	-	60.792.956	37.895.696	59.249.288	9.509.704	-	**167.447.644**
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	7.200.000	3.664.503	-	**10.864.503**
Các khoản nợ khác	-	-	2.461.404	951.854	936.446	256.897	-	**4.606.601**
Tổng nợ phải trả	**-**	**-**	**82.918.006**	**47.296.420**	**71.023.058**	**13.431.104**	**-**	**214.668.588**
Mức chênh thanh khoản ròng	**4.721.789**	**1.671.528**	**(38.390.048)**	**(4.379.144)**	**(8.052.773)**	**20.760.076**	**51.246.291**	**27.577.719**

(*) Các mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

37. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

37.4 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Đơn vị: Triệu đồng

	Quá hạn		Trong hạn					
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	**Trên 3 tháng**	**Đến 3 tháng**	**Đến 1 tháng**	**Từ 1 - 3 tháng**	**Từ 3 - 12 tháng**	**Từ 1 - 5 năm**	**Trên 5 năm**	**Tổng cộng**
Tài sản								
Tiền mặt vàng bạc, đá quý	-	-	2.257.426	-	-	-	-	**2.257.426**
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.058.527	-	-	-	-	**4.058.527**
Tiền gửi tại các TCTD khác	-	-	43.026.893	-	-	-	-	**43.026.893**
Cho vay khách hàng (*)	3.726.860	1.839.055	10.345.440	34.538.115	55.977.500	13.176.210	20.845.744	**140.448.924**
Chứng khoán đầu tư (*)	75.000	-	212.868	451.729	2.200.000	800.000	3.412.041	**7.151.638**
TSCĐ	-	-	30	317	9.873	624.893	3.046.627	**3.681.740**
Tài sản Có khác (*)	465.971	-	834.846	170.849	303.372	1.160.557	26.185	**2.961.780**
Tổng tài sản	**4.267.831**	**1.839.055**	**60.736.030**	**35.161.010**	**58.490.745**	**15.761.660**	**27.330.597**	**203.586.928**
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	2.054	17.816	-	-	**19.870**
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	16.363.869	-	-	-	-	**16.363.869**
Tiền gửi của khách hàng	-	-	59.427.661	32.191.918	62.584.762	2.124.827	-	**156.329.168**
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	287.396	(65.350)	8.776	-	-	**230.822**
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	2.000.000	-	-	**2.000.000**
Các khoản nợ khác	-	-	1.539.750	1.212.526	1.047.932	227.899	-	**4.028.107**
Tổng nợ phải trả	**-**	**-**	**77.618.676**	**33.341.148**	**65.659.286**	**2.352.726**	**-**	**178.971.836**
Mức chênh thanh khoản ròng	**4.267.831**	**1.839.055**	**(16.882.646)**	**1.819.862**	**(7.168.541)**	**13.408.934**	**27.330.597**	**24.615.092**

(*) Các mục này chưa bao gồm các giá trị dự phòng.

38. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Mẫu B05/TCTD-HN

Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Ngân hàng và công ty con theo dõi thông tin chia theo các khu vực địa lý chính tại Việt Nam như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

	Miền Bắc	Miền Trung	Miền Nam	Loại trừ	Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Tài sản	35.428.798	18.108.426	192.669.173	(6.438.403)	**239.767.994**
Nợ phải trả	34.817.322	17.852.423	168.437.246	(6.438.403)	**214.668.588**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024					
Lợi nhuận trước thuế	611.476	256.003	3.320.938	-	**4.188.417**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Tài sản	34.236.338	19.086.952	161.191.454	(13.097.909)	**201.416.835**
Nợ phải trả	33.930.260	18.688.570	139.450.915	(13.097.909)	**178.971.836**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023					
Lợi nhuận trước thuế	306.078	398.382	2.015.166	-	**2.719.626**

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Không có các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần điều chỉnh hoặc cần phải trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc Ngân hàng phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2025.



Trương Hoàng Tín
Người lập

Lã Quang Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoàng Hải
Quyền Tổng Giám đốc
Chữ ký được ủy quyền
Ngày 28 tháng 3 năm 2025

PHỤ LỤC - THỐNG KÊ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
1	01/2024/EIB/NQ-HĐQT	02/01/2024	Điều chỉnh cấp bậc công việc (PC) của CBQL Khối tại Hội sở Eximbank	100% (7/7)
2	02/2024/EIB/NQ-HĐQT	02/01/2024	Tái đánh giá đối với Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
3	04/2024/EIB/NQ-HĐQT	03/01/2024	Chấm dứt HĐLĐ đối với Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
4	06/2024/EIB/NQ-HĐQT	09/01/2024	Đánh giá kết quả KPI ngân hàng 2023 và chi thưởng cho CBNV theo kết quả KPIs cá nhân năm 2023	100% (7/7)
5	08/2024/EIB/NQ-HĐQT	10/01/2024	Điều chuyển và bổ nhiệm nhân sự giữ chức danh Quyền Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
6	09/2024/EIB/NQ-HĐQT	10/01/2024	Điều chỉnh lương Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
7	11/2024/EIB/NQ-HĐQT	15/01/2024	Rà soát công tác quản lý và vận hành POS tại Eximbank	100% (7/7)
8	12/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/01/2024	Phân công nhân sự giữ chức danh điều hành Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
9	13/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/01/2024	Phê duyệt dự toán chi phí cấp phát đồng phục cho CBNV toàn hệ thống Eximbank năm 2024	100% (7/7)
10	14/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/01/2024	Tiếp nhận nhân sự theo đề xuất của Ủy ban Chiến lược và Tái cấu trúc	100% (7/7)
11	15/2024/EIB/NQ-HĐQT	19/01/2024	Tạm ứng thù lao và chi phí hoạt động năm 2024 cho HĐQT, BKS	100% (7/7)
12	16/2024/EIB/NQ-HĐQT	19/01/2024	Phương án chi thưởng cho cán bộ nhân viên Eximbank	100% (7/7)
12	16/2024/EIB/NQ-HĐQT	19/01/2024	Xếp hạng Eximbank AMC	86% (6/7)
12	16/2024/EIB/NQ-HĐQT	19/01/2024	Xếp hạng nhân sự cấp cao Eximabank AMC	100% (7/7)
13	17/2024/EIB/NQ-HĐQT	19/01/2024	Kế hoạch kinh doanh năm 2024	100% (7/7)
13	17/2024/EIB/NQ-HĐQT	19/01/2024	Cơ chế khen thưởng đặc biệt của năm 2024	71% (5/7)
14	19/2024/EIB/NQ-HĐQT	23/01/2024	Thay đổi tên gọi Eximbank Phòng giao dịch Nhật Tảo	100% (7/7)
15	20/2024/EIB/NQ-HĐQT	25/01/2024	Tặng quà cho người nghèo trên toàn quốc - Chương trình "Góp nắng xuân 2024" Tết nguyên đán Giáp Thìn	100% (7/7)
16	21/2024/EIB/NQ-HĐQT	25/01/2024	Phê duyệt điều chỉnh mẫu Hợp đồng tư vấn đối với nhân sự thực hiện công việc tư vấn	100% (7/7)
17	22/2024/EIB/NQ-HĐQT	25/01/2024	Bầu Thành viên HĐQT giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ VII (2020 – 2025)	100% (7/7)
18	24/2024/EIB/NQ-HĐQT	29/01/2024	Thông qua nội dung báo cáo tình hình quản trị Công ty	100% (7/7)
19	26/2024/EIB/NQ-HĐQT	30/01/2024	Phê duyệt kết quả đánh giá nội bộ về mức đủ vốn	100% (7/7)
20	27/2024/EIB/NQ-HĐQT	30/01/2024	Xem xét giảm nhẹ hình thức chế tài đối với một số trường hợp đặc thù	86% (6/7)
21	28/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/02/2024	Điều chỉnh Điều lệ Eximbank AMC	100% (7/7)
22	29/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/02/2024	Chấp thuận đề xuất của Eximbank AMC liên quan đến việc nâng cấp đơn vị thuộc Khu vực Miền Bắc	100% (7/7)
23	30/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/02/2024	Mô hình Khu vực quản lý Đơn vị kinh doanh	100% (7/7)
24	31/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/02/2024	Lựa chọn Công ty luật tư vấn rà soát một số quy định nội bộ Eximbank	100% (7/7)
25	32/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/02/2024	Thực hiện thủ tục công tác nhân sự cấp cao	100% (7/7)

PHỤ LỤC - THỐNG KÊ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
26	33/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/02/2024	Thông qua kế hoạch để cử nhân sự dự kiến bầu bổ sung vào HĐQT Eximbank nhiệm kỳ VII (2020 – 2025)	100% (7/7)
27	34/2024/EIB/NQ-HĐQT	06/02/2024	Tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
28	35/2024/EIB/NQ-HĐQT	06/02/2024	Tuyển dụng và bổ nhiệm Giám đốc Khối tại Hội sở Eximbank	100% (7/7)
29	36/2024/EIB/NQ-HĐQT	06/02/2024	Bổ nhiệm Giám đốc Khối tại Hội sở Eximbank	100% (7/7)
30	37/2024/EIB/NQ-HĐQT	06/02/2024	Di dời địa điểm Eximbank Chi nhánh Tây Đô	100% (7/7)
31	38/2024/EIB/NQ-HĐQT	06/02/2024	Lì xì đầu năm cho cán bộ nhân viên	100% (7/7)
32	44/2024/EIB/NQ-HĐQT	19/02/2024	Thông qua việc tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024	100% (7/7)
33	45/2024/EIB/NQ-HĐQT	19/02/2024	Thông qua việc thành lập Ban/Tiểu ban thực hiện công tác tổ chức sự kiện Eximbank	100% (7/7)
34	46/2024/EIB/NQ-HĐQT	22/02/2024	Rà soát quy định liên quan giấy phép hoạt động của Eximbank theo quy định Luật Các tổ chức tín dụng 2024	100% (7/7)
35	47/2024/EIB/NQ-HĐQT	26/02/2024	Thay đổi tên gọi Eximbank Chi nhánh Quận 7	100% (7/7)
36	48/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/03/2024	Thông qua cấp bậc công việc đối với chức danh của Giám đốc Khu vực Eximbank	100% (7/7)
37	49/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/03/2024	Phân công công tác đối với Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
38	50/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/03/2024	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
39	51/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/03/2024	Tuyển dụng và bổ nhiệm Giám đốc Khu vực Eximbank	100% (7/7)
40	52/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/03/2024	Phân công công tác đối với các Giám đốc Khu vực Eximbank	100% (7/7)
41	53/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/03/2024	Triển khai chính sách hỗ trợ người lao động tử vong	86% (6/7)
42	59/2024/EIB/NQ-HĐQT	04/03/2024	Công tác nhân sự đối với Giám đốc Khối tại Hội sở Eximbank	100% (7/7)
43	62/2024/EIB/NQ-HĐQT	07/03/2024	Công tác nhân sự cấp cao tại Eximbank AMC	100% (7/7)
44	63/2024/EIB/NQ-HĐQT	07/03/2024	Ban hành Quy chế quản lý rủi ro danh tiếng	100% (7/7)
45	64/2024/EIB/NQ-HĐQT	07/03/2024	Thông qua nội dung dự thảo Quy chế về chế tài xử lý vi phạm trong quá trình tác nghiệp	100% (7/7)
46	66/2024/EIB/NQ-HĐQT	07/03/2024	Thông qua nội dung dự thảo Thông báo của Tổng giám đốc về việc áp dụng Quy trình phê duyệt hồ sơ tín dụng thuộc thẩm quyền của HĐQT	100% (7/7)
47	67/2024/EIB/NQ-HĐQT	07/03/2024	Sửa đổi điều lệ Eximbank AMC	100% (7/7)
48	68/2024/EIB/NQ-HĐQT	07/03/2024	Thông qua việc ban hành thay thế Quy chế tín dụng nội bộ	100% (7/7)
49	71/2024/EIB/NQ-HĐQT	12/03/2024	Cách thức xử lý hồ sơ tín dụng nhằm kiểm soát nợ xấu và đồng hành cùng khách hàng trong giai đoạn khó khăn	100% (7/7)
50	72/2024/EIB/NQ-HĐQT	13/03/2024	Ban hành thay thế Quy chế nhận TSBD và tỷ lệ cấp tín dụng theo từng loại TSBD	100% (7/7)
51	74/2024/EIB/NQ-HĐQT	13/03/2024	Ban hành thay thế Quy chế cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản	100% (7/7)
52	76/2024/EIB/NQ-HĐQT	13/03/2024	Ban hành Quy chế chấm điểm, xếp hạng tín dụng TCTD	100% (7/7)
53	80/2024/EIB/NQ-HĐQT	19/03/2024	Tái ký HĐLĐ với người lao động cao tuổi và tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
54	81/2024/EIB/NQ-HĐQT	19/03/2024	Tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
55	84/2024/EIB/NQ-HĐQT	20/03/2024	Tiếp nhận Chuyên gia cấp cao Ủy ban Chiến lược và tái cấu trúc trực thuộc HĐQT	100% (7/7)

PHỤ LỤC - THỐNG KÊ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
56	85/2024/EIB/NQ-HĐQT	20/03/2024	Tuyển dụng và bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Tây Đô	100% (7/7)
57	86/2024/EIB/NQ-HĐQT	21/03/2024	Phương án xử lý khoản nợ của Khách hàng	71% (5/7)
58	88/2024/EIB/NQ-HĐQT	21/03/2024	Thông qua danh sách dự kiến nhân sự cấp cao dự kiến trình NHNN	100% (7/7)
59	90/2024/EIB/NQ-HĐQT	22/03/2024	Thay đổi cấp phê duyệt hồ sơ tín dụng theo Nghị quyết số 71/2024/EIB/NQ-HĐQT ngày 12/3/2024 của HĐQT Eximbank	71% (5/7)
60	91/2024/EIB/NQ-HĐQT	22/03/2024	Thông qua chủ trương bán nợ vay theo quy định của pháp luật	100% (7/7)
61	92/2024/EIB/NQ-HĐQT	27/03/2024	Thông qua một số chủ trương liên quan vị trí Giám đốc ĐVKD và các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT và UBNS	100% (7/7)
62	93/2024/EIB/NQ-HĐQT	27/03/2024	Chấp thuận chủ trương gửi hồ sơ đến NHNN xem xét chấp thuận việc bổ nhiệm nhân sự dự kiến bổ nhiệm làm nhân sự cấp cao của Eximbank	100% (7/7)
63	94/2024/EIB/NQ-HĐQT	27/03/2024	Gia hạn thuê lại một phần tòa nhà Văn phòng làm trụ sở giao dịch	100% (7/7)
64	95/2024/EIB/NQ-HĐQT	27/03/2024	Phê duyệt và chấp thuận công bố Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023	100% (7/7)
65	96/2024/EIB/NQ-HĐQT	28/03/2024	Thay đổi tên gọi các Phòng giao dịch trực thuộc Chi nhánh Nam Sài Gòn	100% (7/7)
66	97/2024/EIB/NQ-HĐQT	28/03/2024	Thuê địa điểm mới di dời trụ sở Eximbank Phòng giao dịch Bắc Từ Liêm	100% (7/7)
67	99/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/04/2024	Thông qua nội dung dự thảo Quy chế giao dịch vốn	100% (7/7)
68	101/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/04/2024	Thông qua nội dung dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Khối Kinh doanh tiền tệ	100% (7/7)
69	103/2024/EIB/NQ-HĐQT	03/04/2024	Miễn, giảm lãi, phí khoản vay của khách hàng tại Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
70	104/2024/EIB/NQ-HĐQT	03/04/2024	Quy trình cấp tín dụng đối với các khoản cho vay có TSBĐ là STK/TKTG/vàng miếng SJC gửi tại Eximbank và STK/TKTG tại TCTD khác thuộc thẩm quyền của Chuyên gia phê duyệt cấp A, B	100% (7/7)
71	105/2024/EIB/NQ-HĐQT	04/04/2024	Thông qua chương trình và tài liệu ĐHĐCĐ thường niên 2024	100% (7/7)
72	108/2024/EIB/NQ-HĐQT	09/04/2024	Tuyển dụng và bổ nhiệm Quyền Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
73	109/2024/EIB/NQ-HĐQT	09/04/2024	Tái ký HĐLĐ và tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
74	110/2024/EIB/NQ-HĐQT	09/04/2024	Chấm dứt hiệu lực Nghị quyết tuyển dụng đối với một số nhân sự	100% (7/7)
75	111/2024/EIB/NQ-HĐQT	09/04/2024	Tái ký HĐLĐ và tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
76	112/2024/EIB/NQ-HĐQT	09/04/2024	Tái ký HĐLĐ và tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
77	113/2024/EIB/NQ-HĐQT	09/04/2024	Điều chỉnh cơ cấu chức danh và định biên tối thiểu của ĐVKD	100% (7/7)
78	117/2024/EIB/NQ-HĐQT	11/04/2024	Phương án xử lý nợ Khách hàng tại Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
79	119/2024/EIB/NQ-HĐQT	16/04/2024	Thông qua nội dung và công bố thông tin báo cáo thường niên 2023	100% (7/7)
80	120/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/04/204	Thông qua danh sách nhân sự dự kiến bổ nhiệm làm nhân sự cấp cao để trình NHNN chấp thuận	100% (7/7)
81	121/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/04/204	Thay đổi phương thức quản trị, điều hành đối với hoạt động của Eximbank AMC	100% (7/7)
82	122/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/04/204	Cấp hạn mức tín dụng cho khách hàng	100% (7/7)
83	123/2024/EIB/NQ-HĐQT	19/04/2024	Thuê một phần tòa văn phòng	71% (5/7)
84	124/2024/EIB/NQ-HĐQT	24/04/2024	Tái ký Hợp đồng lao động và tái bổ nhiệm đối với Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
85	125/2024/EIB/NQ-HĐQT	24/04/2024	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)

PHỤ LỤC - THỐNG KÊ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
86	128/2024/EIB/NQ-HĐQT	26/04/2024	Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT	100% (7/7)
87	129/2024/EIB/NQ-HĐQT	26/04/2024	Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT	100% (7/7)
88	130/2024/EIB/NQ-HĐQT	26/04/2024	Bầu các Phó Chủ tịch HĐQT	100% (7/7)
89	131/2024/EIB/NQ-HĐQT	26/04/2024	Thực hiện thủ tục tại Sở Kế hoạch và Đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Điều lệ Eximbank	100% (7/7)
90	135/2024/EIB/NQ-HĐQT	02/05/2024	Cấp tín dụng cho khách hàng	100% (7/7)
91	136/2024/EIB/NQ-HĐQT	02/05/2024	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
92	137/2024/EIB/NQ-HĐQT	03/05/2024	Tái bổ nhiệm Kế toán trưởng	100% (7/7)
93	143/2024/EIB/NQ-HĐQT	10/05/2024	Ban hành Điều lệ Eximbank	100% (7/7)
94	144/2024/EIB/NQ-HĐQT	10/05/2024	Ban hành Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử	100% (7/7)
95	145/2024/EIB/NQ-HĐQT	14/05/2024	Điều chỉnh loại chứng khoán của người nội bộ	100% (7/7)
96	147/2024/EIB/NQ-HĐQT	16/05/2024	Phân công nhân sự tham gia các Hội đồng/ Ủy ban/ Ban trực thuộc HĐQT	100% (7/7)
97	148/2024/EIB/NQ-HĐQT	16/05/2024	Chính sách và quy trình cấp tín dụng đối với nhóm khách hàng tiềm năng tại Eximbank	100% (7/7)
98	149/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/05/2024	Thực hiện thủ tục trình NHNN theo yêu cầu của cổ đông	71% (5/7)
99	151/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/05/2024	Cấp hạn mức tín dụng cho khách hàng	100% (7/7)
100	152/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/05/2024	Cấp tín dụng cho khách hàng	100% (7/7)
101	153/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/05/2024	Cấp hạn mức tín dụng cho khách hàng	100% (7/7)
102	154/2024/EIB/NQ-HĐQT	20/05/2024	Phê duyệt ban hành sản phẩm cho vay nhà hình thành trong tương lai dành cho KHCN	100% (7/7)
103	155/2024/EIB/NQ-HĐQT	21/05/2024	Ban hành Quy chế mua, bán giấy tờ có giá do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài phát hành	86% (6/7)
104	156/2024/EIB/NQ-HĐQT	30/05/2024	Triển khai phương án chia cổ tức và phương án tăng vốn điều lệ năm 2024	100% (7/7)
105	157/2024/EIB/NQ-HĐQT	30/05/2024	Thông qua dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động Khu vực Eximbank	100% (7/7)
106	159/2024/EIB/NQ-HĐQT	30/05/2024	Thông qua việc điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động Khối tại Hội sở	100% (7/7)
107	161/2024/EIB/NQ-HĐQT	04/06/2024	Thông qua việc tái cấu trúc Khối tại Hội sở	86% (6/7)
108	163/2024/EIB/NQ-HĐQT	04/06/2024	Giải tỏa, đền bù nhà đất tại Tỉnh Thừa Thiên Huế	100% (7/7)
109	164/2024/EIB/NQ-HĐQT	05/06/2024	Tái bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
110	165/2024/EIB/NQ-HĐQT	05/06/2024	Áp thời hạn bổ nhiệm đối với nhân sự hiện hữu	100% (7/7)
111	166/2024/EIB/NQ-HĐQT	05/06/2024	Báo cáo kết quả thực hiện công việc của Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
112	167/2024/EIB/NQ-HĐQT	05/06/2024	Tái bổ nhiệm chức danh Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
113	171/2024/EIB/NQ-HĐQT	07/06/2024	Tuyển dụng và bổ nhiệm Quyền Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
114	172/2024/EIB/NQ-HĐQT	07/06/2024	Sửa đổi, bổ sung và chấp thuận ban hành Điều lệ mới Eximbank AMC	100% (7/7)
115	174/2024/EIB/NQ-HĐQT	10/06/2024	Thông qua cơ chế xử lý nợ theo đề xuất của Q.Tổng giám đốc	100% (7/7)
116	175/2024/EIB/NQ-HĐQT	10/06/2024	Truy thu thuế GTGT, kê khai, nộp thuế đối với hoạt động thư tín dụng (L/C) theo kết luận của Phó Thủ tướng Chính phủ	100% (7/7)
117	178/2024/EIB/NQ-HĐQT	14/06/2024	Điều chỉnh thành phần nhân sự phê duyệt tín dụng	100% (7/7)
118	180/2024/EIB/NQ-HĐQT	14/06/2024	Thu nợ và giải chấp tài sản bảo đảm khách hàng tại Chi nhánh Eximbank	57% (4/7)
119	182/2024/EIB/NQ-HĐQT	18/06/2024	Sửa đổi thông tin địa điểm thuê mới làm trụ sở Eximbank Phòng giao dịch Thốt Nốt	100% (7/7)
120	183/2024/EIB/NQ-HĐQT	18/06/2024	Thiết lập bộ chỉ tiêu trọng tâm toàn hàng năm 2024	100% (7/7)

PHỤ LỤC - THỐNG KÊ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
121	184/2024/EIB/NQ-HĐQT	18/06/2024	Cấp tín dụng cho khách hàng tại Chi nhánh Eximbank	86% (6/7)
122	185/2024/EIB/NQ-HĐQT	20/06/2024	Phương án xử lý toàn diện nợ thẻ tín dụng quá hạn tại Eximbank	86% (6/7)
123	186/2024/EIB/NQ-HĐQT	21/06/2024	Bổ sung nhóm khách hàng tiềm năng tại Eximbank và triển khai các sản phẩm có liên quan	86% (6/7)
124	187/2024/EIB/NQ-HĐQT	24/06/2024	Điều chỉnh chức danh Giám đốc Khối tại Hội sở Eximbank	86% (6/7)
125	188/2024/EIB/NQ-HĐQT	25/06/2024	Chấm dứt HĐLĐ theo nguyện vọng đối với Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
126	189/2024/EIB/NQ-HĐQT	25/06/2024	Phân công công tác nhân sự	100% (7/7)
127	190/2024/EIB/NQ-HĐQT	25/06/2024	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
128	191/2024/EIB/NQ-HĐQT	25/06/2024	Đề xuất nhân sự đảm nhiệm vị trí Kiểm soát viên Eximbank AMC	100% (7/7)
129	192/2024/EIB/NQ-HĐQT	25/06/2024	Bổ nhiệm Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
130	199/2024/EIB/NQ-HĐQT	27/06/2024	Điều chỉnh nguyên tắc thiết lập giới hạn hạn mức giao dịch đối tác	100% (7/7)
131	200/2024/EIB/NQ-HĐQT	27/06/2024	Điều chỉnh Quy chế cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản và Quy chế tổ chức và hoạt động của cấp phê duyệt tín dụng	86% (6/7)
132	203/2024/EIB/NQ-HĐQT	28/06/2024	Cấp hạn mức tín dụng cho khách hàng	86% (6/7)
133	204/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/07/2024	Điều chỉnh, phân cấp, giao thẩm quyền quyết định, phê duyệt một số công tác nhân sự tại Eximbank	100% (7/7)
134	205/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/07/2024	Thông báo cho cổ đông Eximbank áp dụng quy định cung cấp, công bố công khai thông tin theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024	100% (7/7)
135	207/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/07/2024	Phân công nhân sự kiêm nhiệm Trợ lý Phó Chủ tịch HĐQT	100% (7/7)
136	208/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/07/2024	Xử lý tài sản bị quy hoạch mở đường tại Thành phố Hà Nội	100% (7/7)
137	209/2024/EIB/NQ-HĐQT	02/07/2024	Cấp tín dụng cho khách hàng	71% (5/7)
138	211/2024/EIB/NQ-HĐQT	04/07/2024	Chuyển nhượng nhà, tại tỉnh Nghệ An	100% (7/7)
139	213/2024/EIB/NQ-HĐQT	10/07/2024	Bổ sung phương thức bán tài sản tại Eximbank AMC	85% (6/7)
140	214/2024/EIB/NQ-HĐQT	11/07/2024	Chấm dứt HĐLĐ theo nguyện vọng đối với Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
141	215/2024/EIB/NQ-HĐQT	11/07/2024	Đề xuất danh mục giải thưởng năm 2024	100% (7/7)
142	216/2024/EIB/NQ-HĐQT	11/07/2024	Nhận công trình xây dựng trên đất chưa hoàn công làm tài sản bảo đảm tại Eximbank	85% (6/7)
143	217/2024/EIB/NQ-HĐQT	11/07/2024	Giải quyết đề nghị trả nợ, miễn giảm lãi của khách hàng	100% (7/7)
144	218/2024/EIB/NQ-HĐQT	15/07/2024	Cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đề nghị Ngân hàng Nhà nước chấp thuận nhân sự dự kiến bổ nhiệm làm nhân sự cấp cao của Eximbank	100% (7/7)
145	221/2024/EIB/NQ-HĐQT	15/07/2024	Thông qua dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Đơn vị kinh doanh	100% (7/7)
146	224/2024/EIB/NQ-HĐQT	23/07/2024	Thông qua báo cáo tình hình quản trị công ty 06 tháng đầu năm 2024	100% (7/7)
147	226/2024/EIB/NQ-HĐQT	23/07/2024	Thông qua nội dung dự thảo Quy chế Thi đua, khen thưởng	100% (7/7)
148	228/2024/EIB/NQ-HĐQT	23/07/2024	Gia hạn thuê văn phòng làm việc của Eximbank	100% (7/7)
149	229/2024/EIB/NQ-HĐQT	24/07/2024	Chấm dứt HĐLĐ theo nguyện vọng đối với Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
150	230/2024/EIB/NQ-HĐQT	24/07/2024	Điều chỉnh Quy chế hoạt động bao thanh toán	100% (7/7)
151	232/2024/EIB/NQ-HĐQT	24/07/2024	Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Xử lý rủi ro và Hội đồng Mua bán nợ	100% (7/7)
152	234/2024/EIB/NQ-HĐQT	26/07/2024	Thay đổi tên gọi của PGD Eximbank 30/4	100% (7/7)
153	235/2024/EIB/NQ-HĐQT	29/07/2024	Phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết dự án bảo trì phần mềm tại Eximbank	100% (7/7)
154	236/2024/EIB/NQ-HĐQT	30/07/2024	Thành lập Ban chỉ đạo xử lý khủng hoảng truyền thông	100% (7/7)

PHỤ LỤC - THỐNG KÊ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
155	238/2024/EIB/NQ-HĐQT	30/07/2024	Thông qua Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng	100% (7/7)
156	240/2024/EIB/NQ-HĐQT	30/07/2024	Về tài sản bị quy hoạch mở đường tại Thành phố Hà Nội	100% (7/7)
157	244/2024/EIB/NQ-HĐQT	01/08/2024	Công tác nhân sự cấp cao tại Ủy ban trực thuộc HĐQT	100% (7/7)
158	245/2024/EIB/NQ-HĐQT	02/08/2024	Chấp thuận phương án bán khoản nợ của khách hàng	100% (7/7)
159	246/2024/EIB/NQ-HĐQT	02/08/2024	Cơ cấu nợ đối với khoản vay dài hạn của khách hàng	100% (7/7)
160	247/2024/EIB/NQ-HĐQT	06/08/2024	Thay đổi địa điểm Eximbank PGD Phú Xuân trực thuộc CN Nam Sài Gòn	100% (7/7)
161	250/2024/EIB/NQ-HĐQT	09/08/2024	Thông qua nội dung dự thảo Quy chế tín dụng nội bộ và Quy chế hoạt động cấp tín dụng	100% (7/7)
162	253/2024/EIB/NQ-HĐQT	09/08/2024	Thuê địa điểm mới di dời trụ sở Eximbank TP.Hồ Chí Minh	85% (6/7)
163	254/2024/EIB/NQ-HĐQT	12/08/2024	Phương án triển khai thực hiện kiến nghị của Cơ quan có thẩm quyền	100% (7/7)
164	256/2024/EIB/NQ-HĐQT	12/08/2024	Điều chỉnh Quy chế Chính sách dự phòng rủi ro và ban hành mới Quy chế Phân loại tài sản có	100% (7/7)
165	259/2024/EIB/NQ-HĐQT	13/08/2024	Phê duyệt và công bố thông tin BCTC soát xét giữa niên độ cho kỳ 06 tháng năm 2024	100% (7/7)
166	260/2024/EIB/NQ-HĐQT	13/08/2024	Đính chính thuyết minh "Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu" và "Tình hình biến động vốn cổ phần" tại Báo cáo tài chính năm 2023 đã kiểm toán	100% (7/7)
167	261/2024/EIB/NQ-HĐQT	14/08/2024	Chấm dứt hiệu lực Nghị quyết HĐQT về việc tiếp nhận nhân sự của Ủy ban Chiến lược và Tái cấu trúc	100% (7/7)
168	262/2024/EIB/NQ-HĐQT	14/08/2024	Chấm dứt hiệu lực Nghị quyết HĐQT về việc tiếp nhận nhân sự của Ủy ban Chiến lược và Tái cấu trúc	100% (7/7)
169	263/2024/EIB/NQ-HĐQT	14/08/2024	Thông qua Quy chế đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP)	100% (7/7)
170	265/2024/EIB/NQ-HĐQT	14/08/2024	Tái bổ nhiệm Chánh Văn phòng HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị công ty	100% (7/7)
171	267/2024/EIB/NQ-HĐQT	16/08/2024	Phê duyệt báo cáo đầu tư dự án thẻ tại Eximbank	85% (6/7)
172	268/2024/EIB/NQ-HĐQT	19/08/2024	Thông qua dự thảo Quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của Eximbank	100% (7/7)
173	270/2024/EIB/NQ-HĐQT	26/08/2024	Tái bổ nhiệm nhân sự giữ chức danh Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
174	271/2024/EIB/NQ-HĐQT	26/08/2024	Tái bổ nhiệm và tái ký Hợp đồng lao động đối với Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
175	272/2024/EIB/NQ-HĐQT	26/08/2024	Tái bổ nhiệm và tái ký Hợp đồng lao động đối với Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
176	276/2024/EIB/NQ-HĐQT	29/08/2024	Công tác nhân sự cấp cao tại Eximbank AMC	71% (5/7)
177	280/2024/EIB/NQ-HĐQT	04/09/2024	Bổ nhiệm và tái ký HĐLĐ với Quyền Giám đốc Khối Eximbank	71% (5/7)
178	281/2024/EIB/NQ-HĐQT	05/09/2024	Thông qua việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và tiền từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến năm 2023	100% (7/7)
179	283/2024/EIB/NQ-HĐQT	09/09/2024	Chấm dứt hợp đồng thuê nhà trước hạn và di dời Eximbank Bảy Hiền	85% (6/7)
180	285/2024/EIB/NQ-HĐQT	11/09/2024	Thông qua Quy định Chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và Quy tắc ứng xử của Eximbank	100% (7/7)
181	287/2024/EIB/NQ-HĐQT	13/09/2024	Thuê một phần Tòa nhà làm trụ sở giao dịch Eximbank	100% (7/7)
182	288/2024/EIB/NQ-HĐQT	16/09/2024	Thông qua dự thảo Quy chế giao dịch mua, bán trái phiếu doanh nghiệp	85% (6/7)
183	290/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/09/2024	Tái bổ nhiệm và tái ký HĐLĐ đối nhân sự giữ chức danh Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
184	291/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/09/2024	Tái bổ nhiệm và tái ký HĐLĐ đối nhân sự giữ chức danh Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)

PHỤ LỤC - THỐNG KÊ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
185	296/2024/EIB/NQ-HĐQT	23/09/2024	Điều chỉnh tỷ lệ LTV và giao thẩm quyền phê duyệt cho sản phẩm cho vay mua Bất động sản "Gắn kết - Đồng hành	57% (4/7)
186	297/2024/EIB/NQ-HĐQT	23/09/2024	Nâng cấp nhóm quyền lợi bảo hiểm cho lãnh đạo cấp cao tại Eximbank	100% (7/7)
187	298/2024/EIB/NQ-HĐQT	25/09/2024	Thông qua nội dung dự thảo các Quy chế liên quan đến hoạt động xử lý nợ đã được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung	100% (7/7)
188	305/2024/EIB/NQ-HĐQT	30/09/2024	Điều chuyển và bổ nhiệm nhân sự giữ chức danh Giám đốc Chi nhánh Eximbank và phân công nhân sự giữ chức danh Phó Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
189	306/2024/EIB/NQ-HĐQT	30/09/2024	Tái bổ nhiệm Quyền Tổng giám đốc Eximbank	71% (5/7)
190	307/2024/EIB/NQ-HĐQT	30/09/2024	Chấp thuận chủ trương và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Eximbank	71% (5/7)
191	313/2024/EIB/NQ-HĐQT	03/10/2024	Chấm dứt Hợp đồng lao động theo nguyện vọng đối với Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
192	314/2024/EIB/NQ-HĐQT	03/10/2024	Công tác luân chuyển nhân sự vị trí Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
193	317/2024/EIB/NQ-HĐQT	05/10/2024	Ủng hộ chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo và hộ cận nghèo	100% (7/7)
194	318/2024/EIB/NQ-HĐQT	07/10/2024	Thực hiện đăng ký vốn điều lệ Eximbank với mức vốn điều lệ sau khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2023	100% (7/7)
195	319/2024/EIB/NQ-HĐQT	07/10/2024	Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường của Eximbank	71% (5/7)
196	320/2024/EIB/NQ-HĐQT	07/10/2024	Công tác phê duyệt cấp tín dụng các khoản cho vay tái tài trợ	57% (4/7)
197	322/2024/EIB/NQ-HĐQT	09/10/2024	Thông qua nội dung báo cáo gửi NHNN	71% (5/7)
198	325/2024/EIB/NQ-HĐQT	10/10/2024	Tuyển dụng và bổ nhiệm Lãnh đạo cấp cao của Eximbank	100% (7/7)
199	328/2024/EIB/NQ-HĐQT	10/10/2024	Điều chuyển và bổ nhiệm nhân sự giữ chức danh Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
200	329/2024/EIB/NQ-HĐQT	14/10/2024	Tái bổ nhiệm và tái ký hợp đồng lao động đối với Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
201	332/2024/EIB/NQ-HĐQT	14/10/2024	Thông qua kết luận của nhân sự quản lý cấp cao liên quan đến các vấn đề về truyền thông	100% (7/7)
202	337/2024/EIB/NQ-HĐQT	15/10/2024	Thông qua phương án xử lý truyền thông	100% (7/7)
203	338/2024/EIB/NQ-HĐQT	15/10/2024	Công tác liên quan đến truyền thông	100% (7/7)
204	339/2024/EIB/NQ-HĐQT	15/10/2024	Một số đề nghị của quản lý cấp cao trong hoạt động kiểm soát	71% (5/7)
205	341/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/10/2024	Thông qua Phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ năm 2024 lần 1	71% (5/7)
206	342/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/10/2024	Sử dụng quỹ phúc lợi hỗ trợ chi phí tổ chức hội thi tại Eximbank	100% (7/7)
207	343/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/10/2024	Tái bổ nhiệm đối với nhân sự giữ chức danh Giám đốc Khu vực Eximbank	100% (7/7)
208	344/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/10/2024	Tái bổ nhiệm nhân sự giữ chức danh Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
209	348/2024/EIB/NQ-HĐQT	18/10/2024	Xem xét, phê duyệt tài liệu gửi Cơ quan có thẩm quyền	71% (5/7)
210	350/2024/EIB/NQ-HĐQT	18/10/2024	Điều chỉnh cơ chế phân luồng nợ	100% (7/7)
211	351/2024/EIB/NQ-HĐQT	21/10/2024	Thông qua dự thảo Quy chế tài chính của Eximbank	85% (6/7)
212	353/2024/EIB/NQ-HĐQT	22/10/2024	Ủng hộ chương trình "Xóa nhà tạm, nhà dột nát" trên địa bàn TPHCM	100% (7/7)
213	354/2024/EIB/NQ-HĐQT	23/10/2024	Thông qua dự thảo tài liệu của Eximbank	71% (5/7)
214	356/2024/EIB/NQ-HĐQT	28/10/2024	Điều chỉnh tỷ lệ cho vay/tài sản bảo đảm đối với phương tiện vận tải đường bộ (xe ô tô) mới và chính sách hoa hồng môi giới cấp tín dụng xe ô tô	85% (6/7)
215	358/2024/EIB/NQ-HĐQT	29/10/2024	Điều chỉnh cơ cấu chức danh và định biên tối thiểu của Đơn vị kinh doanh	71% (5/7)

PHỤ LỤC - THỐNG KÊ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
216	360/2024/EIB/NQ-HĐQT	04/11/2024	Tái bổ nhiệm nhân sự giữ chức danh Giám đốc Khối Kinh Eximbank	100% (7/7)
217	361/2024/EIB/NQ-HĐQT	04/11/2024	Cấp hạn mức thẻ tín dụng cho khách hàng	100% (7/7)
218	363/2024/EIB/NQ-HĐQT	05/11/2024	Thông qua Chương trình và Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 28/11/2024	71% (5/7)
219	365/2024/EIB/NQ-HĐQT	06/11/2024	Thông qua phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ Eximbank năm 2024 lần 2	57% (4/7)
220	366/2024/EIB/NQ-HĐQT	06/11/2024	Chấp thuận đưa kiến nghị của nhóm cổ đông vào chương trình họp ĐHĐCĐ bất thường và cập nhật, bổ sung chương trình họp ĐHĐCĐ bất thường dự kiến tổ chức vào ngày 28/11/2024	71% (5/7)
221	367/2024/EIB/NQ-HĐQT	08/11/2024	Giao Chủ tịch HĐQT - Người đại diện theo pháp luật hoàn thiện hồ sơ đề nghị NHNN sửa đổi mức vốn điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Eximbank	100% (7/7)
222	368/2024/EIB/NQ-HĐQT	08/11/2024	Điều chỉnh lương đối với Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
223	370/2024/EIB/NQ-HĐQT	12/11/2024	Kê khai và nộp thuế GTGT đối với hoạt động thư tín dụng (L/C) từ năm 2011 đến năm 2019	100% (7/7)
224	371/2024/EIB/NQ-HĐQT	13/11/2024	Thông qua nội dung Công văn phản hồi nhân sự cấp cao	57% (4/7)
225	373/2024/EIB/NQ-HĐQT	14/11/2024	Tái bổ nhiệm ông Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
226	374/2024/EIB/NQ-HĐQT	14/11/2024	Phê duyệt nội dung ban hành sản phẩm cho vay tái tài trợ dành cho Khách hàng cá nhân	57% (4/7)
227	377/2024/EIB/NQ-HĐQT	20/11/2024	Tái bổ nhiệm Giám đốc Khu vực Eximbank	100% (7/7)
228	378/2024/EIB/NQ-HĐQT	20/11/2024	Tái bổ nhiệm và tái ký HĐLĐ đối với nhân sự giữ chức danh Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
229	379/2024/EIB/NQ-HĐQT	20/11/2024	Gia hạn thời hạn bổ nhiệm đối Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (7/7)
230	380/2024/EIB/NQ-HĐQT	20/11/2024	Gia hạn thời hạn bổ nhiệm và ký kết HĐLĐ (lần 2) đối với Giám đốc Khối Eximbank	100% (7/7)
231	381/2024/EIB/NQ-HĐQT	20/11/2024	Giao thẩm quyền giảm giá bán tài sản gán xiết nợ sau khi đã đăng bán công khai nhưng không có người mua	71% (5/7)
232	382/2024/EIB/NQ-HĐQT	20/11/2024	Điều chỉnh tỷ lệ cấp tín dụng theo từng loại TSBĐ dành cho KHDN SME	100% (7/7)
233	387/2024/EIB/NQ-HĐQT	25/11/2024	Chấp thuận bổ sung kiến nghị của nhóm cổ đông theo văn bản kiến nghị đề ngày 19/11/2024 vào chương trình ĐHĐCĐ bất thường ngày 28/11/2024	57% (4/7)
234	388/2024/EIB/NQ-HĐQT	26/11/2024	Cập nhật thông tin đính chính vào tài liệu họp ĐHĐCĐ bất thường ngày 28/11/2024 theo kiến nghị của nhóm cổ đông tại văn bản kiến nghị đề ngày 18/11/2024	71% (5/7)
235	389/2024/EIB/NQ-HĐQT	26/11/2024	Cập nhật, bổ sung chương trình họp ĐHĐCĐ bất thường ngày 28/11/2024 theo Đơn kiến nghị của nhóm cổ đông đề ngày 15/11/2024	57% (4/7)
236	394/2024/EIB/NQ-HĐQT	02/12/2024	Phân công nhân sự tham gia các Hội đồng/ Ủy ban/ Ban trực thuộc HĐQT	100% (5/5)
237	396/2024/EIB/NQ-HĐQT	02/12/2024	Phê duyệt đầu tư bổ sung khối lượng trái phiếu chính phủ thanh khoản đảm bảo tỷ lệ an toàn hoạt động	100% (5/5)
238	397/2024/EIB/NQ-HĐQT	03/12/2024	Tổ chức ĐHĐCĐ bất thường của Eximbank	100% (5/5)
239	398/2024/EIB/NQ-HĐQT	03/12/2024	Bổ nhiệm nhân sự giữ chức danh Quyền Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (5/5)
240	401/2024/EIB/NQ-HĐQT	04/12/2024	Sử dụng quỹ dự phòng tài chính xử lý số tiền còn phải thu liên quan đến khoản chuyển tiền của khách hàng tại Chi nhánh Eximbank	100% (5/5)
241	403/2024/EIB/NQ-HĐQT	05/12/2024	Thuê địa điểm mới di dời trụ sở Eximbank Bình Dương	100% (5/5)
242	404/2024/EIB/NQ-HĐQT	05/12/2024	Đề nghị VSDC điều chỉnh thông tin loại chứng khoán cho cổ đông	100% (5/5)
243	405/2024/EIB/NQ-HĐQT	06/12/2024	Thành lập Ban Chỉ đạo triển khai công tác thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính của Eximbank	100% (5/5)

PHỤ LỤC - THỐNG KÊ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TT	SỐ NGHỊ QUYẾT	NGÀY BAN HÀNH	NỘI DUNG	TỶ LỆ THÔNG QUA
244	406/2024/EIB/NQ-HĐQT	06/12/2024	Thông qua việc xác định các hoạt động trọng yếu và danh mục rủi ro trọng yếu của Eximbank	100% (5/5)
245	409/2024/EIB/NQ-HĐQT	10/12/2024	Điều chuyển và bổ nhiệm nhân sự giữ chức danh Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (5/5)
246	410/2024/EIB/NQ-HĐQT	10/12/2024	Bổ nhiệm nhân sự giữ chức danh Quyền Giám đốc Khối Eximbank	100% (5/5)
247	411/2024/EIB/NQ-HĐQT	10/12/2024	Báo cáo kết quả công việc và chấm dứt HĐLĐ theo nguyện vọng của nhân sự	100% (5/5)
248	415/2024/EIB/NQ-HĐQT	10/12/2024	Thông qua nội dung dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Xử lý rủi ro	100% (5/5)
249	417/2024/EIB/NQ-HĐQT	10/12/2024	Thông qua nội dung dự thảo Quy chế tỷ lệ an toàn vốn	100% (5/5)
250	419/2024/EIB/NQ-HĐQT	12/12/2024	Chấm dứt hoạt động của Phòng xử lý nợ và chuyển chức năng của Phòng xử lý nợ sang Eximbank AMC kể từ ngày 01/01/2025	100% (5/5)
251	421/2024/EIB/NQ-HĐQT	17/12/2024	Điều chỉnh tăng lương Phó Tổng giám đốc Eximbank	100% (5/5)
252	424/2024/EIB/NQ-HĐQT	24/12/2024	Bổ nhiệm nhân sự giữ chức danh Giám đốc Chi nhánh Eximbank	100% (5/5)
253	426/2024/EIB/NQ-HĐQT	24/12/2024	Chấm dứt hiệu lực Nghị quyết số 493/2020/EIB/NQ-HĐQT ngày 13/11/2020 về việc phê duyệt mẫu Hợp đồng lao động	100% (5/5)
254	427/2024/EIB/NQ-HĐQT	25/12/2024	Thông qua việc điều chỉnh mô hình tổ chức Khối Ngân hàng Bán lẻ	100% (5/5)
255	429/2024/EIB/NQ-HĐQT	26/12/2024	Điều chỉnh Quy chế tổ chức và hoạt động của cấp phê duyệt tín dụng và Quy chế nhận TSBĐ và tỷ lệ cấp tín dụng theo từng TSBĐ	100% (5/5)
256	432/2024/EIB/NQ-HĐQT	26/12/2024	Điều chỉnh nội dung phê duyệt cho khoản vay trung hạn của khách hàng	100% (5/5)
257	433/2024/EIB/NQ-HĐQT	26/12/2024	Tái cấp hạn mức tín dụng cho khách hàng	100% (5/5)
258	434/2024/EIB/NQ-HĐQT	27/12/2024	Hợp tác triển khai sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ	100% (5/5)
259	435/2024/EIB/NQ-HĐQT	27/12/2024	Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 26/02/2025	100% (5/5)
260	437/2024/EIB/NQ-HĐQT	27/12/2024	Thành lập Ban An ninh chính trị nội bộ và thông qua nội dung dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban An ninh chính trị nội bộ	100% (5/5)
261	439/2024/EIB/NQ-HĐQT	30/12/2024	Chọn công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống KSNB Eximbank cho năm tài chính 2025	100% (5/5)
262	440/2024/EIB/NQ-HĐQT	30/12/2024	Phương án xử lý khoản vay của khách hàng	100% (5/5)
263	441/2024/EIB/NQ-HĐQT	30/12/2024	Rà soát, đánh giá theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền	100% (5/5)
264	442/2024/EIB/NQ-HĐQT	30/12/2024	Mua một phần khoản nợ đủ tiêu chuẩn của khách hàng	80% (4/5)
265	443/2024/EIB/NQ-HĐQT	31/12/2024	Chuyển nhượng nhà, đất tại Thành phố Cần Thơ	80% (4/5)

Tổng cộng HĐQT đã ban hành 265 Nghị quyết

Notes: Ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ CBTT đầy đủ theo các quy định về hoạt động CBTT lên trang thông tin điện tử website và cổng thông tin của Sở GD Chứng khoán HCM, UBCKNN

SCAN ME

eximbank.com.vn

EXIMBANK

Ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu tại Việt Nam, mang đến cho khách hàng trải nghiệm tuyệt vời nhất.

HOTLINE 24/7: 1900 6655